

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

QUÁCH THỊ HUỆ

QUAN HỆ MỸ - AN ĐỘ
TỪ NĂM 2014 ĐẾN NĂM 2022

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
CHUYÊN NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ

Hà Nội-2023

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

QUÁCH THỊ HUỆ

QUAN HỆ MỸ - ÁN ĐỘ
TỪ NĂM 2014 ĐẾN NĂM 2022

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số: 9310601.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHUYÊN NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: GS.TS Phạm Quang Minh

Hà Nội-2023

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi dưới sự hướng dẫn khoa học của

Tôi xin cam đoan rằng các số liệu, những kết luận nghiên cứu được trình bày trong luận án này là trung thực và chưa từng được công bố dưới bất cứ hình thức nào. Những thông tin tham khảo từ những công trình nghiên cứu khác đã được tác giả chú thích rõ nguồn.

Tôi xin chịu trách nhiệm về công trình nghiên cứu của mình.

Tác giả luận án

Quách Thị Huệ

LỜI CẢM ƠN

Hoàn thành Luận án này là một bước ngoặt quan trọng đối với cá nhân tôi. Trước hết, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc và sự kính trọng đối với thầy hướng dẫn, GS.TS.Phạm Quang Minh, người đã hướng dẫn khoa học và truyền ngọn lửa đam mê nghiên cứu, tinh thần cầu thị và nghiêm túc trong khoa học để tôi có thể bước vào con đường chuyên môn thuận lợi, hoàn thành Luận án tiến sĩ trước tiến độ.

Tôi trân trọng cảm ơn Khoa Quốc tế học - nơi đã gắn bó với tôi trong suốt những tháng năm học chương trình đào tạo Tiến sĩ. Các Thầy Cô đặc biệt là GS.TS. Hoàng Khắc Nam – trưởng Khoa Quốc tế học đã tận tâm hướng dẫn, tận tình dìu dắt, giúp đỡ để em có thể hoàn thành việc học tập các chuyên đề, có được các sản phẩm nghiên cứu liên quan đạt chất lượng và hoàn thành luận án với kết quả tốt đẹp nhất.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Phòng Đào tạo, Thư viện Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ quan hữu quan đã giúp đỡ về mặt thủ tục, tư liệu trong quá trình học tập và hoàn thành luận án.

Tôi xin cảm ơn Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các đồng nghiệp tại Viện Quan hệ quốc tế đã tạo điều kiện thuận lợi về công việc, thời gian, sự ủng hộ nhiệt thành và sự khích lệ mạnh mẽ để tôi có động lực phấn đấu vươn lên hoàn thành nhiệm vụ học tập, đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học trong suốt thời gian qua.

Tôi xin cảm ơn gia đình, người thân luôn chia sẻ, cảm thông và động viên để tôi có thể tập trung thời gian cho việc hoàn thành chương trình học của mình.

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Tác giả luận án

Quách Thị Huệ

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| LỜI CAM ĐOAN | |
| LỜI CẢM ƠN | |
| MỤC LỤC | 1 |
| DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT..... | 4 |
| DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ | 7 |
| MỞ ĐẦU..... | 8 |
| Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU | 14 |
| 1.1 Các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án..... | 14 |
| 1.1.1 Các công trình về các yếu tố ảnh hưởng đến quan hệ Mỹ - Ấn Độ..... | 14 |
| 1.1.2 Các công trình nghiên cứu tổng thể về quan hệ Mỹ - Ấn Độ..... | 18 |
| 1.1.3 Các công trình về quan hệ Mỹ - Ấn Độ trên các lĩnh vực cụ thể | 24 |
| 1.2. Nhận xét các công trình nghiên cứu và những vấn đề Luận án cần tập trung giải quyết | 33 |
| 1.2.1 Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu..... | 33 |
| 1.2.2 Những vấn đề luận án kế thừa | 37 |
| 1.2.3 Những “khoảng trống” mà luận án sẽ nghiên cứu bổ sung | 38 |
| Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUAN HỆ MỸ - ẤN ĐỘ (2014 - 2022)..... | 39 |
| 2.1 Một số vấn đề lí luận về quan hệ Mỹ - Ấn Độ..... | 39 |
| 2.2. Các nhân tố tác động đến quan hệ Mỹ - Ấn Độ..... | 42 |
| 2.2.1 Cấp độ toàn cầu | 42 |
| 2.2.2 Cấp độ khu vực | 47 |
| 2.2.3 Cấp độ liên quốc gia..... | 50 |
| 2.2.4 Cấp độ quốc gia..... | 53 |
| 2.2.5 Cấp độ cá nhân | 56 |
| TIỂU KẾT CHƯƠNG 2 | 60 |
| Chương 3. THỰC TRẠNG QUAN HỆ MỸ - ẤN ĐỘ TRÊN LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ - NGOẠI GIAO, AN NINH - QUỐC PHÒNG..... | 62 |

| | |
|---|-----|
| 3.1. Quan hệ Mỹ - Ấn Độ trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao..... | 62 |
| 3.1.1 Các hoạt động trao đổi đoàn cấp cao giữa Mỹ và Ấn Độ | 63 |
| 3.1.2 Thiết lập cơ chế hợp tác và ký kết văn bản | 70 |
| 3.1.3. Quan hệ chính trị - ngoại giao Mỹ - Ấn Độ trong các cơ chế đa phương | 73 |
| 3.2 Quan hệ Mỹ - Ấn Độ trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng..... | 77 |
| 3.2.1 Vị trí của hợp tác an ninh – quốc phòng trong quan hệ Mỹ - Ấn Độ..... | 77 |
| 3.2.2. Triển khai hợp tác an ninh – quốc phòng trên các lĩnh vực..... | 84 |
| 3.2.3 Hợp tác an ninh – quốc phòng Mỹ - Ấn Độ ở cơ chế đa phương..... | 93 |
| TIÊU KẾT CHƯƠNG 3 | 97 |
| Chương 4. THỰC TRẠNG QUAN HỆ MỸ - ẤN ĐỘ | 99 |
| TRÊN LĨNH VỰC KINH TẾ VÀ MỘT SỐ LĨNH VỰC KHÁC | 99 |
| 4.1 Quan hệ kinh tế | 99 |
| 4.1.1. Mỹ và Ấn Độ tăng cường mở rộng các cơ chế và ký kết thoả thuận nhằm thúc đẩy quan hệ kinh tế song phương | 99 |
| 4.1.2. Quan hệ thương mại hàng hoá và dịch vụ du lịch..... | 102 |
| 4.1.3. Quan hệ Đầu tư Mỹ - Ấn Độ | 117 |
| 4.1.4. Về Tài chính | 122 |
| 4.2. Quan hệ Mỹ - Ấn Độ trên một số lĩnh vực khác..... | 124 |
| 4.2.1. Hợp tác Văn hoá và Giáo dục | 124 |
| 4.2.2 Hợp tác y tế | 130 |
| 4.2.3 Hợp tác trong công tác xoá đói giảm nghèo..... | 133 |
| 4.2.4 Hợp tác trong lĩnh vực Khoa học - Công nghệ | 134 |
| 4.2.5 Hợp tác về năng lượng | 136 |
| 4.2.6 Hợp tác về chống biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường | 139 |
| TIÊU KẾT CHƯƠNG 4 | 142 |
| Chương 5. ĐÁNH GIÁ QUAN HỆ MỸ - ẤN ĐỘ GIAI ĐOẠN 2014 – 2022,..... | 144 |
| DỰ BÁO XU HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030 | 144 |
| VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM | 144 |
| 5.1 Đánh giá chung về quan hệ Mỹ - Ấn Độ giai đoạn 2014 - 2022 | 144 |

| | |
|--|-----|
| 5.1.1. Thành tựu và hạn chế trong quan hệ Mỹ - Ấn Độ | 144 |
| 5.1.2 Đặc điểm quan hệ Mỹ - Ấn Độ..... | 153 |
| 5.1.3 Tác động của quan hệ Mỹ - Ấn Độ đối với khu vực và Việt Nam..... | 155 |
| 5.2 Dự báo xu hướng quan hệ Mỹ - Ấn Độ đến năm 2030 | 165 |
| 5.2.1 Cơ sở dự báo..... | 165 |
| 5.2.2 Một số kịch bản có thể xảy ra cho quan hệ Mỹ - Ấn Độ | 171 |
| 5.3. Một số khuyến nghị chính sách cho Việt Nam | 177 |
| TIỂU KẾT CHƯƠNG 5 | 191 |
| KẾT LUẬN | 193 |
| DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ | 197 |
| LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN | 197 |
| PHỤ LỤC I. CÁC CHUYẾN THĂM, TIẾP XÚC CẤP CAO GIỮA MỸ VÀ ẤN ĐỘ TỪ NĂM 2014 ĐẾN NĂM 2022 | |

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

| Từ viết tắt | Tiếng Anh | Tiếng Việt |
|--------------------|--|--|
| ADMM+ | ASEAN Defence Minister's Meeting Plus | Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN mở rộng |
| APEC | Asia-Pacific Economic Cooperation | Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương |
| ASEAN | Association of Southeast Asian Nations | Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á |
| AIIB | Asian Infrastructure Investment Bank | Ngân hàng đầu tư cơ sở hạ tầng châu Á |
| ASEM | Asia-Europe Meeting | Hội nghị thượng đỉnh Á - Âu |
| ARF | ASEAN Regional Forum | Diễn đàn khu vực ASEAN |
| BECA | Basic Exchange and Cooperation Agreement | Thỏa thuận Hợp tác và Trao đổi cơ bản về chia sẻ thông tin không gian địa lý |
| BIMSTEC | Bay of Bengal Initiative for Multi-Sectoral Technical and Economic Cooperation | Sáng kiến về Hợp tác kinh tế và kỹ thuật đa ngành vịnh Bengal |
| BRI | Belt and Road Initiative | Sáng kiến Vành đai và Con đường |
| BRICS | Brazil, Russia, India, China and South Africa | Các nền kinh tế mới nổi hàng đầu (Nga, Ấn Độ, Brazil, Trung Quốc, Nam Phi). |
| CDC | Centers For Disease Control and Prevention | Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh |
| COC | The Code of Conduct | Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông |
| CPTPP | Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership | Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương |
| EAEAS | East Asia Summit | Hội nghị thượng đỉnh Đông Á |
| FDI | Foreign Direct Investment | Đầu tư trực tiếp nước ngoài |
| FIPIC | Forum for India-Pacific Islands cooperation | Diễn đàn hợp tác đảo Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương |

| | | |
|-------|--|--|
| FTA | Free Trade Area | Khu vực mậu dịch tự do |
| GHSA | Global Health Security Agenda | Chương trình An ninh y tế toàn cầu |
| GSP | Generalized System of Preferences | Hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập |
| IAEA | International Atomic Energy Agency | Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế |
| IMF | International Monetary Fund | Quỹ Tiền tệ Quốc tế |
| IMET | International Military Education and Training | Chương trình Giáo dục và Đào tạo Quân sự Quốc tế |
| IMO | International Maritime Organization | Tổ chức Hàng hải Quốc tế |
| IPOI | Indo-Pacific Oceans Initiative | Sáng kiến Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Ấn Độ |
| ISA | Industrial Security Agreement | Thỏa thuận Phụ lục An ninh Công nghiệp |
| JCPOA | Joint Comprehensive Plan of Action | Kế hoạch hành động chung toàn diện |
| LEMOA | Logistics Exchange Memorandum of Agreement | Thỏa thuận Trao đổi Hậu cần |
| MISTA | The Maritime Information Sharing Technical Arrangement | Thỏa thuận Chia sẻ Kỹ thuật Thông tin Hàng hải |
| NAFTA | North America Free Trade Agreement | Hiệp định Tự do thương mại Bắc Mỹ (Mỹ, Canada và Mexico) |
| NATO | North Atlantic Treaty Organization | Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương |
| NDAA | National Defense Authorization Act | Đạo luật Ủy quyền Quốc phòng |
| NDB | New Development Bank | Ngân hàng Phát triển Mới |
| NSA | National Security Agency | Cơ quan An ninh Quốc gia Mỹ |
| NSG | Nuclear Suppliers Group | Nhóm các nhà cung cấp hạt nhân |
| OECD | Organization for Economic Cooperation and Development | Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế |
| PACE | Partnership Fund for Clean Energy Development | Quỹ Đối tác Mỹ - Ấn về phát triển năng lượng sạch |

| | | |
|--------|--|---|
| QUAD | Quadrilateral Security Dialogue | Đối thoại An ninh bốn bên |
| TAC | Treaty of Amity and Cooperation | Hiệp ước thân thiện và hợp tác |
| TPP | Trans-Pacific Partnership Agreement | Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương |
| RCEP | Regional Comprehensive Economic Partnership | Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực |
| SAGAR | Security and Growth for All in the Region | An ninh và tăng trưởng cho tất cả mọi người trong khu vực |
| SAARC | South Asian Association for Regional Cooperation | Hiệp hội hợp tác khu vực Nam Á |
| SCO | Shanghai Cooperation Organisation | Tổ chức Hợp tác Thượng Hải |
| STEM | Science, Technology, Engineering and Mathematics | Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật và Toán học |
| UNCLOS | United Nations Convention on Law of the Sea | Công ước Liên Hợp quốc về Luật biển năm 1982 |
| USAID | United States Agency for International Development | Cơ quan Mỹ về phát triển quốc tế |
| WTO | World Trade Organization | Tổ chức Thương mại Thế giới |
| WFP | World Food Programme | Chương trình Lương thực Thế giới |

DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ

| | |
|---|-----|
| Bảng 4.1 Kim ngạch thương mại Ấn Độ - Mỹ giai đoạn 2014 - 2021..... | 103 |
| Biểu đồ 4.1 Kim ngạch thương mại Ấn Độ - Mỹ giai đoạn 2014 - 2021 | 103 |
| Bảng 4.2. Cơ cấu mặt hàng Ấn Độ xuất khẩu sang Mỹ năm 2020 | 105 |
| Bảng 4.3. Cơ cấu mặt hàng Mỹ xuất khẩu sang Ấn Độ năm 2020 | 105 |
| Bảng 4.4 Kim ngạch xuất nhập khẩu Ấn Độ - Mỹ từ 2000 – 2021..... | 107 |
| Biểu đồ 4.2 Kim ngạch xuất nhập khẩu Ấn Độ - Mỹ từ năm 2000-2021 | 108 |
| Bảng 4.5. Quan hệ đầu tư Mỹ - Ấn Độ giai đoạn 2014 – 2021 | 117 |
| Biểu đồ 4.3 Quan hệ đầu tư Mỹ - Ấn Độ giai đoạn 2014 - 2021 | 117 |
| Biểu đồ 4.4. Số lượng sinh viên quốc tế học ở Mỹ giai đoạn 2014 – 2021 | 127 |
| Biểu đồ 4.5. So sánh tỷ lệ sinh viên Ấn Độ với sinh viên quốc tế theo lĩnh vực nghiên cứu tại Mỹ năm 2020 – 2021 | 128 |
| Biểu đồ 4.6. Trình độ đào tạo của sinh viên Ấn Độ tại Mỹ giai đoạn 2014 – 2021 | 129 |

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Thập niên thứ hai của thế kỷ XXI đang chứng kiến sự chuyển dịch quyền lực từ Tây sang Đông ngày càng rõ rệt khiến khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương trở thành trung tâm hợp tác và cạnh tranh quyền lực giữa các nước lớn. Đồng thời, thế giới cũng chứng kiến sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc và các quốc gia tầm trung khác như Australia, Ấn Độ.... Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn cũng đang diễn ra theo chiều hướng phức tạp, trong đó, nổi bật lên là sự hiện diện của ba cường quốc Mỹ, Ấn Độ và Trung Quốc. Ba nước đều hướng tới củng cố và mở rộng quyền lực của mình thông qua các chiến lược khác nhau. Cụ thể là: Mỹ muốn bảo vệ vị thế cường quốc số một thế giới thông qua Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, Tự do và Rộng mở; Ấn Độ thực hiện Chính sách Hành động hướng Đông nhằm khẳng định vị thế cường quốc khu vực, từ đó vươn ra toàn cầu. Trung Quốc muốn thực hiện Giác mộng Trung Hoa thông qua Sáng kiến Vành đai, Con đường để trở thành cường quốc dẫn đầu toàn cầu. Xu thế cạnh tranh xen lẫn hợp tác giữa ba nước lớn này đã, đang và sẽ tiếp tục có những chuyển biến phức tạp và thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu chiến lược.

Từ nhận thức chung về mục tiêu và lợi ích, giai đoạn 2014 - 2022, cả Mỹ và Ấn Độ có những điều chỉnh chính sách đối ngoại trong quan hệ hai nước. Đối với Mỹ: xét trên mọi khía cạnh, Ấn Độ là nước có khả năng tạo đối trọng trước Trung Quốc đang ngày càng mở rộng tầm ảnh hưởng, nhất là khi mối quan hệ giữa hai cường quốc hạt nhân ở Châu Á này không thực sự nồng ấm do nhiều khúc mắc trong lịch sử về vấn đề biên giới. Do đó, Mỹ ngày càng coi trọng vai trò của Ấn Độ nhất là trong mục tiêu tạo đối trọng với Trung Quốc. Trong giai đoạn này, mặc dù có sự thay đổi nhân sự cấp cao trong chính quyền Mỹ nhưng cả ba đời Tổng thống Mỹ đều quan tâm thúc đẩy quan hệ với Ấn Độ. Năm 2014, cựu Tổng thống Mỹ Barack Obama trong nhiệm kỳ thứ hai bắt đầu những điều chỉnh chính sách với Châu Á thông qua chiến lược “Xoay trục” và quan tâm hơn đến đối tác Ấn Độ. Sau đó, cựu Tổng thống Donald Trump kế thừa, mở rộng và phát triển hơn các chính

sách với khu vực này với chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương Tự do và Rộng mở, trong đó có chính sách Hướng Nam Mới nhấn mạnh trọng tâm là phát triển quan hệ Mỹ - Ấn Độ. Chính sách này hiện đang được Tổng thống Joe Biden đồng thuận, kế thừa và phát triển. Về phía Ấn Độ, ban đầu nước này còn nhiều cân nhắc về mối quan hệ với Mỹ nhưng trước trở ngại chung là sự trỗi dậy của Trung Quốc đe dọa đến lợi ích quốc gia dân tộc của cả hai cường quốc này, buộc Ấn Độ phải điều chỉnh chính sách đối ngoại với Mỹ theo hướng mở rộng, cân bằng và thực dụng hơn. Ấn Độ muốn dựa vào sức mạnh tổng hợp của Mỹ để nâng cao vị thế, tăng cường sức mạnh quân sự, cân bằng sức mạnh với Trung Quốc và gây sức ép với Pakistan. Cũng trong năm 2014, Thủ tướng N. Modi lên nắm quyền tại Ấn Độ, đã tiến hành nhiều thay đổi trong các chính sách đối nội và đối ngoại theo hướng quyết đoán và thực dụng, nhằm tăng cường sức mạnh quốc gia, trong đó có sự tăng cường hợp tác với các nước lớn, đặc biệt là Mỹ. Từ những thay đổi trên nên năm 2014 đã trở thành dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển quan hệ Mỹ - Ấn Độ. Thực tiễn chứng minh, từ năm 2014 đến nay, quan hệ Mỹ - Ấn Độ đang tịnh tiến theo chiều hướng tích cực, đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực nhất là chính trị - ngoại giao, an ninh – quốc phòng và kinh tế. Tuy nhiên, ở hiện tại và trong tương lai, mối quan hệ này vẫn đang tồn tại một số hạn chế nhất định dưới tác động của nhiều nhân tố khách quan và chủ quan. Do đó, mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ sẽ luôn có những biến động trong thời gian tới.

Đây là mối không chỉ có tác động lớn đối với hai nước mà còn tác động tới quan hệ quốc tế trong khu vực, toàn cầu nhất là cục diện khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương và trật tự thế giới mới đang hình thành. Trong khi đó, cả Mỹ và Ấn Độ đều là những đối tác quan trọng mà Việt Nam quan tâm và thúc đẩy quan hệ hợp tác, hiện thực hoá chiến lược đa phương hoá đa dạng hoá quan hệ đối ngoại nhằm tạo thế trận ngoại giao, kinh tế, quốc phòng trong phát triển đất nước. Vì vậy, việc nghiên cứu quan hệ Mỹ - Ấn Độ có ý nghĩa quan trọng nhằm cung cấp cơ sở hoạch định chính sách đối ngoại phù hợp trong bối cảnh hiện tại, tận dụng những điều kiện thuận lợi trong quan hệ giữa hai cường quốc để điều chỉnh chính sách đối

ngoại với các nước lớn cho phù hợp và hiệu quả.

Từ những lý do nêu trên, việc nghiên cứu đề tài Quan hệ Mỹ - Ấn Độ từ năm 2014 đến nay có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc. *Về mặt khoa học:* Nghiên cứu đề tài này sẽ góp phần làm sáng tỏ thực trạng, đặc điểm quan hệ Mỹ - Ấn Độ giai đoạn 2014 – 2022, đánh giá những tác động của mối quan hệ này đối với các chủ thể liên quan, khu vực và thế giới. Từ đó, dự báo những kịch bản có thể xảy ra trong sự vận động của mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ đến năm 2030. *Về thực tiễn:* Nghiên cứu đề tài này sẽ cung cấp những luận cứ lý giải vì sao mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ lại có những bước tiến triển tốt đẹp trong thời gian qua và mối quan hệ này có tác động như thế nào đối với khu vực, tới các chủ thể và Việt Nam. Trên cơ sở đó, Luận án đề xuất một số khuyến nghị về chính sách đối ngoại cho Việt Nam trong quan hệ với các đối tác Mỹ, Ấn Độ. Đây cũng là vấn đề cần thiết và phù hợp với nhiệm vụ nghiên cứu và giảng dạy của các cơ sở nghiên cứu, đào tạo Quan hệ quốc tế nói chung, Viện Quan hệ Quốc tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh nói riêng. Với những lý do khoa học và thực tiễn nêu trên, tôi chọn đề tài: **“Quan hệ Mỹ - Ấn Độ từ năm 2014 đến năm 2022”** làm đề tài nghiên cứu cho Luận án tiến sĩ.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu chính của luận án là làm rõ những chuyển biến trong quan hệ Mỹ - Ấn Độ trên một số lĩnh vực từ năm 2014 đến năm 2022. Từ đó, đánh giá về mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ, rút ra đặc điểm và phân tích những tác động của mối quan hệ này đối với khu vực và Việt Nam; đưa ra một số kịch bản cho quan hệ Mỹ - Ấn Độ và khuyến nghị chính sách đối ngoại cho Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu trên, Luận án đề ra những nhiệm vụ nghiên cứu sau:

Thứ nhất, Luận án nghiên cứu cơ sở lý luận, chỉ ra và phân tích các nhân tố cơ bản tác động đến quan hệ Mỹ - Ấn Độ (2014 – 2022).

Thứ hai, Luận án trình bày và phân tích thực trạng quan hệ Mỹ - Ấn Độ trên

các lĩnh vực Chính trị - Ngoại giao, An ninh – quốc phòng, Kinh tế và một số lĩnh vực khác.

Thứ ba, Luận án đánh giá những thành tựu, hạn chế, phân tích các tác động của mối quan hệ này đối với khu vực và Việt Nam.

Thứ tư, Luận án dự báo những kịch bản có thể xảy ra trong quan hệ Mỹ - Ấn Độ đến năm 2030.

Thứ năm, Luận án đánh giá tác động đến Việt Nam và một số hàm ý chính sách đối ngoại cho Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Luận án là quan hệ giữa Mỹ và Ấn Độ trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2022 trên các lĩnh vực Chính trị - Ngoại giao, An ninh – quốc phòng, Kinh tế và một số lĩnh vực khác.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung khoa học: Luận án tập trung nghiên cứu những nhân tố tác động đến mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ trong giai đoạn 2014 – 2022, thực trạng mối quan hệ này trên các lĩnh vực Chính trị - Ngoại giao, An ninh - Quốc phòng, Kinh tế, Văn hoá – Giáo dục, Y tế, Khoa học – Công nghệ, Xoá đói giảm nghèo và Bảo vệ môi trường, tác động của nó đối với khu vực và Việt Nam; dự báo các kịch bản cho quan hệ Mỹ - Ấn Độ đến năm 2030 và hàm ý chính sách đối ngoại cho Việt Nam.

Về thời gian nghiên cứu: Giai đoạn 2014 - 2022. Sở dĩ tác giả lấy năm 2014 là khởi đầu nghiên cứu vì mốc thời gian này đánh dấu sự thay đổi nhân sự lãnh đạo đứng đầu hai nước và họ có tầm nhìn chung và đồng quan điểm thúc đẩy quan hệ Mỹ - Ấn Độ phát triển. Năm 2022 được chọn làm thời gian kết thúc nghiên cứu vì đây là năm hoàn thành bản thảo Luận án. Hơn nữa, độ lùi về thời gian sẽ giúp Nghiên cứu sinh có những nhận định, phân tích các sự kiện trong quan hệ quốc tế chính xác hơn.

Về không gian nghiên cứu: khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, Đông Nam Á, Mỹ, Ấn Độ, Việt Nam.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1 Cơ sở phương pháp luận của nghiên cứu

- Luận án sử dụng các quan điểm và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, những nhận định, đánh giá của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại của Việt Nam. Các phương pháp nghiên cứu chung trong khoa học xã hội, các lý thuyết quan hệ quốc tế và các phương pháp luận quan hệ quốc tế được tác giả Luận án sử dụng để nghiên cứu đề tài.

- Cách tiếp cận: Luận án nghiên cứu quan hệ Mỹ - Ấn Độ từ năm 2014 đến năm 2022 thông qua các tiếp cận hệ thống cấu trúc, các cấp độ phân tích, tiếp cận các đa ngành, đa lĩnh vực và liên ngành.

4.2 Phương pháp nghiên cứu chủ yếu

- Phương pháp lịch sử và một số phương pháp nghiên cứu chung trong khoa học xã hội như logic, quan sát và tổng hợp được sử dụng để theo dõi các sự kiện, quá trình diễn biến của mỗi quan hệ này, từ đó sẽ tiến hành tổng hợp phân tích các dữ liệu liên quan để làm rõ sự vận động của mỗi quan hệ Ấn Độ - Mỹ. Đồng thời, sử dụng phương pháp so sánh để làm rõ sự tịnh tiến mỗi quan hệ này Mỹ - Ấn Độ 2014 – 2022 so với trước đó. Trên cơ sở này, rút ra đặc điểm của quan hệ Mỹ - Ấn Độ 2014 – 2022 và xu hướng phát triển đến năm 2030.

- Các lý thuyết quan hệ quốc tế được sử dụng như lý thuyết của Chủ nghĩa Hiện thực, Chủ nghĩa Tự do, Chủ nghĩa Kiến tạo được vận dụng làm cơ sở phân tích động cơ, mục đích Mỹ, Ấn Độ thúc đẩy quan hệ phát triển, phân tích vai trò cá nhân lãnh đạo đối với quan hệ hai nước. Vì đây là đề tài nghiên cứu về một vấn đề trong quan hệ quốc tế nên các phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế bao gồm phân tích chính sách đối ngoại được sử dụng nhằm làm rõ thực trạng và đánh giá đặc điểm quan hệ Mỹ - Ấn Độ, bản chất của mỗi quan hệ, sự điều chỉnh, tương tác giữa các quốc gia trong bối cảnh quốc tế và khu vực luôn thay đổi. Phương pháp tổng hợp và phân tích theo cấp độ được vận dụng để trình bày và phân tích các nhân tố tác động đến quan hệ Mỹ - Ấn Độ (2014-2022). Phương pháp tổng hợp, đánh giá và dự báo được vận dụng để dự báo các kịch bản quan hệ Mỹ - Ấn Độ đến năm 2030.

5. Những đóng góp mới của Luận án

Với cách tiếp cận quan hệ quốc tế, Luận án là công trình nghiên cứu mới, có hệ thống và chuyên sâu ở Việt Nam về “Quan hệ Mỹ - Ấn Độ từ năm 2014 đến năm 2022” để bổ sung, đóng góp làm phong phú các kết quả nghiên cứu khoa học về vấn đề này. Giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu đề ra, luận án sẽ có những đóng góp sau:

Một là, nêu được một số vấn đề lý luận liên quan đến quan hệ Mỹ - Ấn Độ, phân tích những nhân tố tác động đến môi quan hệ này trong giai đoạn 2014 – 2022.

Hai là, làm rõ được thực trạng môi quan hệ Mỹ - Ấn Độ trên các lĩnh vực Chính trị - Ngoại giao, An ninh – quốc phòng, Kinh tế và một số lĩnh vực khác từ góc độ quốc tế học.

Ba là, thông qua phân tích sự vận động, phát triển của quan hệ Mỹ - Ấn Độ 2014 - 2022, Luận án đúc kết, đánh giá thành tựu, hạn chế của môi quan hệ Mỹ - Ấn Độ này, trên cơ sở đó so sánh với giai đoạn trước năm 2014 và so sánh với tương quan chủ thể khác; làm rõ được bản chất, tính bất biến và sự thay đổi trong quan hệ Mỹ - Ấn Độ.

Bốn là, đánh giá được những tác động của môi quan hệ Mỹ - Ấn Độ đối với khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, Đông Nam Á và Việt Nam; dự báo xu hướng vận động của quan hệ Mỹ - Ấn Độ đến năm 2030 và khuyến nghị chính sách đối ngoại cho Việt Nam.

6. Kết cấu của Luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục các công trình khoa học nghiên cứu của tác giả đã công bố có liên quan đến đề tài luận án, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, Luận án gồm 5 chương (11 tiết).

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2. Cơ sở lý luận và những nhân tố tác động đến quan hệ Mỹ - Ấn Độ (2014 - 2022)

Chương 3. Thực trạng quan hệ Mỹ - Ấn Độ trên lĩnh vực Chính trị - Ngoại giao, An ninh – quốc phòng

Chương 4. Thực trạng quan hệ Mỹ - Ấn Độ trên lĩnh vực Kinh tế và một số lĩnh vực khác

Chương 5. Đánh giá quan hệ Mỹ - Ấn Độ (2014 – 2022), dự báo xu hướng đến năm 2030 và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam.

Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

Trong vài thập kỷ qua, mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ nhận được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu quan hệ quốc tế trên phạm vi toàn cầu. Do đó, các công trình nghiên cứu về vấn đề này rất đa dạng cả về thể loại và nội dung. Các tác giả đưa ra các cách phân tích, nhìn nhận, đánh giá dưới các góc độ khác nhau. Chương này sẽ tổng hợp, phân loại, khái quát các công trình trong và ngoài nước tiêu biểu liên quan đến quan hệ Mỹ - Ấn Độ. Trên cơ sở đó, đánh giá về giá trị của các công trình đã nghiên cứu, chỉ ra những điểm mà luận án kế thừa, những khoảng trống chưa đề cập mà luận án cần tập trung giải quyết.

1.1 Các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án

1.1.1 Các công trình về các yếu tố ảnh hưởng đến quan hệ Mỹ - Ấn Độ

Là một trong những trục quan trọng trong thế giới nhiều biến động hiện nay nên quan hệ Mỹ - Ấn Độ chịu tác động của nhiều yếu tố cả chủ quan và khách quan. Một số công trình nghiên cứu đã phản ánh điều này:

Bài viết “*Modi’s Unexpected Boost to India-US Relations*” (Sự thúc đẩy bất ngờ của Modi đối với mối quan hệ Ấn Độ - Mỹ) của tác giả Harsh V. Pant (2014), đăng trên tạp chí *Washington Quarterly* là một tài liệu bổ ích về vấn đề này. Nghiên cứu phân tích vai trò của thủ tướng N. Modi, qua đó tác giả cho rằng sự quyết đoán của nhà lãnh đạo này chính là yếu tố thúc đẩy vị thế của Ấn Độ trong quan hệ quốc tế nói chung và thúc đẩy quan hệ Ấn Độ - Mỹ nói riêng. Bài nghiên cứu nêu bật nội dung: ngay từ khi nhậm chức, thủ tướng N. Modi muốn chứng minh cho nước Mỹ thấy rằng chính ông là người định hình cho mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ phát triển mạnh mẽ. Ông đã bỏ qua sự do dự của Ấn Độ, vượt mọi rào cản, thực hiện chuyến thăm lịch sử tới Mỹ, định hình quỹ đạo phát triển toàn diện quan hệ Mỹ - Ấn Độ.

Cuốn sách “*India-US Relations in the Age of Uncertainty: An Uneasy Courship*” (Mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ trong thời đại bất định: Một mối quan hệ thăng trầm) của tác giả B.M. Jain (2016), nhà xuất bản Routledge đã phác họa mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ trong nhiệm kỳ đầu của Tổng thống Obama với những quan ngại của các nhà cầm quyền hai nước. Các nhà hoạch định chiến lược Ấn Độ nhận

định rằng quan hệ đối tác chiến lược giữa Ấn Độ và Mỹ bị chi phối mạnh bởi yếu tố Trung Quốc do Obama ưu tiên hợp tác với Trung Quốc để giải quyết các vấn đề toàn cầu và quan hệ hai nước. Mặc dù có sự thăng trầm trong quan hệ, nhưng dần dần Chính quyền Mỹ cũng đã nhận thấy vai trò to lớn của Ấn Độ có thể làm đối trọng với Trung Quốc tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Cuốn sách đề cập đến hợp tác toàn diện của Ấn Độ và Mỹ trên các lĩnh vực, trong đó bày tỏ những quan ngại đối với các mối đe dọa đan xen tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương như vấn đề khủng bố, vũ khí hủy diệt, sự trỗi dậy của Trung Quốc thách thức an ninh của Ấn Độ và vai trò lãnh đạo toàn cầu của Mỹ, những cản trở trong quan hệ đối tác chiến lược Mỹ - Ấn Độ tại khu vực Nam Á. Trên cơ sở đó, cuốn sách phân tích những quan điểm của các nhà hoạch định chính sách hai nước nhìn nhận đánh giá, đề xuất cách thức hợp tác toàn diện quan hệ Mỹ - Ấn Độ.

Đề cập đến yếu tố hội tụ mục tiêu chiến lược trong quan hệ Mỹ - Ấn Độ thì tiêu biểu có bài viết "*Natural Allies? The India-US relations from the Clinton Administration to the Trump Era*" (Đồng minh tự nhiên? Mối quan hệ giữa Ấn Độ và Mỹ từ Chính quyền Clinton đến Thời đại Trump) đăng trên tạp chí Asia Vision (2018) của Aparna Pande. Nghiên cứu cho rằng Mỹ và Ấn Độ cùng phải đối mặt với những thách thức chung như sự trỗi dậy của Trung Quốc thách thức vai trò và ảnh hưởng của Mỹ và Ấn Độ tại khu vực, chủ nghĩa khủng bố tại Afghanistan và Pakistan. Bên cạnh đó, hai nước có sự hội tụ về chiến lược. Cả Ấn Độ và Mỹ đều có chung tầm nhìn về Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và có mục tiêu chiến lược chung trong khu vực này. Cả Tổng thống Bill Clinton, Barack Obama và Donald Trump đều nỗ lực thúc đẩy quan hệ với Ấn Độ, coi Ấn Độ là nhân tố cốt lõi trong Chiến lược toàn cầu của Mỹ. Tuy nhiên, không giống như các đồng minh của Mỹ, Ấn Độ chưa bao giờ tham gia vào các liên minh, đây thực sự là thách thức không nhỏ đối với các Tổng thống Mỹ trong mục tiêu lôi kéo Ấn Độ hợp tác chống Trung Quốc.

Về yếu tố Trung Quốc trong quan hệ Mỹ - Ấn Độ, cuốn sách "*Fateful Triangle: How China shaped US-India relations during Cold war*" (Tam giác định

mệnh: Trung Quốc định hình mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh như thế nào) của tác giả Tanvi Madan, Viện Brookings - Mỹ phát hành ngày 04/02/2020 đã phân tích mối quan hệ tam giác giữa Mỹ - Trung - Ấn trong đó nhấn mạnh Trung Quốc là yếu tố ảnh hưởng lớn đến quan hệ Mỹ - Ấn Độ. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng nhận thức và chính sách của Mỹ và Ấn Độ đối với Trung Quốc đã định hình nên quan hệ Mỹ - Ấn Độ. Điều này được biểu hiện rất rõ trong 3 thập kỷ quan trọng từ năm 1949 đến năm 1979. Trong cuốn sách này, tác giả cho rằng nhân tố Trung Quốc là động lực đưa quan hệ hai nước gần gũi với nhau hơn nhưng chưa có đủ căn cứ để khẳng định hai nước Mỹ và Ấn Độ sẽ liên minh với nhau đến mức độ nào để đối phó với các mối đe dọa từ Trung Quốc.

Cuốn sách *“When Nehru Looked East: Origins of India-US Suspicion and India-China Rivalry”* (Chính sách Nhìn về phía Đông của Nehru: Nguồn gốc của những nghi ngờ quan hệ Ấn Độ - Mỹ và quan hệ đối thủ Ấn Độ - Trung) của tác giả Francine R. Frankel, Nhà xuất bản Đại học Oxford (2020) là nghiên cứu về yếu tố Trung Quốc trong quan hệ Mỹ và Ấn Độ. Trong đó có phần tác giả đã chỉ ra những nhận thức của Trung Quốc về quan hệ Mỹ và Ấn Độ thông qua phân tích hồ sơ lịch sử từ thời Thủ tướng Jawaharlal Nehru. Từ nhận thức này của Trung Quốc cho thấy những điều chỉnh trong quan hệ đối ngoại của Mỹ và Ấn Độ suốt thời gian dài này.

Luận án Tiến sĩ *“Overcoming the hesitation of history: an analysis of US - India ties”* (Vượt qua sự do dự của lịch sử: một phân tích về mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ) của Richard Rahul Verma (2020), Đại học Georgetown là một tài liệu bổ ích để tham khảo. Luận án đề cập đến những vấn đề trong lịch sử cản trở quan hệ hai nước Mỹ - Ấn Độ phát triển từ sau khi Ấn Độ giành độc lập năm 1947. Trong các giai đoạn lịch sử khác nhau, tác giả đi sâu phân tích các biện pháp tiếp cận Ấn Độ của các nhà hoạch định chính sách của Mỹ, đưa ra những bài học kinh nghiệm giúp định hình quan hệ hai nước. Trọng tâm của luận án là chương 3: đề xuất chính sách, vạch ra lộ trình vượt qua sự dè dặt về lịch sử thúc đẩy quan hệ “đồng minh tự nhiên” Mỹ - Ấn Độ đi vào thực chất.

Nói đến yếu tố bối cảnh quốc tế tác động đến quan hệ Mỹ - Ấn Độ, tiêu biểu phải

kể tới Cuốn sách “*Quan hệ của Mỹ với các nước lớn ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương*” của Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Hà Nội, năm 2004 của Vũ Dương Huân (chủ biên). Công trình này đánh giá về quan hệ các nước lớn hiện nay và xu thế phát triển trong tương lai, trong đó có quan hệ Mỹ - Ấn Độ. Công trình nghiên cứu chỉ ra sự biến đổi to lớn của cục diện chính trị quốc tế với việc Liên Xô tan rã, Mỹ trở thành siêu cường duy nhất còn lại trên thế giới với ưu thế vượt trội cả về kinh tế, quân sự, chính trị. Tuy vậy, Mỹ không thể hoàn toàn đơn phương áp đặt ý chí của mình trong các vấn đề quốc tế. Sự trỗi dậy của nhiều quốc gia như Trung Quốc, Nhật Bản, Liên minh châu Âu, Ấn Độ là những thách thức đối với xu hướng bá quyền của Mỹ. Cục diện thế giới đang chuyển dần từ hai cực sang đa cực, đặc biệt rõ nét ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Từ việc nghiên cứu tài liệu này cho thấy mỗi quan hệ giữa Mỹ với các cường quốc khác ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương trong đó có quan hệ Mỹ - Ấn Độ sẽ chịu tác động từ bối cảnh quốc tế vì mỗi quốc gia đều phải tồn tại trong môi trường quốc tế chung này. Vì vậy, mỗi chủ thể cần phải điều chỉnh để thích nghi, tồn tại và phát triển.

Cuốn sách “*Sức mạnh tổng hợp quốc gia của Ấn Độ: Hiện trạng và Triển vọng*” của tác giả Trần Hoàng Long (chủ biên) xuất bản tại Nhà xuất bản Khoa học Xã hội năm 2021 trình bày, phân tích và đánh giá về sức mạnh tổng hợp của Ấn Độ dưới góc nhìn quan hệ quốc tế. Các tác giả vẽ nên bức tranh tổng thể về một Ấn Độ đang trỗi dậy mạnh mẽ trong khu vực và từng bước vươn mình ra thế giới. Đặc biệt, dưới thời thủ tướng N. Modi, sức mạnh quốc gia Ấn Độ là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa sức mạnh cứng và sức mạnh mềm, giữa giá trị hiện đại và truyền thống tạo nên một Ấn Độ không chỉ mạnh mẽ về tiềm lực kinh tế, hiện đại về quân sự quốc phòng mà còn giàu truyền thống với nền văn hoá bản sắc và giá trị. Với sức mạnh và vị thế không ngừng được nâng cao, Ấn Độ ngày càng tự tin tham gia vào các thiết chế toàn cầu. Sự trỗi dậy của Ấn Độ đang trở thành đối trọng với Trung Quốc trong khu vực và ngày càng thu hút sự quan tâm của Mỹ, trở thành yếu tố thúc đẩy quan hệ Mỹ - Ấn Độ trên nhiều phương diện ở cả cơ chế song phương và đa phương.

Cuốn sách “*Điều chỉnh chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời thủ tướng N. Modi*” của tác giả Ngô Xuân Bình (chủ biên) năm 2017 trình bày những yếu tố tác động

và nội dung sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời thủ tướng N. Modi. Trong đó, tình hình thế giới, khu vực, sự trỗi dậy của Trung Quốc, sự suy yếu sức mạnh Mỹ và tình hình bên trong của Ấn Độ là những yếu tố cơ bản tác động đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Một trong những điều chỉnh mới là tích cực theo đuổi ngoại giao đa phương, tăng cường quan hệ với Mỹ, cho thấy sự thay đổi vai trò vị trí của Mỹ trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Điều này đã có tác động lớn đến quan hệ Mỹ - Ấn Độ. Cuốn sách cũng nhận định diễn biến tình hình mới và dự báo xu hướng điều chỉnh chính sách đối ngoại của Ấn Độ đến năm 2030.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu chỉ riêng về các yếu tố tác động đến quan hệ Mỹ - Ấn Độ không nhiều mà chủ yếu vấn đề này được lồng ghép trong các công trình chung về Quan hệ Mỹ - Ấn Độ. Trong các, yếu tố Trung Quốc, tình hình trong nước Mỹ, Ấn Độ và nhân tố lãnh đạo được xem là có tác động nhiều tới quan hệ Mỹ - Ấn Độ.

1.1.2 Các công trình nghiên cứu tổng thể về quan hệ Mỹ - Ấn Độ

Nhiều học giả nghiên cứu tổng thể về mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ trên nhiều lĩnh vực khác nhau trong cùng một công trình nghiên cứu, nhưng vấn đề nghiên cứu được đặt trong các không gian và thời gian nghiên cứu khác nhau. Do đó, có thể phân chia các công trình nghiên cứu tổng thể về quan hệ Mỹ - Ấn Độ theo trục thời gian như sau:

- Các công trình nghiên cứu về mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ trước năm 2014

Các nghiên cứu về quan hệ Mỹ - Ấn Độ trước năm 2014 đáng chú ý có thể kể tới như: bài viết “*India-US relations in a changing Strategic Environment*” (Quan hệ Ấn Độ - Mỹ trong môi trường chiến lược đang thay đổi) của tác giả Ravi Tomar (2002) đã phân tích quan hệ giữa Ấn Độ và Mỹ từ trước khi Ấn Độ độc lập đến khi Mỹ tiến hành cuộc chiến chống khủng bố tại Afghanistan. Bài viết tập trung vào hai nội dung: Một là, mối quan hệ lạnh nhạt giữa hai nước Mỹ và Ấn Độ thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Hai là, những chuyển dịch trong quan hệ hai nước sau khi Ấn Độ thử vũ khí hạt nhân năm 1998 và sau sự kiện khủng bố tại Mỹ vào ngày 11/9/2001.

Cuốn sách *India's foreign relations* (Quan hệ đối ngoại của Ấn Độ) của tác giả Avtar Singh Bhasin (2008), nhà xuất bản Geetika Publishers, là một trong những tài liệu cung cấp cái nhìn toàn diện về quan hệ đối ngoại của Ấn Độ. Đáng chú ý là trong

Mục 7 của phần 2, cuốn sách trình bày tổng thể về quan hệ Ấn Độ - Mỹ trên các lĩnh vực chủ chốt chính trị ngoại giao, an ninh – quốc phòng, thương mại – đầu tư, văn hoá Nội dung chủ yếu tập trung vào các bài phát biểu của lãnh đạo Ấn Độ, Mỹ, các thỏa thuận hợp tác ký kết, các đánh giá kết quả hợp tác giữa hai bên dưới thời Thủ tướng Manmohan Singh và Tổng thống George W. Bush.

Cuốn sách *Toward realistic U.S - India relations* (Hướng tới mối quan hệ Mỹ - Ấn thực chất) của tác giả George Perkovich (2010), đã phân tích những lợi ích của Mỹ và Ấn Độ trong các lĩnh vực hợp tác kinh tế, chính trị, quân sự, an ninh... Tác giả cũng bày tỏ quan điểm cho rằng cả hai nước sẽ tăng cường hợp tác trên diện rộng cả song phương và đa phương. Khi Mỹ gia tăng ảnh hưởng đối với các vấn đề toàn cầu như tài chính quốc tế, thương mại, trật tự hạt nhân tương lai, hoà bình và an ninh tại châu Á, vấn đề biến đổi khí hậu ... sẽ tạo môi trường để Ấn Độ tham gia vào các vấn đề toàn cầu. Ấn Độ cũng muốn tranh thủ sự ủng hộ và sức mạnh của Mỹ để cạnh tranh với Trung Quốc. Tuy nhiên, cách thức tiếp cận và toan tính chiến lược, sách lược của Ấn Độ đối với Trung Quốc không giống như Mỹ. Do vậy, có khả năng Ấn Độ sẽ không là con bài để Mỹ lợi dụng kiềm chế Trung Quốc.

Cuốn sách *The US-India Nuclear Agreement Diplomacy and Domestic Politics* (Chính trị nội bộ và Ngoại giao Hiệp định Hạt nhân Mỹ - Ấn Độ) tại Cambridge University Press của tác giả Mistry, Dinshaw (2014) là một tài liệu hay về quan hệ Mỹ - Ấn Độ. Từ năm 2005 đến năm 2008, Mỹ và Ấn Độ đã đàm phán một Thỏa thuận hạt nhân mang tính đột phá công nhận tình trạng hạt nhân của Ấn Độ và dỡ bỏ các lệnh cấm vận về hợp tác hạt nhân dân sự với Ấn Độ lâu nay. Tài liệu này cung cấp cái nhìn toàn diện nhất về các vấn đề ngoại giao và chính trị trong nước Mỹ đằng sau thỏa thuận hạt nhân này. Trong đó, tình hình chính trị nội bộ Mỹ cản trở đáng kể thậm chí đã ngăn cản hoàn toàn việc Mỹ hỗ trợ cung cấp hạt nhân với Ấn Độ. Khi các trở ngại trong nước được vượt qua, các cuộc đàm phán giữa Mỹ và Ấn Độ đã tiến triển. Tuy nhiên, ngay cả sau khi các cuộc đàm phán tiến triển, các yếu tố trong nước cũng đã đặt ra các điều kiện và ảnh hưởng đến phạm vi hợp tác hạt nhân giữa Mỹ và Ấn Độ. Cuốn sách này mang đến cái nhìn toàn diện về sự kiện

lớn này, đồng thời cung cấp một khuôn khổ có giá trị để phân tích các cuộc đối thoại chiến lược và hạt nhân bổ sung của Mỹ với Ấn Độ và với các quốc gia khác.

Cuốn sách *Forged in crisis, India and the United States since 1947* (Quan hệ Mỹ - Ấn Độ từ năm 1947: Vượt lên khủng hoảng) của Rudra Chaudhuri xuất bản năm 2014 tại Oxford University Press: New Delhi xem xét một loạt các cuộc khủng hoảng dẫn đến những thay đổi sâu rộng trong cách tiếp cận của Ấn Độ với Mỹ, xác định các đường viền của mối quan hệ được cho là cấp thiết giữa Mỹ và miền Nam toàn cầu. Tài liệu này cung cấp một cách tiếp cận mới mẻ những bước tiến trong các hoạt động đối ngoại của Ấn Độ dưới các thời Thủ tướng Jawaharlal Nehru, Indira Gandhi, Atal Bihari Vajpayee, và cuối cùng là Manmohan Singh. Cuốn sách cũng chỉ ra quá trình phức tạp mà Ấn Độ tìm cách theo đuổi cùng lúc những lợi ích vật chất và những ý tưởng về chính sách đối ngoại và quan hệ quốc tế, điểm nhấn là quá trình thử nghiệm chính sách “Không liên kết”. Từ rất nhiều vấn đề được đề cập như Chiến tranh Triều Tiên năm 1950 đến cuộc tranh luận; việc gửi quân đến Iraq năm 2003; việc mất lãnh thổ cho Trung Quốc và những cuộc tranh luận sau đó tới các cuộc đàm phán về Kashmir với Pakistan vào năm 1962-1963; ký kết một Thỏa thuận hạt nhân dân sự với Washington năm 2008 tác giả vạch ra các phong cách và hành vi đàm phán của Ấn Độ cũng như tác động của những quyết định của Ấn Độ đối với lợi ích chiến lược của nước này, từ đó xác định lại mối quan hệ của Ấn Độ với Mỹ.

Cuốn sách *Quan hệ Ấn Độ - Hoa Kỳ (1947 - 1991)* của tác giả Lê Thị Hằng Nga, Nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia Sự Thật năm 2018 luận giải, cung cấp những dẫn chứng, cứ liệu tham khảo hữu ích, góp phần làm sáng tỏ phần nào mối quan hệ Ấn Độ - Hoa Kỳ trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh trên các lĩnh vực chính yếu. Với bốn chương gồm: Chương I: Những nhân tố tác động đến quan hệ Ấn Độ - Hoa Kỳ; Chương II: Quan hệ Ấn Độ - Hoa Kỳ trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao và quốc phòng; Chương III: Quan hệ Ấn Độ - Hoa Kỳ trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục và khoa học - kỹ thuật; Chương IV: Một số nhận xét về quan hệ Ấn Độ - Hoa Kỳ, cuốn sách là tài liệu hay về tổng thể mối quan hệ Mỹ và Ấn Độ giai đoạn Chiến tranh Lạnh và có giá trị tham khảo hữu ích cho các nội dung có trong luận án.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu này trình bày về quan hệ Mỹ - Ấn Độ giai đoạn trước Thủ tướng N. Modi lên nắm quyền tại Ấn Độ theo những chiều cạnh khác nhau. Các tác giả tiếp cận, trình bày và phân tích vấn đề một cách tổng quát, đặt mỗi quan hệ trong từng không gian cụ thể để đánh giá. Các công trình này cung cấp cơ sở lịch sử và các kiến thức đa dạng như một bức tranh nhiều màu sắc để nghiên cứu về quan hệ Mỹ - Ấn Độ trong những giai đoạn tiếp theo.

- *Các công trình nghiên cứu tổng thể về quan hệ Mỹ - Ấn Độ từ sau năm 2014*

Bài viết “*Indo-US relations under Modi: the strategic logic underlying the embrace*” (Quan hệ Mỹ - Ấn Độ dưới thời Modi: Lô-gic chiến lược đằng sau hợp tác) của hai tác giả Harsh V. Pant và Yogesh Joshi, năm 2017 đăng trên tạp chí *International Affairs* (số 1/93) là một công trình đã phân tích những chuyển biến trong quan hệ Mỹ - Ấn Độ trong hai năm đầu Thủ tướng Modi lên nắm quyền tại Ấn Độ (2014 - 2016). Các tác giả cho rằng, Thủ tướng Modi đóng vai trò đưa quan hệ Mỹ - Ấn Độ vượt qua những trở ngại để thúc đẩy hợp tác về quốc phòng và hạt nhân dân sự. Khác với chính phủ liên minh do Đảng Quốc đại I lãnh đạo trước đây, ông Modi đã có sự điều chỉnh sâu sắc trong quan hệ với Mỹ, sẵn sàng tham gia vào chiến lược châu Á - Thái Bình Dương của Mỹ, hợp tác gần gũi với Mỹ để cân bằng tích cực với sức mạnh ngày càng tăng của Trung Quốc. Chính sách đối ngoại của Ấn Độ đã có sự chuyển dịch đáng kể dưới thời Thủ tướng Modi, trong đó có quan hệ Mỹ - Ấn Độ.

Trong cuốn sách *US-India relations: Catalyst for changing world order* (Quan hệ Mỹ - Ấn Độ: Chất xúc tác thay đổi trật tự thế giới) của Uttam Singh (2017), Nhà xuất bản Sumit Enterprises, đã đánh giá toàn diện quan hệ Mỹ - Ấn Độ kể từ khi Ấn Độ giành độc lập trên tất cả các bình diện. Mặc dù quan hệ hai bên có những thăng trầm nhưng chính sự tương đồng về lợi ích chiến lược là chất keo dính đưa quan hệ hai nước gắn chặt với nhau để đối phó với các thách thức chiến lược chung ở hiện tại và trong tương lai.

Cuốn sách *Trump and Modi: prospects for US-India burden sharing* (Trump và Modi: triển vọng chia sẻ thách thức chung giữa Mỹ và Ấn Độ) của hai tác giả C. Raja Mohan và John J. Brandon (2019), đã tập trung phân tích các lĩnh vực hợp tác

giữa Mỹ và Ấn Độ dưới thời Tổng thống Donald Trump và Thủ tướng Modi. Dưới thời Tổng thống Trump, Mỹ chú trọng hơn lợi ích của mình, yêu cầu Ấn Độ chia sẻ trách nhiệm, yêu cầu thay đổi cam kết truyền thống về thương mại tự do, liên tục đòi thương mại bình đẳng, gây sốc cho đồng minh thân cận của Mỹ tại châu Á và châu Âu. Trong khi đó, tại Ấn Độ, Thủ tướng Modi cũng có quan điểm rất khác về hợp tác với thế giới. Ông đã chuyển hướng từ Chính sách Không liên kết trước đây sang Chính sách Hành động phía Đông với cách tiếp cận thực dụng trong quan hệ với Mỹ. Dưới thời Modi, Ấn Độ đưa ra tín hiệu cho thấy họ sẵn sàng đàm phán với Mỹ để tạo ra khuôn khổ không chính thức về chia sẻ gánh nặng trách nhiệm với Mỹ, thông qua đó để nâng cao vị thế của mình trên trường thế giới. Cuốn sách cũng đề cập đến triển vọng hợp tác Mỹ - Ấn Độ trong vấn đề Afghanistan, sự chia sẻ trách nhiệm để bảo vệ lợi ích hai nước trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Bài viết “*Quan hệ Mỹ - Ấn Độ trong Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương*” của tác giả Vân Khánh, đăng trên tạp chí Quốc phòng Toàn dân ngày 21/7/2020 giới thiệu khái quát về Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Mỹ. Bài viết tập trung trình bày về những điểm tựa cho quan hệ Mỹ - Ấn Độ, trong đó đề cập đến sự thay đổi về thái độ của chính phủ Modi sau bước tiếp cận hết sức khéo léo của Tổng thống Trump. Hợp tác quốc phòng giữa hai nước được coi là bước tiến vượt bậc trong quan hệ Mỹ - Ấn Độ dưới thời Tổng thống Trump, bằng chứng Mỹ coi Ấn Độ như đồng minh. Mỹ đánh giá cao vai trò của Ấn Độ trong bảo đảm an ninh và lợi ích của Mỹ tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, là đối trọng với sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc. Bài viết cũng chỉ ra những toan tính khác nhau của Ấn Độ và Mỹ cũng là trở ngại trong hợp tác triển khai Chiến lược của Mỹ tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Bài viết “*Chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Mỹ từ năm 2017 đến nay*” của tác giả Nguyễn Duy Phương đăng trên Tạp chí Cộng sản ngày 15/12/2021 đánh giá về vị trí của Mỹ trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ, đánh giá chính sách đối ngoại của Ấn Độ trong nhiệm kỳ của Tổng thống Donald Trump, trong đó chỉ ra quan hệ hai nước vượt qua những do dự lịch sử để bước sang một thời kỳ mới. Trong nghiên cứu này, tác giả đưa ra những kết quả đạt được trong quan hệ Ấn Độ và Mỹ trên lĩnh vực

chính trị - đối ngoại, kinh tế - thương mại, quốc phòng - an ninh. Đồng thời dự báo về quan hệ hợp tác Mỹ - Ấn Độ dưới thời Tổng thống Joe Biden trong đó dự báo hai nước sẽ hợp tác với nhau trong khuôn khổ Bộ tứ, tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, hợp tác về vấn đề biến đổi khí hậu, vấn đề Afghanistan, đối phó với sự trỗi dậy của Trung Quốc. Tuy vậy, tiềm lực hiện nay buộc Ấn Độ phải lựa chọn các nội dung hợp tác với Mỹ ở cấp độ khu vực và toàn cầu.

Bài viết “*An Agenda for India-US relations in a Biden Presidency*” (Chương trình nghị sự về quan hệ Mỹ - Ấn Độ trong nhiệm kỳ Tổng thống Biden) của tác giả Arun K. Singh (tháng 4/2021) đăng tải trên Tạp chí National Security, đã đi sâu phân tích những ưu tiên của Chính quyền Biden, trong đó có đối phó với đại dịch Covid 19, khôi phục lại nền kinh tế của Mỹ, giải quyết vấn đề sắc tộc trong xã hội Mỹ, đối phó với thách thức về biến đổi khí hậu. Để đối phó với Trung Quốc ở cấp độ toàn cầu, Chính quyền Tổng thống J. Biden tái khẳng định ủng hộ các chuẩn mực và thể chế dân chủ, tuyên bố “nước Mỹ trở lại” trong hợp tác quốc tế và cố gắng nắm vị thế lãnh đạo thế giới. Xây dựng sự ủng hộ của lưỡng đảng Mỹ đối với quan hệ Mỹ - Ấn Độ. Chính Tổng thống J. Biden trước đây và trên vai trò lãnh đạo nước Mỹ hiện nay đưa ra chương trình nghị sự tích cực củng cố quan hệ hai nước Mỹ - Ấn Độ trong hơn 4 năm tới tập trung vào các lĩnh vực: biến đổi khí hậu, Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, Bộ tứ, thương mại, đầu tư, hợp tác quốc phòng, giải quyết thách thức toàn cầu trong đó có khủng bố. Ngoài ra, để đẩy mạnh hơn nữa quan hệ hai nước, tác giả khuyến nghị Mỹ và Ấn Độ nên kiểm soát sự khác biệt về quan điểm trong quan hệ với Nga, Iran, Afghanistan và Pakistan.

Bài viết “*Assesing Indo-US relations in the Modi's Administration: Emergence of a New Strategic Partnership*” (Đánh giá mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ trong Chính quyền của Modi: Sự nổi lên của Quan hệ đối tác chiến lược mới) của tác giả Ukti Sahu (2022) đã tập trung đánh giá quan hệ ngoại giao Mỹ - Ấn Độ và chỉ ra vai trò ảnh hưởng của Ấn Độ trong chính trị quốc tế dưới thời Thủ tướng Narendra Modi cũng như đánh giá quỹ đạo quan hệ Ấn Độ và Mỹ và ý nghĩa của nó đối với môi trường quốc tế hiện nay. Kể từ khi trở thành Thủ tướng vào năm 2014, ông Modi đã nỗ lực để biến Ấn Độ trở thành

quốc gia lãnh đạo toàn cầu bằng những sáng kiến tích cực. Sự chuyển đổi chính sách đối ngoại của Ấn Độ đã làm cho quan hệ Ấn Độ và Mỹ xích lại gần nhau. Việc Thủ tướng Modi hiểu rõ sức mạnh và lợi ích trong hợp tác song phương và đa phương với Mỹ cho thấy sự thay đổi về nhận thức trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ.

1.1.3 Các công trình về quan hệ Mỹ - Ấn Độ trên các lĩnh vực cụ thể

1.1.3.1 Về quan hệ Mỹ - Ấn Độ trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao

Bài viết “*India-US relations in the age of Modi and Trump*” (Quan hệ Mỹ - Ấn Độ trong thời đại Modi và Trump) của tác giả Antoine Levesques và Viraj Solanki xuất bản năm 2020 chỉ ra rằng việc Ấn Độ và Mỹ xích lại gần nhau xuất phát từ mong muốn của hai nước đối phó với tầm ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Ấn Độ ngày càng quan ngại đối với sự trỗi dậy của Trung Quốc tại Nam Á và Ấn Độ Dương, trong khi Mỹ tìm cách chống lại sự gia tăng ảnh hưởng toàn cầu của Trung Quốc. Điều này tạo ra sự hội tụ chiến lược giữa Ấn Độ và Mỹ trong đối phó với Trung Quốc tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Lĩnh vực mà Chính phủ Modi và Chính quyền Trump ưu tiên hợp tác là quốc phòng - an ninh. Bài viết đưa ra các số liệu cụ thể về trang thiết bị mà Ấn Độ mua từ Mỹ minh chứng cho quan hệ quốc phòng, an ninh hai nước ngày càng khởi sắc. Tác giả cũng chỉ ra Trung Quốc là nhân tố thúc đẩy quan hệ Mỹ - Ấn Độ. Cả Ấn Độ và Mỹ đều gửi đi tín hiệu cho thấy họ sẽ hợp tác gần gũi với nhau để đối phó với Trung Quốc ở cấp độ toàn cầu và khu vực.

Bài viết “*Special Issue on India - US Relations under the Joe Biden Administration*” (Vấn đề đặc biệt trong Quan hệ Ấn Độ - Mỹ dưới thời Chính quyền Joe Biden) đăng trên Tạp chí Indian Foreign Affairs, New Delhi (2020) chỉ ra sự khéo léo mềm dẻo của ông Modi trong quan hệ với Mỹ. Đồng thời, tài liệu cũng đề cập đến việc cả hai nhà lãnh đạo nhắc lại “cam kết vững chắc đối với quan hệ đối tác chiến lược Mỹ - Ấn Độ” và thảo luận, chia sẻ các ưu tiên và mối quan tâm, đại dịch COVID-19, biến đổi khí hậu và hợp tác ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương”.

Trong bài viết “*India-US Relations under the Biden Administration: Future through Prism of the Past*” (Quan hệ Ấn Độ - Mỹ dưới thời Chính quyền Biden:

Tương lai thông qua Lăng kính quá khứ), đăng trên tạp chí Indian Foreign Affairs Journal (2020), hai tác giả Bhattacharya và Sanjukta cho rằng Chính quyền hiện tại của Mỹ còn quá non trẻ để bình luận về mối quan hệ giữa Ấn Độ với Mỹ trong 4 năm tới. Tuy nhiên, nhìn lại các tuyên bố tranh cử của Tổng thống Biden về Ấn Độ, Trung Quốc, Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, Biến đổi khí hậu, Nhân quyền và vai trò lãnh đạo của Mỹ trên thế giới cũng như các Sắc lệnh hành pháp, Biên bản ghi nhớ và Tuyên bố ban đầu của ôngcó thể cho thấy Ấn Độ được đặt dưới sự quan tâm của Mỹ thời kỳ tới này. Ông J. Biden nhận định quan hệ Mỹ - Ấn Độ dưới thời chính quyền Trump chủ yếu dựa vào một trụ cột của mối quan hệ song phương toàn diện: an ninh và quốc phòng. Trong chiến dịch tranh cử, ông đã gọi Ấn Độ là “đối tác tự nhiên” và trong cuộc trò chuyện qua điện thoại giữa Modi và Biden ngay sau cuộc bầu cử tháng 11, cả hai đã nhắc lại cam kết của họ đối với quan hệ đối tác chiến lược Mỹ - Ấn Độ và thảo luận về các ưu tiên chung bao gồm cam kết hợp tác trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Bài viết “*A Critical View of Indo-US Relations Under Obama Administration*” (Một quan điểm phân tích về quan hệ Ấn Độ - Mỹ dưới thời Tổng thống Obama) của tác giả Wakil, Imran; Mustafa, Ghulam và Nida Shabbir đăng trên Tạp chí Journal of the Research Society của Pakistan (2022) trình bày và phân tích Chính sách đối ngoại của Mỹ đối với Ấn Độ dưới thời Tổng thống Obama. Tác giả cho rằng chính sách này có sự tiếp nối của những người tiền nhiệm G.W. Bush và Bill Clinton. Trong đó, đề cập đến việc Tổng thống Obama đã viết thư cá nhân của mình cho Thủ tướng Ấn Độ Manmohan Sing rằng quan hệ Ấn Độ - Mỹ sẽ phát triển trên diện rộng vì cả hai nước đều có những lợi ích chung. Obama bày tỏ quan điểm rằng quan hệ kinh tế giữa hai nước sẽ phát triển tốt đẹp dưới thời của ông, coi Thỏa thuận hạt nhân Ấn Độ - Mỹ là một khởi đầu tốt trong việc phát triển quan hệ thân thiết với Ấn Độ. Mối quan hệ ngoại giao giữa cả hai quốc gia đã được củng cố thông qua ngoại giao hội nghị thượng đỉnh. Tổng thống Obama và các thủ tướng của Ấn Độ đã thăm lẫn nhau, từ đó một số thỏa thuận song phương quan trọng được ký kết. Bên cạnh đó, bài viết cũng đưa ra quan điểm phê phán về quan hệ Ấn - Mỹ dưới thời chính quyền Bush.

1.1.3.2 Về quan hệ Mỹ - Ấn Độ trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng

Qua bài nghiên cứu “*India - US Defence and Security Coopertion: An analysis*” (Hợp tác An ninh và Quốc phòng Ấn Độ - Mỹ: Một phân tích) đăng trên trang web Jagran Jossh của Ấn Độ tháng 6/2016, tác giả Shравan Nune khẳng định Ấn Độ và Mỹ mong muốn thúc đẩy hợp tác quốc phòng, an ninh và điều này được phản ánh rõ nét trong Tầm nhìn Chiến lược đối với khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, Tầm nhìn kết nối Chiến lược “Hành động hướng Đông” của Chính phủ Modi và Học thuyết “xoay trục sang châu Á” của chính quyền Tổng thống Obama năm 2015. Bài viết chỉ ra lý do Mỹ cần Ấn Độ để tăng cường ảnh hưởng trong khu vực này và đối phó với Trung Quốc. Ngược lại, Ấn Độ mong muốn hợp tác với Mỹ để đối phó với các mối đe dọa hạt nhân, phục vụ hiện đại hoá quân đội, đối phó với Trung Quốc, Pakistan.

Bài nghiên cứu “*2+2 Dialogue and Indo U.S. Relations*” (Đối thoại “2 + 2” và Quan hệ Mỹ - Ấn Độ) của tác giả P K Mallick đăng trên tạp chí của Vivekananda International Foundation vào tháng 10/2018 đi sâu phân tích về Đối thoại 2+2 cấp Bộ trưởng Quốc phòng, Bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ - Mỹ, tập trung thảo luận một loạt các vấn đề an ninh, chiến lược, quốc phòng, kinh tế, thương mại, đặc biệt đến vấn đề nhập khẩu dầu từ Iran. Bên cạnh các nội dung như những tiến triển trong quan hệ hai nước, vấn đề thương mại, quan ngại của Mỹ về trao đổi thương mại với Ấn Độ, vấn đề visa H1B cho lao động Ấn Độ, thì nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào các vấn đề hợp tác an ninh giữa hai nước đặc biệt là các vấn đề trong các thoả thuận hợp tác quốc phòng Mỹ - Ấn Độ gồm Thoả thuận về tính tương thích và bảo mật thông tin – COMCASA, Thoả thuận Hợp tác và Trao đổi cơ bản về chia sẻ thông tin không gian địa lý – BECA. Bên cạnh đó các vấn đề Afghanistan, Pakistan, tập trận chung, hợp tác trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, vấn đề hợp tác Ấn Độ - Nga... cũng được hai nước bàn thảo cụ thể, chi tiết, có biện pháp cụ thể để giải quyết có hiệu quả nhằm thúc đẩy quan hệ đối ngoại giữa hai nước Mỹ - Ấn Độ.

Đề tài nghiên cứu “*Indo-US security and defence cooperation - an imperative for India*” (Hợp tác Quốc phòng và An ninh Ấn Độ - Mỹ - vấn đề đặt ra đối với Ấn Độ)

của học giả Amit Kumar Sharma (2020) là một tài liệu giá trị. Trong đó, tác giả đã tập trung đi sâu phân tích quan hệ quốc phòng, an ninh Mỹ - Ấn Độ từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay. Qua đó, chỉ rõ quan hệ an ninh - quốc phòng giữa Ấn Độ và Mỹ ngày càng phát triển về cả phạm vi, quy mô và lĩnh vực, thực trạng hợp tác ngày càng đi vào thực chất và hiệu quả hơn. Nghiên cứu cũng đưa ra những khuyến nghị cho Ấn Độ cần khai thác tốt yếu tố tương đồng lợi ích về quốc phòng, an ninh trong quan hệ với Mỹ để trở thành cường quốc khu vực và cường quốc thế giới.

Trong bài viết “*India-US Defence Trade Continuity under Trump*” (Sự tiếp nối của Thương mại Quốc phòng Ấn Độ - Mỹ dưới thời Trump) đăng trên Tạp chí Observer Research Foundation số 376 tháng 7/2020, Kashish Parpiani chỉ ra các yếu tố tác động khiến chính quyền Trump tiếp tục thực hiện thương mại quốc phòng với Ấn Độ. Động lực trước tiên xuất phát từ vai trò của các nhà cung cấp vũ khí Mỹ đối với chính sách “Mua của người Mỹ”, họ cho rằng thúc đẩy xuất khẩu vũ khí và thương mại quốc phòng là cách thức tốt nhất để giảm sự mất cân bằng về thương mại giữa Mỹ và Ấn Độ. Bên cạnh đó, chính quyền Trump đang tìm cách lôi kéo Ấn Độ tham gia vào Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tự do và Mở nên thương mại quốc phòng sẽ thúc đẩy quan hệ Mỹ - Ấn Độ xích lại gần nhau hơn vì Ấn Độ đang có nhu cầu xây dựng sức mạnh quân sự rất lớn. Bài viết cũng chỉ ra thương mại quốc phòng góp phần phát triển khả năng kiểm soát biển của Ấn Độ, đồng thời chỉ ra mối quan tâm bảo vệ lợi ích biển trước sự xâm nhập ngày càng tăng của Trung Quốc tại khu vực Ấn Độ Dương. Nghiên cứu cũng đề xuất một số gợi mở cho New Delhi trong thương mại quốc phòng với Mỹ.

Bài viết “*Quan hệ đối tác Mỹ - Ấn Độ: hướng tới sự đồng thuận chiến lược*” của tác giả Nguyễn Trần Xuân Sơn đăng trên Tạp Chí Cộng sản ngày 02/10/2020 khái quát về mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ từ năm 2000 đến năm 2020 trong đó chủ yếu đi sâu trình bày và phân tích quan hệ an ninh - quốc phòng Mỹ - Ấn Độ do có sự tương đồng về mục tiêu và lợi ích chiến lược. Chính sự gia tăng hội tụ lợi ích giữa Mỹ và Ấn Độ là nguyên nhân chủ yếu đưa hai nước tiến lại gần nhau. Tác giả đề cập nhiều đến quan hệ Mỹ - Ấn Độ trong dưới thời Tổng thống Donald Trump đặc biệt là lĩnh vực hợp tác

quốc phòng - an ninh giữa hai nước. Ấn Độ mua một số lượng lớn máy bay chiến đấu, tăng cường hợp tác chống khủng bố, buôn bán người, mua bán ma tuý, an ninh hàng hải và an ninh mạng. Bên cạnh đó, hai nước tích cực thể chế hoá các cơ chế hợp tác, tạo tiền đề vững chắc cho thúc đẩy hợp tác toàn diện giữa hai nước. Việc thiết lập cơ chế đối thoại 2+2 cấp bộ trưởng quốc phòng, bộ trưởng ngoại giao hai nước, ký kết Thỏa thuận trao đổi hậu cần (LEMOA) và Thỏa thuận về tính tương thích và bảo mật thông tin (COMCASA) là minh chứng rõ nét cho quan hệ an ninh – quốc phòng ngày càng phát triển. Bài viết còn đề cập đến tầm nhìn chiến lược của Mỹ đối với Ấn Độ và triển vọng quan hệ hai nước.

Một số bài nghiên cứu của chính tác giả Quách Thị Huệ về quan hệ Mỹ - Ấn Độ cũng là nguồn tư liệu tham khảo cho đề tài như: Bài viết “*Những ưu tiên trong chính sách an ninh của Tổng thống Mỹ Joe Biden*” đăng trên Tạp chí Lý luận chính trị số 8 năm 2021 chỉ ra rằng: Bên cạnh việc quan tâm giải quyết những vấn đề an ninh trong nước thì khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, đặc biệt là Ấn Độ tiếp tục là ưu tiên quan trọng trong chính sách đối ngoại của Mỹ dưới thời Tổng thống J. Biden. Bài viết cho thấy Ấn Độ là cầu nối quan trọng để Mỹ tạo dựng tầm ảnh hưởng trong khu vực thông qua khuôn khổ hợp tác Bộ tứ QUAD và xây dựng quan hệ đối tác Á – Âu. Bài viết “*Những bước tiến mới trong hợp tác công nghệ quân sự Ấn Độ - Mỹ*”, Tạp chí Lý luận Chính trị Công an nhân dân, số 65, tháng 3 năm 2021 cho thấy: Trên cơ sở nhận thức chung về tầm quan trọng của khoa học công nghệ quân sự, Mỹ và Ấn Độ cùng nhau thúc đẩy hợp tác an ninh trên lĩnh vực công nghệ quân sự. Bài viết trình bày những bước tiến trong hợp tác công nghệ quân sự Mỹ - Ấn Độ trong thời gian gần đây, đồng thời dự báo triển vọng hợp tác hai nước trong bối cảnh mới và đề cập đến những thách thức đặt ra. Bài viết “*Vai trò của Mỹ trong tranh chấp lãnh thổ Ấn Độ - Pakistan*” của hai tác giả Nguyễn Thị Oanh, Quách Thị Huệ đăng trên Tạp chí Lý luận chính trị số 526, tháng 12/2021 đề cập đến những tranh chấp lãnh thổ giữa hai quốc gia hạt nhân ở Nam Á là Ấn Độ và Pakistan và những tác động của vấn đề này đối với khu vực và thế giới. Sự can dự của Mỹ vào vấn đề này trong suốt nhiều thập kỷ qua đã có những điều chỉnh do tác động của bối cảnh khu vực, quốc tế, sự thay đổi lợi ích chiến lược và quan điểm

chính trị của Mỹ đối với Nam Á. Bài viết làm rõ vai trò của Mỹ trong tranh chấp lãnh thổ Ấn Độ - Pakistan với tư cách là đồng minh của Pakistan và là đối tác chiến lược của Ấn Độ. Qua đó chỉ ra sự thay đổi của Mỹ từ vai trò là chủ thể giải quyết xung đột thành chủ thể quản lý khủng hoảng và đưa ra một số nhận định về động cơ chính sách của Mỹ trong tranh chấp lãnh thổ Ấn Độ - Pakistan. Bài viết cũng cho thấy những thay đổi trong chính sách của Mỹ đối với Ấn Độ và Pakistan trong vấn đề cân bằng đối tác vì mục tiêu và lợi ích quốc gia.

Cuốn sách “*Quan hệ quốc tế ở khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương Tự do và Mở rộng*” của tác giả Phạm Quang Minh, Nguyễn Thị Thuỳ Trang (Đồng chủ biên), Nhà xuất bản Thế giới năm 2021 là bức tranh toàn cảnh về hợp tác và cạnh tranh trong khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương. Đặc biệt là chương “*Sự tương đồng lợi ích chiến lược của Ấn Độ và Mỹ ở khu vực Đông Nam Á hiện nay*” của tác giả Quách Thị Huệ chỉ ra những nhận thức của Mỹ và Ấn Độ về lợi ích song trùng từ đó dẫn tới sự điều chỉnh chiến lược đối ngoại của hai nước theo chiều hướng phát triển hợp tác sâu rộng hơn. Bài viết cũng đề cập đến yếu tố Trung Quốc như chất xúc tác khiến quan hệ Mỹ - Ấn Độ ngày càng kết dính hơn và Đông Nam Á là nơi hội tụ chiến lược Mỹ, Ấn Độ đồng thời cũng là nơi giao tranh quyền lực của cả ba cường quốc Mỹ, Ấn Độ, Trung Quốc.

1.1.3.3 Về quan hệ Mỹ - Ấn Độ trên lĩnh vực kinh tế

Bài viết “*Prospects for US-India Economic Relations under Prime Minister Modi*” (Triển vọng Quan hệ Kinh tế Mỹ - Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Modi) của tác giả Pravakar Sahoo (2014), đăng trên Asia Pacific Bulletin của East-West Centre, đã chỉ ra động lực cho thúc đẩy hợp tác đầu tư và thương mại giữa hai nước. Trong đó động lực quan trọng nhất chính là những chính sách cải cách của Chính phủ Modi như tăng ngân sách cho lĩnh vực quốc phòng và bảo hiểm tạo cơ hội lớn về thương mại và đầu tư cho các công ty của Mỹ. Bên cạnh những tiềm năng phát triển, tác giả cũng chỉ ra những thách thức của Mỹ khi hợp tác thương mại, đầu tư với Ấn Độ đó là chính sách bảo hộ, áp đặt các rào cản kỹ thuật đối với hàng hoá của Mỹ. Tuy vậy, triển vọng quan hệ thương mại Mỹ - Ấn Độ rất lớn bởi hai nước đã có những cam kết về hợp tác hạt nhân dân sự, khoa học, công nghệ, quốc phòng, năng

lượng sạch và giáo dục. Đặc biệt, Diễn đàn Chính sách thương mại Mỹ - Ấn Độ thành lập năm 2005 được đẩy mạnh trong thời gian qua, tập trung giải quyết những vướng mắc về nông nghiệp, đổi mới sáng tạo, đầu tư, dịch vụ và các rào cản thuế quan và phi thuế quan.

Cuốn sách *India's trade, investment, industrial policies and their effects on the U.S* (Các chính sách thương mại, đầu tư, công nghiệp của Ấn Độ và những tác động đối với Mỹ) của tác giả A. Maldonado (2015) đã phân tích các chính sách thương mại, đầu tư và công nghiệp của Ấn Độ đối với Mỹ. Cuốn sách cũng dành một chương đề trình bày về quan hệ kinh tế Mỹ - Ấn Độ, trong đó khẳng định Ấn Độ là đối tác thương mại và kinh tế quan trọng của Mỹ và ngược lại, đồng thời cũng đề cập đến những rào cản thương mại giữa hai nước. Phần chính nội dung tài liệu đưa ra những chính sách của Ấn Độ đối với Mỹ trên lĩnh vực kinh tế và những tác động của các chính sách này đối với Mỹ và quan hệ hai nước. Đáng chú ý, cuốn sách đề cập đến vai trò của Thủ tướng Modi trong việc mở ra cơ hội để hai nước cụ thể hoá các nội dung hợp tác, loại bỏ những rào cản để thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược Mỹ - Ấn Độ. Khẳng định Ấn Độ chủ động bàn luận và đề xuất cách thức tăng cường hơn nữa hợp tác về thương mại, đầu tư giữa hai nước Mỹ - Ấn Độ.

Hai tác giả Emiko Fukase và Will Martin trong bài nghiên cứu "*The Economic Potential of an India-US Free Trade Agreement*" (Tiềm năng kinh tế của Hiệp định Thương mại Tự do Ấn Độ - Mỹ) đăng trên Tạp chí Economic Integration số 4 tháng 12/2016 đi sâu khai thác tiềm năng của Hiệp định thương mại tự do Mỹ - Ấn Độ và những tác động kinh tế mà hiệp định này mang lại cho hai nước. Nhìn chung hiệp định này mang lại lợi ích cho cả Mỹ và Ấn Độ. Theo đó, Mỹ sẽ gặt hái nhiều lợi ích thông qua các điều khoản về cải thiện thương mại đối với lĩnh vực hàng hoá và dịch vụ kể cả khi sự bảo hộ ban đầu của Ấn Độ tương đối cao. Đồng thời Mỹ có thể mở rộng mô hình hợp tác này với các đối tác khác. Trong khi đó, Ấn Độ cũng mở rộng xuất khẩu, đặc biệt trong lĩnh vực dệt may và trang phục. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy hiệp định thương mại tự do này có thể góp phần xây dựng chế độ thương mại tự do lớn hơn trong tương lai.

Bài nghiên cứu “*India-US trade: Renewed and Resilient Relationship*” (Thương mại Ấn Độ - Mỹ: Mối quan hệ được duy trì và phục hồi) của Research Bureau tháng 7/2017 khái quát về các lĩnh vực hợp tác thương mại giữa Ấn Độ và Mỹ hiện nay. Bài viết đưa ra các mốc quan trọng, các số liệu hợp tác cụ thể trao đổi thương mại hai nước, các mặt hàng chủ yếu đóng góp vào trong trao đổi thương mại hai nước, trong đó khẳng định thặng dư thương mại luôn nghiêng về Ấn Độ. Bên cạnh đó, bài viết đi sâu phân tích các số liệu trao đổi thương mại quan trọng, đưa ra những kịch bản về thương mại, đầu tư giữa Ấn Độ và Mỹ.

Tác giả Trần Đức Mậu trong bài viết “*Bế tắc thương mại Mỹ - Ấn Độ*” đăng trên Diễn đàn Doanh nghiệp ngày 01/03/2020 cho rằng: dù đã có nhiều nỗ lực trong nhiều năm qua nhưng đến nay Mỹ và Ấn Độ chưa đạt được thoả thuận thương mại song phương. Ấn Độ bị Tổng thống Trump liệt vào danh sách những nước có thặng dư thương mại lớn đối với Mỹ. Bên cạnh đó, mức thuế quan mà Ấn Độ áp đặt cho hàng hoá của Mỹ khi xuất khẩu vào thị trường Ấn Độ thuộc diện “cao nhất”. Chính quyền Trump cũng không hài lòng với chính sách phân biệt đối xử của Chính phủ Modi đối với các doanh nghiệp Mỹ. Bài viết cho rằng đàm phán thương mại giữa Mỹ và Ấn Độ tiến triển chậm chạp và khó khăn do hai bên chưa thực sự ưu tiên, dồn lực cho đàm phán, bản thân việc ký thoả thuận thương mại hai nước không ảnh hưởng nhiều đến uy tín và các chương trình nghị sự trong nước của Chính quyền Donald Trump và Chính phủ Modi.

Bài viết “*The Push India-US trade needs*” (Thúc đẩy nhu cầu thương mại giữa Ấn Độ và Mỹ) đăng trên *Indian Express* ngày 23/11/2021, đề cập đến việc làm mới Diễn đàn Chính sách Thương mại Mỹ - Ấn Độ và cơ hội tăng cường hợp tác song phương giữa hai nước. Bài viết đánh giá tầm quan trọng của hợp tác thương mại Mỹ - Ấn Độ trong cụ thể hoá nội dung hợp tác của Quan hệ đối tác Chiến lược Mỹ - Ấn Độ và việc hồi sinh Diễn đàn Chính sách Thương mại song phương. Bài viết cũng chỉ ra những thách thức, rào cản hiện nay trong việc thúc đẩy quan hệ thương mại hai nước, đặc biệt là việc áp đặt thuế quan từ cả Ấn Độ và Mỹ, đồng thời đề xuất một số biện pháp nhằm loại bỏ bớt rào cản để thúc đẩy hợp tác thương mại Mỹ - Ấn Độ.

Tài liệu “*US-India Trade relations*” (Quan hệ thương mại Ấn Độ - Mỹ) của

Quốc hội Mỹ phát hành năm 2022 đánh giá rằng quan hệ thương mại Mỹ - Ấn Độ là rào cản trong việc thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược Mỹ - Ấn Độ trong thời gian qua. Các vấn đề như tiếp cận thị trường Ấn Độ và rào cản thương mại mà Ấn Độ áp đặt đối với Mỹ được các nghị sĩ quốc hội, các nhà xuất khẩu, các chính quyền kế tiếp nhau của Mỹ rất quan tâm. Tài liệu này cũng chỉ ra tiềm năng để hai nước thúc đẩy hợp tác thương mại cấp độ song phương và đa phương ở khu vực và toàn cầu mà hai nước có chung lợi ích nếu như Mỹ và Ấn Độ có thể giải quyết được những rào cản thương mại giữa hai nước hiện nay. Nội dung tài liệu còn trình bày về hợp tác thương mại, đầu tư Mỹ - Ấn Độ trong năm 2020, 2021, vấn đề tồn tại cần giải quyết của Chính quyền Biden và Chính phủ Modi như vấn đề chế độ thuế quan của Ấn Độ, thuế quan và thuế tương hỗ đối với mặt hàng sắt và nhôm, thuế dịch vụ số, thương mại quốc phòng, vấn đề tiếp cận thị trường Ấn Độ, vấn đề hợp tác thương mại song phương, khu vực và trong khuôn khổ WTO.

Tài liệu *Indo - US relations* (Quan hệ Ấn Độ - Mỹ) của Cơ quan nghiên cứu Quốc hội Mỹ (2021) đã đánh giá toàn diện quan hệ Mỹ - Ấn Độ từ thời Tổng thống Obama đến Tổng thống Biden trong đó đề cập nhiều đến quan hệ thương mại giữa hai nước. Tài liệu cho rằng quan hệ thương mại là một bộ phận quan trọng trong quan hệ song phương Mỹ - Ấn Độ nhưng gặp nhiều thách thức nhất là việc Ấn Độ áp đặt các rào cản thương mại đối với hàng hóa của Mỹ. Dưới thời Tổng thống Donald Trump, nhiều lần Mỹ đã gây sức ép với Ấn Độ do liên quan đến thâm hụt thương mại giữa hai nước. Dưới thời Tổng thống Joe Biden, hai nước chú trọng hợp tác giải quyết những bất đồng về thuế quan và ưu đãi thương mại, thương mại số, chuỗi cung ứng, vấn đề visa cho lao động Ấn Độ. Ngoài ra, hai nước chú trọng hợp tác trong lĩnh vực hội nhập khu vực và hợp tác đa phương.

1.1.3.4 Về quan hệ Mỹ - Ấn Độ trên một số lĩnh vực khác

Báo cáo Chính sách (*Policy Brief*) của Viện nghiên cứu và phân tích quốc phòng Ấn Độ (IDSA) về “*Quan hệ Ấn Độ - Mỹ*” năm 2020 đề cập tổng quan đến quan hệ này kể từ thời kỳ của Tổng thống George W. Bush cho đến năm 2020. Tài liệu nhấn mạnh quan hệ Đối tác Chiến lược Mỹ - Ấn Độ phát triển rực rỡ, đi vào

chiều sâu, đặt nền tảng cho mở rộng hợp tác giữa Mỹ - Ấn Độ trên các lĩnh vực chủ chốt là quốc phòng - an ninh, năng lượng hạt nhân, vũ trụ, công nghệ cao, thương mại và kinh tế. Trên cơ sở đó, đánh giá triển vọng quan hệ hai nước trên 6 lĩnh vực chính là an ninh; kinh tế; năng lượng và biến đổi khí hậu; phát triển cộng đồng và xã hội; hợp tác về ngoại giao và toàn cầu; cấm phổ biến vũ khí và giải trừ quân bị.

Bài viết “*Technology key to future Indo-US ties*” (Chìa khóa công nghệ cho mối quan hệ Ấn Độ - Mỹ trong tương lai) của tác giả Taranjit Singh Sandu, đăng trên tờ The Hindu của Ấn Độ ngày 10/6/2022 cho rằng năm 2022 được coi là năm quan trọng trong quan hệ thương mại, kinh tế Mỹ - Ấn Độ từ trao đổi thương mại tăng, sự hiện diện hơn 200 doanh nghiệp của Ấn Độ trên đất Mỹ và hơn 2.000 doanh nghiệp Mỹ tại Ấn Độ, tạo nền tảng thúc đẩy quan hệ hai nước. Tác giả cũng nhấn mạnh, công nghệ là nhân tố chủ chốt thúc đẩy hợp tác quan hệ Mỹ - Ấn Độ trong tương lai. Sự hợp tác công nghệ giữa Ấn Độ và Mỹ ở cấp độ chính phủ, các viện nghiên cứu, công ty trên các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật, 5G, công nghệ sinh học.... Đây là lĩnh vực hợp tác mang lại cơ hội nhưng cũng có nhiều thách thức nhất. Hợp tác này được sự giám sát mạnh mẽ giữa Hội đồng An ninh Quốc gia hai nước. Ngoài ra, hai nước còn hợp tác công nghệ trong khuôn khổ “Bộ Tứ”.

1.2. Nhận xét các công trình nghiên cứu và những vấn đề Luận án cần tập trung giải quyết

Quan hệ Mỹ - Ấn Độ là một mối quan hệ song phương khá lâu đời và trải qua nhiều thăng trầm. Các học giả trên toàn cầu quan tâm nghiên cứu rất nhiều về vấn đề này, các sự kiện liên quan đến quan hệ Mỹ - Ấn Độ đều được phản ánh, công bố trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng dưới nhiều hình thức và thể loại khác nhau và có giá trị tham khảo rất lớn.

1.2.1 Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu

Các công trình nghiên cứu về quan hệ Mỹ - Ấn Độ khá đa dạng về nội dung và phong phú về số lượng, trong đó, rất nhiều công trình nghiên cứu dưới hình thức bài tạp chí khoa học, sách, đề tài nghiên cứu khoa học và đề tài nghiên cứu trong các luận văn, luận án. Các nghiên cứu này trình bày và phân tích về quan hệ Mỹ - Ấn Độ trong các giai đoạn thời gian khác nhau, phạm vi

nghiên cứu về không gian cũng khác nhau và nhất là được phản ánh qua các góc tiếp cận và mục tiêu nghiên cứu của từng tác giả/nhóm tác giả khác nhau nên cung cấp cho người đọc những quan điểm đánh giá, cách tiếp cận và kiến thức rất đa dạng, nhiều màu sắc về quan hệ Mỹ - Ấn Độ.

Các công trình nghiên cứu về quan hệ Mỹ - Ấn Độ trước năm 2014 phản ánh mối quan hệ này là tương đối mờ nhạt. Từ khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, quan hệ hai nước dần chuyển biến tích cực hơn. Các công trình nghiên cứu này cung cấp các cơ sở lịch sử cho luận án tiếp tục nghiên cứu về mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ giai đoạn 2014 - 2022 và làm cung cấp dữ liệu để so sánh, làm rõ đặc điểm của quan hệ Mỹ - Ấn Độ giai đoạn 2014 - 2022 so với giai đoạn trước đó.

Các nghiên cứu tổng thể về quan hệ Mỹ - Ấn Độ giai đoạn từ sau năm 2014 rất đa dạng hơn và là nguồn tư liệu tham khảo quý giá. Phần lớn các công trình này thường giới hạn trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2021 và nghiên cứu, trình bày về các sự kiện hay vấn đề mới, vấn đề cụ thể trong quan hệ Mỹ - Ấn Độ. Nguồn tư liệu này chủ yếu nghiên cứu trong một giai đoạn cụ thể và dưới góc tiếp cận của các tác giả. Cụ thể là:

Một nhóm các công trình nghiên cứu tập trung vào trình bày và phân tích mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ trên các lĩnh vực như chính trị - ngoại giao, kinh tế, quốc phòng - an ninh, khoa học - công nghệ, y tế, văn hoá, giáo dục.... Các công trình này nêu bật những điểm tương đồng trong quan hệ hai nước, tạo nền tảng cho thúc đẩy quan hệ Mỹ - Ấn Độ ngày càng phát triển tốt đẹp hơn. Bên cạnh đó, các công trình nghiên cứu của nước này cũng chỉ ra những cản trở do toan tính chiến lược giữa hai nước khác nhau. Mặc dù, mỗi tác giả có ý kiến khác nhau về cách thức thúc đẩy quan hệ Mỹ - Ấn Độ nhưng thường nhấn mạnh lợi ích quốc gia là vấn đề quan trọng trong quan hệ với Mỹ - Ấn Độ.

Một nhóm công trình nghiên cứu khác lại nhấn mạnh tác động của yếu tố Trung Quốc trong quan hệ Mỹ - Ấn Độ, coi đó là lý do chính mà lãnh đạo hai nước Mỹ và Ấn Độ cần phải thúc đẩy hợp tác song phương và đa phương. Đồng thời, các nhà nghiên cứu cũng bày tỏ ý nghĩa của sự hợp tác giữa Mỹ và Ấn Độ đối với

an ninh khu vực và toàn cầu, sự coi trọng của Mỹ đối với vai trò của Ấn Độ trong khu vực, sẵn sàng ủng hộ và thúc đẩy vị thế ngày càng cao cho Ấn Độ trong khu vực và nhấn mạnh những lợi ích tương đồng và song trùng chiến lược giữa hai nước trong khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương.

Một số công trình nghiên cứu khác lại chú trọng phân tích các mục tiêu và cách thức Mỹ sử dụng để lôi kéo Ấn Độ cũng như những hạn chế trong quan hệ hai nước và những tác động tiêu cực mà mối quan hệ này đưa đến cho cục diện khu vực. Ở góc nhìn khác, một số tác giả đề cập đến vai trò của lãnh đạo trong quan hệ Mỹ - Ấn Độ hiện nay, đặc biệt là vai trò của thủ tướng Modi thúc đẩy mạnh mẽ quan hệ hai nước lên tầm cao mới.

Các công trình nghiên cứu của Việt Nam cho thấy vai trò của Mỹ và Ấn Độ trong các cấu trúc an ninh khu vực và quốc tế. Sự hợp tác giữa Mỹ và Ấn Độ góp phần vào duy trì hòa bình và hợp tác, tạo cân bằng quyền lực tại khu vực, ngăn chặn hành động gây căng thẳng của Trung Quốc tại các khu vực tranh chấp. Quan hệ Mỹ - Ấn Độ cũng được Việt Nam quan tâm nghiên cứu vì đây là một trục quan hệ quan trọng trong quan hệ quốc tế hiện nay. Sự hợp tác giữa hai nước có ảnh hưởng rất lớn đối với an ninh lợi ích Việt Nam. Ấn Độ là Đối tác chiến lược toàn diện và là ưu tiên trong quan hệ đối ngoại của Việt Nam. Mỹ là Đối tác toàn diện của Việt Nam, là thị trường lớn của Việt Nam, là quốc gia có trình độ khoa học kỹ thuật tiên tiến và nguồn vốn lớn mà Việt Nam muốn hợp tác. Các công trình nghiên cứu của Việt Nam về quan hệ Mỹ - Ấn Độ chủ yếu là bài viết tập trung mô tả quá trình quan hệ Mỹ - Ấn Độ trên các lĩnh vực thông qua các sự kiện cụ thể.

Nói chung, tài liệu nghiên cứu về quan hệ Mỹ - Ấn Độ rất phong phú vì đây là vấn đề quan trọng trong quan hệ quốc tế hiện nay. Các công trình này thường nghiên cứu về quan hệ Mỹ - Ấn Độ qua từng giai đoạn, gắn với sự thăng trầm của quan hệ hai nước, tập trung vào các lĩnh vực mà hai bên đạt được. Các lĩnh vực được nghiên cứu nhiều nhất là chính trị - ngoại giao, an ninh - quốc phòng và kinh tế, trong đó an ninh - quốc phòng được tập trung nhiều nhất, vì đây là lĩnh vực rõ nét nhất trong quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn cầu Toàn diện Mỹ - Ấn Độ hiện nay.

Ngoài ra, cũng có rất nhiều các công trình khoa học nghiên cứu về mối quan hệ này trên từng lĩnh vực cụ thể. Chiếm tỷ lệ cao trong nguồn tư liệu này là các bài viết khoa học và sách của các học giả từ Mỹ và Ấn Độ về hợp tác an ninh – quốc phòng và thương mại – đầu tư giữa hai nước. Đa phần các công trình nghiên cứu này cũng được giới hạn trong các phạm vi thời gian và không gian nghiên cứu cụ thể và tùy vào mục tiêu nghiên cứu của mỗi học giả/nhóm học giả. Các nghiên cứu thường đi sâu mô tả hoặc phân tích về một lĩnh vực hợp tác, cạnh tranh cụ thể trong một giai đoạn ngắn, thường là thời điểm có những vấn đề nổi cộm trong quan hệ Mỹ - Ấn Độ. Do đó, các nghiên cứu này là nguồn tư liệu tham khảo rất có giá trị khi nghiên cứu về từng lĩnh vực cụ thể trong quan hệ Mỹ - Ấn Độ giai đoạn 2014 – 2022.

Tóm lại, các nghiên cứu của các học giả trong nước và quốc tế về quan hệ Mỹ - Ấn Độ rất đa dạng, từ toàn diện đến những lĩnh vực cụ thể. Các công trình nghiên cứu này cung cấp kiến thức về lịch sử quan hệ hai nước, những điểm tương đồng về lợi ích, những cản trở do toan tính chiến lược của mỗi bên. Giới nghiên cứu Ấn Độ và Mỹ tập trung chỉ ra những thuận lợi và thách thức trong quan hệ hai nước, từ đó đề xuất các biện pháp để củng cố quan hệ, giảm thiểu thách thức, tạo đà cho thúc đẩy quan hệ hai nước. Phần lớn các nghiên cứu gắn liền với sự kiện quan trọng như trao đổi đoàn cấp cao, các Tuyên bố chung, các thoả thuận hay các vấn đề nổi bật khác liên quan đến quan hệ hai nước. Các công trình nghiên cứu cũng đề cập đến các yếu tố ảnh hưởng, chi phối đến quan hệ Mỹ - Ấn Độ, đặc biệt là yếu tố Nga, Trung Quốc, Iran, Afghanistan và Pakistan. Đây chính là nội dung cần chú ý đưa vào khi đánh giá, dự báo quan hệ Mỹ - Ấn Độ trên các lĩnh vực mà Luận án nghiên cứu.

Tuy nhiên, do mục tiêu nghiên cứu khác nhau nên các phần lớn các công trình phản ánh vấn đề cụ thể, một lĩnh vực hợp tác, hoặc quan hệ Mỹ - Ấn Độ trong từng giai đoạn nhất định. Nội dung các nghiên cứu thường trình bày theo sự kiện, hoặc phân tích bản chất, ý đồ thực sự của hai nước trong từng phạm vi, lĩnh vực nào đó. Mức độ nghiên cứu về hợp tác giữa hai nước trên các lĩnh vực chưa phản ánh hết các nội dung vấn đề đến giai đoạn hiện nay (đến năm 2022). Quan hệ hai nước phát triển rất mạnh dưới thời Tổng thống D. Trump và Thủ tướng Modi

nhưng mới được đề cập đơn lẻ hoặc khái quát, chưa phân tích chi tiết, đánh giá tỉ mỉ, tìm ra bản chất vấn đề và dự báo xu hướng phát triển của quan hệ hai nước trong tương lai. Đây là khoảng trống để Luận án tiếp tục đi sâu nghiên cứu, làm rõ, phân tích đặc điểm và đánh giá bản chất mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ cũng như xu thế phát triển của mối quan hệ này trong tương lai.

1.2.2 Những vấn đề luận án kế thừa

Thông qua nghiên cứu và tổng hợp từ các nguồn tài liệu khác nhau về quan hệ Mỹ - Ấn Độ, cần khẳng định rằng các công trình đã công bố là nguồn tư liệu vô cùng quý giá, có tính khoa học cao và cung cấp nhiều kiến thức cũng như luận cứ khoa học cho việc nghiên cứu đề tài quan hệ Mỹ - Ấn Độ (2014 – 2022). Theo đó, Luận án có thể kế thừa rất nhiều kiến thức từ các công trình đã xuất bản ở cả trong nước và quốc tế. Cụ thể là:

Đối với các công trình nghiên cứu về quan hệ Mỹ - Ấn Độ trước năm 2014, Luận án kế thừa các kiến thức khoa học này làm cơ sở lịch sử cho việc nghiên cứu quan hệ Mỹ - Ấn Độ (2014 - 2022). Đây cũng là dữ liệu để so sánh nhằm làm rõ những thay đổi tích cực trong quan hệ Mỹ - Ấn Độ giai đoạn 2014 – 2022 so với giai đoạn trước đó. Từ đó, đánh giá thành tựu, hạn chế và rút ra các kết luận về đặc điểm của quan hệ Mỹ - Ấn Độ từ năm 2014 đến 2022.

Đối với các công trình khoa học luận chứng về các yếu tố tác động đến quan hệ Mỹ - Ấn Độ, luận án dùng làm tài liệu tham khảo để bổ sung và phân tích các yếu tố tác động đến quan hệ Mỹ - Ấn Độ giai đoạn 2014 - 2022. Yếu tố tác động nào từ các giai đoạn trước năm 2014 còn ảnh hưởng tới mối quan hệ này trong giai đoạn 2014 – 2022 và tìm ra những yếu tố tác động mới. Qua đó, phân tích và làm rõ mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đối với quan hệ Mỹ - Ấn Độ. Đây chính là những luận chứng quan trọng định hướng cho nội dung nghiên cứu của Luận án đúng hướng.

Đối với các tư liệu nghiên cứu về quan hệ Mỹ - Ấn Độ trong các giai đoạn khác nhau một cách tổng thể hoặc theo từng lĩnh vực cụ thể cũng là những tư liệu rất hữu dụng, có thể chất lọc và phát triển trong việc triển khai toàn bộ Luận án. Tác giả kế thừa những thành tựu từ các công trình này trong các giai đoạn và lĩnh vực khác

nhau, trên cơ sở đó, tổng hợp, bổ sung, cập nhật những dữ liệu mới, đi sâu phân tích cụ thể, chi tiết các vấn đề trong quan hệ quan hệ Mỹ - Ấn Độ (2014 – 2022). Trên cơ sở đó, đánh giá thành tựu và hạn chế của mối quan hệ này trên tất cả các lĩnh vực, rút ra đặc điểm và phân tích các tác động của quan hệ Mỹ - Ấn Độ đối với mỗi nước, khu vực và Việt Nam. Luận án cũng đưa ra nhận định về các kịch bản có thể xảy ra trong quan hệ Mỹ - Ấn Độ đến năm 2030 và đánh giá mức độ khả thi của mỗi kịch bản này. Luận án gợi mở những hàm ý chính sách cho Việt Nam trong quan hệ với các nước lớn trong bối cảnh quan hệ Mỹ và Ấn Độ vẫn đang có nhiều biến động.

1.2.3 Những “khoảng trống” mà luận án sẽ nghiên cứu bổ sung

Để thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu đã đề ra, trên cơ sở kế thừa những giá trị từ các công trình nghiên cứu đã công bố, Luận án sẽ tập trung làm rõ những điểm mới sau:

Một là, làm rõ thực trạng quan hệ Mỹ - Ấn Độ giai đoạn 2014 – 2022 thông qua trình bày, phân tích cơ sở lý luận và các nhân tố tác động đến mối quan hệ này, hệ thống hoá các nội dung hợp tác và những tồn tại trong quan hệ Mỹ - Ấn Độ trên các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, an ninh – quốc phòng, kinh tế và một số lĩnh vực khác.

Hai là, trên cơ sở trình bày, phân tích toàn diện về thực trạng quan hệ Mỹ - Ấn Độ giai đoạn 2014 - 2022, Luận án sẽ đánh giá tổng thể về quan hệ Mỹ - Ấn Độ giai đoạn này và so sánh để chỉ rõ những khác biệt của mối quan hệ này trong tương quan với giai đoạn trước năm 2014.

Ba là, rút ra đặc điểm và phân tích những tác động của quan hệ Mỹ - Ấn Độ đối với khu vực và Việt Nam; dự báo những kịch bản có thể xảy ra trong sự vận động của mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ đến năm 2030, đề xuất chính sách đối ngoại cho Việt Nam.

Trên đây là các vấn đề chính mà luận án sẽ tập trung nghiên cứu và mong muốn đóng góp trên khía cạnh khoa học và thực tiễn khi thực hiện đề tài nghiên cứu này.

Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUAN HỆ MỸ - ÁN ĐỘ (2014 - 2022)

2.1 Một số vấn đề lý luận về quan hệ Mỹ - Án Độ

Phần này đưa ra một số vấn đề lý luận dựa trên việc nghiên cứu các lý thuyết quan hệ quốc tế phổ biến. Lý thuyết Quan hệ quốc tế là tập hợp quan điểm tương đối bao quát về quan hệ quốc tế trên cơ sở lý luận chung. Các lý thuyết này đều có năm mục đích chính là: Khái quát và mô tả thực tiễn quan hệ quốc tế; tìm hiểu bản chất quan hệ quốc tế; giải thích các hiện tượng trong quan hệ quốc tế; dự báo và hướng dẫn hành [16; tr.8-11]. Trong số rất nhiều các lý thuyết quan hệ quốc tế được áp dụng phổ biến từ thế kỷ XIX đến nay, phải kể tới các lý thuyết cơ bản sau: Chủ nghĩa Hiện thực, Chủ nghĩa Tự do và Chủ nghĩa Kiến tạo. Phần này sẽ trình bày một số luận điểm chính của các lý thuyết này được dùng là khung phân tích để làm rõ mối quan hệ Mỹ - Án Độ.

- Chủ nghĩa Hiện thực (Realism)

Chủ nghĩa Hiện thực là một trong các trường phái lý thuyết quan trọng nhất trong quan hệ quốc tế, xuất hiện từ thời cổ đại và có ảnh hưởng mạnh mẽ đối với tư duy hoạch định chính sách đối ngoại của các quốc gia, nhất là trong thế kỷ XX. Chủ nghĩa Hiện thực còn được gọi là chủ nghĩa Hiện thực chính trị hay Chính trị học quyền lực do lý thuyết này tập trung nghiên cứu các vấn đề chính trị quốc tế và đề cao quyền lực trong quan hệ quốc tế.

Chủ nghĩa Hiện thực cho rằng chủ thể chính trong hệ thống quốc tế là các quốc gia-dân tộc và môi trường của quan hệ quốc tế là vô chính phủ. Mục đích lớn nhất của các quốc gia là tồn tại và “quyền lực là sự cứu cánh của quốc gia trong thế giới vô chính phủ” [16; tr.38]. Các nước lớn có nhiều quyền lực và tầm ảnh hưởng sẽ chiếm ưu thế trong môi trường này. Đối mặt với những mối đe dọa luôn tồn tại từ bên ngoài nên các quốc gia muốn tồn tại phải độc lập và tự cứu mình. Chủ nghĩa Hiện thực cho rằng các quốc gia cần phải quyền lực và phải luôn củng cố, tăng cường quyền lực để bảo đảm chủ quyền, an ninh và lợi ích quốc gia.

Chủ nghĩa Hiện thực nhấn mạnh vấn đề an ninh – xung đột. Các quốc gia đều muốn theo đuổi mục tiêu là lợi ích quốc gia, giành quyền lực và tầm ảnh hưởng cho

mình nên vấn đề xung đột sẽ thường xuyên xảy ra trong quan hệ quốc tế. Chủ nghĩa Hiện thực cho rằng xung đột là tuyệt đối, hợp tác là tương đối, “hợp tác chỉ là trạng thái ngưng nghỉ trước khi bước vào cuộc xung đột mới” [16; tr.39]. Các quốc gia cũng tìm cách cân bằng quyền lực với những quốc gia mạnh hơn nhằm giảm thiểu sự chênh lệch về quyền lực, đồng nghĩa với giảm thiểu các đe dọa về an ninh.

Lý thuyết này nghiên cứu quan hệ quốc tế theo hệ thống cấu trúc. Sự thay đổi của cấu trúc quyền lực khu vực cũng ảnh hưởng tới các chủ thể tồn tại trong môi trường đó. Do vậy, các quốc gia cần điều chỉnh để phù hợp khi môi trường chính trị - an ninh thay đổi

Dựa vào những luận điểm này có thể lý giải rằng: Mỹ và Ấn Độ đều theo đuổi mục tiêu lớn nhất là lợi ích quốc gia và gia tăng quyền lực, khẳng định và tăng cường vị thế của mình trong khu vực và toàn cầu. Trong bối cảnh Trung Quốc ngày càng trỗi dậy và gia tăng ảnh hưởng mạnh mẽ đã trở thành mối đe dọa an ninh chung của cả Mỹ và Ấn Độ, hai nước đã có những điều chỉnh chính sách để đối phó với thách thức chung này. Từ thời cựu Tổng thống B. Obama, Mỹ đã tăng cường sự hiện diện trong khu vực Châu Á và thúc đẩy hợp tác với Ấn Độ nhằm kiềm toả sức mạnh của Trung Quốc, củng cố quyền lực và bảo vệ lợi ích trong khu vực rộng lớn này. Đồng thời, Ấn Độ hợp tác với Mỹ nhằm tăng cường sức mạnh kinh tế, quân sự và nâng cao vị thế trong khu vực để đối trọng với Trung Quốc và bảo vệ lợi ích quốc gia. Ở một khía cạnh khác,

Ấn Độ dưới thời Modi, thực hiện chính sách đối ngoại linh hoạt, cứng rắn và thực dụng, mở rộng tăng cường hợp tác với các nước lớn nhưng cũng có sự độc lập của mình. Mặc dù tăng cường hợp tác với Mỹ để kiềm toả sự bành trướng sức mạnh từ Trung Quốc nhưng Ấn Độ vẫn duy trì đường lối đối ngoại độc lập, không muốn trở thành “con bài” để Mỹ sử dụng chống lại Trung Quốc.

- *Chủ nghĩa Tự do (Liberalism)*

Chủ nghĩa Tự do cũng là một trong những trường phái quan trọng nhất trong các lý thuyết quan hệ quốc tế. Chủ nghĩa Tự do cho rằng môi trường quốc tế có thể khắc chế vô chính phủ và quan hệ quốc tế đa nguyên về chủ thể và lợi ích. Bên cạnh chủ

thể quốc gia, Chủ nghĩa Tự do đề cao vai trò của các cá nhân, tổ chức quốc tế, các công ty xuyên quốc gia, các tổ chức liên chính phủ và phi chính phủ với tư cách là các tác nhân trong quan hệ quốc tế. Điều này không chỉ thúc đẩy hợp tác quốc tế, mà còn góp phần ổn định an ninh quốc tế vì nó khiến cho các chủ thể là quốc gia phải kiêng dè trong các hoạt động đối ngoại của mình.

Lý thuyết này cho rằng các chủ thể không chỉ xung đột mà còn hợp tác với nhau để cùng đạt được lợi ích chung, đặc biệt là thông qua các thể chế quốc tế, các quốc gia có thể thoả thuận để hợp tác cùng có lợi, cùng phát triển. Sự hợp tác này diễn ra trên nhiều lĩnh vực, không chỉ trong khuôn khổ sức mạnh cứng (kinh tế, quân sự) mà còn mở rộng sang các lĩnh vực của sức mạnh mềm như văn hoá, truyền thông, tư tưởng và tôn giáo

Trên cơ sở của lý thuyết chủ nghĩa Tự do, có thể trình bày và phân tích nhiều vấn đề trong quan hệ Mỹ - Ấn Độ. *Thứ nhất*, Mỹ và Ấn Độ đã điều chỉnh chính sách khiến cho mối quan hệ đã chuyển biến từ trạng thái xung đột sang phát triển hợp tác ngày càng sâu rộng vì những mục tiêu và lợi ích khác nhau. *Thứ hai*, hợp tác của Ấn Độ và Mỹ diễn ra trên nhiều lĩnh vực từ kinh tế, chính trị, an ninh quốc phòng đến văn hoá, giáo dục, khoa học và quy mô hợp tác cũng rất đa dạng. *Thứ ba*, Quan hệ Mỹ - Ấn Độ hướng tới nhiều mục tiêu, lợi ích khác nhau, trong đó lợi ích về an ninh, kinh tế và tăng cường sức mạnh mềm đóng vai trò chính yếu, mục tiêu riêng của mỗi nước và mục tiêu chung của khu vực đan xen với nhau. Sự tương đồng về mục tiêu, lợi ích và chế độ dân chủ giữa Ấn Độ và Mỹ cũng thúc đẩy các cơ chế hợp tác đa phương và hướng tới các tổ chức quốc tế như sự hình thành Bộ tứ An ninh - QUAD gồm Mỹ, Ấn Độ, Úc và Nhật Bản.

- Chủ nghĩa Kiến tạo

Chủ nghĩa Kiến tạo bao gồm các quan niệm về bản sắc, các chuẩn tắc, niềm tin và các giá trị cũng mang tính cấu trúc và tạo nên ảnh hưởng mạnh mẽ lên các hoạt động chính trị – xã hội. Theo các nhà kiến tạo, mỗi quốc gia có một bản sắc quốc gia, và bản sắc này giúp định hình các mục tiêu mà quốc gia đó theo đuổi, như an ninh, chính sách đối ngoại hay phát triển kinh tế. Các quốc gia sẽ xác định lợi ích quốc

gia của mình dựa trên cơ sở là những bản sắc này. Trên quan điểm này, cho thấy Mỹ và Ấn Độ cùng chung bản sắc là nước lớn, có vị thế và tầm ảnh hưởng quan trọng đối với khu vực và thế giới. Đây là một trong các nền dân chủ lâu đời và lớn nhất thế giới. Cùng với đó, hai nước cùng sử dụng chung ngôn ngữ là tiếng Anh. Có thể thấy, đây là những điều kiện rất thuận lợi để thúc đẩy quan hệ giữa hai nước.

Chủ nghĩa Kiến tạo đề cao nhận thức chủ quan của con người, cho rằng nhận thức có thể làm thay đổi xã hội. Khả năng chủ quan có thể bổ sung cho quyền lực. Chủ nghĩa Kiến tạo đề cao yếu tố ý thức con người, cho rằng ý thức góp phần quy định chính sách đối ngoại. Điều này lý giải tầm quan trọng của vai trò cá nhân của các nhà lãnh đạo hai nước Mỹ - Ấn Độ trong việc thúc đẩy mối quan hệ hai nước. Đối với Mỹ, mặc dù có sự thay đổi nhân sự nhưng các nhà lãnh đạo của Mỹ các thời kỳ đều có chung quan điểm thúc đẩy quan hệ với Ấn Độ trên nhiều lĩnh vực. Đồng thời, Thủ tướng Ấn Độ N.Modi cũng điều chỉnh mạnh mẽ chiến lược ngoại giao với các nước lớn đặc biệt là Mỹ và phương Tây. Sự tương đồng về ý chí chính trị giữa các nhà lãnh đạo là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy quan hệ hai nước ngày càng phát triển như hiện nay.

Tóm lại, dựa trên các luận điểm của chủ nghĩa Hiện thực, chủ nghĩa Tự do và chủ nghĩa Kiến tạo có thể phân tích các yếu tố tác động, thực trạng của mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ; đánh giá chung và dự báo xu hướng phát triển mối quan hệ này.

2.2. Các nhân tố tác động đến quan hệ Mỹ - Ấn Độ

Từ năm 2014 đến nay, tình hình thế giới, khu vực và nội tại hai nước Mỹ và Ấn Độ có nhiều biến động, đặc biệt là sự trỗi dậy của Trung Quốc, đại dịch Covid và các vấn đề an ninh phi truyền thống mới Tất cả những vấn đề này đã và đang có tác động đến quan hệ Mỹ và Ấn Độ.

2.2.1 Cấp độ toàn cầu

Thứ nhất, cục diện thế giới thế kỷ XXI chủ yếu vẫn do các nước lớn chi phối, song các nước đang phát triển tiếp tục tăng cường hợp tác trong nhiều diễn đàn để bảo vệ lợi ích chung. Xu thế cạnh tranh, xen lẫn hợp tác và tập hợp lực lượng ngày càng mạnh mẽ giữa các nước lớn, trong đó có Mỹ, Trung Quốc, Nga, Ấn Độ nhất là

tại khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương. Cả Mỹ và Ấn Độ đều nhận thức được tình hình này và tiến hành điều chỉnh chiến lược đối ngoại, xác định đối tác, đối tượng trong câu chuyện ngoại giao nước lớn vì mục đích lớn nhất là đảm bảo lợi ích quốc gia. Mỹ - siêu cường duy nhất vẫn nỗ lực duy trì sức mạnh hàng đầu thế giới nhưng đang gặp phải đối thủ lớn là Trung Quốc. Do đó, Mỹ cần mở rộng hợp tác với các nước lớn khác để tạo dựng sức mạnh vượt trội hơn hẳn Trung Quốc. Ấn Độ thì muốn vươn lên nắm giữ vai trò lớn hơn trong quan hệ quốc tế, khẳng định vị thế cường quốc khu vực. Để đạt được mục tiêu này, Mỹ và Ấn Độ cần phải tìm kiếm một đối tác phù hợp để cùng phát triển mà hạn chế được tối đa những va chạm về lợi ích. Trên cơ sở nhận thức về mục tiêu và lợi ích chung, Mỹ và Ấn Độ đã xác định quan hệ đối tác, tìm thấy điểm tương đồng và tiến hành điều chỉnh chính sách đối ngoại, từ đó đưa quan hệ song phương tiến lại gần nhau hơn.

Thứ hai, xu thế toàn cầu hoá, khu vực hoá phát triển nhanh chóng với sự ra đời của hàng loạt các tổ chức khu vực và các cơ chế hợp tác khác nhau như: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á - ASEAN; Cộng đồng Thị trường Nam Mỹ - MERCOSUR, Hiệp định Tự do thương mại Bắc Mỹ - NAFTA, Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương – TPP, Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương - CPTTP, Sáng kiến về Hợp tác kinh tế và kỹ thuật đa ngành - BIMSTEC, Sáng kiến Vành đai và Con đường - BRI, Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực – RCEP, Chiến lược Ấn Độ dương – Thái Bình Dương Tự do và Mở rộng - FOIP..... Sự phát triển của xu thế toàn cầu hoá và khu vực hóa đã tạo động lực thúc đẩy sự liên kết kinh tế khu vực, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế toàn cầu; thúc đẩy mở cửa thị trường quốc gia, hình thành các thị trường khu vực rộng lớn; thúc đẩy tự do hóa thương mại đầu tư dịch vụ liên khu vực. Xu thế này cũng đã khiến cho các nước đã và đang chuyển từ đối đầu sang đối thoại, hòa hoãn, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế phù hợp với xu thế hòa dịu trên toàn thế giới. Theo đó, mở ra cơ hội để hai nền dân chủ lâu đời và lớn nhất thế giới là Mỹ và Ấn Độ xích lại gần nhau, để hợp tác cùng có lợi, cùng phát triển và cùng mở rộng phạm vi tầm ảnh hưởng.

Thứ ba, sự bùng nổ và phát triển của khoa học công nghệ thúc đẩy hợp tác Mỹ -

Ấn Độ. Cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư (Cánh mạng 4.0) đã biến khoa học công nghệ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp thúc đẩy sự phát triển kinh tế, làm chuyên dịch nhanh cơ cấu kinh tế và biến đổi sâu sắc đến các lĩnh vực đời sống xã hội. Điều này đã mở ra cơ hội to lớn cho quá trình hội nhập và phát triển của các quốc gia trên khắp thế giới, nhất là các nước lớn như Mỹ và Ấn Độ. Trong đó, Ấn Độ là cường quốc khu vực đang nỗ lực vươn mình ra thế giới nên rất cần nguồn vốn, khoa học – kỹ thuật và thị trường. Mỹ là siêu cường đáp ứng được các điều kiện đó và bù lại Mỹ cũng rất muốn mở rộng đầu tư và phát triển sản xuất ở các thị trường lớn, tiềm năng, giá nhân công rẻ như Ấn Độ. Do đó, sự phát triển của khoa học công nghệ đã trở thành động lực thúc đẩy hợp tác giữa hai nước, mang lại cơ hội nâng cao vị thế, sức mạnh cho cả Ấn Độ và Mỹ trong khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương.

Thứ tư, các vấn đề toàn cầu và các vấn đề an ninh phi truyền thống mới liên tục xuất hiện thúc đẩy các quốc gia kết nối với nhau cùng ứng phó với các thách thức chung. Các vấn đề nổi cộm nhất như: khủng bố, vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, an ninh kinh tế, vấn đề tôn giáo, sắc tộc, an ninh biên giới quốc gia, khu vực, tranh giành tài nguyên chiến lược, khủng hoảng di cư, bùng nổ dân số, tội phạm, đói nghèo, đại dịch covid - 19.... Bối cảnh này đòi hỏi các nước lớn như Mỹ và Ấn Độ thể hiện trách nhiệm trước cộng đồng quốc tế. Trong những vấn đề an ninh toàn cầu này thì Mỹ và Ấn Độ cùng chung mục tiêu quốc gia là chống khủng bố và đại dịch Covid-19. Trước sự gián đoạn của chuỗi cung ứng, cùng với chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng gia tăng và lời mời hấp dẫn từ Ấn Độ, chính quyền D. Trump đã nỗ lực dịch chuyển sản xuất từ Trung Quốc sang Ấn Độ. Thêm vào đó, Tổng thống J. Biden kế nhiệm đã tập trung vào việc đa dạng hóa chuỗi cung ứng của Mỹ do đó làm cho vai trò của Ấn Độ trong chuỗi cung ứng toàn cầu trở nên nổi bật hơn.

Thứ năm, yếu tố Trung Quốc: Sau hơn 40 năm cải cách mở cửa đất nước (1978 - 2022), Trung Quốc đã vươn mình trở thành một cường quốc kinh tế và quân sự lớn thứ hai thế giới chỉ sau Mỹ. Năm 2010 kinh tế Trung Quốc đã vượt cả EU và Nhật Bản trở thành nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới sau Mỹ [135]. Năm 2021, Trung

Quốc vượt Mỹ trở thành nước giàu nhất thế giới [171]. Bên cạnh đó, Trung Quốc còn đưa ra hàng loạt sáng kiến hợp tác, trong đó nổi bật nhất là Sáng kiến Vành đai và Con đường để ràng buộc về kinh tế đối với các nước, từ đó chi phối về chính trị, cạnh tranh ảnh hưởng với Mỹ trên toàn cầu. Ở châu Phi, Trung Quốc đã trở thành nước đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất trong giai đoạn 2005 – 2016 với 293 dự án, với tổng số vốn khoảng 66,4 tỉ USD và tạo ra 130.750 việc làm [134]. Ở châu Âu, năm 2020, vượt qua Mỹ, Trung Quốc trở thành đối tác thương mại lớn nhất của EU. Ở châu Á, hiện Trung Quốc dường như chi phối hoàn toàn Lào và Campuchia, Myanmar và lấn át vai trò của Mỹ ở Đông Nam Á. Ở khu vực Nam Á, hiện Trung Quốc tăng cường ảnh hưởng ở Bangladesh, Maldives, Nepal và Sri Lanka nhằm mở rộng ảnh hưởng ở khu vực Nam Á vốn được coi là sân sau chiến lược của Ấn Độ để cạnh tranh ảnh hưởng với Ấn Độ ở khu vực Ấn Độ Dương [138]. Trung Quốc dưới thời Chủ tịch Tập Cận Bình còn chú trọng xây dựng, tăng cường sức mạnh quân sự. Từ năm 2010, ngân sách quốc phòng của Trung Quốc liên tục tăng: năm 2013 là 119 tỉ USD, năm 2014 là 130 tỉ USD, năm 2018 là 175 tỉ USD, tăng 8,1% so với năm 2017 [136]. Với sự đầu tư đó, sức mạnh quân sự của Trung Quốc không ngừng được cải thiện [143] để là một cường quốc quân sự thế giới như hiện nay.

Sự trỗi dậy của Trung Quốc đe dọa nghiêm trọng đến vị trí siêu cường số một của Mỹ và lợi ích quốc gia dân tộc của Ấn Độ, làm hạn chế tầm ảnh hưởng của Mỹ và Ấn Độ ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Với Sáng kiến Vành đai và Con đường, Trung Quốc muốn thực hiện Giác mộng Trung Quốc, phục hưng vị thế cường quốc số một thế giới như trong quá khứ. Trung Quốc không hề che giấu tham vọng bá quyền mà cạnh tranh với Mỹ và lảng giềng khổng lồ Ấn Độ. Biểu hiện là sự “ăn miếng trả miếng” của Trung Quốc trong thương chiến Mỹ - Trung, những xung đột biên giới lãnh thổ Ấn – Trung và những yêu sách phi lý về chủ quyền ở Biển Đông của nước này. Sự trỗi dậy của Trung Quốc trong hai thập kỷ qua không chỉ ảnh hưởng đến Mỹ hay Ấn Độ mà còn là nhân tố chính thay đổi trật tự khu vực, trực tiếp đe dọa đến an ninh, ổn định trong khu vực, sự toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia liên quan và thách thức nghiêm trọng tới lợi ích chiến lược của nhiều nước bao

gồm Mỹ và Ấn Độ. Điều này thúc đẩy Mỹ và Ấn Độ xích lại gần nhau hơn và tăng cường tập hợp lực lượng nhằm đối phó với những thách thức đến từ Trung Quốc. Do đó, sự trỗi dậy của Trung Quốc chính là “liều thuốc dẫn” thúc đẩy Mỹ và Ấn Độ vượt qua mâu thuẫn để cùng hợp tác đối phó với sự bành trướng của Trung Quốc và bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc của mỗi nước.

Thứ sáu, yếu tố Nga: sự quay trở lại của Nga và cuộc chiến ở Ukraine tác động lớn đến khu vực và quan hệ Mỹ - Ấn Độ. Nước Nga sau hơn 20 năm cầm quyền của Tổng thống V. Putin đã củng cố được quyền lực, khẳng định lại địa vị trên trường quốc tế, sẵn sàng cứng rắn trước Mỹ và phương Tây. Biểu hiện là Nga nỗ lực sáp nhập bán đảo Crimea năm 2014 bất chấp sự phản đối của Ukraine và những đe dọa từ phương Tây. Tuy nhiên, Ấn Độ và Nga có mối quan hệ lịch sử lâu đời, luôn được duy trì, phát triển trở thành “quan hệ đối tác chiến lược đặc biệt và đặc quyền”. Hiện nay Ấn Độ và Nga đang hợp tác chặt chẽ tại các diễn đàn thế giới như: diễn đàn Liên Hợp quốc, Nhóm các nền kinh tế phát triển và mới nổi hàng đầu (G20), Nhóm các nền kinh tế mới nổi hàng đầu BRICS (Nga, Ấn Độ, Brazil, Trung Quốc, Nam Phi). Trái ngược lại với Ấn Độ, quan hệ Mỹ và Nga là đối đầu trong quá khứ và cạnh tranh ở hiện tại nhất là khi Nga có những động thái tiến lại gần hơn với Trung Quốc. Tháng 2/2022, khi Nga tiến hành chiến dịch quân sự đặc biệt tại Ukraina, Mỹ phải điều chỉnh chính sách để đối phó với Nga thông qua điều chỉnh nguồn lực và chiến lược, áp đặt một loạt các lệnh trừng phạt đối với Nga và hỗ trợ tiềm lực cho Ukraine. Mỹ thúc đẩy Ấn Độ bày tỏ quan điểm rõ ràng hơn, thậm chí Mỹ còn muốn Ấn Độ đứng về phía mình và phản đối Nga nhưng nước này vẫn đang giữ thái độ trung lập. Nói chung, sự quay trở lại của nước Nga và quan hệ truyền thống và bền chặt giữa Nga và Ấn Độ đang có tác động tiêu cực nhiều hơn là tích cực đối với quan hệ Mỹ - Ấn Độ hiện nay.

Thứ bảy, nhân tố EU: EU bày tỏ những quan tâm lớn tới lợi ích tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, không ngừng liên kết hợp tác phát triển với các cường quốc khu vực trong đó có Ấn Độ trên các lĩnh vực như hỗ trợ nhân đạo, giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu, tình trạng mất đa dạng sinh học và ô nhiễm, đồng thời góp phần duy trì luật pháp quốc tế, bao gồm cả vấn đề quyền con người và tự

do hàng hải. Điều này thể hiện rõ ý định góp phần duy trì cấu trúc khu vực và dựa trên luật lệ của EU để bảo đảm lợi ích, đồng thời cũng tác động đến quan hệ Mỹ - Ấn Độ. Việc EU quan tâm đến khu vực tăng cường sự đồng thuận cho Mỹ và Ấn Độ hợp tác cùng nhau, tạo khuôn khổ hợp tác rộng hơn trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và tăng thêm cơ hội cho Ấn Độ để lựa chọn đối tác và nguồn lực hợp tác. Tuy nhiên, khi Ấn Độ tăng cường hợp tác với EU cũng có thể dẫn đến việc giảm hợp tác với Mỹ trên một số lĩnh vực mà hợp tác với EU thì Ấn Độ sẽ có nhiều lợi ích hơn.

2.2.2 Cấp độ khu vực

Khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đại diện cho một trung tâm kinh tế và chiến lược của thế giới. Đây là nơi sinh sống của 60% dân số thế giới, tạo ra 60% GDP toàn cầu, đóng góp cho 2/3 sự tăng trưởng toàn cầu hiện nay. Đến năm 2030, phần lớn (90%) trong tổng số 2,4 tỷ thành viên mới của tầng lớp trung lưu gia nhập nền kinh tế toàn cầu sẽ sống ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương [133]. Khu vực này có các tuyến giao thông biển chiến lược quan trọng đối với thương mại thế giới, như tuyến qua eo biển Malacca. Các tuyến này vận chuyển dầu mỏ, khí đốt và hàng hóa trên thế giới, từ Trung Đông đến Australia và Đông Á. Đi cùng với những điều kiện phát triển là những thách thức an ninh không hề nhỏ đối với khu vực này với nạn cướp biển và khủng bố, nhiều điểm nóng, tiềm ẩn nguy cơ xảy ra xung đột quân sự như eo biển Đài Loan, Biển Đông, biển Hoa Đông, bán đảo Triều Tiên, khu vực Kashmir. Do đó, khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương trở thành trung tâm cạnh tranh quyền lực và tăng cường hợp tác của các chủ thể quan hệ quốc tế vì đây là nơi nơi hội tụ nhiều lợi ích, cơ hội cũng như thách thức của các nước đặc biệt là các nước lớn. Điều đó tác động không hề nhỏ đối với quan hệ Mỹ - Ấn Độ.

Một là, sự chuyển dịch trọng tâm kinh tế thế giới và quyền lực từ Tây sang Đông đã khiến cả Mỹ và Ấn Độ đặc biệt quan tâm tới lợi ích tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Việc bảo đảm an ninh cho các tuyến huyết mạch này nói riêng và cả khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương nói chung liên quan đến lợi ích cốt lõi của hai nước Ấn Độ và Mỹ. Bên cạnh đó, sự chuyển dịch trọng tâm quyền lực này

còn thúc đẩy vai trò của Ấn Độ, khiến nước này trở thành quốc gia mà Mỹ cần gắn kết để kiềm toả Trung Quốc và tăng cường hợp tác với các đồng minh khác trong Tứ giác Kim cương QUAD. Đối với Ấn Độ, Mỹ cũng là lựa chọn tối ưu để tăng cường sức mạnh, khẳng định vị thế và đối trọng với Trung Quốc. Đây cũng là nguyên nhân khiến Mỹ và Ấn Độ đều có xu hướng điều chỉnh quan hệ với nhau theo hướng giảm xung đột, tăng cường hợp tác vì lợi ích quốc gia dân tộc của mỗi nước và lợi ích chung trong khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương.

Hai là, ASEAN là trọng tâm trong chiến lược đối ngoại của cả Ấn Độ và Mỹ. Đối với Mỹ, ASEAN là khu vực ảnh hưởng truyền thống với những nền kinh tế phát triển năng động đem lại nhiều cơ hội và lợi ích đối với xuất khẩu và đầu tư của Mỹ. Tính đến năm 2022, ASEAN là thị trường xuất khẩu hàng hoá lớn thứ 4 của Mỹ [144]. Đối với Ấn Độ, Đông Nam Á không chỉ là khu vực gần nhất về mặt địa lý mà còn là nơi hội tụ nhiều lợi ích kinh tế của Ấn Độ. Do đó, Ấn Độ chủ động hội nhập kinh tế với Đông Nam Á từ sớm mà bước ngoặt lớn nhất là chính sách Hành động phía Đông. Nếu như Mỹ coi Đông Nam Á là khu vực trọng tâm trong cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung, là nơi vị thế toàn cầu của Mỹ bị đe dọa nghiêm trọng cần được củng cố thì Ấn Độ coi Đông Nam Á là khu vực tiền tiêu bảo vệ nước này khỏi sự bành trướng của Trung Quốc từ phía Đông. Thêm vào đó, với vị trí địa chính trị - an ninh đặc biệt quan trọng, ASEAN là khu vực hàm chứa lợi ích chiến lược sống còn của cả Mỹ và Ấn Độ để kiềm chế sự trỗi dậy, mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc vì khu vực này được xem là bàn đạp để Trung Quốc tiến ra thế giới.

Ba là, yếu tố Iran: Vấn đề Iran liên quan đến an ninh năng lượng và chiến lược Trung Á của Ấn Độ, do đó Mỹ cũng quan tâm đến nhân tố này trong quan hệ với Ấn Độ. Các chính sách của Ấn Độ đối với Iran cũng làm phức tạp mối quan hệ với Mỹ. Washington đang gây sức ép buộc New Delhi phải cắt đứt mối quan hệ đã có từ lâu của họ với Tehran. Chính quyền Trump đã áp đặt các biện pháp trừng phạt đối với những nước nhập khẩu dầu mỏ từ Iran và không chấp nhận bất kỳ trường hợp ngoại lệ nào. Trong khi đó, Ấn Độ là nước nhập khẩu dầu mỏ lớn thứ hai từ Iran và là một nhà đầu tư lớn vào Iran thông qua dự án cảng Chabahar, vậy nên Ấn Độ từ chối

nhượng bộ trước những yêu cầu của Mỹ. Ngoại trưởng Ấn Độ Sushma Swaraj đã giữ quan điểm trung lập, phát biểu rằng “chúng tôi không để chính sách đối ngoại của mình phải chịu sức ép từ các nước khác” [69].

Bốn là, yếu tố Afghanistan: Ấn Độ là nước cung cấp hỗ trợ về mặt kinh tế lớn thứ năm cho Afghanistan và các công ty của Ấn Độ đã rất tích cực trong việc tái xây dựng cơ sở hạ tầng của nước này. Trong quá khứ, chính quyền của Bush và Obama đã cố gắng hạn chế sự can dự của Ấn Độ tại Afghanistan vì không muốn ảnh hưởng đến mối quan hệ Mỹ - Pakistan. Nhưng năm 2016 với kế hoạch của Mỹ là rút phần lớn lực lượng khỏi Afghanistan và rút hết quân vào năm 2021, Mỹ đã khuyến khích Ấn Độ trở thành một đối tác hàng đầu của chính quyền mới đắc cử của Afghanistan, bao gồm đảm đương một vai trò tích cực trong việc huấn luyện quân đội Afghanistan. Washington cũng kêu gọi Ấn Độ đóng vai trò tích cực hơn trong kế hoạch dài hạn của mình nhằm làm ổn định một nước Afghanistan đang lung lay [88]. Tuy nhiên, việc Mỹ rút hết quân khỏi Afghanistan phần nào ảnh hưởng đến quan hệ Mỹ - Ấn độ vì nó cho thấy một thất bại rõ rệt của Mỹ và các đồng minh trước lực lượng Taliban.

Năm là, yếu tố Pakistan: Chiến tranh Lạnh kết thúc đã tạo ra cục diện mới khi Liên Xô tan rã vào năm 1991 thì Mỹ không còn mục tiêu phá hoại Chủ nghĩa xã hội nữa. Do đó, Mỹ cũng dần dần loại bỏ vai trò của Pakistan như là một con bài để chống Liên Xô ở khu vực Nam Á. Thay vào đó, khi Ấn Độ dần khẳng định vị trí vai trò trong khu vực thì Mỹ đã nghiêng sang Ấn Độ. Trong khi, Ấn Độ và Pakistan có quan hệ căng thẳng thì sự điều chỉnh chính sách của Mỹ đối với Pakistan và Ấn Độ đã tạo nên sự chuyển biến tốt cho mối quan hệ giữa Ấn Độ và Mỹ từ chỗ căng thẳng chuyển sang thân thiện hơn và gắn bó lợi ích hơn. Tuy nhiên, quan hệ Mỹ - Pakistan chỉ tạm lắng chứ không hoàn toàn đứt gãy. Nếu sự bế tắc giữa các lực lượng phương Tây và Taliban tiếp tục, Pakistan có khả năng sẽ trở thành nhân tố ảnh hưởng tiêu cực đến quan hệ Mỹ - Ấn Độ bởi Mỹ cũng cần Pakistan để ổn định ở Afghanistan. Theo đó, Pakistan sẽ tận dụng Mỹ để gây áp lực lên Ấn Độ trong các vấn đề như nhân quyền ở Kashmir, tự do tôn giáo và thậm chí cả các cuộc biểu tình của nông dân ở khu vực biên giới [69].

Thứ sáu, nhân tố Nhật Bản: Nhật Bản là cường quốc có quan hệ tốt đẹp với cả Mỹ và Ấn Độ ở cả song phương và đa phương. Nhật Bản là đồng minh thân cận của Mỹ trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Đối với Ấn Độ, hai nước đã ký Quan hệ Đối tác Chiến lược Đặc biệt Toàn cầu (có thể hiểu tương đương với quan hệ đồng minh). Thêm vào đó, Thủ tướng N. Modi và cựu Thủ tướng Shinzo Abe là những nhà lãnh đạo cùng theo chủ nghĩa hoà bình toàn cầu và có mối quan hệ thân thiết. Ở góc độ đa phương, cả ba nước Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ đều có những cạnh tranh với Trung Quốc và là thành viên trong Tứ giác Kim cương gồm Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ và Australia. Do đó, Nhật Bản là một trong các yếu tố tích cực thúc đẩy quan hệ Mỹ - Ấn Độ phát triển.

2.2.3 Cấp độ liên quốc gia

- Quan hệ Mỹ - Ấn Độ trước năm 2014

Thời kỳ Chiến tranh Lạnh, Quan hệ Mỹ - Ấn Độ hết sức mờ nhạt bởi sự chi phối của nhiều yếu tố. *Thứ nhất*, do khác biệt về mục tiêu chính sách đối ngoại. Với Ấn Độ, sau khi giành được độc lập từ Thực dân Anh, Ấn Độ thể hiện quan điểm trung lập, hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc, là quốc gia đi đầu trong phong trào “Không liên kết”. Nhưng Mỹ là nước được nhiều lợi ích từ Chiến tranh thế giới thứ Hai, trở thành một đế quốc hùng mạnh và không ngừng bành trướng thế lực nhằm mưu đồ bá chủ thế giới, không hề che giấu động cơ khai thác lợi ích khắp các khu vực. Do quan điểm trái ngược nhau nên quan hệ chính trị - đối ngoại Mỹ - Ấn Độ luôn trong tình trạng căng thẳng. *Thứ hai*, do hai nước đối đầu nhau trong quan hệ với nước thứ ba. Vật cản lớn nhất của Mỹ trên con đường trở thành siêu cường số một chính là Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Mỹ muốn xoá bỏ chế độ chủ nghĩa xã hội thì phải kiểm toả được Liên bang Xô Viết và hạn chế được mọi sự ủng hộ tương trợ của Liên Xô với các nước xã hội chủ nghĩa khác trên toàn thế giới. Ấn Độ lại có mối quan hệ mật thiết với Liên Xô. Điều này khiến mâu thuẫn của Mỹ và Ấn Độ ngày càng lớn. Bên cạnh đó, trong quan hệ với Pakistan thì nước này có tranh chấp lãnh thổ sâu sắc với Ấn Độ nhưng lại là ưu tiên số một của Mỹ ở khu vực Nam Á để cân bằng quyền lực ở châu Á. Mỹ đã hỗ trợ quân sự và kinh tế cho

Pakistan và bù lại nước này phải cho Mỹ sử dụng lãnh thổ để đặt căn cứ máy bay do thám Liên Xô. Điều này khiến Ấn Độ ngày càng lạnh nhạt với Mỹ và đây nước này ngày càng tiến lại gần hơn với Liên Xô.

Tuy nhiên, tại châu Á, Mỹ có mối quan ngại lớn đối với Trung Quốc và mục tiêu xoá bỏ chế độ Xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc. Khi chiến tranh Trung – Ấn nổ ra năm 1962 [196], Mỹ đã nhận thấy đây là dấu hiệu Ấn Độ có thể trở thành phe chống Trung Quốc và chống cộng, do đó, lần đầu tiên Mỹ đã viện trợ một lực lượng quân sự nhỏ cho Ấn Độ [156], và đây cũng là dấu hiệu đầu tiên của sự chuyển biến quan hệ giữa hai nước. Thương mại quốc phòng giữa Ấn Độ và Mỹ bắt đầu từ năm 1986, khi Ấn Độ tham gia buôn bán vũ khí quy mô nhỏ với Mỹ [129]. Tuy nhiên, điều này vẫn chưa đủ để mang quan hệ Mỹ - Ấn Độ xích lại gần nhau hơn.

Thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh (1991-2013): Sau khi chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, Chiến tranh Lạnh kết thúc, Mỹ là siêu cường tồn tại duy nhất. Để bảo vệ vị thế quyền lực này, Mỹ muốn loại bỏ mọi mối đe dọa bên ngoài trong đó Trung Quốc được xem là đối thủ đáng gờm, cần kiểm soát. Mỹ cho rằng, cải thiện quan hệ với Ấn Độ không chỉ hỗ trợ chính sách bao vây, kiềm chế Trung Quốc, mà còn giúp Mỹ củng cố vị thế, vai trò ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Ấn Độ đặt mục tiêu để giành vị trí cao hơn trong trật tự thế giới mới, nên tập trung tiến hành cải cách, mở cửa kinh tế và từng bước điều chỉnh chính sách đối ngoại từ không liên kết sang hướng đa phương hoá, đa dạng hoá. Do đó, Ấn Độ muốn khắc phục những trở ngại trong quan hệ trước đây để hợp tác với Mỹ.

Từ nhận thức và nhu cầu trên, mặc dù hai nước còn tồn tại nhiều bất đồng, nhưng cả Ấn Độ và Mỹ đều chủ động cải thiện quan hệ. Trong giai đoạn 1991 – 2000, quan hệ Mỹ - Ấn Độ chuyển từ cấm vận, trừng phạt kinh tế sang quan hệ Đối tác chiến lược. Giai đoạn 2001 – 2013, dưới tác động của tình hình thế giới và khu vực, nhất là sự trỗi dậy của Trung Quốc, Mỹ xác định đẩy mạnh quan hệ với Ấn Độ sẽ giúp Mỹ tạo lập mối quan hệ đối tác chiến lược, hình thành tứ giác chiến lược Mỹ - Nhật - Australia - Ấn Độ (QUAD), tạo thành vòng cung bao vây Trung Quốc, chia rẽ quan hệ Ấn - Trung, Ấn - Nga; đồng thời tận dụng sự ủng hộ của Ấn Độ trong giải quyết các vấn đề

quốc tế, đặc biệt là ở Trung - Nam Á và Trung Đông. Về phía mình, Ấn Độ thúc đẩy hợp tác quốc phòng, nhất là thương mại và sản xuất thiết bị quân sự để đạt được mục tiêu trở thành cường quốc quân sự, đối trọng với sự ảnh hưởng ngày càng gia tăng của Trung Quốc tại khu vực Nam Á - Ấn Độ Dương.

Như vậy, quan hệ Mỹ - Ấn Độ trước năm 2014 có tiến triển nhưng vẫn là mối quan hệ phức tạp, tồn tại những hiểu lầm và một số quan điểm đối ngoại khác biệt. Hơn nữa, hai nước vẫn còn e dè, chưa thực sự quyết liệt trong việc thúc đẩy quan hệ song phương. Tuy nhiên, những tiến triển trong quan hệ hai nước thời kỳ này là cơ sở lịch sử và nền tảng để Mỹ - Ấn Độ nhận định thời cơ, thách thức trong quan hệ, từ đó điều chỉnh chiến lược đối ngoại và thúc đẩy quan hệ song phương lên những nấc thang mới trong giai đoạn tiếp theo.

- Yếu tố con người

Mỹ và Ấn Độ đều là các nền dân chủ lâu đời và lớn trên thế giới. Cộng đồng người Ấn Độ tại Mỹ là chất xúc tác trong quan hệ hai nước. Người Ấn Độ sống ở Mỹ hiện nay là 4 triệu người, chiếm hơn 1% dân số Mỹ, cộng đồng người Mỹ gốc Ấn bao gồm một số lượng lớn các chuyên gia, doanh nhân kinh doanh và các nhà giáo có tầm ảnh hưởng ngày càng tăng trong xã hội Mỹ và giữ vai trò quan trọng trong việc xích lại gần nhau giữa hai nước, Phó tổng thống Mỹ Kamala Harris cũng là người gốc Ấn Độ. Bốn triệu người Mỹ gốc Ấn là cộng đồng nhập cư giàu có nhất và có trình độ học vấn cao nhất ở Mỹ [230]. Thống kê của Mỹ năm 2020, người Mỹ gốc Ấn có mức thu nhập tính theo bình quân đầu người thông qua việc làm dựa trên tri thức đã vượt xa so với cộng đồng ngoại kiều khác ở Mỹ. Sự gia tăng ảnh hưởng về tài chính và vai trò chính trị của cộng đồng người Ấn Độ giàu có ảnh hưởng trực tiếp đến giao lưu và kết nối nhân dân cũng như quan hệ Mỹ - Ấn Độ. Các hộ gia đình người Mỹ gốc Ấn Độ là những hộ gia đình thịnh vượng nhất ở Mỹ với thu nhập trung bình là gần 120.000 USD/năm và tiếp theo là người Mỹ gốc Hoa với gần 90.000 USD/năm. Thu nhập trung bình của hộ gia đình ở Mỹ là gần 73.000 USD/năm trong năm 2019 [146]. Theo khảo sát các Vấn đề Thế giới hàng năm của Gallup năm 2015, Ấn Độ được người Mỹ coi là quốc gia yêu thích thứ sáu thế giới, với 71% người Mỹ đánh giá tích cực về Ấn Độ. Các cuộc thăm dò của Gallup năm

2017 cho thấy 74% người Mỹ đánh giá tích cực về Ấn Độ và 75% đánh giá tích cực về Ấn Độ năm 2020 [168].

Tại đối thoại 2+2 Mỹ - Ấn Độ lần thứ tư được tổ chức tại Washington, Mỹ vào ngày 13/4/2022, Ngoại trưởng Ấn Độ S. Jaishankar đã phát biểu: “nền tảng của mối quan hệ của Mỹ - Ấn Độ là yếu tố con người”, ... Tất cả họ đều là những ví dụ về cây cầu nhân văn kết nối xã hội của chúng ta một cách độc đáo” [158]. Trong khi đó, Ngoại trưởng Mỹ Blinken cho biết: “hai nước đang tăng cường quan hệ giao lưu nhân dân, đây thực sự là trọng tâm của toàn bộ mối quan hệ” [158]. Số lượng người Mỹ gốc Ấn cùng với số lượng người Ấn Độ nhập cư vào Mỹ vì mục đích học tập, lao động đang tạo thành nhóm nhập cư lớn thứ hai tại Mỹ sau cộng đồng người Hoa ở Mỹ. Các chương trình hợp tác văn hoá và giáo dục Mỹ - Ấn Độ đang góp phần thúc đẩy hợp tác con người và giao lưu nhân dân trong tổng thể quan hệ đối ngoại Mỹ - Ấn Độ hiện nay.

2.2.4 Cấp độ quốc gia

- Tình hình trong nước Mỹ

Từ sau chiến tranh Lạnh tới nay, Mỹ vẫn là siêu cường duy nhất, tuy nhiên tính từ đầu thế kỉ XXI thì sức mạnh Mỹ đã có nhiều dấu hiệu suy giảm. Cuộc suy thoái kinh tế thế giới năm 2008 đã tác động đến kinh tế Mỹ khi tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm chỉ tăng khoảng 2%/năm [4, tr.49]. Đi cùng với tiềm lực kinh tế suy giảm thì sự phân hoá giàu nghèo trong xã hội Mỹ lại ngày càng gay gắt hơn. Hiện có khoảng 1% dân số giàu nhất đang sở hữu một lượng tài sản bằng tài sản của 90% những người có thu nhập thấp hơn cộng lại. Tỷ lệ hộ nghèo tăng từ mức 12,5% (2007) lên 51,1% (2010) và duy trì mức 13,5% (2015) [4, tr.50]. Điều này đã khiến bất đồng trong xã hội đặc biệt là sự chia rẽ trong các đảng phái chính trị ngày càng rõ rệt. Cùng với đó, Mỹ còn phải đối mặt với tình trạng nợ công lớn nhất thế giới. Tính đến cuối năm 2012, Trung Quốc là chủ nợ lớn nhất của Mỹ với tổng số tiền là 1,155 nghìn tỷ USD, Nhật Bản đứng thứ hai với 1,131 nghìn tỷ USD, khối các nước xuất khẩu dầu chiếm vị trí thứ ba với 267 tỷ USD, tiếp theo là Brazil với 251 tỷ USD và ngân hàng của các nước vùng Caribe với 240 tỷ USD [120].

Năm 2014, sau hơn một nhiệm kì lãnh đạo của cựu Tổng thống B. Obama, tình

hình kinh tế Mỹ có chút khởi sắc nhưng uy tín của nhà lãnh đạo toàn cầu có phần giảm sút. Nước Mỹ đã và đang phải đối mặt với các vấn đề bất ổn an ninh trong nước, đặc biệt là sự chia rẽ trong nội bộ, vấn đề việc làm, phân biệt sắc tộc, tôn giáo và bạo lực... Về an ninh đối ngoại: Bên cạnh các vấn đề lớn như khủng bố, an ninh thương mại và năng lượng thì đáng quan ngại hơn là vị thế và tầm ảnh hưởng toàn cầu của Mỹ đang ngày càng suy giảm do sự lớn mạnh của Trung Quốc. Đồng thời, Trung Quốc đang có những động thái tập hợp lực lượng, liên kết với Nga để hạn chế tầm ảnh hưởng của Mỹ và tăng cường cạnh tranh với Mỹ.

Để giải quyết các thách thức an ninh – chính trị trong và ngoài nước, Mỹ cần phải tiến hành điều chỉnh chính sách đối nội và đối ngoại nhằm tăng cường uy tín lãnh đạo, giảm nguy cơ căng thẳng nội bộ, ổn định tình hình trong nước và đối phó với các thách thức bên ngoài đặc biệt là sự trỗi dậy của Trung Quốc. Mỹ đã nhận thấy tiềm lực kinh tế và vai trò ngày càng lớn của Ấn Độ tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Đây là quốc gia có diện tích lớn và dân số đông, chất lượng dân số tương đối cao. Ấn Độ còn có vị trí địa chiến lược quan trọng vì nằm trên tiểu lục địa Ấn Độ và vươn sâu vào Ấn Độ Dương, giáp với Sri Lanka và Maldives sở hữu hai quần đảo Andaman và Nicobar có chung đường biên giới trên biển với Thái Lan và Indonesia. Mỹ muốn tranh thủ những điều kiện về vị trí địa chính trị, nguồn lao động, thị trườngcủa Ấn Độ để tăng trưởng thương mại và đầu tư cho các công ty của Mỹ. Mỹ thúc đẩy hợp tác kinh tế với Ấn Độ để cân bằng, ngăn chặn thâm hụt thương mại và cạnh tranh bất bình đẳng trong thương mại song phương; mở rộng can dự kinh tế vào Ấn Độ thông qua chính quyền các bang, chú trọng phát triển đầu tư vào khu vực kinh tế tư nhân. Theo đó, thúc đẩy hợp tác toàn diện với Ấn Độ có thể giúp Mỹ thuận lợi đạt mục tiêu bảo vệ vị thế số một thế giới. Mỹ chủ trương đưa Ấn Độ vào quỹ đạo chiến lược của Mỹ nhằm hiện thực hóa chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương Tự do và Rộng mở, thúc đẩy hình thành liên kết giữa Mỹ với Ấn Độ, Nhật Bản và Australia trong khuôn khổ Tứ giác Kim cương, kiềm toả Trung Quốc; thúc đẩy quan hệ quốc phòng với Ấn Độ nhằm cạnh tranh thị phần xuất khẩu vũ khí với Nga ở thị trường Ấn Độ. Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương Tự do và Rộng mở” của Tổng thống D. Trump là “phiên bản gia tăng

vai trò Nam Á” từ chính chiến lược “tái cân bằng châu Á - Thái Bình Dương” dưới thời Tổng thống B. Obama. Chiến lược này cũng đang được đương kim tổng thống J. Biden kế thừa.

- *Tình hình trong nước Ấn Độ:*

Bước sang thế kỷ XXI, kinh tế Ấn Độ đã có những phát triển vượt bậc, tạo nền tảng vững chắc cho Ấn Độ khẳng định vị thế khu vực và thúc đẩy quan hệ với các nước lớn. Thông qua cải cách và hội nhập, Ấn Độ đã trở thành một nền kinh tế năng động bậc nhất thế giới từ việc đạt được chỉ số lạc quan các chương trình Công nghiệp hóa, nhất là các sáng kiến phát triển kinh tế như Make in India, Digital India, Skill India, Start-up, Nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ..... được Thủ tướng Narendra Modi đưa ra vào năm 2014. Đây chính là động lực giúp Ấn Độ quyết tâm thực hiện những cải cách mạnh bạo hơn, thu hút đầu tư nước ngoài nhiều hơn, nhằm cải thiện cơ sở hạ tầng và phát triển công nghiệp sản xuất nội địa. Hiện nay, Ấn Độ được ví như “một con voi đang tăng tốc”, kinh tế Ấn Độ chiếm khoảng 15% tăng trưởng toàn cầu và giúp hàng triệu người dân nước này thoát khỏi cảnh nghèo đói [162]. Năm 2021, Ấn Độ trở thành nền kinh tế đứng thứ 6 thế giới sau Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Úc, Anh với GDP danh nghĩa năm 2021 đạt 3,17 nghìn tỷ USD, GDP đã điều chỉnh theo PPP tính bằng Đô la quốc tế hiện tại: 10,22 nghìn tỷ USD, Tăng trưởng GDP: 8,9% GDP danh nghĩa bình quân đầu người là 2.277 USD. Do dân số đông nên Ấn Độ có GDP bình quân đầu người thấp nhất trong danh sách này [163].

Quân sự - quốc phòng: Đi cùng với phát triển kinh tế, Ấn Độ dưới thời thủ tướng N. Modi đã xây dựng được một nền quốc phòng lớn mạnh với sức mạnh tổng hợp quân đội lớn hàng đầu thế giới: lực lượng Lục quân với số quân đứng thứ 3 sau Trung Quốc và Mỹ, lực lượng không quân đứng thứ 4 sau Mỹ, Nga, Trung Quốc, lực lượng Hải quân đứng thứ 5 thế giới sau Mỹ, Trung Quốc, Nga và Nhật Bản [10, tr.]. Ấn Độ cũng là nước sở hữu vũ khí hạt nhân, có nền công nghiệp quốc phòng tương đối phát triển và lực lượng tác chiến hàng đầu thế giới. Điều này giúp Ấn Độ khẳng định sức mạnh quốc phòng và răn đe với các đối thủ không thân thiện bên ngoài biên giới quốc gia.

Bên cạnh sức mạnh cứng thì văn hoá Ấn Độ đang là yếu tố góp phần quảng

bá hình ảnh và nâng tầm vị thế quốc gia cho nước này. Ấn Độ có một chính sách ngoại giao văn hóa gần gũi với nhiều quốc gia trên toàn thế giới đặc biệt là khu vực châu Á, nơi văn hóa truyền thống Ấn Độ tạo được ảnh hưởng đậm nét trong nhiều thế kỷ qua và các kiều dân gốc Ấn hiện diện đông đảo tại nhiều quốc gia. Tất cả các yếu tố bao gồm sự phục hưng văn hoá Ấn Độ dưới thời Modi, mục tiêu khát vọng trở thành Hindu Rashtra (Hindu Nation), phát triển một nền văn hoá toàn diện, nhấn mạnh sự thống nhất trong đa dạng của Ấn Độ, quan điểm chính sách “Ấn Độ trước tiên” (India First), khích lệ tinh thần yêu nước, đặt lợi ích quốc gia lên trên hết, lên trên lợi ích cộng đồng tôn giáo, khu vực, đẳng cấp... đã góp phần tạo nên một Ấn Độ ngày càng vươn xa tầm ảnh hưởng của mình trên trường quốc tế.

Sức mạnh tổng hợp quốc gia Ấn Độ tăng lên tạo nên sự trỗi dậy Ấn Độ trong hai thập kỷ đầu thế kỷ XXI đã khiến thế giới phải thay đổi cách nhìn về Ấn Độ, Mỹ cũng phải thay đổi trong đánh giá về Ấn Độ. Tất cả những điều này tạo cho Ấn Độ một biên độ hành động rộng lớn trên tất cả các phương diện và mở rộng phạm vi ra toàn khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương. Với vị thế mới, sức mạnh mới, khát vọng mới khiến Ấn Độ phải điều chỉnh chính sách đối ngoại trong đó có chính sách với Mỹ là một nội dung quan trọng.

Tuy nhiên, tình hình chính trị nội bộ Ấn Độ cũng có tác động đến quan hệ Mỹ - Ấn Độ. Các đảng trong chính trường Ấn Độ có quan điểm phức tạp, đôi lúc trái ngược nhau về vấn đề quan hệ với Mỹ. Bên cạnh việc Đảng cánh tả không ủng hộ quan hệ với Mỹ, thì các Đảng đối lập nhau trong vấn đề hợp tác với Mỹ, nhất là khi ông Trump gây khó cho Ấn Độ về vấn đề thuế quan. Một vấn đề nữa là chính sách không liên kết nổi tiếng đã đi sâu và tiềm thức của giới chính trị gia Ấn Độ từ lâu cũng làm chậm quá trình hợp tác song phương giữa hai nước.

Nói chung, từ sức mạnh nội tại và nhận thức chung về mục tiêu và lợi ích chung tại khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương nên Ấn Độ và Mỹ ngày càng có những điều kiện thuận lợi để thúc đẩy quan hệ Mỹ - Ấn Độ.

2.2.5 Cấp độ cá nhân

Vai trò lãnh đạo của các Tổng thống Mỹ và Thủ tướng Ấn Độ N. Modi từ năm 2014 đến nay có ảnh hưởng quan trọng đến quan hệ Mỹ - Ấn Độ. Tuy chính quyền

Mỹ có sự thay đổi nhân sự nhưng các nhà lãnh đạo Mỹ đều có những động thái tích cực thúc đẩy quan hệ Mỹ - Ấn Độ. Bên cạnh đó, Thủ tướng Modi của Ấn Độ là người đặt nền móng cho mối quan hệ hai nước phát triển.

- Yếu tố lãnh đạo nước Mỹ

Từ năm 2014 đến nay, chính quyền nhà Trắng có sự thay đổi lớn về nhân sự: từ Tổng thống Barack Obama (2013-2016) đến Tổng thống Donald Trump (2017-2021) và từ năm 2021 là Tổng thống Joe Biden.

Năm 2014, Tổng thống Mỹ B. Obama – người của Đảng Dân chủ trong nhiệm kỳ thứ hai gặp nhiều thách thức: khủng hoảng kinh tế, với tình trạng thất nghiệp tràn lan, mức thất nghiệp tăng cao, vị thế quốc tế ngày một suy giảm, đặc biệt, nước Mỹ đang bị nhấn chìm trong sự lên án của cộng đồng quốc tế do lún sâu vào cuộc chiến ở Iraq, Afghanistan. Trong bối cảnh đó, một mặt Mỹ củng cố kinh tế - xã hội trong nước, mặt khác đưa ra Chiến lược “Xoay trục”, ưu tiên khu vực Châu Á – Thái Bình Dương để mở rộng tầm ảnh hưởng của Mỹ, kiềm chế Trung Quốc và từng bước khôi phục lại vị thế quốc tế. Mỹ đã nhận thấy vai trò then chốt của Ấn Độ trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Điều này được thể hiện rõ nét trong bài phát biểu sau hội đàm với Thủ tướng Modi tại Ấn Độ (01/2015), ông Obama khẳng định: “Chúng tôi nhận thấy Ấn Độ đang đóng vai trò ngày càng lớn trong việc đảm bảo an ninh và hòa bình của thế giới...”[215]. Cùng với đó, sự ủng hộ của Ấn Độ đối với Tổng thống B. Obama trong cuộc bầu cử đã tích cực thúc đẩy chính quyền quan hệ Mỹ với Ấn Độ.

Năm 2016, sau khi đắc cử, ông Donald Trump - người của Đảng Cộng hòa, chủ trương thực thi chính sách thực dụng, chỉ thúc đẩy những gì có lợi cho Mỹ với phương châm “nước Mỹ là trên hết”. Chính quyền Trump coi Ấn Độ là “đồng minh tự nhiên” của Mỹ và là điểm tựa quan trọng trong khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương. Ông đã kế thừa và mở rộng Chiến lược Xoay trục của người tiền nhiệm thành chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tự do và Mở rộng” đã cho thấy sự quan tâm của chính quyền Mỹ đối với Ấn Độ. Việc Mỹ nâng tầm mối quan hệ với Ấn Độ trở thành Đối tác Toàn cầu Toàn Cầu năm 2020 và Kế hoạch nâng cấp quan hệ song phương lên Đối tác Chiến lược liên quan đến sự đánh cược chiến

lược của Mỹ về vai trò tương lai của Ấn Độ trong việc định hình cấu trúc an ninh ở Đông bán cầu. Ý tưởng xây dựng Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương ổn định và thịnh vượng chỉ có khả năng tồn tại nếu Ấn Độ đóng vai trò lớn hơn trong việc định hình nền chính trị an ninh của khu vực rộng lớn này và cởi mở hơn trước những thỏa thuận cộng tác trong cơ chế 4 bên giữa Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ và Australia do Mỹ khởi xướng và dẫn dắt.

Năm 2021, nước Mỹ đón chào Tổng thống mới – ông Joe Biden trong bối cảnh hệ thống chính trị Mỹ đang tồn tại nhiều vấn đề bất cập, đặc biệt là mức độ phân cực và bất ổn xã hội cao, cùng với đó là những thách thức về kinh tế và sức khỏe người dân do hậu quả của đại dịch Covid-19 gây ra. Để thực hiện mục tiêu “*Nước Mỹ trở lại*” (America is back), chính quyền đương nhiệm của ông J. Biden đã vạch ra một lộ trình mới cho chiến lược an ninh quốc gia là sự liên kết giữa chính sách đối nội và chính sách đối ngoại, trong đó xác định những ưu tiên: một là giải quyết các vấn đề an ninh cấp bách trong nước; hai là xác định cách tiếp cận mới đối với địa chính trị và toàn cầu hóa; ba là tầm quan trọng của mối quan hệ đối tác xuyên Đại Tây Dương [8]. Ấn Độ là trọng tâm trong ưu tiên chính sách đối ngoại của Mỹ. Vì Tổng thống Biden rất coi trọng Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và sự phối hợp của nước Mỹ với khu vực và các đối tác và đồng minh của khu vực này, trong đó Ấn Độ là trọng tâm trong khu vực này. Mỹ sẽ thúc đẩy quan hệ với Ấn Độ cả song phương và đa phương để đối trọng với Trung Quốc, Nga và tăng cường sức mạnh Mỹ trong khu vực. Tổng thống Biden bày tỏ quan điểm về quan hệ đối tác quốc tế là nỗ lực tập hợp các đối tác châu Âu và Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, những quốc gia dân chủ cùng chí hướng có những mối quan tâm chung, trong đó Ấn Độ và Mỹ được coi là tháp đôi dân chủ và có sự tương đồng lợi ích chiến lược với Mỹ.

- *Yếu tố cá nhân Thủ tướng N. Modi của Ấn Độ*

Từ năm 2014-2022, sự kiện có tác động mạnh nhất đến quan hệ Mỹ - Ấn Độ là thủ tướng N. Modi lên cầm quyền năm 2014 và tái đắc cử năm 2019 tại Ấn Độ. Chiến thắng vang dội của BJP năm 2014 thể hiện khát vọng thay đổi của nhân dân Ấn Độ. Vì khác với các nhà lãnh đạo của Ấn Độ trước đây hầu như đều xuất thân từ

tầng lớp thượng lưu thì ông Modi lại có gia thế rất bình thường. Ông đi lên từ sự thấp kém đến quyền lực cao nhất trong chính phủ [3, tr. 102] là thủ tướng đầu tiên sinh ra sau Độc lập. Điều này lý giải cho tư tưởng đổi mới và sự định hướng phát triển kinh tế năng động và quyết đoán trong chính sách của ông ngay khi lên làm Thủ tướng. Các chính sách của Ấn Độ dưới thời ông N. Modi thực dụng và cứng rắn với mục tiêu khẳng định vị thế khu vực và toàn cầu cho Ấn Độ. Điểm nhấn của Thủ tướng N. Modi đã sự điều chỉnh từ Chính sách hướng Đông thành Chính sách Hành động phía Đông nhằm các mục tiêu phát triển kinh tế, mở rộng phạm vi ảnh hưởng, “nâng cao vị thế” của Ấn Độ trong khu vực với tư cách là một nước lớn. Chính sách này không chỉ phục vụ lợi ích quốc gia của Ấn Độ, thúc đẩy quan hệ Ấn Độ với các nước trong đó có quan hệ Ấn Độ - Mỹ mà còn đem lại những đóng góp tích cực cho sự ổn định khu vực, bởi nó tạo nên những đối trọng quyền lực cần thiết trong thời điểm có những quốc gia đang trở dậy một cách không hòa bình.

Tóm lại, từ năm 2014 đến nay, tuy có những thay đổi về nhân sự và phong cách lãnh đạo của các nhà cầm quyền Mỹ và Ấn Độ nhưng hầu hết các nhà lãnh đạo hai nước Ấn Độ và Mỹ đều nhận thức được vai trò, vị trí và tầm quan trọng của đối tác trong chiến lược quốc gia đặc biệt là việc đối phó với Trung Quốc để bảo vệ lợi ích cốt tử của mình. Cùng với đó là sự song trùng tư duy và ý chí lãnh đạo của các nguyên thủ nhất là mối quan hệ thân thiết giữa Thủ tướng Modi và Tổng thống Trump như là một thuận lợi rất lớn thúc đẩy quan hệ Mỹ - Ấn Độ lên một tầm cao mới.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Như vậy, chương này đã đề cập đến cơ sở lý luận và các yếu tố ảnh hưởng đến quan hệ Mỹ - Ấn Độ. Về cơ sở lý luận: Có rất nhiều các lý thuyết quan hệ quốc tế có thể ứng dụng làm cơ sở phân tích quan hệ Mỹ - Ấn Độ như lý thuyết của Chủ nghĩa Hiện thực, Chủ nghĩa Tự do, Chủ nghĩa Kiến tạo. Trên cơ sở lựa chọn và vận dụng một số luận điểm của các lý thuyết này để phân tích các vấn đề xoay quanh mối quan hệ song phương Mỹ - Ấn Độ; đánh giá bản chất và tác động của mối quan hệ này và dự báo xu thế phát triển đến năm 2030. Mỗi luận điểm trong các lý thuyết được vận dụng linh hoạt để phân tích, đánh giá các vấn đề đặt ra trong từng chương của Luận án. Về các yếu tố tác động, có thể thấy, quan hệ Mỹ - Ấn Độ giai đoạn 2014 - 2022 là kết quả của sự tác động tổng hợp của cả yếu tố ngoại sinh và nội sinh ở các mức độ và cấp độ khác nhau. Sự biến động của chính trị toàn cầu và những thay đổi về địa chính trị, địa kinh tế trong khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương có tác động sâu sắc đến quan hệ Mỹ - Ấn Độ. Xu thế hợp tác và cạnh tranh giữa các nước lớn đã thúc đẩy Mỹ và Ấn Độ xích lại gần nhau để cùng phát triển và giải quyết những thách thức chung. Những vấn đề bất ổn an ninh trong khu vực Nam Á cũng là một trong các yếu tố tạo nên thăng trầm trong quan hệ Mỹ - Ấn Độ khi hai nước có những ứng xử khác nhau về các vấn đề này nhất là trong quan hệ với Iran, Afghanistan, Pakistan. Sự trỗi dậy của Trung Quốc, sự trở lại của nước Nga, yếu tố EU và Nhật Bản đã, đang và sẽ khiến cho quan hệ Mỹ - Ấn Độ có nhiều chuyển biến hơn. Trong các yếu tố tác động này thì sự trỗi dậy của Trung Quốc và vai trò của các nhà lãnh đạo hai nước có thể xem như là các chất xúc tác mạnh nhất thúc đẩy quan hệ Mỹ - Ấn Độ phát triển và ngược lại yếu tố Nga khiến quan hệ Mỹ - Ấn Độ chùng mịch hơn nhất là trên lĩnh vực chính trị, an ninh - quốc phòng. Đi cùng với các yếu tố ngoại sinh thì tình hình nội bộ của Mỹ và Ấn Độ đặc biệt là vai trò của lãnh đạo hai nước là những nhân tố quan trọng tác động đến quan hệ Mỹ - Ấn Độ giai đoạn này. Trên cơ sở nhận thức và đánh giá về vai trò ngày càng tăng của Ấn Độ, Mỹ không ngừng thúc đẩy quan hệ với Ấn Độ nhằm kiềm toả Trung Quốc và tăng cường sức mạnh Mỹ. Ở chiều ngược lại, với thế và lực của cường

quốc khu vực mới nổi, Ấn Độ đang khao khát khẳng định vị thế cường quốc khu vực rộng lớn hơn là Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương và toàn cầu. Do đó, nước này cần có sự hỗ trợ từ Mỹ để đối trọng với Trung Quốc và mở rộng tầm ảnh hưởng trong khu vực. Các nhà lãnh đạo hai nước từ năm 2014 đến nay đều có xu hướng ủng hộ thúc đẩy quan hệ hai nước sâu rộng hơn trên cả hai phương diện song phương và đa phương. Chính sự tương đồng về nhận thức chính trị và sự thống nhất về ý trí lãnh đạo của các nhà cầm quyền hai nước đã thúc đẩy quan hệ Mỹ - Ấn Độ liên tục phát triển trong gần hai thập kỉ qua.

Chương 3. THỰC TRẠNG QUAN HỆ MỸ - ẤN ĐỘ TRÊN LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ - NGOẠI GIAO, AN NINH - QUỐC PHÒNG

Trong giai đoạn 2014 - 2022, quan hệ Mỹ - Ấn Độ đã có những bước tiến đáng kể nhờ vào những nỗ lực của cả hai bên. Tuy các nhà cầm quyền hai nước đã đề xuất và thực thi những chính sách khác nhau nhưng họ đều đồng nhất quan điểm thúc đẩy quan hệ hai nước trên nhiều lĩnh vực. Trong đó, chính trị - ngoại giao được xem là cầu nối phát triển quan hệ toàn diện giữa hai nước và an ninh - quốc phòng là một trong những lĩnh vực chủ chốt được cả Mỹ và Ấn Độ tập trung thúc đẩy trong suốt giai đoạn này.

3.1. Quan hệ Mỹ - Ấn Độ trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao

Quan hệ chính trị - ngoại giao Mỹ - Ấn Độ đã có những bước tiến vượt trội so với giai đoạn trước năm 2014. Đối với Mỹ, “trong suốt hơn 4 thập kỷ của cuộc Chiến tranh Lạnh, Ấn Độ không phải là kẻ thù nhưng cũng không phải là bạn” [87]. Sau Chiến tranh Lạnh, mối quan hệ hai nước được cải thiện thêm một bước khi Mỹ bắt đầu thay đổi cái nhìn về Ấn Độ. Mỹ nhận thấy đây là một quốc gia dân chủ đang lớn mạnh và có vai trò quan trọng hơn nhiều đối với Mỹ ở Nam Á. Quan hệ Mỹ - Ấn Độ có bước đầu tiến bộ khi hai nước ký kết Hiệp định hạt nhân dân sự Mỹ - Ấn Độ năm 2008 trong nhiệm kỳ thứ hai của cựu Tổng thống George W. Bush (2001 - 2009). Khi ông B.Obama lên nắm quyền năm 2009, ông đã tiếp nối các thành tựu trong quan hệ với Ấn Độ của người tiền nhiệm khi có những động thái nhằm tăng cường quan hệ chính trị - ngoại giao hai nước. Năm 2010, ông Obama đã trở thành Tổng thống Mỹ đầu tiên thăm Ấn Độ và bày tỏ ủng hộ nỗ lực của Ấn Độ trở thành một thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc [88; tr.3-4]. Tuy nhiên, bất chấp sự khởi đầu đầy hứa hẹn này, chính sách Ấn Độ của Tổng thống Obama chưa tạo được bước chuyển mới trong quan hệ hai nước. Đến cuối năm 2013, quan hệ Mỹ - Ấn Độ lao dốc đột ngột vì vấn đề liên quan đến bà Devyani Khobragade, phó lãnh sự Ấn Độ tại New York bị bắt vào tháng 12/2013 [98].

Đến sang năm 2014, quan hệ chính trị - ngoại giao Mỹ và Ấn Độ đã có những chuyển biến mới theo chiều hướng tích cực. Điều này trước hết xuất phát từ việc hai

nền dân chủ đã tìm thấy sự hội tụ về lợi ích chung để phát triển quan hệ và những điểm tương đồng chiến lược đặc biệt là tầm nhìn chung về Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương. Thông qua các hoạt động đối ngoại, trao đổi đoàn cấp cao và các cơ chế hợp tác, quan hệ chính trị - ngoại giao hai nước từng bước phát triển lên tầm cao mới.

3.1.1 Các hoạt động trao đổi đoàn cấp cao giữa Mỹ và Ấn Độ

Từ năm 2014 đến năm 2022, tần suất các cuộc trao đổi các đoàn, các cuộc tiếp xúc và các chuyến thăm của lãnh đạo cấp cao giữa hai nước Mỹ và Ấn Độ ngày càng tăng lên phản ánh mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ ngày càng nồng ấm, tạo đà thúc đẩy quan hệ hợp tác nhiều mặt giữa hai nước. Qua đó, mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ dần dần được định hình, củng cố, nâng cấp và đang trên đà phát triển tốt đẹp. Lãnh đạo hai nước đã trao đổi về quan hệ hợp tác trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt quan tâm hợp tác an ninh – quốc phòng và tập trung nâng cấp quan hệ song phương, cùng nhau giải quyết các vấn đề khu vực và toàn cầu.

Hai bên đã có hơn 20 lần trao đổi, tiếp xúc cấp cao (cấp nguyên thủ quốc gia, cấp Bộ trưởng Ngoại giao, cấp Bộ trưởng Quốc phòng, và các lãnh đạo cấp cao khác¹ và rất nhiều các cuộc điện đàm đã được hai bên thực hiện. Ngoài ra, lãnh đạo các cấp của Mỹ và Ấn Độ thường xuyên có các cuộc gặp gỡ, trao đổi, tiếp xúc bên lề tại các hội nghị như Hội nghị cấp cao ASEAN, Hội nghị cấp cao Đông Á (EAS), Diễn đàn hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC), Nhóm 20 nền kinh tế lớn nhất thế giới (G-20) ...². Đáng chú ý là Thủ tướng Narendra Modi 7 lần thăm Mỹ (tháng 9/2014, 9/2015, 3 – 4/2016, 6/2016, 6/2017, 9/2019 và tháng 9/2021), Tổng thống Ấn Độ Shri Venkaih Naidu thăm Mỹ vào tháng 9/2018. Phía Mỹ có Tổng thống Obama thăm Ấn Độ vào tháng 01/2015, Tổng thống Donald Trump thăm Ấn Độ tháng 02/2020.

Ngay sau khi ông N.Modi đắc cử Thủ tướng Ấn Độ, Tổng thống B. Obama đã chúc mừng ông N. Modi và mời ông tới Nhà Trắng vào tháng 9/2014, đảo ngược lệnh

¹ Xem chi tiết tại phụ lục I

² Xem chi tiết tại phụ lục I

cấm thị thực trước đó³. Ngược lại, với những điều chỉnh chiến lược trong quan hệ với các nước lớn, trong đó nhấn mạnh ưu tiên trong quan hệ với Mỹ, Thủ tướng Modi cũng là nhân tố thúc đẩy quan hệ Mỹ - Ấn Độ phát triển theo chiều sâu, thực chất là hiệu quả hơn. Ngày 29/9/2014, ông B. Obama và ông N. Modi ra Tuyên bố chung, nhằm mở rộng, làm sâu sắc quan hệ đối tác chiến lược hai nước, để quan hệ Mỹ - Ấn Độ trở thành “hình mẫu toàn cầu”. Sau cuộc gặp ngày 30/9/2014, hai nhà lãnh đạo nhất trí tán thành “Tuyên bố tầm nhìn của quan hệ đối tác chiến lược”, coi đây là khuôn khổ chiến lược cho sự phát triển quan hệ hai nước trong 10 năm (2014 - 2024) nhằm tăng cường hợp tác có lợi cho ổn định toàn cầu và các lĩnh vực dân sinh [94].

Tính đến tháng 6/2022, Tổng thống Obama là tổng thống Mỹ duy nhất đã đến thăm Ấn Độ hai lần trong nhiệm kỳ của mình [69; tr.280]. Lần thứ nhất vào năm 2010, tại cuộc gặp gỡ này, ông đã trở thành Tổng thống Mỹ đầu tiên ủng hộ nỗ lực của Ấn Độ trở thành thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp Quốc [88; tr.3-4]. Lần thứ hai Tổng thống Obama đến thăm Ấn Độ từ ngày 25 - 27/1/2015 với tư cách là khách mời danh dự tại Ngày Cộng hòa của Ấn Độ. Chuyến thăm này đã góp phần tăng cường mối quan hệ giữa hai nước, đánh dấu một thời kỳ hợp tác mới giữa Ấn Độ và Mỹ. Khi nhấn mạnh về mối quan hệ giữa hai nền dân chủ lớn nhất thế giới, Tổng thống B. Obama nói rằng “Mỹ có thể là đối tác tốt nhất của Ấn Độ” [101; tr.9]. Cũng trong chuyến thăm này, Tổng thống B. Obama và Thủ tướng N. Modi đã tạo bước đột phá trong các vấn đề liên quan đến hạt nhân có thể giúp thực hiện Thỏa thuận hạt nhân dân sự Mỹ - Ấn Độ. Bên cạnh đó, lãnh đạo hai nước cũng nhấn mạnh quan ngại về tranh chấp trên biển tại khu vực và tầm quan trọng của việc bảo đảm an ninh hàng hải, tự do đi lại trên biển, trên không trong toàn khu vực, nhất là ở Biển Đông vì đây là khu vực địa chính trị - địa kinh tế quan trọng đối với cả hai nước, khu vực và thế giới. Hai bên đồng quan điểm ủng hộ giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hoà bình phù hợp với những nguyên tắc đã được luật pháp quốc tế công nhận, trong đó có Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm

³ Ông N. Modi đã bị cấm nhập cảnh vào Mỹ do bị cáo buộc liên quan đến vụ thảm sát người Hồi giáo năm 2002 ở bang Gujarat, xảy ra khi Modi là thủ hiến của bang này.

1982 (UNCLOS 1982). Hai bên đã ra Tuyên bố Delhi về tình Hữu nghị và thông qua Tầm nhìn Chiến lược chung châu Á - Thái Bình Dương và khu vực Ấn Độ Dương. Hai nước đã nâng Đối thoại giữa các Bộ trưởng Ngoại giao lên Đối thoại chiến lược, đặc biệt là trong lĩnh vực ngoại giao và thương mại. Từ *New York Times* mô tả đây là “một trong những thành tựu quan trọng về chính sách đối ngoại” của Mỹ đối với Ấn Độ [101; tr.9].

Kế thừa nền tảng quan hệ Mỹ - Ấn Độ của người tiền nhiệm B. Obama, cựu Tổng thống Mỹ D. Trump tiếp tục thúc đẩy quan hệ Mỹ - Ấn Độ. Thành công lớn nhất chính là việc xây dựng mối Quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn cầu Toàn diện Mỹ - Ấn Độ đầu năm 2020. Khuôn khổ của mối quan hệ này được xây dựng trong chuyến thăm Mỹ vào tháng 6/2017 của Thủ tướng Narendra Modi. Đây là chuyến thăm cấp nhà nước thứ năm của ông N. Modi tới Mỹ nhưng là chuyến thăm đầu tiên dưới thời Tổng thống D. Trump. Ngày 26/6/2017, Tổng thống Mỹ D. Trump và Thủ tướng N. Modi có cuộc gặp tại Nhà Trắng. Thủ tướng Modi trở thành vị khách nước ngoài đầu tiên được Tổng thống Trump tiếp đón tại Nhà Trắng. Tại cuộc gặp Tổng thống D. Trump đã nhấn mạnh “Ấn Độ sẽ có một người bạn thật sự là Mỹ trên cơ sở tạo ra một mối quan hệ thương mại công bằng và có qua có lại” [25; tr.1]. Hai nhà lãnh đạo đã nhất trí ra “Tuyên bố chung Mỹ - Ấn Độ: Đối tác bền vững trong thế kỷ XXI”; nhất trí tăng cường hợp tác trên nhiều lĩnh vực song phương, khu vực và quốc tế cùng quan tâm; ủng hộ việc hoàn tất lộ trình hợp tác theo Tuyên bố chung “Tầm nhìn chiến lược về khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương”, coi đây là định hướng cho hợp tác song phương giữa hai nước trong thời gian tới.

Tháng 8/2017, Tổng thống Mỹ Donald Trump đã công bố “Chính sách Nam Á mới” với trọng điểm nhấn mạnh quan hệ đối tác chiến lược Mỹ - Ấn Độ. Ngày 18/10/2017, trước khi công du Nam Á, tại Trung tâm nghiên cứu quốc tế và chiến lược (CSIS), Ngoại trưởng Mỹ Rex Tillerson đã có bài phát biểu với tựa đề “Xác định quan hệ giữa Mỹ và Ấn Độ cho thế kỷ tiếp theo”. Ngoài việc lấy “Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương tự do và rộng mở” làm chủ đề, bài phát biểu còn coi Ấn Độ, Nhật Bản và Australia là những quốc gia trọng tâm trong chiến lược của Mỹ tại khu vực này, đồng

thời đặt Ấn Độ vào vị trí trung tâm trong chính sách Nam Á của Mỹ. Điều này đặt nhiều kỳ vọng vào “thời kỳ trăng mật mới” giữa Mỹ và Ấn Độ [25; tr.1].

Tháng 9/2019, Thủ tướng N. Modi tiếp tục có chuyến thăm đến Mỹ, đây cũng là chuyến thăm nước ngoài đầu tiên của ông N. Modi kể từ khi tái đắc cử Thủ tướng Ấn Độ. Ngày 22/9/2019, Tổng thống Trump đã đến Houston để gặp Thủ tướng Modi, đồng thời cùng tham dự cuộc mít tinh của cộng đồng người Mỹ gốc Ấn. Tại đây, Thủ tướng Modi đã kêu gọi cử tri Mỹ gốc Ấn Độ bỏ phiếu cho ông D. Trump trong cuộc bầu cử ở Mỹ cuối năm 2020 [30; tr.3]. Tổng thống Mỹ cũng cho biết, Mỹ và Ấn Độ tổ chức cuộc tập trận chung Tiger Triumph vào tháng 11/2019. Đây là cuộc tập trận chung đầu tiên giữa hai nước, quy tụ cả lục quân, hải quân và không quân tham gia. Trước đó, Ấn Độ chỉ tổ chức các cuộc tập trận chung có quy mô tương tự với Nga [30; tr.2].

Dấu ấn lớn nhất trong các cuộc tiếp xúc ngoại giao giữa Mỹ và Ấn Độ là chuyến thăm chính thức Ấn Độ của Tổng thống Mỹ D. Trump vào ngày 24/2/2020 trong bối cảnh dịch Covid-19 đang bùng phát tại Ấn Độ. Đây là chuyến thăm đầu tiên tới Ấn Độ của D. Trump kể từ khi lên cầm quyền năm 2016, nên có ý nghĩa vô cùng to lớn trong tăng cường quan hệ đối tác chiến lược song phương Mỹ - Ấn Độ. Trong cuộc gặp gỡ quan trọng này, cựu Tổng thống Mỹ D. Trump ca ngợi mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ và sự lãnh đạo của Thủ tướng N. Modi. Còn Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi đã mô tả mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ là mối quan hệ đối tác quan trọng nhất của thế kỷ XXI [179]. Ông cũng khẳng định hợp tác quốc phòng và an ninh ngày càng tăng giữa Ấn Độ và Mỹ là một khía cạnh rất quan trọng trong quan hệ đối tác chiến lược song phương. Hợp tác về các thiết bị và nền tảng quốc phòng hiện đại giúp tăng cường khả năng phòng thủ của Ấn Độ. Trong chuyến thăm này Ấn Độ đồng ý mua 3 tỷ USD thiết bị quân sự của Mỹ, và công ty dầu mỏ ExxonMobil có trụ sở tại Mỹ thông báo một thỏa thuận với Tập đoàn Dầu khí quốc doanh Ấn Độ [218]. Hai bên quyết định nâng cấp quan hệ lên “Đối tác chiến lược toàn cầu toàn diện”, đánh dấu bước phát triển mới của quan hệ song phương. Trong tương lai, Ấn Độ tiếp tục đóng vai trò quan trọng và là một điểm tựa vững chắc

trong chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tự do và Rộng mở của Mỹ. Hai nhà lãnh đạo cũng trao đổi về vấn đề an ninh và quốc phòng, năng lượng, công nghệ và thương mại, giao lưu nhân dân cũng như các vấn đề khu vực và toàn cầu. Trong tuyên bố chung, Thủ tướng N. Modi và Tổng thống D. Trump cam kết tăng cường mối quan hệ Đối tác chiến lược toàn cầu toàn diện Mỹ - Ấn Độ, dựa trên sự tin cậy lẫn nhau và những lợi ích chung của người dân hai nước. Đây là sự kiện đặc biệt, đánh dấu bước ngoặt trong lịch sử quan hệ giữa hai nước, mang lại cơ hội mở rộng quan hệ song phương lên một tầm cao mới [218].

Có thể thấy chuyến thăm của Tổng thống D. Trump tới Ấn Độ đã tăng cường mạnh mẽ niềm tin chính trị giữa hai nước và khẳng định tầm quan trọng của hợp tác quốc phòng. Thủ tướng N. Modi tuyên bố “Chuyến thăm của Tổng thống D.Trump đã mở ra một chương mới trong quan hệ của chúng ta, một chương với sự tiến bộ và thịnh vượng của người dân Mỹ cũng như Ấn Độ” [210].

Dưới thời Tổng thống J. Biden, vượt qua những thách thức từ bối cảnh quốc tế đặc biệt là đại dịch Covid – 19, quan hệ Mỹ - Ấn Độ vẫn được lãnh đạo hai nước tiếp tục được thúc đẩy. Tháng 1/2021, trong cuộc điện đàm với tổng thống J. Biden, Thủ tướng Ấn Độ đã đề cập tới những đóng góp tích cực của Tổng thống Biden vào việc tăng cường quan hệ Mỹ - Ấn Độ trong thời gian ông đảm nhiệm vai trò Phó Tổng thống dưới thời Barack Obama và nhấn mạnh mong muốn hợp tác với Tổng thống Biden để đưa mối quan hệ lên tầm cao hơn và cam kết “thực hiện một trật tự quốc tế dựa trên luật lệ” [46].

Ngay sau khi cuộc bầu cử Mỹ năm 2020 kết thúc, Thủ tướng Ấn Độ N. Modi đã điện đàm chúc mừng ông Biden thắng cử vào tháng 11/2020. Tiếp đó, lãnh đạo hai nước đã điện đàm vào tháng 1/2021 “đồng ý hợp tác chặt chẽ để thúc đẩy hơn nữa quan hệ Mỹ - Ấn Độ. Đồng thời khẳng định, quan hệ Đối tác chiến lược Toàn diện Toàn cầu được xây dựng dựa trên sự chia sẻ các giá trị và lợi ích chung” [72; tr.2]. Thủ tướng Modi và Tổng thống Joe Biden trao đổi điện thoại tái khẳng định cam kết củng cố quan hệ song phương (tháng 02/2021), cam kết hợp tác chống Covid – 19 (tháng 4/2021), điện đàm với Phó Tổng thống Kamala Harris (tháng 6/2021); tham

gia cuộc họp trực tuyến lãnh đạo “Bộ tứ” (tháng 3/2021) và Hội nghị Thượng đỉnh về khí hậu do Tổng thống Joe Biden tổ chức (tháng 4/2021). Ngoài ra, cuối tháng 1/2021, Cố vấn An ninh Quốc gia Ấn Độ Ajit Doval và người đồng cấp Mỹ là ông Jake Sullivan có cuộc điện đàm nhấn mạnh rất nhiều vào các giá trị chung giúp Mỹ và Ấn Độ xích lại gần nhau hơn. Mặc dù cuộc điện đàm giữa ông Doval và ông Sullivan không công khai đề cập đến Bộ tứ QUAD, nhưng đã nhấn mạnh tầm quan trọng của hai quốc gia là “các nền dân chủ hàng đầu”, “có vị trí đặc biệt để hợp tác chặt chẽ trong các vấn đề khu vực và quốc tế bao gồm chống lại khủng bố, an ninh hàng hải, an ninh mạng, hòa bình, ổn định ở khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương và hơn thế nữa”, nhất trí “mở rộng hơn nữa Quan hệ Đối tác Chiến lược toàn cầu toàn diện” [71]. Chỉ vài ngày sau đó, Ngoại trưởng Mỹ Antony Blinken và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Ấn Độ, S. Jaishankar điện đàm trong đó xác định những điểm hội tụ chiến lược quan trọng giữa Ấn Độ và Mỹ và nhấn mạnh “tầm quan trọng của việc hợp tác cùng nhau” thông qua các thể chế khu vực như QUAD [69; tr.281]. Tháng 9/2021, sau khi đại dịch Covid – 19 được kiểm soát tương đối thì Thủ tướng N. Modi đã có cuộc gặp gỡ với Tổng thống J. Biden tại Mỹ. Tại đây, Mỹ khẳng định tính bền vững của mối quan hệ quốc phòng Mỹ-Ấn Độ và cam kết vững chắc của Ấn Độ với tư cách là một đối tác quốc phòng lớn, trong lĩnh vực chia sẻ thông tin, kỹ thuật - hậu cần và tương tác quân sự, tăng cường hợp tác về công nghệ quân sự tiên tiến và tăng cường hành động phối hợp trong các thể chế đa phương.

Cuộc điện đàm giữa Tổng thống J. Biden và Thủ tướng N. Modi tháng 1/2021 có ý nghĩa quan trọng bởi vì hai nhà lãnh đạo đã kết nối sớm và cả hai đều nhắc lại tầm quan trọng về một khu vực “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tự do và Mở rộng”. Ông J. Biden cũng đưa ra quan điểm mạnh mẽ về việc kêu gọi Ấn Độ tham gia hợp tác chiến lược chặt chẽ hơn thông qua một số cơ chế, bao gồm cả QUAD. Ngoài ra, cuộc điện đàm cũng cho thấy sự chia sẻ trong quan điểm giữa Washington và New Delhi về thách thức chung liên quan đến Trung Quốc. Nhà Trắng tuyên bố rõ ràng rằng Mỹ và Ấn Độ sẽ nỗ lực hướng tới xây dựng “sự hợp tác chặt chẽ để thúc đẩy một khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tự do và Mở rộng, bao gồm hỗ trợ tự do hàng hải, toàn vẹn

lãnh thổ và cấu trúc khu vực mạnh mẽ hơn thông qua QUAD” [46].

Tháng 9/2021, cuộc gặp đầu tiên giữa Thủ tướng N. Modi và Tổng thống J. Biden diễn ra tại Nhà Trắng. Tại đây, hai nhà lãnh đạo đã thảo luận về việc Ấn Độ và Mỹ tiếp tục mở rộng hợp tác trong các lĩnh vực khác nhau và cùng nhau giải quyết các vấn đề cấp bách như dịch bệnh Covid - 19 và biến đổi khí hậu. Tuyên bố chung cho biết “Tổng thống J. Biden khẳng định tính bền vững của mối quan hệ quốc phòng Mỹ - Ấn Độ và cam kết vững chắc của Ấn Độ với tư cách là một đối tác quốc phòng lớn, trong lĩnh vực chia sẻ thông tin, kỹ thuật - hậu cần và tương tác quân sự, tăng cường hợp tác về công nghệ quân sự tiên tiến và tăng cường hành động phối hợp trong các thể chế đa phương” [204]. Ông N. Modi và ông J. Biden cũng hoan nghênh việc hợp tác công nghiệp quốc phòng sâu rộng hơn. Các nhà lãnh đạo nhấn mạnh sự phát triển sản xuất máy bay không người lái trong khuôn khổ sáng kiến thương mại và công nghệ quốc phòng và kêu gọi chính phủ, các bên liên quan sử dụng những cơ chế hiện có trong ngành công nghiệp quốc phòng để cùng phát triển, sản xuất chung và mở rộng thương mại quốc phòng giữa hai nước [71].

Bên cạnh trao đổi cấp nguyên thủ quốc gia giữa hai nước, các cuộc trao đổi giữa các bộ trưởng hai nước góp phần thúc đẩy hợp tác trên tất cả các lĩnh vực như quốc phòng, an ninh, y tế, thương mại, kinh tế, khoa học - công nghệ, năng lượng, văn hoá, biến đổi khí hậu ... Trong đó là Đối thoại Chiến lược và Thương mại Mỹ - Ấn Độ và Đối thoại Chiến lược cấp Bộ trưởng ngoại giao và Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ - Ấn Độ đã góp phần tích cực tạo ra bước đột phá trong hợp tác về quốc phòng, an ninh, thương mại, đầu tư giữa hai nước.

Phụ lục I cho thấy, số lần trao đổi, tiếp xúc có xu hướng tăng dưới thời Tổng thống Mỹ Donald Trump (13 lần trong đó 4 lần cấp nguyên thủ, 6 lần cấp bộ trưởng và 3 lần các cấp cao khác) so với thời Tổng thống B. Obama (9 lần trong đó 4 lần cấp nguyên thủ, 4 lần cấp bộ trưởng và 1 lần cấp cao khác). Do trong nhiệm kỳ của mình, Tổng thống Trump thể hiện mạnh mẽ quan điểm cứng rắn với Trung Quốc và chủ động thúc đẩy quan hệ với Ấn Độ và giai đoạn này Mỹ coi trọng vai trò Ấn Độ trong chiến lược Ấn Độ Dương – Thái bình Dương Tự Do và Mở rộng. Điều này

phản ánh mối quan hệ giữa Mỹ và Ấn Độ dưới thời cựu Tổng thống Trump được chú trọng thúc đẩy hơn so với chính quyền người tiền nhiệm. Đến thời Tổng thống đương nhiệm J. Biden, do ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19, nhiều quốc gia phải phong tỏa hoặc hạn chế tiếp xúc để phòng và chống dịch bệnh lây lan nên các cuộc thăm viếng, tiếp xúc giữa Mỹ và Ấn Độ không nhiều. Tuy nhiên, nguyên thủ và lãnh đạo cấp cao hai nước vẫn duy trì nhiều hoạt động ngoại giao thông qua các cuộc điện đàm và làm việc trực tuyến.

Nhìn chung, các chuyến thăm cấp cao, các cuộc điện đàm, tiếp xúc và trao đổi cấp cao từ năm 2014 đến năm 2022 giữa Mỹ và Ấn Độ không ngừng tăng lên, qua đó hai nước đã trao đổi nhiều nội dung hợp tác, chú trọng đến thúc đẩy quan hệ hai nước đặc biệt là hợp tác kinh tế, an ninh – quốc phòng và cùng nhau xử lý các thách thức chung. Nội dung trao đổi đã mang lại nhiều kết quả, không những định hình quan hệ đối tác giữa hai nước trong thế kỷ XXI mà còn đưa quan hệ hai nước đi vào ổn định, tạo đà thúc đẩy hợp tác toàn diện trong nhiều lĩnh vực. Mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ đã phát đi thông điệp đa hướng, không chỉ khẳng định vị thế của Ấn Độ trên bàn cờ địa chiến lược khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và toàn cầu mà còn thể hiện sự hội tụ quan điểm của Ấn Độ và Mỹ trong hợp tác đa lĩnh vực trong quan hệ đối tác toàn cầu toàn diện hiện nay.

3.1.2 Thiết lập cơ chế hợp tác và ký kết văn bản

Trong quá trình xây dựng và thúc đẩy quan hệ Mỹ - Ấn Độ trở thành Đối tác toàn cầu toàn diện như hiện nay, hai nước đã thiết lập nhiều cơ chế hợp tác, nhiều văn bản được ký kết, tạo cơ sở pháp lý vững chắc để đưa quan hệ hai nước Mỹ - Ấn Độ ngày càng đi vào thực chất hơn. Cụ thể:

Trong chuyến thăm Mỹ tháng 9/2014, Tổng thống Obama và Thủ tướng Modi bày tỏ quyết tâm thực hiện cam kết “cùng nhau tiến về phía trước”. Chuyến thăm đã đạt được một số thỏa thuận quan trọng giữa hai nước gồm: (1) Thỏa thuận về hợp tác hạt nhân dân sự; (2) Thỏa thuận về việc khởi động lại Hợp tác công nghiệp quốc phòng trong khuôn khổ 10 năm; (3) Thỏa thuận về hợp tác đầu tư; (4) Thỏa thuận về việc thiết lập đường dây nóng giữa hai nguyên thủ và các cố vấn an ninh quốc

gia; (5) Thỏa thuận về hợp tác chiến lược; (6) Thỏa thuận về hợp tác chống biến đổi khí hậu, theo đó hai bên nhất trí về việc thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch và xử lý vấn đề thay đổi khí hậu, theo đuổi một thỏa thuận toàn cầu tại Thượng đỉnh Paris.

Trong cuộc điện đàm giữa Tổng thống Donald Trump với Thủ tướng Modi (08/2017), hai bên nhất trí nâng cơ chế Đối thoại song phương lên cấp Bộ trưởng Ngoại giao và Bộ trưởng Quốc phòng 2+2 nhằm tăng cường các cuộc Tham vấn Chiến lược giữa hai nước. Tính đến tháng 10/2022, cơ chế này đã được tổ chức 4 lần. Lần thứ nhất Đối thoại 2+2 Mỹ - Ấn vào ngày 06/09/2018 tại New Delhi. Hai bên đã trao đổi và thống nhất 7 vấn đề quan trọng⁴, trong đó đáng chú ý là việc ký Thỏa thuận Hiệp ước An ninh và Tương thích Liên lạc. Ngày 18/12/2019, Ấn Độ và Mỹ tổ chức Đối thoại 2+2 lần 2 tại Washington, hai bên nhất trí 8 vấn đề quan trọng⁵ trong đó đáng chú ý là việc ký kết một số thỏa thuận hợp tác về chuyển giao công nghệ thông tin quan trọng giữa các nhà sản xuất quốc phòng và cùng nghiên cứu phát triển các công nghệ then chốt, đặc biệt là nhấn mạnh đến quan hệ Đối tác chiến lược toàn cầu giữa hai nước [83; tr.7]. Từ ngày 26 - 27/10/2020, Ngoại trưởng Mike Pompeo và Bộ trưởng Quốc phòng Mark Esper thăm Ấn Độ, tham dự Đối thoại 2+2 lần 3. Hai bên khẳng định tầm quan trọng của quan hệ “Đối tác chiến lược toàn cầu toàn diện” Mỹ - Ấn đối với an ninh, thịnh vượng của hai nước và thế giới, nhất trí tiếp tục tham vấn, mở rộng hợp tác ở cả cấp độ song phương, đa phương. Tại hội nghị 2 + 2 lần này, nhiều vấn đề khu vực và quốc tế đã được hai bên thảo luận, xác định hai nước Mỹ và Ấn Độ cùng chung tay giải quyết các thách thức chung. Lãnh đạo hai nước nhất trí các vấn đề sau: cam kết xây dựng khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do, mở rộng, hòa bình, thịnh vượng dựa trên luật pháp quốc tế, trong đó đề cao vai trò trung tâm của ASEAN; nhấn mạnh Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC) phải phù hợp với luật pháp quốc tế và không được làm phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của bất kỳ quốc gia nào; hoan nghênh kết quả và ủng hộ việc mở rộng quy mô, lĩnh vực hợp tác của nhóm “Bộ tứ kim cương -

⁴ Xem chi tiết tại phụ lục I

⁵ Xem chi tiết tại phụ lục I

QUAD”]; nhất trí tăng cường hợp tác phát triển vaccine phòng dịch Covid-19.... Cũng trong khuôn khổ hội nghị này, nhiều văn bản quan trọng đã được ký kết giữa Mỹ và Ấn Độ bao gồm: (1) Thỏa thuận trao đổi và hợp tác cơ bản giữa Bộ Quốc phòng Ấn Độ và Cơ quan Tình báo không gian địa lý Quốc gia/Bộ Quốc phòng Mỹ; (2) Bản ghi nhớ (MoU) về hợp tác kỹ thuật trong quan sát trái đất và khoa học trái đất giữa Bộ Khoa học trái đất Ấn Độ và Cơ quan Khí quyển và Đại dương Quốc gia Mỹ; (3) Thỏa thuận về trao đổi dữ liệu hải quan giữa Bộ Tư pháp Ấn Độ và Bộ Tư pháp Mỹ; (4) Ý định thư về hợp tác trong lĩnh vực nghiên cứu y học cổ truyền và ung thư; (5) Thỏa thuận gia hạn MoU giữa hai Chính phủ về hợp tác với Trung tâm đối tác năng lượng hạt nhân toàn cầu của Ấn Độ.

Tháng 2/2020, trong chuyến thăm Ấn Độ, Tổng thống Trump và Thủ tướng Modi đã thông nhất nhiều vấn đề quan trọng⁶, đặc biệt hai bên đã ký kết 04 văn bản hợp tác Mỹ - Ấn Độ, gồm: (1) Bản ghi nhớ về sức khỏe tâm thần; (2) Bản ghi nhớ về an toàn dược phẩm; (3) Thư hợp tác giữa Tập đoàn dầu khí Ấn Độ và Tập đoàn khí hóa lỏng Ấn Độ Exxon Mobil với Tập đoàn Chart Industries của Mỹ; (4) Hợp đồng trị giá 03 tỉ USD về việc Mỹ cung cấp các trang bị quân sự hiện đại cho Ấn Độ [130].

Ngày 12/4/2022, tại Đối thoại 2+2 cấp Bộ trưởng Ngoại giao và Bộ trưởng Quốc phòng giữa hai bên lần thứ tư, Mỹ và Ấn Độ đã hoàn tất ký kết một thỏa thuận mới mang tên “Nhận thức tình hình không gian mới”. Đây là thỏa thuận nằm trong khuôn khổ các sáng kiến quốc phòng lớn để mở đường cho việc nâng cao hơn nữa hợp tác giữa hai nước. Tại đối thoại, hai bên đã trao đổi quan điểm về một loạt vấn đề an ninh ở Ấn Độ Dương, Đông Á, Đông Nam Á và châu Âu, trong đó hai bên cam kết sẽ duy trì tham vấn chặt chẽ về khủng hoảng Ukraine và các nỗ lực hỗ trợ nhân đạo cho người dân tại Ukraine. Việc ký thỏa thuận này nhằm tạo cơ hội cho việc nâng tầm và đẩy mạnh hợp tác ở khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương [214].

Tính đến tháng 6/2022, thông qua các hoạt động chính trị - ngoại giao, Mỹ và Ấn Độ đã thiết lập khoảng hơn 15 cơ chế đối thoại khác nhau trên nhiều lĩnh vực đặc biệt là hợp tác an ninh – quốc phòng, thương mại – đầu tư. Trong đó, các cơ chế điển

⁶ Xem chi tiết tại phụ lục I

hình như: Cơ chế Đối thoại Chiến lược và Thương mại 2+2 giữa Quốc vụ khanh Bộ Ngoại giao và Bộ trưởng Bộ Công Thương Ấn Độ với những người đồng cấp Mỹ, Cơ chế Tham vấn Chính sách về Đông Á, Tây Á, Trung Á, châu Phi và Ấn Độ Dương, Cơ chế đối thoại 2+2. Trong các cơ chế trên, thì cơ chế Đối thoại cấp Bộ trưởng 2+2 giữ vai trò quan trọng nhất trong thúc đẩy quan hệ song phương Mỹ - Ấn Độ.

3.1.3. Quan hệ chính trị - ngoại giao Mỹ - Ấn Độ trong các cơ chế đa phương

Khác với cách tiếp cận coi trọng quan hệ song phương của Mỹ, Ấn Độ đánh giá cao tầm quan trọng của các cơ chế đa phương, các diễn đàn khu vực và quốc tế, coi đây là địa bàn mà Ấn Độ có thể nâng cao vị thế của mình. Các cơ chế hợp tác đa phương Mỹ - Ấn Độ chủ yếu tại Liên Hợp quốc, hợp tác ba bên giữa Mỹ - Ấn Độ với các quốc gia châu Á, châu Phi

3.1.3.1 Quan hệ Mỹ - Ấn Độ tại Liên Hợp quốc

Trước năm 2014, Mỹ và Ấn Độ có quan hệ không êm đẹp tại Liên Hợp Quốc. Nhưng khi môi trường quốc tế và tình hình hai nước thay đổi thì Ấn Độ và Mỹ cũng đã thường xuyên thể hiện sự ủng hộ lẫn nhau. Ấn Độ muốn tranh thủ vai trò, ảnh hưởng của Mỹ trong cộng đồng quốc tế để nâng cao uy tín, vị thế quốc tế của mình nhằm xác lập vị thế nước lớn, hướng tới mục tiêu trở thành Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc. Đối với Mỹ, Ấn Độ là một quốc gia có tầm ảnh hưởng lớn tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương [24; tr.3]. Cựu Tổng thống Obama đã trở thành Tổng thống Mỹ đầu tiên ủng hộ nỗ lực của Ấn Độ trở thành một thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc. Tuyên bố chung ngày 27/10/2020, sau Đối thoại cấp Bộ trưởng 2 + 2 cho biết: “Mỹ cũng tái khẳng định sự ủng hộ mạnh mẽ tiếp tục đối với việc Ấn Độ trở thành thành viên thường trực trong Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc đã được cải tổ cũng như việc Ấn Độ sớm gia nhập Nhóm các nhà cung cấp hạt nhân – NSG. Mỹ và Ấn Độ cũng đồng quan điểm trong Liên Hợp quốc về các vấn đề liên quan đến chủ nghĩa khủng bố xuyên biên giới [24, tr. 2-3].

Theo *The Economics Times*, năm 2020 Ấn Độ đã giành được 184 phiếu ủng hộ từ 192 nước tham gia phiên bỏ phiếu ngày 17/6/2020, trong đó có Mỹ để trở thành ủy viên không thường trực. Kết quả này đồng nghĩa với việc Ấn Độ được

ngồi cùng bàn với Trung Quốc chỉ vài ngày sau cuộc đụng độ làm 20 binh lính Ấn Độ và 5 binh lính Trung Quốc thiệt mạng ở biên giới Trung - Ấn. Mặc dù quyền hạn không bằng thành viên thường trực tại Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc như Trung Quốc, nhưng vị trí ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc cho phép Ấn Độ thảo luận và thể hiện quan điểm về các vấn đề quan trọng của quốc tế tại Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc [139].

Tuy nhiên, quan hệ giữa Mỹ và Ấn Độ tại Liên Hợp quốc đã xấu đi khi Nga mở chiến dịch quân sự đặc biệt vào Ukraina ngày 24/2/2022. Trong khi, Tổng thống Mỹ J. Biden đã bày tỏ quan điểm rằng “hầu hết các đồng minh toàn cầu đều đoàn kết chống lại Nga, chúng tôi mong muốn Ấn Độ đứng về phía chúng tôi trong vấn đề Ukraine”, Ấn Độ lại giữ thái độ trung lập trong cuộc chiến này. Mặc dù trong tuyên bố của mình, Ấn Độ nói về tầm quan trọng của “Hiến chương Liên Hợp quốc, luật pháp quốc tế và sự tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia” đồng thời nhấn mạnh rằng “tất cả các quốc gia thành viên cần tôn trọng những nguyên tắc này”[200], nhưng khi Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc tổ chức bỏ phiếu ngày 26/2/2022, nước này đã chọn bỏ phiếu trắng về nghị quyết yêu cầu Nga ngừng ngay các cuộc tấn công vào Ukraina và rút toàn bộ quân đội. Ấn Độ cũng bỏ phiếu trắng về nghị quyết kêu gọi một phiên họp khẩn cấp của Đại Hội đồng Liên Hợp quốc. Rạng sáng 3/3/2022, trong phiên họp khẩn cấp thứ 11 của Đại hội đồng Liên Hợp quốc kể từ năm 1950, Ấn Độ tiếp tục bỏ phiếu trắng. Nguyên nhân chính được cho là do mối quan hệ thân thiết từ lịch sử lâu đời giữa Nga và Ấn Độ.

Nhìn theo tiến trình lịch sử thì tổng thể mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ tại Liên Hợp quốc cũng tồn tại một số bất cập từ góc độ biểu quyết về những vấn đề quan trọng. Hai nước đã đồng tình với nhau ở 17% trong số gần 1.000 nghị quyết được thông qua từ năm 2005 đến năm 2017 (như đánh giá bằng việc cả hai nước bỏ phiếu giống nhau, hoặc cả hai đều bỏ phiếu trắng). Nhìn lại xa hơn thời điểm trước đó, tỷ lệ hai nước Mỹ và Ấn Độ bỏ phiếu giống nhau chỉ tăng chút ít từ 13% năm 1990 lên 17% năm 2017. Mức độ liên kết của Ấn Độ với Mỹ thấp hơn so với mức độ liên kết của nước này với Nga, và chỉ ở mức độ tương đương như với Trung Quốc. So với 17% của Ấn Độ trong giai đoạn 2005 - 2017, tỷ lệ này là 66% đối với Anh, 60% đối với

Pháp, và 77% đối với Israel. Trái lại, con số của Trung Quốc là 15% và Nga là 25% [38]. Do đó, xét từ khía cạnh này, khó có thể miêu tả quan hệ Mỹ - Ấn Độ là quan hệ đối tác chiến lược thân thiết khi mà cách thức bỏ phiếu của Ấn Độ tại Liên Hợp quốc chẳng khác gì nhiều so với hai đối thủ nổi bật nhất của Mỹ [88; tr.11-12].

3.1.3.2 Hợp tác ba bên giữa Mỹ - Ấn Độ với các quốc gia châu Á, châu Phi

Hợp tác ba bên giữa Mỹ - Ấn Độ với các quốc gia châu Á, châu Phi được đưa ra tại tuyên bố chung trong chuyến thăm Mỹ của Thủ tướng Ấn Độ N. Modi năm 2016 với lợi ích ban đầu là hợp tác phát triển, thể hiện dưới hình thức là các chương trình nâng cao năng lực đặc biệt. Các chương trình này trải rộng trên các lĩnh vực an ninh - quốc phòng, y tế, và các lĩnh vực khác. Ngoài ra, còn có một loạt chương trình hợp tác khác giữa Ấn Độ, Mỹ và các quốc gia châu Phi, châu Á như: Chương trình Tăng cường năng lực gìn giữ hòa bình quốc tế được thiết kế nhằm nâng cao năng lực gìn giữ hòa bình của Ấn Độ. Ấn Độ luôn nằm trong số năm nước đóng góp nhiều nhất cho quân đội và cảnh sát trong các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên Hợp quốc với hơn 5.400 nhân viên được triển khai tại 8 nước ở châu Phi và Tây Á trong bất kỳ thời điểm nào. Tuy Mỹ không đóng góp nhiều quân số nhưng Mỹ đóng góp 27% ngân sách trong hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên Hợp quốc [184].

Mỹ và Ấn Độ cũng đang tìm cách mở rộng hợp tác gìn giữ hòa bình với các đối tác Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, đặc biệt là các nước ASEAN. Trong Đối thoại Mỹ - Ấn 2 + 2 năm 2018, Ấn Độ và Mỹ nhất trí tăng cường năng lực gìn giữ hòa bình cho đối tác tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, khóa học ba bên giữa Mỹ - Ấn Độ với các quốc gia châu Phi, mở rộng tìm kiếm đối tác khác ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương để hợp tác trong lĩnh vực này. Trung Quốc đã tăng cường đáng kể đóng góp quân số cho các phái bộ gìn giữ Hòa bình của Liên Hợp quốc, Ấn Độ và Mỹ cũng muốn tiến hành huấn luyện nhân viên hải quân cho các phái bộ từ các địa điểm ở Đông Nam Á theo Sáng kiến Hoạt động Hòa bình Toàn cầu [184].

Ngoài ra, còn có một loạt chương trình hợp tác khác giữa Ấn Độ, Mỹ và các quốc gia châu Phi như Máy sấy năng lượng Mặt trời, Sáng kiến hội nhập năng lượng khu vực Nam Á. Những sáng kiến này đã giúp thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực và trao đổi thương mại điện năng xuyên biên giới giữa các nước Nam Á.

3.1.3.2 Quan hệ Mỹ - Ấn Độ trong các vấn đề quốc tế

Trong các vấn đề an ninh khu vực và quốc tế, quan hệ Mỹ - Ấn Độ tồn tại một số bất đồng. Quan điểm và chính sách của hai nước có sự khác biệt nhất định, đặc biệt là sự điều chỉnh quan hệ với các Nga, Iran, Afganishtan và Pakistan.

- Quan hệ với Nga

Sự trở lại của Nga với tư cách là một nhân tố có ảnh hưởng trong địa chính trị của Âu - Á đã gây khó khăn cho Mỹ trong việc bảo vệ vị thế siêu cường và nhất là đảo ngược các hành động của Nga ở Gruzia, Ukraine, Syria, Crimea và cả Iran. Ấn Độ có quan hệ đối tác chiến lược chặt chẽ với Nga nhất là về buôn bán vũ khí, trang thiết bị quân sự. Nhưng, Quốc hội Mỹ đã ban hành Luật Chống lại các đối thủ của Mỹ thông qua Đạo luật trừng phạt (CAATSA) vào năm 2017 để ngăn chặn các nước thứ ba có buôn bán vũ khí với Nga. Chính quyền Trump đã kiềm chế từ việc áp đặt các biện pháp trừng phạt đối với Ấn Độ, nhưng cũng không đưa ra sự từ bỏ CAATSA [69; tr.283]. Gần đây khi Ấn Độ giữ thái độ trung lập về cuộc chiến của Nga tại Ukraine ngày 24/2/2022 cũng khiến cho Mỹ không mấy hài lòng.

- Vấn đề Iran

Ấn Độ nhập khẩu dầu mỏ lượng lớn từ Iran. Nhưng các chính sách của Ấn Độ đối với Iran cũng làm phức tạp thêm mối quan hệ với Mỹ. Washington đang gây sức ép buộc New Delhi phải cắt đứt mối quan hệ đã có từ lâu của họ với Tehran. Ngoài việc rút khỏi Kế hoạch hành động chung toàn diện – JCPOA vào tháng 11/2017, Chính quyền Trump đã tuyên bố áp đặt các biện pháp trừng phạt đối với những nước nhập khẩu dầu mỏ từ Iran và sẽ không chấp nhận bất kỳ trường hợp ngoại lệ nào [69; tr.285]. Tuy nhiên, cho tới nay, Ấn Độ vẫn giữ quan hệ thương mại này với Iran vì nguồn năng lượng này rất quan trọng đối với sự phát triển của một đất nước rộng lớn như Ấn Độ.

- Vấn đề Afghanistan

Quan hệ kinh tế Ấn Độ - Afghanistan tốt đẹp khiến Mỹ không mấy hài lòng. Ấn Độ là nước cung cấp hỗ trợ kinh tế lớn thứ năm cho Afghanistan và các công ty của Ấn Độ đã rất tích cực trong việc tái xây dựng cơ sở hạ tầng của nước này. Trong quá khứ, chính quyền của Bush và Obama đã cố gắng hạn chế sự dính líu của Ấn Độ tại

Afghanistan vì nương theo Pakistan. Nhưng với việc phần lớn các lực lượng của Mỹ rút khỏi Afghanistan năm 2021, sự can thiệp và ảnh hưởng của Mỹ đối với vai trò của Ấn Độ tại Afghanistan và quan hệ Ấn Độ - Afghanistan đã giảm đi khá nhiều. Trong bối cảnh đó, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng Washington cũng nên mềm mỏng hơn với Ấn Độ trong vấn đề này để lôi kéo họ tích cực hơn trong kế hoạch dài hạn của Mỹ nhằm làm ổn định một nước Afghanistan đang lung lay [88; tr.10].

- Vấn đề Pakistan

Quan hệ Mỹ - Ấn Độ cũng chịu ảnh hưởng của yếu tố Pakistan. Là hai nước sở hữu vũ khí hạt nhân của khu vực Nam Á nhưng quan hệ láng giềng Ấn Độ - Pakistan lại không mấy thân thiện nếu như không nói là căng thẳng. Dưới tác động của tình hình thế giới, khu vực và mục tiêu chiến lược an ninh quốc gia nên chính sách của Mỹ đối với Nam Á lại có sự dịch chuyển ưu tiên từ Pakistan sang Ấn Độ. Pakistan từng là ưu tiên số một của Mỹ ở khu vực thời kỳ Chiến tranh Lạnh nhằm phục vụ cho mục tiêu chống Chủ nghĩa xã hội của Mỹ. Sau năm 1991, Mỹ lại chuyển từ trạng thái lạnh nhạt sang quan hệ đối tác toàn diện với Ấn Độ như hiện nay nhưng chưa hoàn toàn cắt đứt với Pakistan mặc dù Ấn Độ rất mong muốn Mỹ chọn bên rõ ràng hơn. Trong bối cảnh Pakistan đang có nhiều động thái tiến gần hơn với Trung Quốc, mặc dù không hài lòng nhưng Ấn Độ và Mỹ đều có xu hướng đã mềm dẻo hơn với nước này vì Mỹ vẫn cần Pakistan để ổn định Afghanistan và Ấn Độ cần né tránh nguy cơ xung đột với cả hai láng giềng một lúc là Trung Quốc và Pakistan.

3.2 Quan hệ Mỹ - Ấn Độ trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng

Trên cơ sở quan hệ chính trị - ngoại giao tốt đẹp, hợp tác an ninh, quốc phòng ngày càng đi vào chiều sâu, là minh chứng cho sự phát triển của quan hệ Đối tác chiến lược toàn cầu toàn diện giữa hai nước. So với quan hệ chính trị - ngoại giao, quan hệ an ninh - quốc phòng Mỹ - Ấn Độ giai đoạn 2014 - 2022 phát triển hơn và diễn ra ở cả cấp độ hợp tác song phương và đa phương.

3.2.1 Vị trí của hợp tác an ninh – quốc phòng trong quan hệ Mỹ - Ấn Độ

Hợp tác An ninh – quốc phòng được xem là trụ cột quan trọng trong quan hệ Mỹ - Ấn Độ. Điều này trước hết xuất phát từ việc Mỹ và Ấn Độ hội tụ chiến lược trong

lĩnh vực an ninh - quốc phòng vì mục tiêu chung là kiềm toả Trung Quốc để bảo vệ lợi ích cốt lõi của mỗi nước. Sự bành trướng sức mạnh của Trung Quốc có tác động sâu sắc đến vấn đề an ninh bên trong và bên ngoài lãnh thổ của Ấn Độ và đe dọa tới lợi ích của hai nước Mỹ - Ấn Độ tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và vị thế bá chủ toàn cầu của Mỹ. Bên cạnh đó, Ấn Độ cam kết duy trì trật tự thế giới dựa trên luật lệ mà Mỹ ủng hộ. Ấn Độ còn nắm giữ tiềm năng to lớn trong thị trường vũ khí mà Mỹ khao khát. Do vậy, Mỹ đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia cho Ấn Độ liên quan đến Afghanistan và Pakistan. Lực lượng hải quân của Mỹ cũng đóng vai trò then chốt trong việc đảm bảo an ninh vùng biển quốc tế vốn đang rất quan trọng đối với việc nhập khẩu dầu của Ấn Độ. Vì vậy, hợp tác quốc phòng - an ninh cũng là trụ cột trong quan hệ hai nước và đóng vai trò căn cốt trong thúc đẩy cấu trúc an ninh ổn định, thịnh vượng ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Hợp tác an ninh - quốc phòng là một trong những nội dung chủ chốt được Mỹ và Ấn Độ đề cập, trao đổi qua các cuộc gặp gỡ và tiếp xúc cấp cao của lãnh đạo, quan chức hai nước. Tháng 7/2015, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Ashton Carter và Bộ trưởng Quốc phòng Ấn Độ, Manohar Parrikar đã ký các văn bản gia hạn Hiệp định Khung về Quốc phòng Mỹ - Ấn Độ kéo dài thêm 10 năm (đến năm 2025). Việc ký kết Hiệp định Khung về Quốc phòng Mỹ - Ấn Độ tạo ra một khuôn khổ mới cho Quan hệ quốc phòng Mỹ - Ấn Độ và mang lại nhiều động lực cho quan hệ song phương [60; tr.1]. Tiếp đó, trong chuyến thăm Mỹ của Bộ trưởng Quốc phòng Ấn Độ Parrikar (12/2015), phía Mỹ khẳng định: Quan hệ quốc phòng Mỹ - Ấn là điểu tựa của an ninh toàn cầu.

Trong chuyến thăm Mỹ thứ hai từ ngày 6 - 8/6/2016, Thủ tướng Modi đã có cuộc gặp song phương với Tổng thống B. Obama [69; tr.281]. Tại đây, hai nhà lãnh đạo đã làm sâu sắc thêm hợp tác quốc phòng. Thủ tướng N.Modi trở thành Thủ tướng thứ sáu của Ấn Độ phát biểu trước Quốc hội Mỹ, ông tuyên bố mối quan hệ giữa Ấn Độ và Mỹ đã “vượt qua những do dự của lịch sử” [111; tr.37]. Tổng thống Obama cũng bày tỏ quan điểm: “Mỹ coi Ấn Độ là “đối tác quốc phòng chính”. Theo đó, Mỹ sẽ chia sẻ công nghệ với Ấn Độ giống như với các đồng minh và đối

tác thân cận nhất của Mỹ; cho phép Ấn Độ tiếp cận công nghệ có thể được sử dụng cho cả mục đích dân sự và quốc phòng. Hai nhà lãnh đạo cũng ra tuyên bố chung về “Đối tác toàn cầu lâu dài trong thế kỷ XXI” nêu rõ, quan hệ song phương chưa bao giờ tốt đẹp như tại thời điểm này [150]. Tháng 8/2016, Bộ trưởng Quốc phòng Ấn Độ Parrikar tiếp tục thăm Mỹ, hai bên nhất trí: nâng tầm trao đổi quốc phòng và chia sẻ công nghệ với Ấn Độ lên thành đồng minh và đối tác gần gũi nhất của nhau.

Vai trò của Ấn Độ ngày càng được Mỹ coi trọng. Tại phiên điều trần trước Quốc hội Mỹ (07/2017) về quan hệ chiến lược Mỹ - Ấn Độ, Mỹ xác định: Sự hội tụ ngày càng tăng với Ấn Độ về tầm nhìn chiến lược đối với khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và Mỹ coi Ấn Độ là một nhân tố đảm bảo an ninh khu vực; hợp tác quốc phòng đang nổi lên như một trụ cột quan trọng trong quan hệ Mỹ - Ấn Độ, trong đó an ninh hàng hải đang là một trọng tâm. Trong Chiến lược an ninh Quốc gia mới (National Security Strategy – NSS 2017) vào ngày 18/12/2017, Mỹ xác định rõ: Nga và Trung Quốc là “các cường quốc xét lại” còn nhấn mạnh Ấn Độ là “cường quốc toàn cầu hàng đầu” (leading global power) và là đối tác “chiến lược và quốc phòng” chính của Mỹ ở Trung Á, Nam Á và Ấn Độ Dương. Trong chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, Tự do và rộng mở, Mỹ coi Ấn Độ là một đối tác trong “hợp tác bốn bên” [165]. Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ James Mattis cũng từng nhấn mạnh: “Mỹ coi trọng vai trò của Ấn Độ đối với an ninh của khu vực và thế giới, chúng tôi nhìn nhận quan hệ Mỹ - Ấn Độ như một đối tác tự nhiên giữa hai nền dân chủ lớn nhất thế giới, dựa trên điểm tương đồng về lợi ích chiến lược, những giá trị chung và sự tôn trọng đối với trật tự quốc tế dựa trên luật pháp” [180]. Tại Hội nghị thường niên Đối thoại Shangri la, Bộ Trưởng James Mattis một lần nữa khẳng định Ấn Độ là “điểm tựa” về an ninh ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Mỹ ủng hộ chính sách Hành động phía Đông của Ấn Độ, khuyến khích hải quân Ấn Độ đóng vai trò nổi bật ở Ấn Độ Dương và vươn xa tới khu vực sừng châu Phi và eo biển Malacca [180].

Nhằm thúc đẩy hơn nữa quan hệ an ninh quốc phòng, Mỹ và Ấn Độ đã tổ chức nhiều cơ chế đối thoại, trong đó, Hội nghị cấp Bộ trưởng 2+2 được tổ chức 4 lần, trao đổi nhiều nội dung hợp tác quan trọng. Điểm nhấn tại các hội nghị này là: Đối thoại Bộ

trường 2 + 2 đầu tiên đã được khai mạc tháng 10/2018, quy tụ các bộ trưởng ngoại giao và quốc phòng của Ấn Độ và Mỹ. Tại Hội nghị, hai bên tái khẳng định “Ấn Độ là một đối tác quốc phòng chính”, Mỹ đang nâng cấp quan hệ quốc phòng lên mức ngang với các “đồng minh thân cận nhất” thông qua việc chuyển giao công nghệ hiện đại và gia tăng giá trị thương mại quốc phòng. Tháng 12/2019, Đối thoại 2+2 Mỹ - Ấn Độ được tổ chức lần hai tại Washington, hai bên đã thảo luận nhiều biện pháp thúc đẩy hợp tác công nghiệp quốc phòng và công nghệ quân sự. Mỹ - Ấn Độ đã đề ra dự án ưu tiên, tháo gỡ những vướng mắc để cùng nhau hợp tác hiệu quả hơn trong lĩnh vực nghiên cứu và phát triển quốc phòng. Hai bên đã ký kết một số thỏa thuận hợp tác về chuyển giao công nghệ thông tin quan trọng giữa các nhà sản xuất quốc phòng và cùng nghiên cứu phát triển các công nghệ then chốt, đặc biệt là nhấn mạnh đến quan hệ Đối tác chiến lược toàn cầu giữa hai nước [83; tr.7]. Đáng chú ý là Mỹ và Ấn Độ đã ký kết Phụ lục An ninh Công nghiệp (ISA) và cam kết sớm tổ chức Hội nghị cấp cao về ISA để thúc đẩy hơn nữa hợp tác an ninh – quốc phòng song phương. Tháng 10/2020, Mỹ - Ấn Độ tổ chức Đối thoại Bộ trưởng 2 + 2 lần thứ ba, hai bên nhất trí tăng cường, mở rộng hợp tác Mỹ - Ấn Độ trong các lĩnh vực chiến lược và quân sự. Hai nước cùng nhau khẳng định tầm quan trọng của quan hệ “Đối tác chiến lược toàn cầu toàn diện” Mỹ - Ấn Độ đối với an ninh, thịnh vượng của hai nước và thế giới; cam kết xây dựng khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do, mở rộng, hòa bình, thịnh vượng dựa trên luật pháp quốc tế, trong đó đề cao vai trò trung tâm của ASEAN; nhấn mạnh COC, hoan nghênh kết quả và ủng hộ việc mở rộng quy mô, lĩnh vực hợp tác của nhóm “Bộ tứ kim cương”; nhất trí tăng cường hợp tác phát triển vaccine phòng dịch Covid-19..... Đối thoại 2+2 lần thứ tư được tổ chức ngày 11/4/2022 tại Washington. Tại đối thoại, hai bên đã trao đổi quan điểm về một loạt vấn đề an ninh ở Ấn Độ Dương, Đông Á, Đông Nam Á và châu Âu, trong đó hai bên cam kết sẽ duy trì tham vấn chặt chẽ về khủng hoảng Ukraine và các nỗ lực hỗ trợ nhân đạo cho người dân tại Ukraine. Ngoài ra, hai bên cũng nhất trí sẽ phối hợp chặt chẽ hơn trong việc thúc đẩy tầm nhìn chung về một khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương tự do và rộng mở [214].

Tại chuyến thăm của cựu Tổng thống Donald Trump đến Ấn Độ tháng 2/2020,

hai bên nhất trí một số vấn đề quan trọng trong hợp tác an ninh quốc phòng như: (1) Cam kết tăng cường hợp tác quốc phòng - an ninh, đặc biệt là hợp tác trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng, phát triển và sản xuất các trang thiết bị quốc phòng hiện đại; (2) Kết thúc kịp thời các cuộc đàm phán thương mại đang diễn ra và mong muốn đây sẽ là giai đoạn một của hiệp định thương mại song phương toàn diện giữa Mỹ và Ấn Độ; (3) Tăng cường an ninh quốc gia thông qua các hoạt động hợp tác chống tội phạm quốc tế như buôn người, chủ nghĩa khủng bố, chủ nghĩa bạo lực cực đoan, buôn bán ma túy và tội phạm trên không gian mạng; (4) Cam kết tiếp tục nỗ lực ngăn chặn, sớm phát hiện và nhanh chóng đối phó khi dịch bệnh bùng phát.

Trên cơ sở xác định mục tiêu chung và nhận thức về vai trò, lợi ích của đối tác, Mỹ - Ấn Độ đã đẩy mạnh ký kết các văn bản hợp tác quốc phòng tạo tiền đề vững chắc cho các hoạt động hợp tác an ninh - quốc phòng trên thực tế giữa hai nước.

Tháng 6/2015, trong chuyến thăm Ấn Độ, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Ashton Carter và Bộ trưởng Quốc phòng Ấn Độ, Manohar Parrikar đã ký gia hạn Hiệp định Khung hợp tác quốc phòng thêm 10 năm. Tức là, Hiệp định Khung quốc phòng ban đầu được ký vào năm 2005, đến năm 2015 được gia hạn thêm 10 (năm 2025) nhằm mở rộng phạm vi hợp tác [26; tr.17]. Việc ký kết Hiệp định Khung về Quốc phòng Mỹ - Ấn Độ tạo ra một khuôn khổ mới cho Quan hệ quốc phòng Mỹ - Ấn Độ và mang lại nhiều động lực cho quan hệ song phương [60; tr.1]. Hiệp định này cũng kết hợp với Sáng kiến Thương mại và Công nghệ Quốc phòng (DTTI) giữa Mỹ - Ấn Độ được khởi động từ năm 2012. Theo đó hai nước có thể hợp tác trong việc sản xuất vũ khí chung [83; tr.6] và tập trung vào các cuộc tập trận chung, thương mại quốc phòng và hợp tác trong an ninh hải quân cũng như chống vi phạm bản quyền [64; tr.243]. Theo sáng kiến DTTI, Mỹ sẽ tập trung vào hợp tác sản xuất và chuyển giao công nghệ quốc phòng cho Ấn Độ như chế tạo tàu sân bay, máy bay tuần tra trên biển, máy bay vận tải, tên lửa, ra đa. Đồng thời, để thúc đẩy các hoạt động trong khuôn khổ DTTI, Bộ Quốc phòng Mỹ đã thành lập Lực lượng Phản ứng nhanh Ấn Độ và ký được nhiều thỏa thuận hợp tác quốc phòng - an ninh quan trọng giữa hai bên như: Thỏa thuận hợp tác dịch vụ và tình báo khu vực, Cơ chế Đối thoại

an ninh hàng hải, Thỏa thuận trao đổi và hợp tác giữa Bộ Quốc phòng Ấn Độ với Bộ Quốc phòng Mỹ.

Tháng 5/2016, Hạ viện Mỹ đã thông qua Luật tăng cường quan hệ quốc phòng - an ninh với Ấn Độ nhằm tăng cường thương mại quốc phòng và khuyến khích đẩy mạnh hợp tác quân sự giữa hai nước. Đạo luật này còn cho phép các đồng minh của Mỹ trong NATO được bán và chuyển giao công nghệ sản xuất vũ khí phòng thủ cho Ấn Độ. Cũng trong năm 2016, sự kiện đánh dấu bước phát triển nhảy vọt trong quan hệ hợp tác quân sự Mỹ - Ấn Độ là việc Mỹ công nhận Ấn Độ là “Đối tác quốc phòng chính” năm 2016 [26; tr. 21] và ký kết ba thỏa thuận hợp tác an ninh - quốc phòng nền tảng rất quan trọng từ năm 2016 đến năm 2020 [101; tr.9]. Đó là:

Thứ nhất, Thỏa thuận Trao đổi Hậu cần (LEMOA) được hai nước ký vào tháng 8/2016. Thỏa thuận này đã bị một số thành phần chính trị ở Ấn Độ phản đối vì cho rằng ảnh hưởng đến quyền tự chủ chiến lược của quốc gia và lập trường không liên kết. Nhưng thực tế cho thấy, việc ký kết thỏa thuận trao đổi hậu cần này Ấn Độ tiến gần hơn hợp tác an ninh với Mỹ [111; tr.38]. Thỏa thuận này cũng cho phép quân đội hai nước có thể tiếp cận căn cứ quân sự của nhau, hỗ trợ tiếp nhiên liệu, chia sẻ hậu cần, hệ thống thông tin liên lạc. LEMOA là một thỏa thuận quan trọng nhằm củng cố và tăng cường mối quan hệ quân sự giữa Ấn Độ và Mỹ [101; tr.12].

Thứ hai là Thỏa thuận Bảo mật và Tương thích Truyền thông (COMCASA) được ký kết trong cuộc Đối thoại 2 + 2 vào tháng 9/2018. Việc ký kết COMCASA làm sâu sắc thêm các mối quan hệ chính trị và an ninh giữa hai nước, tạo điều kiện cho Ấn Độ sử dụng các thiết bị và hệ thống thông tin liên lạc được mã hóa của Mỹ. Các chỉ huy quân sự, máy bay và tàu chiến của Ấn Độ và Mỹ có thể liên lạc thông qua các mạng cả trong thời bình và thời chiến. Văn bản này cũng mở đường cho việc chuyển giao các thiết bị an ninh liên lạc từ Mỹ sang Ấn Độ nhằm khả năng tương tác giữa lực lượng quốc phòng hai nước [72; tr.11].

Thứ ba là Thỏa thuận Hợp tác và Trao đổi cơ bản về chia sẻ thông tin không gian địa lý (BECA) được ký kết vào năm 2020, cho phép chia sẻ công nghệ quân sự cấp cao, bản đồ không gian địa lý, dữ liệu địa hình, hàng hải và hàng không giữa Ấn

Độ và Cơ quan tình báo không gian địa lý Mỹ - Nga. Điều này có nghĩa là, mặc dù hai nước không phải là đồng minh nhưng hợp tác quân sự giữa hai nước đã mang đặc điểm của mối quan hệ đồng minh quân sự. Trước đây, hợp tác quân sự giữa hai nước chủ yếu là trong lĩnh vực mua bán vũ khí, nhưng giờ đây, việc chia sẻ thông tin tình báo quân sự và hỗ trợ hậu cần đã làm thay đổi về chất của mối quan hệ quân sự này. Điều này cũng cho thấy Ấn Độ đã hoàn tất quá trình chính thức gia nhập liên minh quốc phòng của Mỹ.

Thỏa thuận Hợp tác và Trao đổi Cơ bản về chia sẻ không gian địa lý (BECA) cùng với Thỏa thuận Trao đổi Hậu cần (LEMOA) và Thỏa thuận Bảo mật và Tương thích Truyền thông (COMCASA), tạo thành nhóm “*hiệp ước nền tảng*” cho sự hợp tác chia sẻ thông tin quân sự sâu rộng giữa hai nước [111; tr.38]. Mỹ có 4 thỏa thuận “nền tảng” mà nước này ký với các đối tác quốc phòng. Lâu Năm Góc mô tả các thỏa thuận này là “công cụ thông thường mà Mỹ sử dụng để thúc đẩy hợp tác quân sự với các quốc gia đối tác”. Nếu như trước năm 2014, hai nước chỉ ký được một hiệp định trong số bốn thỏa thuận là Thỏa thuận chung về An ninh Thông tin Quân sự (GSOMIA) vào năm 2002 [26; tr.20] thì từ năm 2014 đến năm 2020, hai nước đã ký được 3 thỏa thuận là LEMOA (năm 2016), COMCASA (năm 2018) [101; tr.12] và BECA (năm 2020) tạo thành nhóm “*hiệp ước nền tảng*” cho sự hợp tác chia sẻ thông tin quân sự sâu rộng giữa hai nước. Nhìn chung, để hợp tác quốc phòng chặt chẽ với Mỹ, các đồng minh hoặc đối tác đòi hỏi phải ký các thỏa thuận hợp tác quốc phòng cơ bản trên.

Bên cạnh đó, tháng 8/2018, Quốc hội Mỹ đã thông qua Đạo luật Ủy quyền Quốc phòng (NDAA 2019), trong đó nhấn mạnh việc Mỹ cần tăng cường mối quan hệ đối tác quốc phòng với Ấn Độ, coi Ấn Độ là đối tác quốc phòng quan trọng nhằm tạo thuận lợi cho hợp tác về quân sự, chia sẻ thông tin, chuyển giao công nghệ phù hợp, tìm kiếm các sáng kiến chiến lược để Ấn Độ phát triển khả năng phòng thủ và an ninh hàng hải; tăng cường hợp tác và phối hợp trong cứu trợ nhân đạo, cứu trợ thiên tai, thực hiện các cuộc diễn tập với Ấn Độ tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Tại Đối thoại 2+2 lần 3, hai bên ký 05 văn kiện hợp tác, gồm: (1) Thỏa thuận trao đổi và hợp tác cơ bản giữa Bộ Quốc phòng Ấn Độ và Cơ quan Tình báo không

gian địa lý Quốc gia/Bộ Quốc phòng Mỹ; (2) MoU về hợp tác kỹ thuật trong quan sát trái đất và khoa học trái đất giữa Bộ Khoa học trái đất Ấn Độ và Cơ quan Khí quyển và Đại dương Quốc gia Mỹ; (3) Thỏa thuận về trao đổi dữ liệu hải quan giữa Bộ Bưu chính Ấn Độ và Bộ Bưu điện Mỹ; (4) Ý định thư về hợp tác trong lĩnh vực nghiên cứu y học cổ truyền và ung thư; (5) Thỏa thuận gia hạn MoU giữa hai Chính phủ về hợp tác với Trung tâm đối tác năng lượng hạt nhân toàn cầu của Ấn Độ. Đối thoại 2+2 Mỹ - Ấn Độ lần thứ tư tổ chức tại Washington, D.C, ngày 11/4/2022, hai nước đã ký Thỏa thuận nâng tầm Đối thoại 2+2 mang tên “Nhận thức tình hình không gian mới”. Đây là thỏa thuận nằm trong khuôn khổ các sáng kiến quốc phòng lớn để mở đường cho việc nâng cao hơn nữa hợp tác giữa hai nước” [214].

3.2.2. Triển khai hợp tác an ninh – quốc phòng trên các lĩnh vực

3.2.2.1 Hợp tác an ninh hàng hải

Sự “hội tụ” các lợi ích an ninh hàng hải của Mỹ và Ấn Độ thể hiện ở chỗ:

Đối với Ấn Độ: Ấn Độ Dương là khu vực vận chuyển các nguồn cung năng lượng thiết yếu cho nền kinh tế đang phát triển mạnh mẽ của nước này và là địa bàn kết nối kinh tế thương mại của Ấn Độ với các khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Trong bối cảnh Hải quân Trung Quốc ngày càng hiện diện trong khu vực buộc Ấn Độ phải chú trọng hơn đến việc hiện đại hóa lực lượng hải quân và tăng cường quan hệ với các đối tác hàng hải, nhằm đảm bảo an ninh đường biển, bảo vệ lợi ích thương mại đồng thời đối phó với sự can dự của hải quân Trung Quốc. Do đó, tăng cường quan hệ an ninh - quốc phòng với Mỹ giúp suy giảm sức ảnh hưởng của hải quân Trung Quốc ở Ấn Độ Dương, mặt khác, hạn chế sự phát triển hơn nữa của mối quan hệ Mỹ - Pakistan, từ đó xác lập và củng cố vai trò chủ đạo của Ấn Độ ở khu vực Nam Á và cả Ấn Độ Dương.

Đối với Mỹ: hợp tác an ninh biển với Ấn Độ giúp Mỹ cân bằng lực lượng ở khu vực châu Á, giảm bớt gánh nặng an ninh hàng hải ở khu vực và thúc đẩy một cách tiếp cận đa phương đối với việc ổn định các tuyến đường biển ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Ngoài ra, Ấn Độ là cường quốc quân sự lớn nhất giữa hai trọng tâm bố trí quân sự lớn của Mỹ là Trung Đông, Đông Á, đồng thời Ấn Độ đang kiểm soát Ấn Độ Dương, con đường trọng yếu xuất nhập khẩu dầu mỏ của

Trung Đông. Vì thế, hợp tác với Ấn Độ còn giúp Mỹ đảm bảo vấn đề an ninh năng lượng, an toàn cho tàu buôn và tàu chiến của Mỹ và cung cấp đối tác huấn luyện cũng như bãi tập luyện mới cho quân đội Mỹ.

Về thực trạng hợp tác an ninh hàng hải Mỹ - Ấn Độ:

Cựu Ngoại trưởng Mỹ Rex Tillerson đã gọi Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương là “đấu trường chiến lược”. Trong đó, hợp tác giữa hải quân Mỹ và Ấn Độ là “sự phối hợp tuyệt vời... bao gồm cả lĩnh vực hàng hải, tác chiến chống tàu ngầm, tác chiến đổ bộ và tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn” [101; tr.50]. Hợp tác của Hải quân giữa hai nước là một trong những khía cạnh hợp tác nổi bật nhất và đạt được nhiều tiến bộ nhất so với các binh chủng khác. Ấn Độ luôn nỗ lực tăng cường các hoạt động với Hải quân Mỹ để chống lại cướp biển. Cả Mỹ và Ấn Độ đều chỉ trích mạnh mẽ sự hung hăng của Trung Quốc ở biển Đông, tăng cường hợp tác với các quốc gia ASEAN để chống lại sự bá quyền ngày càng tăng của Trung Quốc ở Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương” [64; tr.253]. Kể từ năm 2017, Ấn Độ đã cho phép máy bay chiến đấu và các chiến hạm của Mỹ sử dụng các căn cứ và cảng của quân đội, chia sẻ thông tin tình báo với Mỹ về các hoạt động của tàu và tàu ngầm Trung Quốc ở Ấn Độ Dương [33].

Ở Ấn Độ Dương, Ấn Độ đã cho phép Mỹ sử dụng 02 quần đảo Andaman, Nicoban và căn cứ Taypu của Ấn Độ cho các hoạt động của máy bay không người lái, máy bay chiến đấu theo Thỏa thuận chuyển tiếp đã ký giữa hai nước. Khi căng thẳng biên giới Ấn - Trung diễn ra vào mùa hè năm 2020 khiến 20 binh sĩ Ấn Độ và 5 binh sĩ Trung Quốc thiệt mạng, Mỹ đã lên tiếng ủng hộ đối với Ấn Độ. Thêm vào đó, để giúp Ấn Độ có thêm ưu thế, Mỹ đã hỗ trợ các phương tiện kỹ thuật giúp Ấn Độ giám sát biên giới, cung cấp thông tin tình báo cho Ấn Độ và hỗ trợ Ấn Độ một số trang thiết bị trinh sát tiên tiến như máy bay không người lái.

Về các cuộc tập trận hải quân song phương và đa phương: Hai nước đã tham gia các cuộc tập trận quân sự chung với sự phối hợp của tất cả các binh chủng [60; tr.2]. Mỹ là nước tổ chức nhiều cuộc tập trận chung với Ấn Độ nhất [43; tr.8]. Các cuộc tập trận hải quân được tổ chức liên tục nhằm phản ánh mối quan hệ đối tác quân sự thân thiết giữa hai nước. Hiện nay, một cơ chế tập trận cố định đã được

thiết lập giữa các quân chủng hai nước. Phạm vi và tần suất của các cuộc tập trận Mỹ - Ấn Độ ngày càng tăng và Ấn Độ cũng đang đẩy tiến độ tham gia hệ thống liên minh quân sự Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương do Mỹ giữ vai trò chủ đạo [35; tr.9]. Cụ thể như sau: Đầu tháng 5/2019, Ấn Độ tổ chức tập trận với Mỹ, Nhật Bản, Philippines ở Biển Đông. Cuối tháng 5/2019, Hải quân Ấn Độ và Hải quân Mỹ, tổ chức tập trận với trọng điểm là tác chiến chống tàu ngầm ở biển Andaman nhằm vào Trung Quốc. Trong 6 tháng cuối năm 2019, Mỹ và Ấn Độ còn tổ chức cuộc tập trận chung thường niên Malabar. Tháng 3/2021, Hải quân Ấn Độ và Hải quân Mỹ tổ chức cuộc tập trận hải quân PASSEX. Tháng 11/2019, Ấn Độ và Mỹ cũng đã tổ chức cuộc tập trận Tiger Triumph - cuộc tập trận chung đầu tiên có sự tham gia của cả ba lực lượng Lục quân, Không quân và Hải quân. Trước đó, Ấn Độ chỉ tổ chức các cuộc tập trận chung có quy mô tương tự với Nga [31].

Về đối thoại an ninh hàng hải song phương. Từ năm 2016 đến năm 2021, hai nước đã tiến hành các cuộc Đối thoại An ninh Hàng hải thường niên để tăng cường hơn nữa hợp tác an ninh hàng hải song phương Mỹ - Ấn Độ. Các cuộc đối thoại cũng là một phần mục tiêu của Tầm nhìn chiến lược chung Mỹ - Ấn Độ tại khu vực Ấn Độ Dương. Mỹ đang thúc đẩy vai trò lớn hơn của Ấn Độ ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương nhằm kiềm chế ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc trong khu vực.

Nói chung, đảm bảo an ninh hàng hải là mục tiêu chủ yếu của hợp tác hàng hải giữa Mỹ và Ấn Độ. Hai bên có lợi ích chung ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, cụ thể là về an ninh năng lượng, duy trì trật tự tự do trên biển và giải quyết hoà bình tranh chấp lãnh thổ và đối phó với các thách thức an ninh hàng hải phi truyền thống. Hải quân Mỹ và Ấn Độ đã tiến hành nhiều lần tập trận chung trên biển trong khuôn khổ song phương và đa phương nhằm nâng cao năng lực tác chiến của hải quân hai nước. Hợp tác an ninh hàng hải giữa hai nước đạt được những kết quả trên là do nhận được sự đồng thuận cao từ giới hoạch định chính sách và quan chức quân đội Mỹ và Ấn Độ. Sự hợp tác ngày càng chặt chẽ về an ninh hàng hải giữa hai nước. Có thể thấy hợp tác an ninh hàng hải Mỹ - Ấn Độ đang trên đà phát triển, hứa hẹn nhiều bước tiến trong tương lai.

3.2.2.2. Hợp tác chống khủng bố

Đây là lĩnh vực hợp tác lâu năm ngay từ khi Mỹ và Ấn Độ còn là những nền dân chủ “xa lạ” với nhau [84]. Sau các vụ khủng bố ngày 11/09/2001 và sự kiện khủng bố ngày 26/11/2008 ở Mumbai - Ấn Độ, cả Ấn Độ và Mỹ đều mong muốn hợp tác để chống lại chủ nghĩa khủng bố trên toàn thế giới. Hai nước đã ký kết sáng kiến chống khủng bố vào năm 2010. Cựu Tổng thống Mỹ B. Obama đã đến thăm Ấn Độ vào năm 2010 và tuyên bố Ấn Độ là “đối tác bình đẳng” chống lại chủ nghĩa khủng bố toàn cầu [64; tr.252]. Hai nước Ấn Độ và Mỹ thường xuyên tổ chức các cuộc đối thoại chống khủng bố và tập trận chống khủng bố. Mỹ và Ấn Độ có chung nhu cầu và lợi ích trong hợp tác chống chủ nghĩa khủng bố trong khu vực và trên thế giới. Các cơ quan tình báo của Ấn Độ và Mỹ đã hợp tác và thảo luận về các mối đe dọa khủng bố ở khu vực Nam Á. Cuối năm 2014, tại cuộc gặp giữa Tổng thống Barack Obama và Thủ tướng N. Modi hai bên xác định, mối đe dọa chung đối với hai quốc gia và cộng đồng thế giới chính là chủ nghĩa khủng bố quốc tế thông qua các phương pháp mới và đa dạng để chống lại chủ nghĩa khủng bố. Tổng thống B.Obama cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tìm kiếm nhiều cơ hội sáng tạo hơn để hợp tác chống khủng bố [108].

Năm 2017, trong cuộc gặp giữa Tổng thống D. Trump và Thủ tướng N. Modi, hai nhà lãnh đạo hai nước đều đề cập việc chiến đấu chống khủng bố. Tuyên bố chung được 2 bên thông qua đề cập đến chống khủng bố ở Pakistan, vụ tấn công khủng bố tại Mumbai và Pathankot. Tuyên bố của Mỹ là một lời cáo buộc ngầm rằng chính Pakistan đã đứng sau chống lưng cho các phần tử khủng bố gây ra những vụ bạo loạn và chống đối chính phủ ở Thung lũng Kashmir - nơi có nhiều người Hồi giáo sinh sống [25; tr.5]. Mỹ cũng chấp thuận kế hoạch của Chính quyền N. Modi về việc thành lập một tổ chức quốc tế về khủng bố. Hai bên cam kết chia sẻ thông tin, tăng cường hợp tác tình báo, ngăn chặn các hoạt động khủng bố nhằm vào Ấn Độ có nguồn gốc từ Pakistan, ngăn chặn sự mở rộng của IS tại Nam Á.

Kể từ khi phát động cuộc chiến chống khủng bố tại Afghanistan, Mỹ đã cung cấp viện trợ kinh tế và quân sự trị giá vài tỷ USD cho Pakistan, tuy nhiên Donald Trump cho rằng Pakistan không những không quét sạch ổ nhóm tổ chức cực đoan

bên trong lãnh thổ nước này mà còn duy trì “quan hệ gần gũi” với các tổ chức cực đoan của Pakistan. Năm 2020, tại cuộc họp Nhóm Công tác Hợp tác chống khủng bố Mỹ - Ấn Độ, hai bên yêu cầu đối với Pakistan trong việc đưa thủ phạm của các cuộc tấn công Mumbai và Pathankot ra công lý. Mỹ nhắc lại sự ủng hộ của người dân và chính phủ Ấn Độ trong cuộc chiến chống khủng bố và các bước đi khác nhằm ngăn chặn khả năng di chuyển của những kẻ khủng bố quốc tế [167]. Bên cạnh đó, trong giai đoạn 2014 - 2022, Mỹ, Ấn Độ thường xuyên tiến hành các cuộc tập trận chống khủng bố thường niên Yudh Abhyas nhằm tổ chức tập trung vào các hoạt động chống nổi dậy và chống khủng bố ở các vùng núi; tiến hành các cuộc tập trận trên sa bàn chống khủng bố - CT-TTX, nhằm đánh giá về phản ứng trước các mối đe dọa khủng bố đang nổi lên.

Nhìn chung, hợp tác chống khủng bố Mỹ - Ấn Độ giai đoạn 2014 – 2022 đã có nhiều kết quả. Mỹ ngày càng coi trọng sự hợp tác của Ấn Độ và phía Ấn Độ cũng tỏ ra sẵn sàng ủng hộ Mỹ tấn công chủ nghĩa khủng bố. Tuy nhiên, hai nước còn tồn tại bất đồng về cách giải quyết mà Mỹ tiến hành. Phía Ấn Độ từng lên án Mỹ vừa bán máy bay cho Ấn Độ, vừa bán máy bay cho Pakistan. Việc Mỹ từ chối công nhận các hoạt động khủng bố mà Ấn Độ đang thực hiện đã cản trở Ấn Độ. Bên cạnh đó, Mỹ công nhận Pakistan là đồng minh chủ chốt ngoài NATO ngay sau khi Mỹ có các cuộc thảo luận với Ấn Độ được coi là sự vi phạm lòng tin [37].

3.2.2.3. Thương mại quốc phòng

Giai đoạn 2014 – 2022, thương mại quốc phòng hay mua bán vũ khí được coi là một phần quan trọng trong hợp tác an ninh – quốc phòng, góp phần củng cố “quan hệ Đối tác chiến lược toàn cầu toàn diện” Mỹ - Ấn Độ. Đây là một sự thay đổi mang tính bước ngoặt vì Ấn Độ từng phụ thuộc quá nhiều về mua sắm quốc phòng từ Nga, nhưng giờ đây đã bắt đầu mua nhiều sản phẩm quốc phòng công nghệ cao từ các nhà cung cấp Mỹ.

Mua bán vũ khí của Ấn Độ từ Mỹ có tốc độ tăng trưởng ổn định về giá trị trong giai đoạn này. Thương mại quốc phòng Mỹ - Ấn Độ tăng đáng kể khoảng gần 15 tỷ USD trong giai đoạn 2014 – 2021 [127] (trung bình tăng 2 tỷ USD/năm). Trong giai

đoạn 2016 - 2020, Mỹ là nước cung cấp vũ khí lớn thứ tư của Ấn Độ (chiếm 7% nhập khẩu vũ khí của Ấn Độ) [92] sau Nga, Israel và Pháp. Nguyên nhân cho sự tăng trưởng này bao gồm việc Mỹ công nhận Ấn Độ là “Đối tác quốc phòng chính” năm 2016 và việc ký kết ba thỏa thuận hợp tác quốc phòng từ năm 2016 đến năm 2019 là Thỏa thuận trao đổi hậu cần LEMOA (tháng 8/2016), Thỏa thuận Tương thích và Bảo mật truyền thông COMCASA (tháng 9/2018) và Thỏa thuận Hợp tác và Trao đổi Cơ bản BECA (tháng 10/2020). Điều này đã tác động xúc tác đến việc Ấn Độ phê duyệt việc mua thêm thiết bị quân sự của Mỹ [111; tr.38].

Các mặt hàng quốc phòng chính mà Ấn Độ mua của Mỹ chủ yếu là máy bay chiến đấu, máy bay vận tải và máy bay săn ngầm: Năm 2015, Mỹ bán cho Ấn Độ 22 trực thăng tấn công AH-64E Apache và 15 trực thăng vận tải hạng nặng CH-47F Chinook trị giá 3 tỷ USD của Boeing. Năm 2016, Mỹ bán cho Ấn Độ 4 máy bay chiến đấu săn ngầm P-8I Neptune trị giá 1 tỷ USD của Boeing. Năm 2017, Ấn Độ mua 145 khẩu pháo M777A2 Howitzers trị giá 542,1 triệu USD của BAE Land Systems and Armaments. Năm 2018, Ấn Độ mua của Mỹ 1 máy bay vận tải hạng nặng C-17A Globemaster III trị giá 262 triệu USD của Boeing. Trong chuyến thăm của Tổng thống Mỹ Donald Trump đến Ấn Độ tháng 2/2020 Mỹ đã bán cho Ấn Độ 24 máy bay trực thăng săn ngầm MH-60R Seahawk trị giá gần 3 tỷ USD của Sikorsk. Cuối năm 2020, Mỹ bán cho Ấn Độ 6 trực thăng tấn công AH-64E Apache trị giá 930 triệu USD của Boeing [77].

Thương mại quốc phòng ngày càng tăng là tín hiệu tốt trong hợp tác an ninh – quốc phòng Mỹ - Ấn Độ. Nếu như trước năm 2014, việc mua bán vũ khí giữa Ấn Độ và Mỹ tăng chậm từ 5,6 triệu USD lúc bắt đầu năm 2003 lên 64 triệu USD năm 2005 và đạt 8,5 tỷ USD năm 2013 (tăng gần 8,5 tỷ USD trong 10 năm, trung bình tăng hơn 800 triệu USD/năm) [26; tr.21] thì từ năm 2014 - 2021, mua bán vũ khí giữa Ấn Độ và Mỹ đã tăng nhanh chóng, tăng khoảng 15 tỷ USD trong giai đoạn năm 2014 đến năm 2021 [127].

Thương mại quân sự ngày càng nhiều góp phần tăng cường mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ. Tuy nhiên, giữa Ấn Độ với Mỹ vẫn có một số xung đột do mối quan hệ giữa Ấn

Độ - Nga. Ấn Độ không định chấm dứt quan hệ buôn bán vũ khí của họ với Nga vì hai nước này đã ký thỏa thuận mua hệ thống phòng không tầm xa S-400 Triumph của Nga trị giá hơn 5,4 tỷ USD bất chấp sự phản đối của Mỹ. Sự việc này cho thấy rằng lợi ích của hai nước là không thống nhất, nhưng các giải pháp thay thế là cần thiết để làm cho mối quan hệ này tiến triển [88; tr.11].

3.2.2.4. Sản xuất vũ khí

Hợp tác sản xuất vũ khí là khía cạnh được hai nước Mỹ và Ấn Độ chú trọng phát triển, hợp tác công nghệ chủ yếu diễn ra trong việc trao đổi thông tin khoa học - công nghệ và hợp tác trong các dự án về khoa học và công nghệ. Những tiến bộ đạt được trong lĩnh vực hợp tác nghiên cứu vũ khí giữa Mỹ và Ấn Độ là rất đáng chú ý, đặc biệt khi so sánh với những mối quan hệ tương tự giữa Mỹ với các quốc gia khác. Trên thực tế, Mỹ đã có những điều chỉnh chính sách và có những nhượng bộ nhất định như thay đổi các quy định kiểm soát xuất khẩu của Mỹ và cấp giấy phép cho các thủ tục nhằm mở ra nhiều cơ hội cùng nghiên cứu, sản xuất và phát triển các dự án sản xuất vũ khí với Ấn Độ.

Năm 2015, trong chuyến thăm của Tổng thống Barack Obama tới Ấn Độ, Ấn Độ và Mỹ đã công bố 4 dự án hợp tác sản xuất quốc phòng, bao gồm thiết bị bay không người lái Raven thế hệ mới và thiết bị bảo vệ chống lại vũ khí hóa học và sinh học [202]. Kể từ đó, quan hệ Mỹ - Ấn Độ đã có nhiều tiến triển nhanh chóng. Nhu cầu hợp tác của Ấn Độ với Mỹ càng rõ rệt hơn mặc dù Ấn Độ đang nỗ lực tự lực trong công nghiệp quốc phòng nhằm “nội địa hóa vũ khí” nhưng mục tiêu này vẫn nằm xa tầm tay với quốc gia đang phát triển như Ấn Độ vì sự hạn chế về vốn và công nghệ [60; tr.1].

Tháng 9/2017, trong chuyến thăm của Bộ trưởng Quốc phòng Mattis đến Ấn Độ, hai bên đã thảo luận về khả năng Ấn Độ có được công nghệ để sản xuất máy bay chiến đấu F-16, F-18 [101; tr.13]. Ngày 9/10/2018, trong một nỗ lực lớn cho sáng kiến “Sản xuất ở Ấn Độ”, tập đoàn quốc phòng và hàng không vũ trụ Mỹ Lockheed Martin đã công bố, cánh của máy bay chiến đấu F-16 sẽ được sản xuất tại Ấn Độ vào năm 2021. Tuy nhiên do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên dự án

này hiện chưa được sản xuất. Hãng Lockheed Martin có trụ sở tại Maryland đã ký Thỏa thuận với tập đoàn Tata Advanced Systems Limited (TASL) để sản xuất bộ phận cánh. Theo đó, hãng Lockheed đã đề nghị chuyển toàn bộ cơ sở sản xuất F-16 sang Ấn Độ. Việc sản xuất cánh của F-16 ở Ấn Độ nhằm tăng cường quan hệ đối tác chiến lược giữa Lockheed Martin và Tata Advanced Systems Limited, đồng thời hỗ trợ sáng kiến “Sản xuất ở Ấn Độ” của Chính phủ Ấn Độ [173]. Tháng 2/2018, Mỹ đã đề nghị cho Ấn Độ đồng sản xuất vỏ Xe bọc thép cùng với Israel và Mỹ khả năng thành công của liên doanh ba bên này là rất hứa hẹn [101; tr.39].

Năm 2019, Bộ trưởng Quốc phòng Ấn Độ Singh và Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Mark Esper đã ký Thỏa thuận Phụ lục An ninh Công nghiệp – ISA tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển giao công nghệ quốc phòng giữa hai nước. Tập đoàn Tata của Ấn Độ và công ty Lockheed Martin, công ty Boeing của Mỹ đã thiết lập liên doanh chế tạo các thiết bị cho máy bay và trực thăng. Mỹ là nước đầu tiên mà Ấn Độ thảo luận về một thỏa thuận thiết lập liên doanh chế tạo các thiết bị cho máy bay và trực thăng nhằm thay thế cho phi đội máy bay MiG-21 đã lỗi thời của Nga cung cấp cho Ấn Độ [154].

Tuy nhiên, do đã có những bài học kinh nghiệm từ các dự án cùng phát triển và cùng sản xuất vũ khí với đồng minh NATO trước đây nên Mỹ vẫn còn những lo ngại. Chẳng hạn như dự án cùng sản xuất loại máy bay chiến đấu FSX của Nhật Bản với công nghệ của loại máy bay chiến đấu F-16 của Mỹ. Dự án này như là “sự cho không ngu ngốc” về công nghệ của Mỹ, đem đến cho Nhật Bản những lợi thế cạnh tranh ở lĩnh vực thương mại hàng không vũ trụ trên toàn cầu. Ở góc độ chiến lược, dự án này giúp gắn kết liên minh Mỹ - Nhật nhưng ở góc độ kinh tế thì nó làm giảm sức cạnh tranh và lợi nhuận của Mỹ. Tất cả những chương trình này đều phải đối mặt với sự chỉ trích từ các thành phần trong chính quyền cũng như công chúng Mỹ bởi đây có thể là mối đe dọa với tính vượt trội cả về quân sự và kinh tế của Mỹ [101; tr.40].

Như vậy, trước năm 2014, hợp tác sản xuất vũ khí là lĩnh vực hợp tác mới và nhạy cảm đối với quan hệ Mỹ và Ấn Độ nhưng hai nước đã vượt qua được rào cản để chạm tới những thành công bước đầu. Tuy nhiên, để có các dự án mở đường cho quan

hệ đối tác quân sự cao cấp hơn liên quan đến chuyển giao công nghệ quan trọng thì mức độ sâu sắc trong quan hệ đối tác giữa Mỹ và Ấn Độ cần được thể hiện rõ hơn.

3.2.2.5. Các hoạt động huấn luyện và đào tạo quân nhân

Trong giai đoạn 2014 - 2022, Ấn Độ tiếp tục tham gia vào Chương trình Giáo dục và Đào tạo Quân sự Quốc tế (IMET) do Mỹ tổ chức. Mục tiêu của chương trình này là tăng khả năng của quân đội các quốc gia tham gia lực lượng hỗ trợ các hoạt động kết hợp và tương tác với Mỹ và các lực lượng liên minh khu vực góp phần vào sự ổn định chính trị và tăng cường tham gia các bài tập gìn giữ hòa bình. Cụ thể, các khóa học của chương trình này góp phần thúc đẩy mục tiêu ổn định và dân chủ của Mỹ, đồng thời tăng cường sự hiểu biết của quân đoàn sĩ quan Ấn Độ với các giá trị và thực hành quân sự của Mỹ. Sĩ quan Ấn Độ cũng tham gia các khóa học về luật quân sự, y tế đào tạo, hậu cần và bảo trì, nâng cao nhận thức và hiểu biết về các chính sách của Mỹ [68; tr.2]. Ngoài ra, IMET cung cấp giáo dục và đào tạo quân sự chuyên nghiệp cho các sinh viên quân sự, tăng cường chuyên nghiệp hóa quân sự, tăng cường khả năng tương tác với các lực lượng Mỹ, cung cấp hướng dẫn về luật xung đột vũ trang và nhân quyền, đào tạo kỹ thuật và hoạt động, đồng thời tạo ra sự hiểu biết sâu sắc hơn về Mỹ [221].

Các chương trình học bổng chống khủng bố cũng cung cấp đào tạo và giáo dục trong việc tích hợp các phương pháp tiếp cận liên cơ quan để chống khủng bố. Chương trình quy tụ các đối tác từ các quốc gia và tổ chức khác nhau trên lĩnh vực chống khủng bố, đã cho phép các quan chức Ấn Độ phát triển một hệ thống toàn diện hơn cách tiếp cận trong việc giải quyết vấn đề về các mối đe dọa an ninh xuyên quốc gia [184]. Các chương trình khác bao gồm Chương trình giáo dục quân sự chuyên nghiệp - PME 1004, cho phép Mỹ đào tạo ngôn ngữ cho lực lượng cảnh sát Ấn Độ [68; tr.3].

3.2.2.6 Hợp tác năng lượng hạt nhân

Kể từ vụ thử vũ khí hạt nhân năm 1998, Mỹ đã tiến hành lệnh cấm vận hạt nhân với Ấn Độ. Nhưng sau hơn ba năm cấm vận, năm 2001 Mỹ đã đảo ngược nguyên tắc này. Đến năm 2008, Tổng thống Mỹ, George W. Bush, đã ký đạo luật về Thỏa thuận hạt nhân dân sự Mỹ - Ấn Độ, được Quốc hội Mỹ thông qua, thành luật, hiện được gọi là Đạo luật về Phê duyệt hợp tác Hạt nhân Mỹ - Ấn Độ và Không phổ

biến vũ khí hạt nhân vào ngày 8/10/2008 [101; tr.7] nhưng đến năm 2015 thỏa thuận này vẫn chưa được thực hiện đầy đủ.

Từ năm 2014 đến nay, Ấn Độ đã áp dụng cách tiếp cận thực dụng hơn trong quan hệ với Mỹ thông qua việc đẩy mạnh các hoạt động hợp tác năng lượng hạt nhân với Mỹ Tháng 9/2014, tại Hội nghị thượng đỉnh song phương đầu tiên giữa Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi và Tổng thống Mỹ Barack Obama tại Washington, hai nước đã ký kết Hiệp định về việc sử dụng năng lượng hạt nhân vì mục đích hòa bình. Đây được coi là chiến lược của Ấn Độ chuyển hướng sang Mỹ vì mục đích năng lượng [101; tr.14]. Đến tháng 1/2015, hai nước khởi động lại chương trình hợp tác hạt nhân dân sự cho phép các tập đoàn Mỹ xây dựng nhà máy điện hạt nhân cho Ấn Độ. Để đạt được thỏa thuận đó, ông Obama đã đồng ý trao công tác giám sát các nhà máy điện lực tương lai của Ấn Độ cho các chuyên gia trực thuộc Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA). Đây là điều mà từ trước tới nay phía Washington vẫn không chấp nhận và gây trở ngại cho tiến trình hợp tác song phương [33].

Tháng 7/2016, Tập đoàn điện hạt nhân của Ấn Độ và công ty Westinghouse của Mỹ đã hợp tác thiết kế kỹ thuật cho việc xây dựng sáu lò phản ứng của nhà máy điện hạt nhân công nghệ AP1000 của nhà cung cấp Westinghouse ở Kovvada, Andhra Pradesh, Ấn Độ [101; tr.9]. Đây là một trong những dự án lớn nhất cùng loại, thực hiện cam kết của thỏa thuận hạt nhân dân sự Mỹ - Ấn Độ.

3.2.3 Hợp tác an ninh – quốc phòng Mỹ - Ấn Độ ở cơ chế đa phương

Cùng với hợp tác song phương, Mỹ và Ấn Độ cũng tiến hành các cơ chế hợp tác đa phương về lĩnh vực an ninh – quốc phòng, trong đó, hai bên chủ yếu bàn về hợp tác trong khuôn khổ Đối thoại Tứ giác An ninh (QUAD) như Đối thoại ba bên cấp bộ trưởng ngoại giao Ấn Độ - Mỹ - Nhật Bản; cơ chế hợp tác và đối thoại ba bên Australia, Ấn Độ và Nhật Bản; cơ chế tham vấn bốn bên Mỹ - Ấn Độ - Nhật Bản – Úc.

QUAD hay còn gọi là Bộ tứ Kim cương là một diễn đàn chiến lược không chính thức giữa Ấn Độ, Mỹ, Nhật Bản và Australia, được duy trì bằng các hội nghị thượng đỉnh bán thường xuyên, trao đổi thông tin và diễn tập quân sự giữa các quốc gia thành

viên [164]. Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tự do và Rộng mở - FOIP của Mỹ chủ yếu dựa vào sự thúc đẩy của cơ chế QUAD nhằm thúc đẩy sự định hình của khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở [52] và đối phó với Sáng kiến Vành đai, Con đường (BRI) của Trung Quốc. Trọng điểm của cơ chế QUAD gồm: Một là, bảo vệ trật tự khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương dựa trên quy tắc; hai là, nâng cao sự kết nối trong khu vực phù hợp với luật pháp và tiêu chuẩn quốc tế; ba là, phối hợp các hành động chống khủng bố và an ninh hàng hải với 4 trụ cột là Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ, Australia. Chính quyền cựu Tổng thống Donald Trump coi Ấn Độ là “đồng minh tự nhiên” của Mỹ và là điểm tựa quan trọng trong chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tự do và Rộng mở.

Trong nhiệm kỳ đầu tiên của Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi (2014 - 2019), Ấn Độ có thái độ không rõ ràng về sự tham gia và mức độ tham gia vào QUAD. Thủ tướng N. Modi lần đầu tiên thể hiện quan điểm về chiến lược này là trong Tuyên bố về “Tầm nhìn chiến lược chung cho khu vực châu Á -Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương” do Thủ tướng N. Modi và cựu Tổng thống B. Obama đưa ra vào tháng 1/2015. Trong tuyên bố này, hai bên đã cam kết đảm bảo tự do hàng hải và vùng trời ở khu vực này, đặc biệt tại Biển Đông.

Báo cáo của Bộ Quốc phòng Mỹ năm 2017 coi Ấn Độ là một trong những quốc gia cùng chung chí hướng với Mỹ, xác định rõ vai trò và địa vị của nước này trong chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” trên cơ sở lợi ích chiến lược chung, quan hệ đối tác hợp tác chiến lược Mỹ - Ấn Độ [35; tr.2]. Về phía Ấn Độ, kể từ năm 2017, ông N. Modi và các cố vấn của ông đã sử dụng thuật ngữ Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương thường xuyên hơn. Trong cuộc gặp giữa ông D. Trump và ông N. Modi tại Washington vào cuối tháng 6/2017, hai nhà lãnh đạo đã miêu tả Ấn Độ và Mỹ là “các bên quản lý có trách nhiệm” tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, cam kết đối với hòa bình và ổn định [33]. Trong bài phát biểu vào tháng 10/2017, Ngoại trưởng Mỹ Rex Tillerson đã kêu gọi phải có một quan hệ đối tác kéo dài 100 năm ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương giữa Mỹ và một Ấn Độ “đang trỗi dậy một cách có trách nhiệm”. “Trọng tâm của thế giới đang dịch chuyển sang trung tâm của Ấn Độ

Dương - Thái Bình Dương. Mỹ và Ấn Độ - với các mục tiêu chung là hòa bình, an ninh, tự do hàng hải, và một cấu trúc tự do và cởi mở - phải đóng vai trò như là những ngọn đèn dẫn đường ở phía Đông và phía Tây của Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, là ngọn đèn bên trái và ngọn đèn bên phải mà ở giữa chúng khu vực này có thể đạt tới tiềm năng lớn nhất và tốt nhất của mình” [33].

Tháng 5/2018, Mỹ đã đổi tên Bộ Tư lệnh Thái Bình Dương thành Bộ Tư lệnh Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (INDOPACOM) nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của Ấn Độ Dương trong chiến lược của Mỹ, nhấn mạnh hơn vai trò trung tâm của Ấn Độ như là một đối tác chiến lược và là nước đối trọng với Trung Quốc. Sáng kiến này của Mỹ được coi là sự quan tâm của Washington trong việc tích hợp New Delhi vào kế hoạch chiến lược của mình. Điều này đã được chứng minh rõ ràng hơn trong tuyên bố của Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ James Mattis: Bộ Tư lệnh Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương “gắn bó mật thiết với một nửa bề mặt trái đất... từ Hollywood đến Bollywood....” [102; tr.243]. New Delhi đã phản ứng bằng việc tăng cường mua trang thiết bị quốc phòng của Mỹ và tăng cường kết nối với nhóm “Bộ Tứ”. Tháng 4/2019, để điều chỉnh và lên kế hoạch cho Các công việc ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, Bộ Ngoại giao Ấn Độ thành lập Vụ Ấn Độ Dương -Thái Bình Dương, phụ trách các vấn đề ngoại giao của Hiệp hội Vành đai Ấn Độ Dương (IORA), ASEAN và cơ chế đàm phán 4 bên [102; tr.244].

Việc Ấn Độ tham gia vào thiết lập địa chính trị Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương hoàn toàn mang tính chiến lược. Với vị trí địa lý trung tâm ở Ấn Độ Dương với các đảo sở hữu và một lực lượng hải quân hiệu quả, Ấn Độ có tiềm năng giúp Mỹ kiềm toả sự gia tăng của Trung Quốc đang thách thức ở các vùng biển lân cận. Hải quân Ấn Độ lớn nhất ở Nam Á và lớn thứ ba ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Khái niệm Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương cũng mang lại cơ hội chính trị cho Ấn Độ để hồi sinh mình với tư cách là một nước giữ vai trò quan trọng trong trò chơi địa chính trị ở khu vực lân cận của Ấn Độ [102; tr.245].

Trong giai đoạn 2017 - 2021, QUAD đã họp 8 lần [67]. Tháng 9/2021, lãnh đạo các nước trong “Bộ tứ” lần đầu tiên có cuộc họp trực tiếp tại Nhà Trắng dưới sự

chủ trì của Tổng thống Mỹ Joe Biden. Tại đây, các nhà lãnh đạo đã nhấn mạnh nhu cầu về khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở. Tuyên bố chung nêu rõ, lãnh đạo các nước Australia, Ấn Độ, Nhật Bản và Mỹ tái cam kết quan hệ đối tác ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở, nền tảng cho an ninh và thịnh vượng chung. Đấu tranh vì thượng tôn pháp luật, tự do hàng hải và hàng không, giải quyết hòa bình các tranh chấp, các giá trị dân chủ và trọn vẹn lãnh thổ của các quốc gia, ủng hộ đối với sự đoàn kết và vai trò trung tâm của ASEAN và Tầm nhìn Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của ASEAN [67].

Lãnh đạo các nước Mỹ, Nhật Bản, Australia và Ấn Độ nhận thấy mối đe dọa từ Trung Quốc và mong muốn tăng cường hơn nữa quan hệ trong Bộ Tứ. Mỹ cũng khuyến khích Ấn Độ hợp tác an ninh chặt chẽ với Nhật Bản và Australia nhằm xây dựng mạng lưới hợp tác quốc phòng 4 bên Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ và Australia. Tháng 6/2020, Ấn Độ và Australia ký Thỏa thuận hỗ trợ hậu cần, mở các căn cứ quân sự ở 2 nước để tiếp nhiên liệu và bảo trì. Việc Ấn Độ lần lượt ký kết các thỏa thuận hỗ trợ lẫn nhau về hậu cần với Australia và Nhật Bản trong năm 2020 mở đường cho sự hỗ trợ hậu cần giữa 4 nước Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ và Australia. Điều này không chỉ tạo điều kiện cho các lực lượng vũ trang của 4 nước tiến hành các hoạt động quân sự chung, mà còn cung cấp nền tảng cơ chế và vật chất cho việc thiết lập mạng lưới hợp tác quốc phòng Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, đồng thời củng cố nền tảng thực tế của cơ chế QUAD.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 3

Trong giai đoạn 2014 – 2022, quan hệ Mỹ - Ấn Độ đã phát triển vượt bậc từ “Tầm nhìn chiến lược về khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương” đến “Đối tác Chiến lược Toàn cầu Toàn diện” và đang tiếp tục phát triển. Từ nhận thức chung về tình hình thế giới và nội tại đất nước cũng như nhận thức về sự tương đồng về lợi ích, cả Ấn Độ và Mỹ đã có sự điều chỉnh chiến lược đối ngoại để thích ứng với bối cảnh mới, nhằm đảm bảo lợi ích quốc gia – dân tộc ở mức độ cao nhất. Hai nước đã rất nỗ lực vượt qua những trở ngại trong quá khứ để hiểu nhau hơn, cùng nhau giải quyết những bất đồng còn tồn tại trong đó có các vấn đề nhạy cảm về chính trị - ngoại giao, an ninh - quốc phòng và đạt được quan hệ tốt đẹp.

Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao: Mỹ và Ấn Độ đã tăng cường các cuộc tiếp xúc, gặp gỡ cấp cao cho thấy quan hệ song phương ngày càng ấm nồng. Qua các hoạt động đối ngoại, hai nước tích cực thiết lập các cơ chế đối thoại, đặc biệt là đối thoại ngoại giao - quốc phòng cấp cao 2+2 được tổ chức bốn lần. Qua kênh đối ngoại, nhiều vấn đề đã được hai nước trao đổi cởi mở, cùng mở ra những cơ hội hợp tác mới trên tất cả các lĩnh vực nhất là thúc đẩy hợp tác an ninh - quốc phòng và thương mại - đầu tư. Các nhà lãnh đạo hai nước nhất trí cao trong nhiều vấn đề quan trọng của khu vực và quốc tế, ủng hộ lẫn nhau trong các diễn đàn đa phương. Mỹ coi trọng và thúc đẩy vai trò của Ấn Độ trong Liên Hiệp quốc. Đặc biệt, Mỹ và Ấn Độ đều mong muốn một khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do, rộng mở và bao trùm dựa trên luật lệ. Năm 2020, hai cường quốc đã thiết lập thành công mối quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn cầu Toàn diện Mỹ - Ấn Độ và đang từng bước nâng cấp thành Đối tác chiến lược.

Về an ninh - quốc phòng: Hợp tác an ninh – quốc phòng được mở rộng trên nhiều lĩnh vực cả song phương và đa phương, đặc biệt là sự hợp tác của hai bên về an ninh hàng hải, công nghệ quân sự, thương mại quốc phòng, chống khủng bố, phòng chống dịch Covid-19, các hoạt động huấn luyện đào tạo, tập trận chung... Quan hệ an ninh quốc phòng Mỹ - Ấn Độ phát triển cũng góp phần tạo thế cân bằng trong khu vực, thúc đẩy nền hòa bình, sự ổn định và thịnh vượng ở khu

vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Với những thành quả đã đạt được, an ninh – quốc phòng trở thành một trong những trụ cột quan trọng trong quan hệ Mỹ - Ấn Độ giai đoạn 2014 – 2022. Tuy còn một số hạn chế trong nhiều lĩnh vực, nhưng những diễn biến của mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ phản ánh những nét khác biệt đặc trưng trong chính sách đối ngoại cũng như chiến lược an ninh - quốc phòng của hai đảng cầm quyền ở Mỹ (Tổng thống B. Obama và Tổng thống J. Biden đại diện cho Đảng Dân chủ, Tổng thống Trump đại diện cho Đảng Cộng hòa), đồng thời cho thấy những chuyển biến linh hoạt trong chính sách của Ấn Độ nhằm nắm bắt thời cơ vươn lên thành cường quốc thế giới.

Chương 4. THỰC TRẠNG QUAN HỆ MỸ - ẤN ĐỘ TRÊN LĨNH VỰC KINH TẾ VÀ MỘT SỐ LĨNH VỰC KHÁC

Cùng với các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, an ninh - quốc phòng thì quan hệ kinh tế cũng đã trở thành động lực thúc đẩy quan hệ Mỹ - Ấn Độ ngày càng tốt đẹp. Các lợi thế về thị trường, nguồn nhân lực của Ấn Độ rất phù hợp với nhu cầu mở rộng thị trường đầu tư của Mỹ. Trong bối cảnh cạnh tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng tăng và hiện tại đã lan sang cạnh tranh khoa học - công nghệ và nhiều lĩnh vực khác, thì Mỹ đang dần chuyển hướng thị trường sản xuất từ Trung Quốc sang Ấn Độ. Bên cạnh đó, Mỹ và Ấn Độ cũng đẩy mạnh hợp tác trên nhiều lĩnh vực khác như văn hoá, giáo dục, khoa học - công nghệ, năng lượng, y tế, xoá đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường...

4.1 Quan hệ kinh tế

Quan hệ kinh tế Mỹ - Ấn Độ (2014 – 2022), đã vượt qua nhiều rào cản để trở thành một trong những trụ cột quan trọng trong quan hệ Mỹ - Ấn Độ. Hợp tác kinh tế Mỹ - Ấn Độ thể hiện nhiều nhất trên lĩnh vực thương mại – dịch vụ, đầu tư, tài chính

4.1.1. Mỹ và Ấn Độ tăng cường mở rộng các cơ chế và ký kết thoả thuận nhằm thúc đẩy quan hệ kinh tế song phương

Nhằm thúc đẩy các hoạt động xúc tiến thương mại, Mỹ và Ấn Độ đã cùng thiết lập, mở rộng nhiều cơ chế hợp tác kinh tế song phương như Diễn đàn Chính sách Thương mại cấp Bộ trưởng; Sáng kiến đầu tư Mỹ - Ấn Độ; Đối thoại Chiến lược - Thương mại thường niên và thúc đẩy ký kết các hiệp định thương mại song phương. Các cơ chế trên được hai bên tổ chức thường xuyên hàng năm, có vai trò định hướng hợp tác để đưa quan hệ song phương hai nước nói chung, lĩnh vực kinh tế nói riêng đi vào thực chất và hiệu quả hơn. Cụ thể là:

Ngày 26/9/2014, ông N. Modi đã thăm Mỹ và có một bài phát biểu tại Madison Square Garden ở New York, và có cuộc gặp các giám đốc điều hành doanh nghiệp Mỹ. Tại Washington, thủ tướng N. Modi và Tổng thống B. Obama đã ký một biên bản ghi nhớ giữa Ngân hàng Xuất nhập khẩu Mỹ và cơ quan năng

lượng của Ấn Độ, cung cấp khoản tiền lên tới 1 tỉ USD để giúp Ấn Độ phát triển các giải pháp thay thế năng lượng carbon thấp và thúc đẩy việc xuất khẩu năng lượng tái tạo của Mỹ sang Ấn Độ [94]. Sau chuyến thăm này, quan hệ kinh tế giữa hai nước đã được tăng cường thêm một bước thông qua quyết định thể chế hóa quan hệ hợp tác kinh tế.

Trong Tuyên bố chung được ký vào tháng 6/2016, “Mỹ hoan nghênh sự quan tâm của Ấn Độ trong việc gia nhập Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, bởi vì Ấn Độ là một phần quan trọng của nền kinh tế năng động ở châu Á. Để tăng cường hơn nữa thương mại song phương, hai nước sẽ tháo dỡ các rào cản về thương mại hàng hóa và dịch vụ, đồng thời hỗ trợ hội nhập sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu” [98; tr.160]. Mỹ đã đề nghị Ấn Độ đồng tổ chức Hội nghị thượng đỉnh doanh nghiệp toàn cầu vào năm 2017. Tháng 11/2017, Mỹ và Ấn Độ đã tổ chức Hội nghị Thượng đỉnh doanh nghiệp toàn cầu (GES) ở Hyderabad. Hội nghị thượng đỉnh này được Mỹ và Ấn Độ tổ chức thường niên mỗi năm một lần tại một địa điểm khác nhau - đã thu hút các nhà đầu tư, các doanh nhân, quan chức chính phủ và nhiều nhân vật khác. Cả hai nước đều hiểu rằng đối với sự phát triển của một xã hội và cơ sở hạ tầng cứng chính là sức mạnh của sự đổi mới thông qua khoa học và công nghệ, các mô hình kinh doanh mới và các ý tưởng sáng tạo có thể dẫn đến những biến đổi làm thay đổi cục diện xã hội, đặc biệt là đối với những người đang sống dưới đáy của tháp thu nhập [44].

Vào ngày 3/8/2018, Ấn Độ trở thành quốc gia châu Á thứ ba sau Nhật Bản và Hàn Quốc được Mỹ cấp quy chế Quyền Thương mại Chiến lược-1 (STA-1). STA-1 cho phép xuất khẩu các sản phẩm công nghệ cao trong không gian dân dụng và quốc phòng từ Mỹ sang Ấn Độ, tạo cơ hội để quốc gia này tiếp cận sản phẩm của Mỹ.

Đến tháng 11/2021, Mỹ - Ấn Độ đã tái khởi động Diễn đàn Chính sách thương mại Mỹ - Ấn Độ (TPF) sau khi bị gián đoạn vào năm 2017. Diễn đàn này góp phần làm sâu sắc hơn mối quan hệ thương mại song phương giữa hai nước, nhằm thiết lập liên lạc thường xuyên để giải quyết các trở ngại thương mại giữa hai bên. Tại buổi làm việc, Đại diện Thương mại Mỹ (USTR), Katherine Tai và Bộ trưởng Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ Piyush Goyal đã thảo luận về tầm quan trọng

của môi quan hệ thương mại và đầu tư song phương và cam kết tăng cường hợp tác thương mại song phương. Lãnh đạo hai bên cũng thảo luận một số vấn đề trong chương trình nghị sự tại Hội nghị Bộ trưởng Thương mại lần thứ 12 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và sự cần thiết phải làm việc một cách hiệu quả để đạt được những mục tiêu chung. Sự tham gia của Mỹ - Ấn Độ về các vấn đề thương mại diễn ra đặt trong bối cảnh triển vọng tăng trưởng không chắc chắn của nền kinh tế của Ấn Độ. Giai đoạn 2014 - 2019, Ấn Độ đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh nhất thế giới (trên 7%/năm), tuy nhiên nền kinh tế Ấn Độ tăng trưởng chậm hơn vào năm 2020 và năm 2021 do bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19 [72; tr.16]. WTO ước tính nền kinh tế Ấn Độ tăng trưởng khoảng 8,3% vào năm 2021 nhờ sự hỗ trợ bởi chính sách hỗ trợ từ chính phủ Ấn Độ [112]. Nhưng dịch Covid-19 bùng phát mạnh ở Ấn Độ vào quý II năm 2021 đã làm hạn chế sự phục hồi của nền kinh tế Ấn Độ.

Tổng thống Mỹ J. Biden cũng là nhân tố thúc đẩy quan hệ thương mại Mỹ - Ấn Độ. Dưới thời Chính quyền J. Biden, hai bên đã thống nhất “giải quyết các vấn đề thương mại song phương nhằm tăng cường quan hệ thương mại”. Năm 2021, hai bên cũng cam kết tái khởi động vào Diễn đàn Chính sách Thương mại (TPF) song phương và cũng trong năm này, hai nước đã tổ chức cuộc họp cấp Bộ trưởng thương mại [72; tr.17-18]. Diễn đàn Chính sách thương mại Mỹ - Ấn năm 2021 thảo luận về các vấn đề thương mại song phương và tìm kiếm các cơ hội để tăng cường quan hệ thương mại giữa hai nước. Cụ thể, trong ngắn hạn, các yêu cầu của Ấn Độ như khôi phục Hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) mà chính quyền D. Trump đã loại bỏ vào tháng 6/2019, có thể được ưu tiên trong chương trình nghị sự của J. Biden để loại bỏ GSP - thuế quan đã được áp đặt đối với gần 2.000 mặt hàng nhập khẩu của Ấn Độ [46; tr.5]. Tại Diễn đàn Chính sách thương mại Mỹ - Ấn Độ năm 2021, Đại diện thương mại Mỹ, Katherine Tai khẳng định rằng quan hệ thương mại với Ấn Độ là ưu tiên hàng đầu của chính quyền Tổng thống Joe Biden. Và đó cũng là lý do bà Katherine Tai cùng phái đoàn Mỹ đến Ấn Độ trong chuyến công du đầu tiên tới châu Á. Đầu năm 2022, Mỹ - Ấn Độ cũng giải quyết các vấn đề liên quan đến tiếp cận thị

trường nông nghiệp và thuế dịch vụ kỹ thuật số của Ấn Độ [71].

Thủ tướng Ấn Độ N. Modi đã thực hiện một loạt cải cách để tạo điều kiện cho các quan hệ kinh tế và chính trị, để thắt chặt hơn quan hệ kinh tế giữa hai nước [101; tr.14]. Chính phủ của Thủ tướng N. Modi đã thúc đẩy Sáng kiến “Make in India” (Sản xuất tại Ấn Độ), nhằm thúc đẩy xây dựng năng lực sản xuất của Ấn Độ bằng cách cắt giảm các rào cản đối với đầu tư nước ngoài và tiến hành các cải cách kinh tế [95]. Thu hút FDI là một phần trong sáng kiến “Make in India”, chính phủ Ấn Độ đã khuyến khích sản xuất trong nước bằng cách thu hút FDI. Để thúc đẩy FDI, chính phủ Ấn Độ còn đưa ra chính sách thân thiện với nhà đầu tư, trong đó hầu hết các lĩnh vực ngoại trừ một số lĩnh vực quan trọng chiến lược đều mở cửa cho 100% vốn FDI. Hơn nữa, chính sách thu hút về FDI được xem xét liên tục để đảm bảo rằng Ấn Độ vẫn là điểm đến hấp dẫn và thân thiện với các nhà đầu tư nước ngoài [141].

Để củng cố hơn nữa hoạt động đầu tư, ngày 23/5/2022, Ấn Độ và Mỹ đã ký Hiệp định khuyến khích đầu tư - IIA nhằm mở đường cho việc tăng cường và thúc đẩy các khoản đầu tư của Cơ quan Tài chính phát triển Mỹ - DFC vào Ấn Độ. Hiệp định này nhằm khuyến khích đầu tư của DFC vào các lĩnh vực then chốt ở Ấn Độ [151].

4.1.2. Quan hệ thương mại hàng hoá và dịch vụ du lịch

Nhờ vào cơ chế thúc đẩy thương mại từ hai phía và những chính sách cải cách kinh tế trong nước mạnh mẽ của Thủ tướng Modi, nên hợp tác thương mại và dịch vụ giữa Ấn Độ và Mỹ phát triển theo chiều hướng tích cực.

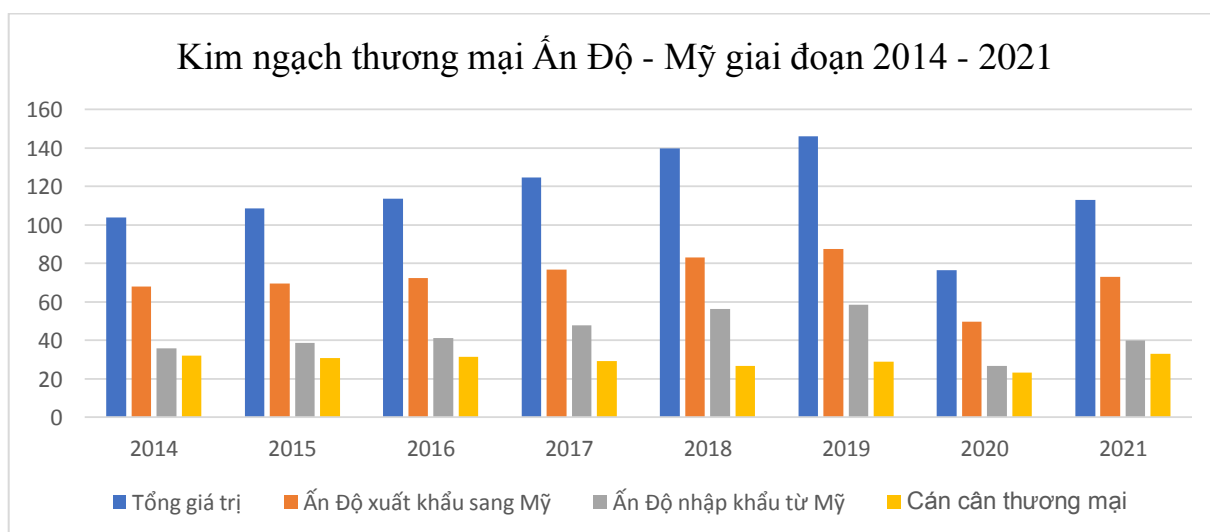
4.1.2.1. Về thương mại hàng hoá

- Kim ngạch xuất, nhập khẩu giữa Ấn Độ và Mỹ ngày càng tăng về giá trị và khối lượng thương mại

Bảng 4.1 Kim ngạch thương mại Ấn Độ - Mỹ giai đoạn 2014 - 2021

Đơn vị: Tỉ USD

| Năm | Tổng giá trị | Ấn Độ xuất khẩu | Ấn Độ nhập khẩu | Cán cân thương mại |
|------|--------------|-----------------|-----------------|--------------------|
| 2014 | 103,8 | 67,9 | 35,9 | 32,0 |
| 2015 | 108,4 | 69,6 | 38,8 | 30,8 |
| 2016 | 113,6 | 72,5 | 41,2 | 31,3 |
| 2017 | 124,5 | 76,9 | 47,7 | 29,2 |
| 2018 | 139,6 | 83,2 | 56,4 | 26,8 |
| 2019 | 146,1 | 87,4 | 58,6 | 28,8 |
| 2020 | 76,3 | 49,7 | 26,6 | 22,9 |
| 2021 | 113,1 | 73,1 | 40,0 | 30,1 |

Nguồn: Statistical abstract of the United States, 2022.**Biểu đồ 4.1 Kim ngạch thương mại Ấn Độ - Mỹ giai đoạn 2014 - 2021****Nguồn:** Statistical abstract of the United States, 2022.

Biểu đồ hoá bảng số liệu cho thấy quan hệ thương mại giữa Ấn Độ và Mỹ có chiều hướng ngày càng tăng từ năm 2014 đến năm 2019. Ngoại trừ năm 2020 giảm, đến năm 2021 kim ngạch thương mại Ấn Độ - Mỹ lại tăng trở lại. Cụ thể là: Quan hệ thương mại Mỹ - Ấn Độ chỉ đạt gần 104 tỉ USD vào năm 2014 nhưng đã tăng lên hơn 146 tỉ USD năm 2019 (tăng hơn 41 tỉ USD trong vòng 5 năm) và hơn 113 tỉ

USD vào năm 2021. Kim ngạch xuất khẩu của Ấn Độ sang Mỹ cũng có xu hướng tăng từ 67,9 tỉ USD năm 2014 tăng lên 73,1 tỉ USD năm 2021. Do chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng đại dịch Covid-19 nên kim ngạch xuất khẩu của Ấn Độ sang Mỹ giảm xuống còn 49,7 tỷ USD năm 2020. Tương tự với kim ngạch nhập khẩu của Ấn Độ từ Mỹ cũng tăng từ 35,9 tỉ USD năm 2014 lên 40,0 tỉ USD năm 2021 và giảm mạnh xuống 26,6 tỷ USD năm 2020 do đại dịch Covid - 19.

Đến năm 2021, Mỹ đã trở thành đối tác thương mại lớn thứ hai của Ấn Độ sau Trung Quốc với kim ngạch thương mại hai chiều lên tới hơn 113 tỉ USD còn Ấn Độ đã trở thành đối tác thương mại thứ 9 của Mỹ sau Canada, Mexico, Trung Quốc, Nhật Bản, Đức, Hàn Quốc và Vương quốc Anh và Đài Loan. Trong đó, xuất khẩu của Ấn Độ sang Mỹ tăng hơn 11% [169]. Thương mại hàng hóa và dịch vụ của Mỹ với Ấn Độ chiếm 2,5% tổng thương mại với thế giới của Mỹ năm 2020, điều này chứng tỏ hàng hóa của Ấn Độ được thị trường Mỹ chấp nhận. Năm 2019, kim ngạch thương mại song phương Mỹ - Ấn Độ là 146,1 tỉ USD, dự kiến sẽ tăng lên 238,0 tỉ USD vào năm 2025. Tính đến năm 2019, Mỹ là thị trường xuất khẩu hàng hóa lớn nhất (chiếm 17% tổng lượng hàng hóa xuất khẩu của Ấn Độ) và là thị trường cung cấp hàng hóa nhập khẩu lớn thứ 3 của Ấn Độ (chiếm 7% tổng lượng hàng hóa nhập khẩu của Ấn Độ, sau Trung Quốc (14%), EU (9%) [72; tr.15].

Tuy nhiên, những số liệu trên cho thấy kim ngạch thương mại Ấn Độ - Mỹ không lớn so với tiềm năng phát triển của hai nước và so với quan hệ thương mại giữa các nước lớn khác. Mặc dù quy mô kinh tế của Ấn Độ là rất lớn song quốc gia này hiện chỉ là đối tác thương mại thứ 9 của Mỹ, trong khi đó, Trung Quốc hiện là đối tác thương mại thứ 2 của Mỹ sau Canada. Chẳng hạn cùng lấy mốc thời gian là năm 2021 với tổng kim ngạch thương mại hai nước Mỹ - Ấn Độ đạt 113,1 tỷ USD. Trong khi đó thì tổng kim ngạch thương mại Trung Quốc - Mỹ là 745 tỉ USD, Nhật Bản - Mỹ là 210 tỉ USD [169].

- Cơ cấu xuất nhập khẩu song phương từ năm 2014 đến nay

Bảng 4.2. Cơ cấu mặt hàng Ấn Độ xuất khẩu sang Mỹ năm 2020

Đơn vị: Tỷ USD

| Mặt hàng xuất khẩu | Ấn Độ xuất khẩu sang Mỹ |
|--------------------|-------------------------|
| Thuốc đóng gói | 7,26 |
| Kim cương | 5,98 |
| Giáp xác | 1,91 |

Ấn Độ là nhà xuất khẩu phần mềm và dịch vụ hàng đầu sang Mỹ [72; tr.15]. Các mặt hàng xuất khẩu của Ấn Độ sang Mỹ chủ yếu là thuốc đóng gói, công nghệ thông tin, dịch vụ, sản phẩm công nghiệp, kim cương, đồ trang sức, dệt may và quần áo, thảm, tôm và các sản phẩm biển khác. Các mặt hàng này chiếm trên 70% xuất khẩu của Ấn Độ sang Mỹ. Cụ thể, trong năm 2020, thuốc đóng gói (7,26 tỉ USD), kim cương (5,98 tỉ USD) và giáp xác (1,91 tỉ USD). Trong 25 năm (1995 - 2020), xuất khẩu của Ấn Độ sang Mỹ đã tăng với tốc độ là 8,97%/ năm, từ 5,79 tỉ USD năm 1995 lên 49,7 tỉ USD vào năm 2020 [155].

Bảng 4.3. Cơ cấu mặt hàng Mỹ xuất khẩu sang Ấn Độ năm 2020

Đơn vị: Tỷ USD

| Mặt hàng xuất khẩu | Mỹ xuất khẩu sang Ấn Độ |
|--------------------|-------------------------|
| Dầu thô | 4,12 |
| Kim cương | 3,32 |
| Than bánh | 1,62 |

Phía Mỹ xuất khẩu sang Ấn Độ chủ yếu bao gồm: dầu thô, than bánh, máy móc, phân bón, máy bay và thiết bị hàng không, thiết bị y tế và hóa chất hữu cơ. Trong năm 2020, các sản phẩm chính mà Mỹ xuất khẩu sang Ấn Độ là dầu thô (4,12 tỉ USD), kim cương (3,32 tỉ USD) và than bánh (1,62 tỉ USD). Trong 25 năm (1995 - 2020), xuất khẩu của Mỹ sang Ấn Độ đã tăng với tốc độ là 8,47%/ năm, từ 3,49 tỉ USD năm 1995 lên 26,6 tỉ USD vào năm 2020 [155].

Điều này phản ánh, Ấn Độ chủ yếu xuất khẩu nguyên liệu thô sang Mỹ, có giá trị gia tăng thấp; còn Mỹ thì xuất khẩu sản phẩm đã qua xử lý sang Ấn Độ có giá trị gia tăng cao.

- Lĩnh vực, ngành hợp tác thương mại Mỹ - Ấn Độ

Thương mại và đầu tư của Mỹ vào các lĩnh vực như quốc phòng, máy bay thương mại, khí đốt, than, điện tử dự kiến tăng lên, và các ngành như sản xuất dược phẩm, hải sản và công nghệ thông tin của Ấn Độ hứa hẹn sẽ được hưởng lợi. Ấn Độ là một nước sản xuất dược phẩm lớn và Mỹ là nước nhập khẩu chủ yếu các loại thuốc này. Theo Bộ trưởng thương mại Mỹ Wilbur Ross “không có trở ngại nào trong việc Mỹ và Ấn Độ nhanh chóng đạt được thỏa thuận thương mại” [45; tr.3-4].

Hợp tác trong lĩnh vực dầu khí là một lĩnh vực tăng trưởng quan trọng trong quan hệ thương mại hai nước. Năm 2018, Ấn Độ đã mua 48,2 triệu thùng dầu thô của Mỹ, tăng đáng kể so với 9,6 triệu thùng năm 2017. Ấn Độ đã nhanh chóng trở thành điểm đến xuất khẩu dầu lớn nhất của Mỹ, năm 2020 Ấn Độ là thị trường tiêu thụ dầu thô lớn thứ năm của Mỹ. Hầu hết các tập đoàn dầu mỏ lớn của Ấn Độ, bao gồm Reliance Industries Limited (RIL), Indian Oil Corp, Bharat Petroleum, và Hindustan Petroleum (HPCL), hiện mua một lượng lớn dầu thô của Mỹ với nhiều loại khác nhau, bao gồm cả loại nhẹ như West Texas Intermediate, loại trung bình như Mars và Poseidon, và các loại siêu nặng khó tinh chế hơn [222].

Dầu mỏ có triển vọng trở thành một trong những trụ cột của quan hệ hợp tác năng lượng Mỹ - Ấn Độ trong ít nhất một thập kỷ tới. Quan hệ Đối tác Năng lượng chiến lược Mỹ - Ấn Độ khởi động vào năm 2018 (được gia hạn vào năm 2021 với tên gọi Đối tác Năng lượng Sạch Chiến lược) và nhiều hợp đồng dài hạn (lên đến 20 năm) được các công ty Ấn Độ ký để cung cấp dầu và khí đốt của Mỹ là những dấu hiệu cho thấy đây là một lĩnh vực hợp tác hứa hẹn giữa hai nước. Ấn Độ nhập khẩu hơn 85% nhu cầu xăng dầu của mình, khiến an ninh năng lượng trở thành ưu tiên chính sách đối ngoại chính của chính phủ Ấn Độ [143]. Mỹ có thể trở thành nhà cung cấp dầu ổn định, lâu dài cho Ấn Độ, đặc biệt là với các loại dầu thô đa dạng mang lại sự linh hoạt hơn và các lựa chọn định giá khác nhau cho các nhà nhập

khẩu dầu của Ấn Độ. Các công ty đàm phán các thỏa thuận nhập khẩu chung có khả năng dẫn đến việc nhập khẩu dầu thô của Mỹ nhiều hơn, với số lượng lớn hơn và giảm giá sâu hơn. Năm 2020, Tập đoàn Dầu khí quốc doanh Ấn Độ (Indian Oil Corp) và công ty dầu mỏ và ExxonMobil India LNG Ltd có trụ sở tại Mỹ đã ký một thỏa thuận để cung cấp khí đốt tự nhiên hóa lỏng (LNG) bằng đường bộ, đường sắt và đường thủy cho các khu vực không được kết nối bằng đường ống. Biên bản ghi nhớ bao gồm các trạm tiếp nhiên liệu và phương tiện vận chuyển di động LNG thay thế cho xe lửa và các container của Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO) [131].

Bên cạnh đó, thương mại quốc phòng đóng vai trò đáng kể trong thương mại song phương Mỹ - Ấn Độ. Nếu trước đây, Ấn Độ chủ yếu mua các trang thiết bị, khí tài quân sự của Nga và các tập đoàn quân sự châu Âu, thì tính đến năm 2021 nước này đã chuyển hướng sang Mỹ với tổng giá trị hợp đồng lên tới 3 tỉ USD vào năm 2020, theo đó, Ấn Độ mua 24 máy bay trực thăng MH-60R Seahawk cho Hải quân Ấn Độ với tổng giá trị 2,6 tỉ USD. Máy bay trực thăng đa dụng này được trang bị tên lửa chống tăng Hellfire, giúp Hải quân Ấn Độ theo dõi tàu ngầm ở Ấn Độ Dương. Mỹ cũng đã phê duyệt bán cho Ấn Độ máy bay trực thăng cùng với radar, ngư lôi và 10 tên lửa AGM-114 Hellfire trị giá gần 400 triệu USD [45; tr.2-3].

**Kim ngạch xuất nhập khẩu Mỹ - Ấn Độ trong giai đoạn 2014 – 2021 có sự tăng trưởng dương so với giai đoạn từ trước đó*

Bảng 4.4 Kim ngạch xuất nhập khẩu Ấn Độ - Mỹ từ 2000 – 2021

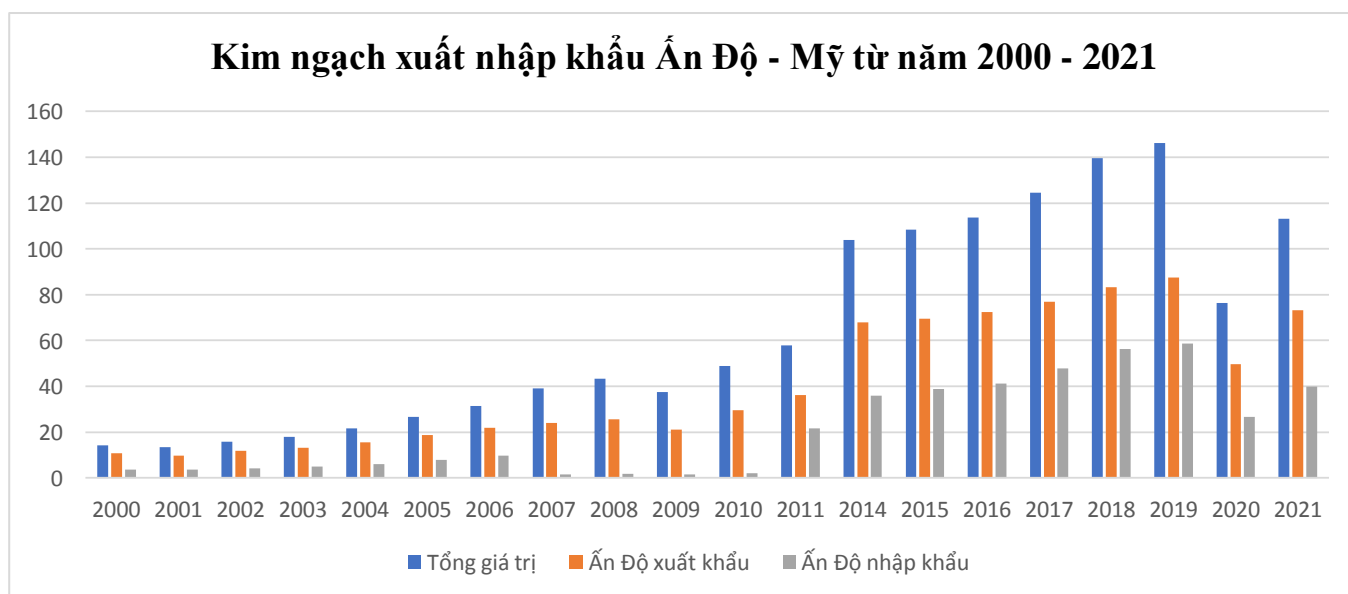
Đơn vị: *Tỉ USD*

| Năm | Tổng giá trị | Ấn Độ xuất khẩu | Ấn Độ nhập khẩu |
|------|--------------|-----------------|-----------------|
| 2000 | 14,354 | 10,687 | 3,667 |
| 2001 | 13,494 | 9,737 | 3,757 |
| 2002 | 15,919 | 11,818 | 4,101 |
| 2003 | 18,035 | 13,055 | 4,980 |
| 2004 | 21,681 | 15,572 | 6,109 |
| 2005 | 26,723 | 18,804 | 7,919 |

| Năm | Tổng giá trị | Ấn Độ xuất khẩu | Ấn Độ nhập khẩu |
|------|--------------|-----------------|-----------------|
| 2006 | 31,505 | 21,831 | 9,674 |
| 2007 | 39,042 | 24,073 | 1,4969 |
| 2008 | 43,386 | 25,704 | 1,7682 |
| 2009 | 37,607 | 21,166 | 1,6441 |
| 2010 | 48,782 | 29,532 | 1,9250 |
| 2011 | 57,800 | 36,200 | 21,600 |
| 2014 | 103,800 | 67,900 | 35,900 |
| 2015 | 108,400 | 69,600 | 38,800 |
| 2016 | 113,600 | 72,500 | 41,200 |
| 2017 | 124,500 | 76,900 | 47,700 |
| 2018 | 139,600 | 83,200 | 56,400 |
| 2019 | 146,100 | 87,400 | 58,600 |
| 2020 | 76,300 | 49,700 | 26,600 |
| 2021 | 113,100 | 73,100 | 40,000 |

Nguồn: Statistical abstract of the United States

Biểu đồ 4.2 Kim ngạch xuất nhập khẩu Ấn Độ - Mỹ từ năm 2000-2021



Nguồn : Statistical abstract of the United States

Biểu đồ hoá bảng số liệu trên cho thấy, so với giai đoạn trước năm 2014 thì kim ngạch xuất nhập khẩu Mỹ - Ấn Độ có sự tăng trưởng mạnh và cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu cũng có sự thay đổi. Điều này chứng tỏ, quan hệ thương mại hai nước có bước phát triển mạnh hơn so với giai đoạn trước. Hai nước cũng đã mở rộng hơn các mặt hàng xuất nhập khẩu. Cán cân thương mại trong hai giai đoạn đều nghiêng về Ấn Độ. Bên cạnh đó, là hai quốc gia chịu ảnh hưởng sâu sắc từ đại dịch Covid – 19 nên kim ngạch thương mại hai nước trong hai năm 2020 và 2021 giảm xuống nhưng hai bên vẫn duy trì mức độ hợp tác tốt nhất có thể và ngay lập tức nối lại các hoạt động thương mại sau khi đã kiểm soát được đại dịch.

4.1.2.2. Dịch vụ du lịch

- Thúc đẩy các hoạt động xúc tiến du lịch

Hợp tác du lịch là điểm sáng trong thương mại dịch vụ giữa Mỹ và Ấn Độ giai đoạn 2014 - 2022. Nguyên nhân là do hai nước đã tăng cường các hoạt động xúc tiến du lịch và trao đổi hợp tác phát triển du lịch.

Trong Tuyên bố chung giữa Thủ tướng N. Modi và Tổng thống Obama vào tháng 6/2016 nhấn mạnh “hơn 1 triệu du khách từ Ấn Độ đến Mỹ trong năm 2015”. Cũng nhân dịp này, hai nước đã quyết định lấy năm 2017 là Năm Đối tác Du lịch và Lữ hành Mỹ - Ấn Độ [150]. Ấn Độ là một trong những thị trường phát triển nhanh nhất về du lịch quốc tế đến Mỹ. Năm Đối tác Du lịch và Lữ hành Mỹ - Ấn Độ nhằm tăng cường thương mại dịch vụ du lịch Mỹ - Ấn Độ. Sự kiện này cũng tạo cơ hội cho công ty du lịch Brand USA của Mỹ lập văn phòng tại thị trường Ấn Độ. Sáng kiến này cũng tạo ra sự xâm nhập của ngành du lịch Mỹ với thương mại du lịch Ấn Độ để tạo điều kiện kết nối tốt hơn và đem lại cơ hội thúc đẩy du khách Ấn Độ đến Mỹ [150]. Ông Christopher L. Thompson, Chủ tịch công ty Brand USA cho biết: “Ấn Độ là một trong những thị trường du lịch quốc tế đến Mỹ phát triển nhanh nhất và chúng tôi tìm cách nắm bắt thị phần ngày càng tăng của lĩnh vực du lịch, đây sẽ là một yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy nền kinh tế Mỹ và tạo ra việc làm ở Mỹ” [217].

Mỹ - Ấn Độ đã thiết lập, mở rộng nhiều cơ chế nhằm tăng cường hợp tác du lịch song phương. Năm 2018, Nhóm Công tác Du lịch Mỹ - Ấn Độ được thành lập

để tập trung vào sự phát triển của du lịch và giải trí. Mục tiêu là thành lập một nhóm chuyên gia để tăng cường hợp tác du lịch Mỹ - Ấn Độ, tạo điều kiện cho các vấn đề quan trọng trong ngành, các cuộc trò chuyện và hành động để giải quyết các vấn đề mà hai bên cùng quan tâm [220].

Từ tháng 2/2020, Mỹ và Ấn Độ nâng cấp quan hệ ngoại giao lên quan hệ Đối tác Chiến lược toàn cầu toàn diện, Ấn Độ và Mỹ đã tăng cường nhiều hơn các hoạt động xúc tiến du lịch và trao đổi hợp tác phát triển du lịch. Ngày 16/3/2022, Nhóm Công tác Du lịch và Lữ hành Mỹ - Ấn Độ thuộc Hiệp hội thương mại Mỹ tại Ấn Độ (AMCHAM) đã tổ chức một cuộc họp nhằm nói lại hoạt động kinh doanh quốc tế và du lịch giải trí đến Mỹ giai đoạn hậu Covid-19. Nhóm Công tác Du lịch và Lữ hành Mỹ - Ấn Độ đã lên kế hoạch vào giữa tháng 8/2022 phía Mỹ sẽ cấp thị thực cho các du khách Ấn Độ đến Mỹ [220]. Để đạt được mục tiêu này, trong tuyên bố sau cuộc đối thoại 2+2 Mỹ - Ấn Độ tháng 4/2022, hai bên cho biết việc nói lại đường hàng không sẽ khuyến khích du lịch và công tác giữa hai nước [158].

Sau nhiều nỗ lực xây dựng các cơ chế và các chương trình xúc tiến các hoạt động thương mại dịch vụ du lịch Mỹ - Ấn Độ ngày càng phát triển. Ngoại trừ trong khoảng thời gian đại dịch Covid -19 bùng phát gây thiệt hại lớn tại hai nước thì con số về các hoạt động du lịch giữa du khách hai nước tương đối ấn tượng. Cụ thể là:

Từ năm 2014 đến năm 2021, du khách Ấn Độ đến Mỹ trong tổng số lượng du khách đến Mỹ chiếm tỷ lệ cao. Ấn Độ là một trong những thị trường du lịch phát triển nhanh nhất thế giới và Mỹ là điểm đến ưa thích của du khách Ấn Độ. Theo số liệu thống kê từ Văn phòng Du lịch và Lữ hành Quốc gia thuộc Bộ Thương mại Mỹ (NTTO) trong năm 2015, Mỹ đã đón 1,15 triệu du khách đến từ Ấn Độ với số tiền chi 11,8 tỉ USD, đưa Ấn Độ trở thành thị trường du lịch trong nước lớn thứ 11 và là thị trường lớn thứ 7 về xuất khẩu du lịch và lữ hành của Mỹ [183].

Đến năm 2018, có khoảng 1,4 triệu du khách Ấn Độ đến Mỹ du lịch với số tiền chi đạt kỷ lục là 15,8 tỉ USD - chiếm 27% tổng số tiền chi của du khách quốc tế đến Mỹ. Mục đích chính của khách du lịch khi đến thăm Mỹ là kinh doanh (36%), thăm bạn bè/người thân (31%), đi nghỉ mát/ngỉ lễ (15%), hội nghị/triễn lãm

thương mại (12%) và giáo dục (6%) [227]. Các hoạt động chính của du khách Ấn Độ ở Mỹ bao gồm mua sắm, tham quan, công viên quốc gia, phòng trưng bày nghệ thuật/bảo tàng, nhà hàng cao cấp, thị trấn nhỏ và di tích lịch sử, ẩm thực. Du khách Ấn Độ đến Mỹ tăng 7,2% trong năm 2018, trong khi tổng du lịch nước ngoài từ Ấn Độ tăng 9,3%. Từ năm 2015 đến năm 2018, du khách Ấn Độ đến Mỹ đã tăng trưởng ấn tượng 20%, nhưng con số này vẫn còn khiêm tốn [227].

Trong năm 2019, du lịch chiếm 2,9% GDP của Mỹ và đóng góp hơn 600 tỷ USD cho nền kinh tế Mỹ. Ngoài ra, du lịch Mỹ và tổng sản lượng liên quan đến du lịch đạt hơn 1,9 nghìn tỉ USD, hỗ trợ 9,5 triệu việc làm. Trong năm này, 79,4 triệu du khách quốc tế đã đến Mỹ, chiếm 5,4% tổng số khách du lịch quốc tế trên toàn cầu, đưa Mỹ trở thành quốc gia có số lượng du khách đến thăm lớn thứ ba thế giới. Trong số 10 thị trường du lịch quốc tế hàng đầu của Mỹ thì Ấn Độ đứng thứ 10 về lượng khách đến nhưng đứng thứ 5 về chi tiêu cho du lịch [191]. Từ năm 2015 - 2019, xuất khẩu du lịch và lữ hành của Mỹ sang Ấn Độ đã tăng hơn 1,3 lần, chiếm 65% tổng xuất khẩu dịch vụ của Mỹ sang Ấn Độ [104].

Tuy nhiên, đến năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, lượng khách quốc tế đến Mỹ đã giảm 77% và chi tiêu giảm 45% so với năm 2019 trong đó có số lượng du khách từ Ấn Độ đến Mỹ cũng giảm đáng kể. Năm 2020, Mỹ ghi nhận khoảng 340.000 du khách Ấn Độ thăm Mỹ. Năm 2021, số lượng du khách từ Ấn Độ đến Mỹ lên đến khoảng 433.000 du khách [183]. Trong trên thực tế, người Ấn Độ tiếp tục bày tỏ sự quan tâm mạnh mẽ đến việc đi du lịch đến Mỹ nên Mỹ cố gắng hết sức để đơn giản hóa việc đi lại [104] tạo điều kiện cho phát triển du lịch.

- Số lượng du khách Mỹ đến Ấn Độ

Du khách Mỹ đến Ấn Độ giai đoạn 2014 - 2021 cũng chiếm tỷ lệ cao trong tổng số lượng khách du lịch đến Ấn Độ. Du lịch góp phần quan trọng cho nền kinh tế đang phát triển nhanh chóng của Ấn Độ. Hơn 17,9 triệu khách du lịch nước ngoài đã đến Ấn Độ vào năm 2019 so với 17,4 triệu vào năm 2018, du khách nước ngoài đến Ấn Độ tăng trưởng 3,5%. Trong đó, năm 2019 có 1,51 triệu du khách Mỹ đến Ấn Độ chiếm 13,83% tổng số du khách quốc tế đến Ấn Độ, số lượng lớn thứ 2 thế

giới sau Bangladesh với 2,58 triệu du khách (chiếm 23,58 %). Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên du khách Mỹ đến thăm Ấn Độ giảm xuống còn có 394.092 du khách, chiếm 14.36 % tổng số khách du lịch đến Ấn Độ [81].

Có thể thấy, trong giai đoạn 2014 - 2022, quan hệ giữa Mỹ và Ấn Độ trong lĩnh vực du lịch đã đạt được những bước tiến đáng kể. Nguyên nhân chính là do các hoạt động xúc tiến du lịch và trao đổi hợp tác phát triển du lịch cũng được tăng cường, góp phần gia tăng nhanh chóng lượng khách du lịch giữa hai bên, tạo nền tảng thúc đẩy hợp tác hai bên trong lĩnh vực này.

4.1.2.3. Một số thách thức trong quan hệ thương mại – dịch vụ Mỹ - Ấn Độ

Bên cạnh những mặt tích cực thì hai nước vẫn tồn tại một số bất đồng, dẫn đến một số thách thức trong quan hệ thương mại – dịch vụ hai nước:

Thứ nhất, rào cản từ các vấn đề về thuế quan. Dưới thời Tổng thống D. Trump, căng thẳng thương mại song phương đã gia tăng do các chính sách thuế quan của cả hai nước. Về phía Mỹ, Mỹ đã đưa ra nhiều lời than phiền về sự bảo hộ thương mại của Ấn Độ. Viện dẫn những quan ngại về tính an toàn, Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm của Mỹ cũng đã cấm hàng hóa nhập khẩu từ hơn 12 nhà máy của Ấn Độ, hầu hết trong ngành công nghiệp dược phẩm [43]. Việc ông D. Trump ưu tiên một cách tiếp cận giao dịch rõ ràng, có đi có lại về thuế quan và cán cân thương mại, đã đánh mất trọng tâm chiến lược của mối quan hệ kinh tế chặt chẽ hơn giữa hai quốc gia. Lập trường bảo hộ của ông D. Trump về các vấn đề thương mại, Hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) và vấn đề nhập cư đã gây ra những thách thức nghiêm trọng trong quan hệ kinh tế giữa hai nước [69; tr.282]. Ngày 31/05/19, Tổng thống Trump tuyên bố sẽ chấm dứt các đặc quyền thương mại cho Ấn Độ với tư cách là nước thụ hưởng Hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập - GSP bắt đầu từ ngày 05/06/19 với lý do cần đem đến điều kiện tiếp cận thị trường một cách công bằng và phù hợp cho Mỹ. Đây là cơ chế đã được áp dụng suốt từ năm 1956 đối với Ấn Độ. Điều này làm cho gần 2.000 nghìn mặt hàng từ Ấn Độ xuất khẩu tới Mỹ không còn được hưởng ưu đãi thuế quan nữa, và gây ra những tác động tiêu cực đối với quan hệ giữa hai nước [45; tr.3]. Cách tiếp cận của ông D. Trump đe dọa quan hệ kinh tế Mỹ - Ấn Độ, bất chấp vị trí quan trọng của Ấn Độ trong tính toán của

Mỹ ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và sự mất cân bằng thương mại tương đối nhỏ với Mỹ. Thâm hụt thương mại của Mỹ với Ấn Độ năm 2019 mở vào khoảng hơn 28 tỷ USD - một phần nhỏ so với thâm hụt thương mại rất lớn giữa Mỹ với Trung Quốc [45; tr.6].

Về phía Ấn Độ, mức thuế quan trung bình áp dụng Tối huệ quốc - MFN của Ấn Độ (17,6%) là mức cao nhất trong số các nền kinh tế thế giới. Các mức thuế quan ràng buộc của Ấn Độ cam kết theo Tổ chức Thương mại Thế giới - WTO thậm chí còn cao hơn. Điều này cho phép Ấn Độ tăng tỷ giá áp dụng mà không vi phạm các cam kết WTO và đã tạo ra một nguồn bất ổn lâu dài cho các nhà xuất khẩu Mỹ. Thuế quan của Ấn Độ tăng đối với một loạt sản phẩm sử dụng nhiều lao động và điện thoại di động, ti vi, các thiết bị điện tử và truyền thông khác trong chương trình “Sản xuất tại Ấn Độ” (Make in India) vẫn là mối quan tâm của Mỹ [72; tr.16].

Hai chính phủ Mỹ - Ấn Độ đã đệ trình lên WTO các vụ kiện chống lại nhau liên quan đến các loại hàng hóa như tấm pin năng lượng mặt trời, thép và các sản phẩm nông nghiệp. Mỹ và các quốc gia khác đã yêu cầu Ấn Độ tham gia vào các cam kết của WTO về thuế quan đối với sản phẩm công nghệ. Ấn Độ phản đối mức thuế Mục 232 Đạo luật Mở rộng thương mại để áp dụng mức thuế suất 25% và 10% đối với nhiều loại sản phẩm thép và nhôm của Chính quyền D. Trump vào năm 2018. Ấn Độ liên tục trì hoãn với hy vọng giải quyết các vấn đề song phương nhưng cuối cùng Ấn Độ áp đặt mức thuế trả đũa cao hơn từ 10% đến 25%, điều này đã làm ảnh hưởng đến các mặt hàng xuất khẩu của Mỹ như quả hạch, táo, hóa chất và thép [45; tr.6]. Trước động thái chấm dứt các đặc quyền thương mại GSP trên của Mỹ, Ấn Độ cũng đã quyết định nâng thuế đối với 29 mặt hàng nhập khẩu từ Mỹ, tập trung vào nhóm sản phẩm sắt và thép, một số loại hạt như óc chó, đậu gà, đậu lăng, táo, lê. Nhưng với cách áp dụng thuế quan trả đũa này, Ấn Độ đã thất bại trong việc cung cấp khả năng tiếp cận “công bằng và hợp lý” vào các thị trường của mình. Trước đó, Ấn Độ là nước hưởng lợi lớn nhất từ GSP, theo đó khoảng 10% hàng nhập khẩu của Mỹ từ Ấn Độ được nhập khẩu miễn thuế [72; tr.16].

Vào tháng 3/2020, Ấn Độ đã áp dụng Thuế dịch vụ kỹ thuật số (DST) 2% chỉ

áp dụng cho công ty không cư trú. Trong một cuộc điều tra Mục 301, Đạo luật Mở rộng thương mại, chính quyền D. Trump tuyên bố DST của Ấn Độ mang tính phân biệt đối xử, không phù hợp với các nguyên tắc thuế quốc tế và là gánh nặng đối với Thương mại Mỹ, nhưng Ấn Độ đã trì hoãn thực hiện hành động cụ thể. Thực tế cho thấy, hiện có nhiều rào cản đối với các công ty nước ngoài muốn làm ăn tại Ấn Độ và việc dỡ bỏ các rào cản này là một thách thức chính trị và thuế quan đối với Ấn Độ. Ông D. Trump từng gọi Ấn Độ là “vua thuế quan của thế giới” trong bài diễn thuyết tranh cử. Do đó, Chính quyền ông Modi cần phải giải quyết mối lo ngại của ông D. Trump [45; tr.3]. Các công ty Mỹ tại Ấn Độ gặp nhiều khó khăn khi triển khai hoạt động trong các lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, sản xuất, bán lẻ và cơ sở hạ tầng và điều này đã kìm hãm tăng trưởng kinh tế và thị trường việc làm ở cả hai nước.

Nhìn chung, ông Trump đã thất bại trong việc đạt được một thỏa thuận thương mại mang tính chuyển đổi nhằm thúc đẩy quan hệ đối tác kinh tế Mỹ - Ấn Độ [178]. Thêm vào đó, Mỹ và Ấn Độ không có hiệp định thương mại tự do song phương, mặc dù hai nước đã tham gia vào các cuộc đàm phán nhằm đạt được một hiệp định về đầu tư song phương tiềm năng. Dưới thời Chính quyền D. Trump, hai bên đã tìm cách đàm phán một thỏa thuận thương mại nhằm giải quyết những căng thẳng thương mại ngày càng tăng về thuế quan và các hạn chế khác. Các mục tiêu của Mỹ bao gồm “Giải quyết các hàng rào phi thuế quan khác nhau, giảm có mục tiêu các loại thuế quan nhất định của Ấn Độ, và các cải thiện khả năng tiếp cận thị trường” [72; tr.17]. Về phía Ấn Độ, phục hồi các lợi ích GSP là ưu tiên hàng đầu. Tuy nhiên, bất chấp những nỗ lực đàm phán trong năm 2019 và 2020, Mỹ và Ấn Độ đã thất bại trong việc đạt được một thỏa thuận thương mại có giới hạn trước chuyến thăm đầu tiên của Tổng thống D. Trump tới Ấn Độ năm 2020 [45; tr.5].

Vào đầu năm 2021, Chính quyền J. Biden đã áp dụng mức thuế bổ sung 25% đối với một số sản phẩm nhất định từ Ấn Độ cũng như đình chỉ ngay lập tức các mức thuế bổ sung trong vòng tối đa 180 ngày để cung cấp thêm thời gian để hoàn thành các cuộc đàm phán đa phương về thuế quốc tế tại Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế - OECD và trong tiến trình G20. Ấn Độ đã bảo vệ DST của mình như

một cách để tạo sân chơi bình đẳng giữa các công ty trong nước và công ty nước ngoài. Các vấn đề song phương khác đối với các doanh nghiệp Mỹ bao gồm các hạn chế của Ấn Độ đối với hoạt động kinh doanh dựa trên nền tảng thương mại điện tử và các yêu cầu đối với bản địa hóa dữ liệu của một số dòng tài chính nhất định, cũng đã làm dấy lên những lo ngại về quan hệ kinh tế giữa hai nước [72; tr.16].

Như vậy, thuế quan đã trở thành những rào cản lớn trong quan hệ thương mại – dịch vụ giữa hai nước Mỹ - Ấn Độ, đỉnh điểm từ thời chính quyền Tổng thống D. Trump và đến nay vẫn chưa được giải quyết triệt để. Mặc dù hai nước đã khởi động nhiều vòng đàm phán về các thỏa thuận kinh tế - thương mại, nhưng chưa mang lại kết quả. Những mâu thuẫn này khó có thể giải quyết trong thời gian ngắn, nhất là khi cả hai nhà lãnh đạo của mỗi nước đều theo chủ nghĩa dân túy, đều muốn bảo vệ công ăn việc làm của người dân nước mình bằng cách chống lại các đối thủ nước ngoài.

Thứ hai, vấn đề cấp thị thực cho lao động phổ thông (thị thực H-1B). H-1B là thị thực cho phép các công ty Mỹ sử dụng lao động nước ngoài trong các ngành nghề đòi hỏi trình độ chuyên môn cao. Để thúc đẩy chính sách “Mua hàng Mỹ, thuê người Mỹ” của mình, D. Trump đã ban hành chính sách hạn chế cấp thị thực H-1B cho lao động Ấn Độ. Điều này khiến các công ty Mỹ gặp khó khăn khi thuê chuyên gia Ấn Độ, đặc biệt là nhân viên công nghệ thông tin, đồng thời đẩy hàng chục nghìn lao động Ấn Độ có nguy cơ bị thất nghiệp, tạo gánh nặng lớn đối với nền kinh tế Ấn Độ, gián tiếp tác động xấu đến quan hệ thương mại dịch vụ giữa hai nước Mỹ - Ấn. Năm 2021, Tổng thống J. Biden, cùng với phó Tổng thống K. Harris, đã tuyên bố: “chính quyền của đảng Dân chủ sẽ đảo ngược các chính sách của Chính quyền D. Trump đối với thị thực lao động H1B, đặc biệt là lệnh cấm tạm thời mà D. Trump áp đặt đối với thị thực lao động cho tới cuối năm 2020” [46; tr.3]. Ngoài ra, Tổng thống J. Biden cũng tuyên bố “mở rộng việc cấp thị thực cho những lao động có trình độ cao và cũng đưa ra những chính sách khuyến khích sinh viên lấy bằng tiến sỹ thuộc ngành khoa học, công nghệ, kỹ sư và quản trị (STEM) ở lại Mỹ” [46; tr.4].

Thứ ba, vấn đề sở hữu trí tuệ. Ấn Độ nằm trong Danh sách theo dõi ưu tiên đặc biệt - USTR năm 2021 của Mỹ. Theo USTR, việc đánh giá và quản lý của Ấn Độ đối với các bằng sáng chế, quyền sở hữu trí tuệ - IP và bảo vệ bí mật thương mại còn lỏng lẻo. Điều

này gây khó khăn cho những hàng hóa của Ấn Độ xuất khẩu sang Mỹ. Ấn Độ và Mỹ trong lịch sử đã có cái nhìn khác nhau về cách bảo vệ cân bằng IP để khuyến khích đổi mới và hỗ trợ các mục tiêu chính sách khác, chẳng hạn như tiếp cận thuốc chữa bệnh, bao gồm cả các loại thuốc phòng chống trong dịch Covid-19.

Thứ tư, Mỹ - Ấn Độ không tham gia cùng nhau vào các hiệp định thương mại tự do - FTA khu vực. Cả Ấn Độ và Mỹ đều vắng mặt trong các hiệp định thương mại lớn ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Ấn Độ đã đàm phán nhưng không tham gia Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực - RCEP được ký kết bởi Trung Quốc và 14 quốc gia khác vào tháng 11/2020 do Ấn Độ lo ngại về sự công bằng của RCEP, đồng thời Ấn Độ cũng lo ngại với hàng nhập khẩu của Trung Quốc. Mỹ rút khỏi Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương - TPP trong 2017. TPP còn lại (bao gồm 7 thành viên RCEP, nhưng không phải Ấn Độ hoặc Trung Quốc) tham gia ký Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương cho TPP (CPTPP) hoặc TPP-11 vào tháng 12/2018) [72; tr.18]. Điều này đã đánh mất đi cơ hội hợp tác trong các cơ chế đa phương quan trọng trong khu vực đối với Ấn Độ và Mỹ – nơi mà hai quốc gia có thể tìm tiếng nói chung và ủng hộ lẫn nhau, từ đó thúc đẩy thêm quan hệ kinh tế giữa hai nước.

Thứ năm, Mỹ và Ấn Độ thiếu đồng thuận trong các cam kết đa phương. Trái ngược lại với sự đồng thuận cao trong lĩnh vực chính trị - ngoại giao, an ninh – quốc phòng, Mỹ và Ấn Độ lại có nhiều quan điểm đối lập nhau về kinh tế trên các diễn đàn đa phương. Hai bên đã nhiều lần tranh cãi các vấn đề về thuế tại WTO. Bên cạnh đó, khi Ấn Độ hội nhập ngày càng cao vào nền kinh tế toàn cầu, cũng gây ra nhiều tranh cãi đối với các đối tác thương mại lớn khác. Mỹ và một số nước G7 khác cũng chỉ trích Ấn Độ, Trung Quốc và những nước khác vì tự cho mình là các nước đang phát triển để yêu cầu đối xử đặc biệt theo các quy định của WTO. Các nước này yêu cầu Ấn Độ hội nhập dựa trên luật lệ. Bên cạnh đó, các cuộc tranh luận đang diễn ra tại WTO về việc liệu có nên từ bỏ Luật về *Quyền sở hữu trí tuệ* của WTO liên quan đến phòng ngừa, ngăn chặn hoặc xử lý đại dịch Covid-19, một khái niệm ban đầu do Ấn Độ và Nam Phi đề xuất vào tháng 10/2020. Mỹ trước đó đã phản đối quyền miễn trừ chung nhưng vào tháng 5/2021, Chính quyền J. Biden đã thông báo ủng hộ đối với

việc từ bỏ quyền sở hữu trí tuệ bảo vệ vắc-xin Covid-19 [72; tr.18-19]. Dưới thời chính quyền J. Biden, mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ cũng vấp phải những căng thẳng vào tháng 4/2021 khi Ấn Độ đối mặt với sự gia tăng đột biến của các ca nhiễm Covid-19 và Mỹ đã viện dẫn Đạo luật Sản xuất Quốc phòng năm 1950 để cấm xuất khẩu các nguyên liệu thô cần thiết để sản xuất vắc xin nhằm ưu tiên sản xuất vắc xin trong nước. Sự kiện này đã tạo làn sóng phản đối Mỹ và chống phương Tây ở Ấn Độ.

4.1.3. Quan hệ Đầu tư Mỹ - Ấn Độ

Quan hệ kinh tế Mỹ - Ấn Độ còn thể hiện dưới hình thức những khoản đầu tư.

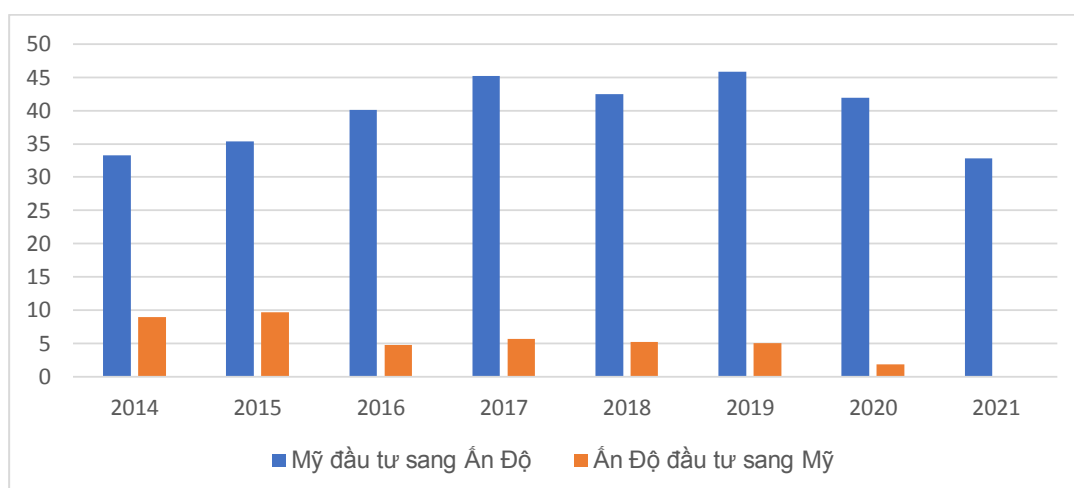
Bảng 4.5. Quan hệ đầu tư Mỹ - Ấn Độ giai đoạn 2014 – 2021

Đơn vị: Tỷ USD

| Năm | FDI của Mỹ sang Ấn Độ | FDI của Ấn Độ sang Mỹ |
|------|-----------------------|-----------------------|
| 2014 | 33,24 | 8,93 |
| 2015 | 35,36 | 9,64 |
| 2016 | 40,12 | 4,75 |
| 2017 | 45,16 | 5,67 |
| 2018 | 42,44 | 5,18 |
| 2019 | 45,88 | 5,01 |
| 2020 | 41,9 | 1,87 |
| 2021 | 32,8 | Số liệu chưa công bố |

Nguồn: <https://www.investindia.gov.in/country/united-states>, 2021.

Biểu đồ 4.3 Quan hệ đầu tư Mỹ - Ấn Độ giai đoạn 2014 - 2021



Nguồn: <https://www.investindia.gov.in/country/united-states>, 2021.

Trong giai đoạn 2014 – 2021, quan hệ đầu tư Mỹ - Ấn Độ chủ yếu được thể hiện ở luồng đầu tư từ Mỹ sang Ấn Độ. Mỹ luôn là nước có vốn đầu tư lớn nhất vào Ấn Độ trên nhiều lĩnh vực. Ấn Độ cũng đầu tư vào Mỹ nhưng giá trị không đáng kể.

4.1.3.1 Đầu tư trực tiếp của Mỹ vào Ấn Độ

- Về giá trị FDI của Mỹ vào Ấn Độ

Ấn Độ được coi là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư quốc tế. Dòng chảy FDI đã trở thành nhân tố quan trọng thúc đẩy sự tăng trưởng của nền kinh tế Ấn Độ. Theo bảng số liệu, có thể thấy rằng, FDI của Mỹ vào Ấn Độ liên tục tăng trong khoảng từ năm 2014 đến năm 2019 và có xu hướng giảm trong hai năm 2020 và 2021. Nếu năm 2014, FDI của Mỹ vào Ấn Độ là 33,24 tỉ USD thì đến năm 2019, con số này tăng lên 45,88 tỉ USD năm 2019 (tăng gần gấp 1,5 lần). Tuy nhiên, năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên đầu tư FDI của Mỹ sang Ấn Độ giảm còn 41,9 tỉ USD và năm 2021 chỉ còn 32,8 tỷ USD. Con số 45,88 tỉ USD đầu tư vào Ấn Độ năm 2019 là con số ấn tượng cho mức độ đầu tư của Mỹ từ trước tới nay. So sánh số liệu này với một số nước châu Á chỉ ra, năm 2019, Mỹ đầu tư trực tiếp vào Đài Loan là hơn 27,7 tỉ USD, Indonesia 20 tỉ USD, Malaysia: hơn 11 tỉ USD, Thái Lan: 17,7 tỉ USD, Việt Nam: hơn 10 tỉ USD. Điều này chứng tỏ, số vốn đầu tư trực tiếp của Mỹ vào Ấn Độ cao hơn các nước trên.

Nếu so sánh số liệu này với FDI của Trung Quốc vào Ấn Độ năm 2019 là: 38 tỉ USD, Nhật Bản: 30,27 tỉ USD thì thấy rằng, số vốn đầu tư trực tiếp của Mỹ

vào Ấn là 45,88 tỉ USD năm 2019 cao hơn so với Trung Quốc, Nhật Bản và tốc độ tăng trưởng hàng năm thì cao hơn rất nhiều. Mỹ là đối tác đầu tư lớn nhất của Ấn Độ. Nhiều công ty của Mỹ hiện vẫn xem Ấn Độ như là một thị trường hấp dẫn cho đầu tư nước ngoài.

Về các lĩnh vực đầu tư chính của Mỹ tại Ấn Độ

FDI của Mỹ vào Ấn Độ dẫn đầu bởi các dịch vụ chuyên nghiệp, khoa học và kỹ thuật, sản xuất và thương mại bán buôn, công nghệ thông tin, lĩnh vực viễn thông, năng lượng, dịch vụ, dược phẩm và công nghệ sinh học... [223]. Những ngành công nghiệp mũi nhọn trên có tiềm năng to lớn trong việc phát triển hợp tác kinh tế giữa Ấn Độ và Mỹ. Hầu hết các nhà đầu tư của Mỹ, điển hình như: Facebook, Google, Intel, Qualcomm, Silver Lake đều định hướng vào các công ty lớn về viễn thông và thương mại điện tử của Ấn Độ như Jio, Flipkart

Công nghệ thông tin là ngành thu hút nhiều vốn đầu tư từ Mỹ. Có hàng trăm công ty Mỹ có hợp đồng mua bán phần mềm với Ấn Độ. Điều này đã tạo ra nhiều cơ hội đầu tư phong phú hơn nữa cho mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ trong lĩnh vực công nghệ thông tin, đặc biệt là trong các lĩnh vực như cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc, cáp quang, cổng truyền thông không dây dựa trên vệ tinh, cho phép các dịch vụ IT, trung tâm dữ liệu và máy chủ trang trại phát triển phần mềm [223]. Các dự án trọng điểm trong ngành công nghệ thông tin bao gồm khoản đầu tư 2,8 tỷ USD của tập đoàn Amazon của Mỹ đầu tư vào cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của Ấn Độ năm 2020 [161].

Ngành viễn thông của Ấn Độ cũng là ngành đầu tư chính của Mỹ, cung cấp cơ hội đáng kể cho các nhà đầu tư Mỹ. Ngành năng lượng của Ấn Độ cũng là một điểm đến quan trọng cho đầu tư của Mỹ. Lĩnh vực này cung cấp tiềm năng khai thác to lớn cho các nhà đầu tư điện, dầu, khí tự nhiên, thủy điện và than. Với thỏa thuận hợp tác hạt nhân dân sự Mỹ - Ấn Độ năm 2008, chính phủ Ấn Độ đã cho phép tư nhân tham gia trong lĩnh vực năng lượng. Điều này tạo ra tiềm năng to lớn cho hợp tác kinh tế giữa hai nước trong lĩnh vực này [223].

Ngành công nghiệp dược phẩm, công nghệ sinh học và hóa học cũng là những lĩnh vực hợp tác chặt chẽ giữa hai nước. Ấn Độ là một trong những nhà sản xuất và

xuất khẩu dược phẩm lớn nhất thế giới và cũng là nơi cung cấp thuốc gốc lớn nhất trên toàn cầu (20 đến 22% sản lượng xuất khẩu toàn cầu) [153]. Năm 2019, xuất khẩu dược phẩm của Ấn Độ đạt 19 tỉ USD, trong đó khối lượng dược phẩm xuất khẩu sang Mỹ là 6 tỉ USD, chiếm hơn 31,6% xuất khẩu dược phẩm của Ấn Độ [232]. Trong số các tập đoàn đa quốc gia của Mỹ đang đầu tư có lợi nhuận ở Ấn Độ là General Electric, Whirlpool Ford, 3M, Tecumseh Limited, Pepsi, Proctor và Gamble, Microsoft, Intel, IBM, EDS, Sun Microsystems, Adobe Systems Inc, Agilent Technologies Inc, Oracle Corporation, Texas Instruments...

4.1.3.2 Đầu tư trực tiếp của Ấn Độ sang Mỹ

- Về giá trị FDI của Mỹ vào Ấn Độ

Mỹ là nước nhận FDI lớn nhất thế giới và Ấn Độ là một trong những nhà đầu tư của Mỹ. Tuy nhiên, con số đầu tư của Ấn Độ sang Mỹ rất thất thường và khá thấp. FDI của Ấn Độ đầu tư vào Mỹ là 8,93 tỷ USD vào năm 2014 và tăng lên 9,64 tỷ USD năm 2015. Đến năm 2016 con số đầu tư Ấn Độ sang Mỹ giảm đột ngột xuống còn 4,75 tỷ USD (giảm hơn một nửa so với năm 2015) và tăng nhẹ lên 5,67 tỷ USD vào năm 2017. Từ năm 2018 đến năm 2020, FDI Ấn Độ vào Mỹ giảm nhẹ từ 5,67 tỷ USD năm 2017 xuống 5,18 tỷ USD vào năm 2018, tiếp tục giảm xuống 5,01 tỷ USD trong năm 2019. Đến năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên đầu tư của Ấn Độ vào Mỹ giảm mạnh chỉ còn 1,87 tỷ USD (giảm khoảng 63% so với năm 2019).

Lĩnh vực đầu tư chính của Ấn Độ sang Mỹ

Theo báo cáo Liên đoàn các Phòng Thương mại và Công nghiệp (FICCI) năm 2018, phần lớn vốn đầu tư FDI từ Ấn Độ đã được phân bổ cho các ngành sản xuất kim loại, công nghiệp, khoa học kỹ thuật và dược phẩm, dịch vụ. Các lĩnh vực đầu tư chính của Ấn Độ vào Mỹ là dịch vụ chuyên nghiệp, khoa học và kỹ thuật, sản xuất và các tổ chức lưu ký [217]. Thép, các ngành công nghiệp khai khoáng, dược phẩm và các ngành công nghiệp chăm sóc sức khỏe cũng được dự kiến sẽ nhận được đầu tư lớn từ các nhà đầu tư Ấn Độ. Dòng vốn này sẽ tạo điều kiện mở rộng nền kinh tế Mỹ, tạo công ăn việc làm và cạnh tranh trong thị trường toàn cầu. Một trong những hình thức đầu tư của

Ấn Độ sang Mỹ là các công ty Ấn Độ mua lại hoặc sáp nhập vào các công ty Mỹ. Với sự lớn mạnh về quy mô, khát vọng cạnh tranh quốc tế, các công ty Ấn Độ ngày càng mở rộng cơ sở, tìm kiếm thị trường, công nghệ, và xây dựng thương hiệu ở nước ngoài. Kết quả là trong thời gian qua, đầu tư từ Ấn Độ đã góp phần vào sự tăng trưởng nền kinh tế Mỹ và trong việc tạo ra công ăn việc làm ở Mỹ.

Nhìn chung, các chỉ số đầu tư hai chiều Mỹ - Ấn Độ từ sau năm 2014 đến nay có chiều hướng tăng lên so với trước đó. Nếu năm 2000, FDI của Mỹ vào Ấn Độ là hơn 2,3 tỷ USD thì đến năm 2013, con số này lên 24,3 tỷ USD, Mỹ chỉ là nhà đầu tư lớn thứ 6 của Ấn Độ năm 2013 [70]. FDI của Ấn Độ vào Mỹ năm 2013 là 7,2 tỷ USD, chiếm khoảng 0,26% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Mỹ, đứng thứ 3 trong số các nhà đầu tư vào Ấn Độ thì đến năm 2019 Mỹ trở thành nhà đầu tư lớn nhất của Ấn Độ với FDI là 45,9 tỷ USD năm 2019. Con số 45,9 tỷ USD đầu tư ở Ấn Độ vào năm 2019 là con số vô cùng ấn tượng cho mức độ đầu tư của Mỹ từ trước tới nay.

Tuy nhiên, FDI của Ấn Độ vào Mỹ từ năm 2020-2021 tương đối bấp bênh và có xu hướng giảm so với trước năm 2014 nguyên nhân là do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và một số chính sách kinh tế của Ấn Độ. FDI của Ấn Độ là 5,01 tỷ USD trong năm 2019, đến năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên đầu tư của Ấn Độ vào Mỹ giảm còn 1,87 tỷ USD (giảm khoảng 60% so với năm 2019), giảm gần 80% so với năm 2013. Đầu tư trực tiếp của Ấn Độ vào Mỹ dẫn đầu bởi các dịch vụ chuyên nghiệp, khoa học và kỹ thuật, sản xuất và các tổ chức lưu ký [223].

Như vậy, qua con số đầu tư hai chiều giữa Ấn Độ và Mỹ cho thấy: *Thứ nhất*, Mỹ là nhà đầu tư lớn nhất của Ấn Độ. Điều này chứng tỏ các nhà đầu tư Mỹ ngày càng tin tưởng vào tương lai của nền kinh tế Ấn Độ. Nước này có sự đảm bảo cơ chế về dân chủ, pháp luật, tự do thông tin, tốc độ tăng trưởng kinh tế, môi trường đầu tư thân thiện... Từ năm 2014 đến nay, sự kết hợp ngày càng tăng giữa hai nước trong các lĩnh vực đầu tư và tôn trọng lẫn nhau, chia sẻ dân chủ, quy tắc của pháp luật và thực tiễn kinh doanh đã thúc đẩy hai nước trở thành đối tác tự nhiên trong kinh doanh. *Thứ hai*, đầu tư hai chiều Mỹ - Ấn Độ không cân bằng, Mỹ đầu tư nhiều vào Ấn Độ và xu hướng đầu tư ngày càng tăng, trong khi đó đầu tư của Ấn Độ vào Mỹ thấp và không ổn

định. Điều này xuất phát từ chính sách thu hút đầu tư nước ngoài khôn ngoan của Thủ tướng Modi. Tận dụng cuộc chiến thương mại, cuộc chiến công nghệ Mỹ - Trung, Ấn Độ đã thu hút được số lượng lớn FDI từ Mỹ và các quốc gia khác đầu tư vào Ấn Độ. Thứ ba, đầu tư của Mỹ chủ yếu vào các lĩnh vực sản xuất, thương mại, khoa học và kỹ thuật. Hầu hết các vụ đầu tư của Mỹ, điển hình như: Facebook, Google, Intel, Qualcomm, Silver Lake đều nhằm vào các công ty lớn về viễn thông và thương mại điện tử của Ấn Độ như Jio, Flipkart... Trong khi đó, đầu tư của Ấn Độ vào Mỹ chủ yếu vào lĩnh vực bán lẻ với số lượng khiêm tốn.

4.1.4. Về Tài chính

- Về thiết lập cơ chế hợp tác tài chính

Năm 2010, Bộ Tài chính Mỹ và Ấn Độ đã khởi động Quan hệ Đối tác Kinh tế và Tài chính, đây là khuôn khổ để củng cố mối quan hệ kinh tế giữa hai quốc gia và xây dựng nền tảng cho sự hợp tác và tăng trưởng kinh tế lớn hơn trong tương lai. Kể từ đó đến nay, hai nước thường xuyên tiến hành các cuộc họp Đối tác Kinh tế và Tài chính thường niên. Tại cuộc họp Đối tác Kinh tế và Tài chính lần thứ tám vào tháng 10/2021 - cuộc họp đầu tiên kể từ khi đại dịch COVID-19 bùng phát - Bộ Tài chính hai nước đã tái khẳng định đối thoại thường xuyên và hiệu quả về các chính sách kinh tế là rất quan trọng đối với mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ và để đạt được tương lai toàn cầu chung của hai nước. Các bộ trưởng đã thảo luận về nhiều chủ đề, bao gồm triển vọng kinh tế vĩ mô và sự phục hồi sau đại dịch, hợp tác quản lý tài chính và kỹ thuật, cam kết đa phương, tài chính, chống rửa tiền và chống tài trợ cho khủng bố. Hai bên thừa nhận tác động chưa từng có mà đại dịch COVID-19 đã gây ra đối với cuộc sống và sinh kế và tầm quan trọng của việc duy trì các chính sách hỗ trợ tài chính nhằm mục tiêu huy động 100 tỷ USD hàng năm cho các nước đang phát triển từ các nguồn công và tư. Lãnh đạo hai nước khẳng định cam kết về tính bền vững của khoản nợ, tính minh bạch trong cho vay song phương và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thông qua các ngân hàng phát triển đa phương để giúp Ấn Độ tiếp cận và huy động các nguồn tài chính sẵn có để hỗ trợ các mục tiêu phát triển [228].

- Về hợp tác trong quản lý tài chính

Ấn Độ và Mỹ cũng hợp tác mạnh mẽ về các vấn đề quản lý tài chính. Tháng 6/2021, các nhà quản lý tài chính của cả hai bên đã gặp nhau tại Đối thoại Tài chính Mỹ - Ấn Độ lần thứ 10 để thảo luận về một loạt vấn đề, bao gồm cải cách lĩnh vực ngân hàng và bảo hiểm, phát triển thị trường vốn, hiện đại hóa hệ thống thanh toán và các khuôn khổ bảo vệ dữ liệu. Tại cuộc thảo luận, hai bên đã nhấn mạnh những cải cách cơ cấu quan trọng mà cả hai bên đã thực hiện để củng cố hệ thống tài chính trong nước và các lĩnh vực được công nhận có thể thúc đẩy tăng trưởng và ổn định tài chính. Hai nước cũng hướng tới các cuộc thảo luận về các chủ đề mới nổi của lĩnh vực tài chính như hệ thống thanh toán và thanh toán xuyên biên giới và sự phát triển của Trung tâm Dịch vụ Tài chính Quốc tế tại khu thương mại trung tâm Gujarat, Ấn Độ. Hai nước Mỹ - Ấn Độ cũng thảo luận các cơ chế hợp tác thông qua hỗ trợ kỹ thuật liên tục cho việc phát hành trái phiếu đô thị, bao gồm Trái phiếu xanh, để cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị quan trọng. Ấn Độ và Mỹ cũng đang hợp tác để chuẩn bị phát hành trái phiếu địa phương cho nhiều thành phố hơn. Cả hai bên nhất trí về tầm quan trọng của việc chống tội phạm tài chính và về việc thực hiện hiệu quả các tiêu chuẩn của Lực lượng Đặc nhiệm Hành động Tài chính để bảo vệ hệ thống tài chính của hai nước khỏi bị lạm dụng [228].

Như vậy, mặc dù còn nhiều thách thức nhưng phát triển hợp tác kinh tế giữa Mỹ với Ấn Độ đã là một trong những trụ cột của mối quan hệ song phương. Quan hệ kinh tế giữa hai nước giai đoạn từ 2014 - 2022 so với giai đoạn trước có những bước phát triển mới. Thông qua những số liệu của đầu tư và thương mại, cho thấy những năm 2014 - 2022, trong bối cảnh quốc tế mới, quan hệ kinh tế hai nước được đẩy mạnh với quy mô ngày càng lớn cả theo chiều rộng và chiều sâu của sự hợp tác. Kết quả này có ý nghĩa to lớn đối với cả hai nước, trước hết là đối với nền kinh tế Ấn Độ trong việc giảm bớt những khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 gây ra mà còn giúp nền kinh tế Ấn Độ ngày càng trở thành đầu tàu của châu Á vì thị trường, vốn đầu tư và kinh nghiệm quản lý kinh tế của Mỹ sẽ là những yếu tố quan trọng giúp Ấn Độ trong việc không ngừng tăng trưởng kinh tế..., cho nên Ấn Độ dù

có mở rộng thương mại với các nước trên thế giới, nhưng thương mại với Mỹ là một phần không thể thiếu được trong bối cảnh quốc tế mới. Đối với Mỹ, quan hệ thương mại và đầu tư với Ấn Độ sẽ thu về cho Mỹ một khoản lợi nhuận béo bở, giải quyết việc làm cho người dân và kích thích phát triển nền kinh tế Mỹ.

4.2. Quan hệ Mỹ - Ấn Độ trên một số lĩnh vực khác

4.2.1. Hợp tác Văn hoá và Giáo dục

4.2.1.1 Hợp tác về văn hóa

Hợp tác, giao lưu văn hoá giữa Mỹ và Ấn Độ được thể hiện theo nhiều cách bao gồm các chương trình giáo dục tập trung vào văn hoá Ấn Độ tại các trường Đại học và các cơ sở giáo dục, các cơ sở tư nhân dạy nghệ thuật văn hóa Ấn Độ tại Mỹ. Ngoài ra, Đại sứ quán Mỹ thường xuyên cung cấp thông tin cập nhật có liên quan đến văn hóa Ấn Độ đến Mỹ, thông qua các chương trình và ấn phẩm khác nhau. Điển hình như: “*Ấn Độ: Đối tác tăng trưởng*” - đây là một bản tin hàng tuần tập trung vào kinh doanh, chiến lược và “*India Live*” - đây là một bản tin hàng tháng cung cấp thông tin về các sáng kiến của Đại sứ quán và Lãnh sự quán Ấn Độ về văn hóa, du lịch và phát triển ở Ấn Độ [150]. Các hoạt động văn hóa của Đại sứ quán Ấn Độ tại Mỹ được nhóm lại thành chuỗi sự kiện *Reading India* (giới thiệu các sự kiện liên quan đến các tác giả và tác phẩm Ấn Độ), Chuỗi sự kiện biểu diễn Ấn Độ (bao gồm âm nhạc, khiêu vũ và rap hát), *Beholding India Series* (chiếu phim, triển lãm ảnh và nghệ thuật), loạt bài Tìm hiểu về Ấn Độ (bao gồm các bài giảng về văn hóa Ấn Độ) và Chuỗi sự kiện Tuổi trẻ Ấn Độ (sự kiện văn hóa đặc biệt phục vụ khán giả nhỏ tuổi). Nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ di sản văn hóa, Mỹ - Ấn Độ cam kết nỗ lực hướng tới đàm phán ký kết Biên bản ghi nhớ nhằm tăng cường hợp tác trong lĩnh vực di sản văn hóa và hỗ trợ các cơ quan chức năng chống buôn bán các đồ tạo tác văn hóa và tạo điều kiện thuận lợi cho việc hồi hương các đồ tạo tác văn hóa của hai nước” [158].

Có thể thấy, trong giai đoạn từ 2014 - 2022, quan hệ văn hóa Mỹ - Ấn Độ là một trong số lĩnh vực có nhiều sự kiện và được thường xuyên thúc đẩy, mang tính bình đẳng cao, giúp cho nhân dân hai nước tăng cường những hiểu biết nhất định về văn hóa của nhau và đóng vai trò hỗ trợ cho các quan hệ chính trị, kinh tế phát triển.

Bên cạnh những thành tựu, hợp tác văn hóa Mỹ - Ấn Độ vẫn còn hạn chế về nội dung các hoạt động giao lưu văn hóa chưa được đổi mới. Hình thức giao lưu chủ yếu là các chương trình xúc tiến du lịch, triển lãm nghệ thuật, ... mà thiếu sự hợp tác và trao đổi về chuyên môn giữa hợp tác, liên kết giữa các cơ quan quản lý và các tổ chức nghệ thuật. Các hoạt động văn hóa ít khi được tổ chức riêng biệt, mà thường đi kèm với các hoạt động chính trị và kinh tế, quy mô nhỏ, nên hạn chế phần nào vai trò của văn hóa trong quan hệ song phương. Việc quảng bá văn hóa (như phim, trao đổi chương trình tin tức) qua truyền hình và phát thanh còn ít nên hiệu quả quảng bá hạn chế, nhất là trong thời đại bùng nổ thông tin như hiện nay.

4.2.1.2 Hợp tác về giáo dục

Hợp tác trong lĩnh vực giáo dục đã trở thành một phần quan trọng trong quan hệ Đối tác Chiến lược toàn cầu toàn diện Mỹ - Ấn Độ. Một điểm đáng lưu ý là hợp tác giáo dục còn được tiến hành thông qua văn hoá và ngược lại.

Từ năm 2014 đến năm 2021 đã có nhiều cuộc Đối thoại Giáo dục Đại học giữa hai nước nhằm tăng cường hợp tác trong nghiên cứu và phát triển, thúc đẩy quan hệ đối tác trong giáo dục nghề nghiệp và tập trung vào giảng viên cơ sở. Ấn Độ cũng học hỏi kinh nghiệm giáo dục đại học của Mỹ để đáp ứng nhu cầu về phát triển lao động có tay nghề cao của Mỹ. Năm 2016, Ấn Độ đã được Chính phủ Mỹ đồng ý hợp tác với các tổ chức của Mỹ trong lĩnh vực Công nghệ và Khóa học trực tuyến đại chúng mở (MOOC) để mở rộng phạm vi tiếp cận của nền giáo dục ở Ấn Độ. Theo đó, các nhà cung cấp MOOC dựa vào trường đại học để tạo ra khóa học. Sự phụ thuộc đó đang giảm dần bởi ngày càng nhiều khóa học được tạo ra từ các công ty, bao gồm những gã khổng lồ công nghệ như Google, Microsoft, Amazon và Facebook. Theo Sáng kiến Toàn cầu về Mạng lưới Học thuật (GIAN) của Ấn Độ, có khoảng 1.000 học giả Ấn Độ được mời đến Mỹ/năm để tham gia giảng dạy bằng tiếng Ấn Độ tại các trường đại học ở Mỹ. Bên cạnh đó, hai nước cũng hợp tác để thành lập một Viện đào tạo về công nghệ mới ở Ahmedabad, Ấn Độ [150].

Năm 2019, Bộ Ngoại giao Mỹ và Bộ Ngoại giao Ấn Độ đã ký Hiệp định Đối tác 2020 để tài trợ cho 15 dự án hợp tác nghiên cứu giữa các cơ sở giáo dục đại học của Mỹ và Ấn Độ trong các lĩnh vực quan trọng của thế kỷ XXI như công nghệ tài

chính, trí tuệ nhân tạo, năng lượng tái tạo và sức khỏe cộng đồng. Tháng 2/2020, tại cuộc hội đàm giữa Tổng thống D. Trump và Thủ tướng N. Modi, hai nhà lãnh đạo nhấn mạnh chương trình học bổng Fulbright-Nehru trọng tâm về tăng cường hợp tác giáo dục đại học giữa hai nước. Chương trình Học bổng Fulbright đã được đổi mới vào năm 2008, với nhiệm vụ nâng cao và tài trợ chung, để cung cấp thêm các khoản trợ cấp trao đổi sinh viên và học giả [150]. Kể từ khi thành lập vào năm 1950 đến năm 2020, chương trình này đã trao hơn 10.000 học bổng Fulbright và gần 9.000 giải thưởng khác cho sinh viên, học giả và các chuyên gia Mỹ, Ấn Độ. Năm 2021, Cục Văn hóa và Giáo dục Mỹ đã mở rộng chương trình Học viện cho phụ nữ khởi nghiệp (Academy for Women Entrepreneurs, AWE) ở Ấn Độ để hỗ trợ *Sáng kiến Thịnh vượng và Phát triển Toàn cầu của Phụ nữ* (Women's Global Development and Prosperity Initiative - WGDP) của Mỹ. Chương trình AWE cung cấp cơ hội đào tạo các doanh nghiệp do phụ nữ Ấn Độ khởi nghiệp. AWE giúp phụ nữ Ấn Độ phát triển các kỹ năng, nguồn lực và mạng lưới cần thiết để bắt đầu và mở rộng quy mô kinh doanh thành công [221], chia sẻ kinh nghiệm, giải pháp hỗ trợ phụ nữ tăng cường tham gia hội nhập kinh tế quốc tế và giao lưu nhân dân để tiếng nói phụ nữ được lắng nghe đầy đủ, đồng thời phụ nữ có thể vượt qua thách thức, tận dụng cơ hội từ hội nhập quốc tế, tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân của Ấn Độ và Mỹ kết nối, giao lưu tăng cường hợp tác giáo dục, góp phần thúc đẩy quan hệ Đối tác chiến lược toàn cầu toàn diện toàn diện Mỹ - Ấn Độ.

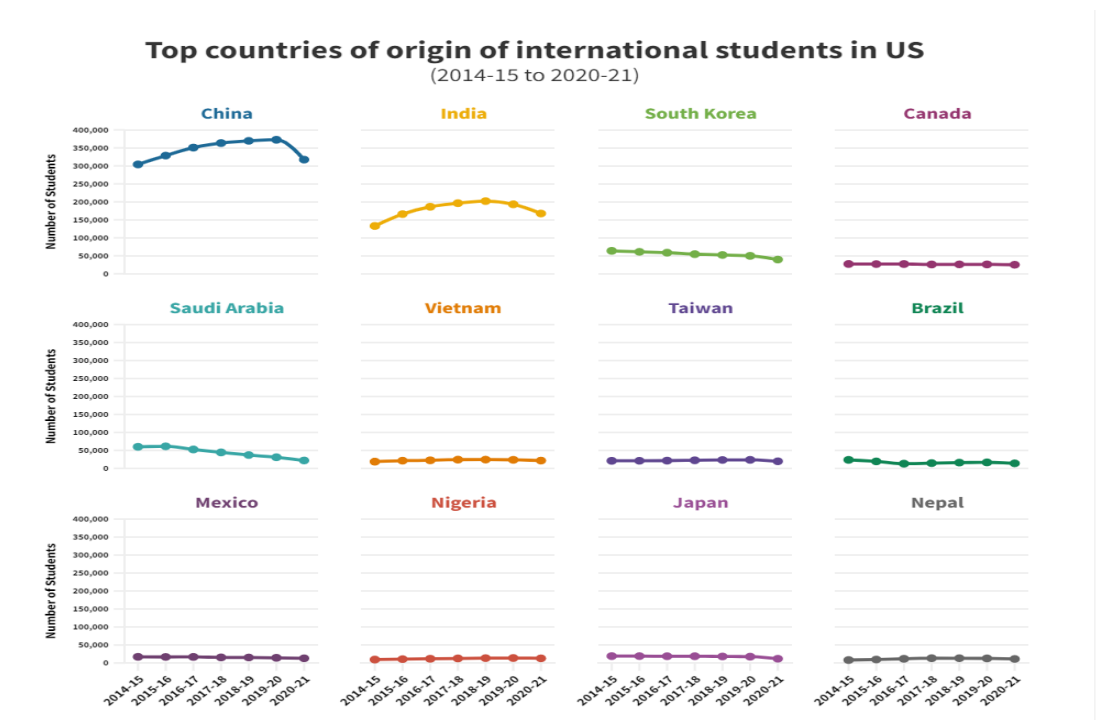
Tại đối thoại 2+2 Mỹ - Ấn Độ lần thứ tư ngày 13/4/2022, hai nước đã thành lập một nhóm hợp tác giáo dục mới để tăng cường hơn nữa sự hợp tác trong lĩnh vực giáo dục và phát triển kỹ năng giữa hai nước thông qua hợp tác chung và thúc đẩy sự trao đổi sinh viên và học giả để xây dựng mối liên kết giữa người với người và thành lập một Nhóm Công tác Phát triển Kỹ năng và Giáo dục mới Mỹ - Ấn Độ. Các bộ trưởng cũng đánh giá cao những đóng góp của chương trình giáo dục Fulbright-Nehru trong việc thúc đẩy hơn nữa việc trao đổi các học giả, các chuyên gia giữa hai nước và vai trò đặc biệt của 4 triệu cộng đồng người Mỹ gốc Ấn trong việc làm sâu sắc hơn quan hệ Ấn Độ - Mỹ” [158].

Năm 2020 - 2021, có khoảng 167.582 sinh viên Ấn Độ đang theo học tại Mỹ

[188]. Ấn Độ là nước có số lượng sinh viên quốc tế lớn thứ hai ở Mỹ sau Trung Quốc. Cùng với Trung Quốc, sinh viên từ cả hai quốc gia chiếm 45% tổng số sinh viên quốc tế đang theo học ở Mỹ trong năm 2014-2015, và tăng lên 53% sinh viên quốc tế đang theo học ở Mỹ vào năm 2020-2021 [187].

Biểu đồ 4.4. Số lượng sinh viên quốc tế học ở Mỹ giai đoạn 2014 – 2021

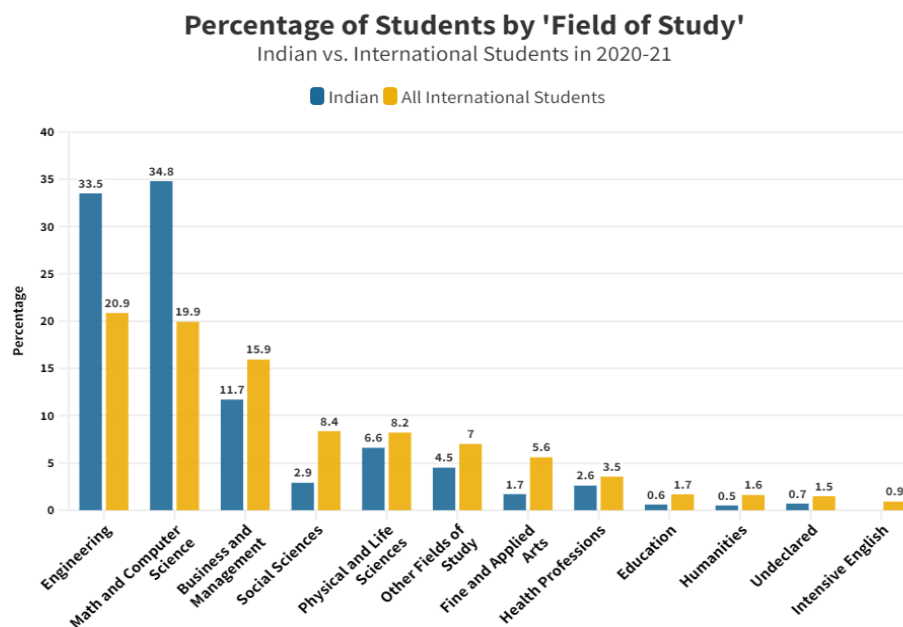
Đơn vị: Nghìn người



Nguồn: Open doors report, 2021, <https://factly.in/data-44-of-the-indian-students-in-the-us-were-on-opt-in-2020-21-the-highest-ever/>

Trong tổng số các sinh viên Ấn Độ đang theo học ở Mỹ, nhu cầu học toán học và khoa học máy tính chiếm tỷ lệ lớn nhất, tiếp theo là kỹ thuật. Hơn 68% sinh viên Ấn Độ đã chọn một trong hai lĩnh vực nghiên cứu này. Hơn 75% sinh viên Ấn Độ ở Mỹ đã chọn ngành STEM. Ngoại trừ kỹ thuật, toán học và khoa học máy tính, tỷ lệ sinh viên Ấn Độ theo đuổi các khóa học chính khác ít hơn nhiều so với tỷ lệ sinh viên quốc tế theo đuổi khóa học đó. Trong lĩnh vực kỹ thuật, toán học và khoa học máy tính, 68% sinh viên Ấn Độ ở Mỹ đang theo học các khóa học này trong khi tỷ lệ này đối với tất cả sinh viên quốc tế đang theo học ở Mỹ chỉ chiếm 40% [187].

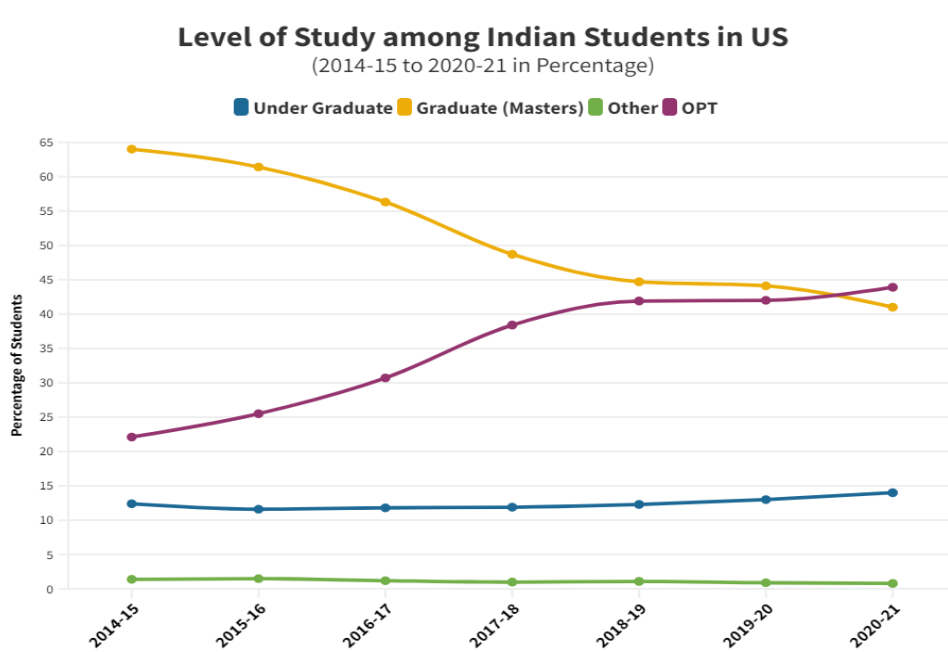
Biểu đồ 4.5. So sánh tỷ lệ sinh viên Ấn Độ với sinh viên quốc tế theo lĩnh vực nghiên cứu tại Mỹ năm 2020 – 2021 (Đơn vị: %)



Nguồn: Open doors report, 2021, <https://factly.in/data-44-of-the-indian-students-in-the-us-were-on-opt-in-2020-21-the-highest-ever/>

Hầu hết sinh viên Ấn Độ hiện đang theo học chương trình OPT tại Mỹ (OPT là chương trình đào tạo thực hành không bắt buộc của Sở Di trú và Nhập tịch Mỹ (USCIS) dành cho sinh viên quốc tế) và tỷ lệ tăng lên trong những năm gần đây. Sinh viên khi nhận được bằng cấp trong một số lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEM) có thể chọn OPT ba năm hoặc làm việc tạm thời trước khi họ hết hạn thị thực sinh viên. Hơn 75% sinh viên Ấn Độ ở Mỹ đang theo học các khóa học liên quan đến STEM. Trong năm 2020 - 2021, 43,9% sinh viên Ấn Độ theo học chương trình OPT so với 41% đang theo học các khóa sau đại học. Tỷ lệ sinh viên Ấn Độ theo học các khóa sau đại học giảm từ 64% xuống 41% trong giai đoạn 2014-2015 và 2020-2021. Trong cùng thời kỳ, tỷ lệ sinh viên Ấn Độ học OPT tăng từ 22,1% lên gần 44%. Trong năm 2020 - 2021, khoảng 14% sinh viên Ấn Độ đang theo học các khóa học đại học [187].

Biểu đồ 4.6. Trình độ đào tạo của sinh viên Ấn Độ tại Mỹ giai đoạn 2014 – 2021
(Đơn vị: %)



Nguồn: *Open doors report, 2021*, <https://factly.in/data-44-of-the-indian-students-in-the-us-were-on-opt-in-2020-21-the-highest-ever/>

Trong giai đoạn 2020 - 2021, New York lại là điểm đến ưa thích nhất của sinh viên Ấn Độ. Khoảng 17,4% sinh viên ở New York là người Ấn Độ (hơn 18.600 sinh viên). California là tiểu bang được ưa thích thứ hai với 13,7% sinh viên ở đó là người Ấn Độ (hơn 18.000). Texas là tiểu bang được ưa thích thứ ba, trước đó Texas là tiểu bang được sinh viên Ấn Độ ưa thích nhất trong giai đoạn 2014-2015 và 2018-2019. Illinois và Massachusetts đứng thứ tư và thứ năm, mỗi nơi đều có hơn 10.000 sinh viên Ấn Độ theo học. Tuy nhiên, về tỷ lệ phần trăm người Ấn Độ trong tổng số sinh viên quốc tế là hơn 31% sinh viên quốc tế ở Arizona, và 27,4% ở Illinois [187].

Sự hỗ trợ của Mỹ trong lĩnh vực giáo dục đã góp phần vào việc nâng cao năng lực nguồn nhân lực của Ấn Độ ở nhiều ngành mà Ấn Độ cần đặc biệt là ngành STEM. Trong số những người từng học ở Mỹ, nhiều người đang giữ trọng trách nhất định tại các bộ, ngành của Ấn Độ và là doanh nhân thành đạt. Những người này đã có sự hiểu biết nhất định về Mỹ, nên đội ngũ này chính là vốn quý cần được

phát huy để phát triển quan hệ hai nước về mọi mặt. Ấn Độ cũng có học bổng cho sinh viên Mỹ nhưng số lượng còn ít.

Tuy nhiên, hợp tác giáo dục giữa hai nước vẫn còn một số hạn chế như: quan hệ giáo dục chủ yếu diễn ra một chiều (Mỹ giúp Ấn Độ là chính); số lượng không nhỏ sinh viên Ấn Độ phải sang Mỹ học theo chế độ tự túc. Cuộc khảo sát của UNESCO năm 2021 cũng cho thấy rằng sau khi đại dịch Covid-19 bùng phát, các sinh viên Ấn Độ bắt đầu đánh giá lại các lựa chọn của mình và chuyển đến các nước như New Zealand, Đức và Ireland thay vì các lựa chọn đến Mỹ [187].

4.2.2 Hợp tác y tế

Theo Sáng kiến Y tế Mỹ - Ấn Độ năm 2010, bốn nhóm công tác đã được tổ chức trong lĩnh vực Bệnh không lây nhiễm, Bệnh truyền nhiễm, Tăng cường Hệ thống Y tế và Dịch vụ và Sức khỏe Bà mẹ và Trẻ em. Để tăng cường giám sát dịch bệnh và năng lực dịch tễ học ở Ấn Độ, Trung tâm Phát hiện Dịch bệnh Toàn cầu Ấn Độ được thành lập 2010 [150]. Viện Y tế Quốc gia Mỹ, Hội đồng Nghiên cứu Y khoa Ấn Độ và Cục Công nghệ sinh học Ấn Độ đã phát triển một mối quan hệ hợp tác mạnh mẽ trong lĩnh vực khoa học y sinh, Khoa học hành vi và Giáo dục sức khỏe, nghiên cứu liên quan đến HIV/AIDS, bệnh truyền nhiễm, bệnh tiểu đường, bệnh tim mạch, bệnh mắt, rối loạn thính giác, sức khỏe tâm thần và công nghệ y tế có hiệu lực, hiệu quả, chi phí thấp, bảo đảm chất lượng dịch vụ y tế. Cuộc họp Đối thoại Y tế Mỹ - Ấn Độ lần đầu tiên được tổ chức vào tháng 9/2015 tại Washington DC, cả hai bên đã đồng ý hợp tác về mặt thể chế trong các lĩnh vực mới của sức khỏe tâm thần và các quy định và xây dựng năng lực kiểm soát bệnh tật [150].

Ngoài ra, Cơ quan Mỹ về phát triển quốc tế - USAID đã hỗ trợ phòng chống lây nhiễm HIV, lao và các mối đe dọa đại dịch và các loại bệnh khác với sự phối hợp của Chính phủ Ấn Độ cùng các đối tác trong nước và quốc tế. USAID đang hỗ trợ và chuyển giao các cấu phần trong chương trình này cho Chính phủ Ấn Độ thực hiện thông qua quỹ bảo hiểm y tế và kết nối các tổ chức cộng đồng và khu vực tư nhân. USAID ưu tiên giải quyết các mối đe dọa sức khỏe toàn cầu thông qua hợp tác với các đối tác nhằm củng cố hệ thống y tế của Ấn Độ.

Trong bối cảnh của đại dịch Covid-19, ông J. Biden đã có cam kết mới đối với Chương trình An ninh y tế toàn cầu – GHSA, làm việc với các đối tác trong nước và các tổ chức quốc tế để đối phó với đại dịch Covid-19 đang diễn ra và chuẩn bị cho những hiểm họa đại dịch trong tương lai. Việc tham gia GHSA sẽ giúp Ấn Độ tăng cường hơn nữa năng lực giám sát, phát hiện sớm và xử lý các dịch bệnh nhằm giảm thiểu tác động của dịch bệnh đối với kinh tế và sức khỏe người dân đồng thời nâng cao vai trò của Ấn Độ với cộng đồng thế giới. Điều đó cho thấy Ấn Độ là một đối tác quan trọng của chính quyền J. Biden trong chiến dịch y tế này. Với năng lực sản xuất vắc xin hàng đầu thế giới, đóng góp của Ấn Độ có thể rất quan trọng để đảm bảo rằng việc tiêm chủng được phổ biến rộng rãi trên toàn thế giới. Đại dịch Covid-19 đã làm nổi bật sự mất cân bằng trong chuỗi cung ứng toàn cầu đối với các sản phẩm y tế thiết yếu, đặc biệt là Thiết bị bảo hộ cá nhân – PPE. Ấn Độ là một đối tác tự nhiên của Mỹ với tư cách là một trung tâm sản xuất vắc xin đáng tin cậy và hiệu quả về chi phí, giải quyết một thách thức chiến lược mà GHSA đang cần.

Trong ngắn hạn, đây là sự hợp tác có lợi cho cả Mỹ và Ấn Độ khi hai nước đã rút ra được bài học từ đại dịch Covid-19 và chuẩn bị tốt hơn cho những thách thức sức khỏe toàn cầu trong tương lai gần như chắc chắn sẽ xuất hiện trong thời gian tới [126]. Trong trung hạn, các mục tiêu y tế toàn cầu được chia sẻ có thể thúc đẩy sự hợp tác nhiều hơn ở cấp độ kỹ thuật. Đại dịch Covid-19 đã nêu bật sự cần thiết phải nâng cấp năng lực giám sát và theo dõi dịch bệnh và giảm thiểu rủi ro của Ấn Độ, như đã làm đối với Mỹ. Một mục tiêu rõ ràng của Mỹ là cung cấp hỗ trợ kỹ thuật để thành lập Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh Ấn Độ - I-CDC. Các đơn vị thuộc Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh – CDC Châu Phi được thành lập sau Dịch bệnh Ebola tại châu Phi năm 2014. Tổ chức này có thể là trung tâm hỗ trợ kỹ thuật cho các quốc gia Nam Á và Đông Nam Á khác, những quốc gia có lịch sử chịu tác động tức thời của bất kỳ đại dịch nào đang nổi lên và đưa ra những bài học quan trọng để chia sẻ về cách kiểm soát các đại dịch này [126].

Đại dịch Covid-19 đã tạo tiền đề cho một bước nhảy vọt về lượng tử trong các sản phẩm và công nghệ y tế mới khi các công tác y tế được chuyển sang hình thức trực

tuyến. Công nghệ y tế kỹ thuật số mang lại cơ hội đáng kể cho hợp tác y tế Mỹ - Ấn Độ. Độ sẽ được hưởng lợi từ việc sử dụng công nghệ chuyên sâu hơn trong việc chăm sóc sức khỏe, cả về mặt mở rộng khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế công cộng cũng như giảm chi phí phòng ngừa và điều trị các bệnh thông thường. Đồng thời, các công ty Mỹ có thể tiếp cận với các nhân viên kỹ thuật có tay nghề cao của Ấn Độ, cũng như kiến thức về các dịch vụ y tế phù hợp ở các thị trường mới nổi. Và khi cơ sở người tiêu dùng của Ấn Độ cung cấp một môi trường giàu dữ liệu để thử nghiệm các sản phẩm đổi mới, nó có thể dựa trên chuyên môn của Mỹ đối với người tiêu dùng và khuôn khổ quy định bảo vệ dữ liệu nhằm thúc đẩy công nghệ y tế - giải pháp sáng tạo chăm sóc sức khỏe sáng tạo về lâu dài [119]. Đại dịch Covid-19 đã nhấn mạnh sự cần thiết của một tầm nhìn dài hạn cho hợp tác Mỹ - Ấn Độ trong lĩnh vực y tế. Đối thoại Y tế Chiến lược Mỹ - Ấn Độ có thể giải quyết những thách thức về một thế giới đang thay đổi nhanh chóng với các mối đe dọa dịch tễ, sinh học và môi trường đang nổi lên [126].

Về hỗ trợ của Mỹ đối với Ấn Độ: Tháng 4/2021, Ấn Độ thông báo số ca nhiễm Covid-19 đạt mức cao nhất kể từ khi dịch bệnh xuất hiện với gần 500.000 ca/ngày, trong đó số ca tử vong cũng lên mức kỷ lục với hơn 5.000 ca/ngày [148]. Theo Bộ Y tế Ấn Độ, đến ngày 27/4/2021, số ca nhiễm Covid-19 ở Ấn Độ đã lên gần 20 triệu người, và gần 200.000 người đã tử vong vì dịch bệnh Covid-19 [190]. Để hỗ trợ Ấn Độ, Mỹ đã dỡ bỏ lệnh cấm xuất khẩu các thành tố dùng để chế tạo vắc xin phòng Covid-19, gửi oxy tới và cử các chuyên gia cơ quan y tế đến để giúp vào cuối tháng 4/2021 [199], nhờ vậy đến tháng cuối 5/2021 dịch bệnh Covid-19 ở Ấn Độ đã bị đẩy lùi.

Khi thế giới bước vào giai đoạn hậu đại dịch Covid-19, hai bên tập trung vào những thách thức dài hạn hơn trong lĩnh vực y tế. Dự kiến, ngành công nghiệp dược phẩm Mỹ sẽ trở dậy mạnh mẽ hơn từ cuộc khủng hoảng Covid-19 để ngăn ngừa đại dịch cũng như để bảo vệ lợi ích của Mỹ trước sự cạnh tranh từ các nhà sản xuất thuốc gốc của Ấn Độ. Tranh chấp về giới hạn chi phí ghép tế bào gốc của Ấn Độ vẫn còn tồn tại, đó là biểu hiện của việc thiếu tầm nhìn chiến lược cho hợp tác toàn ngành y tế. Khi chính quyền J. Biden nhậm chức, cả hai bên đã thảo luận về các giải pháp để tăng cường buôn bán các mặt hàng y tế và dược phẩm giữa hai nước [126].

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu nêu trên, hợp tác y tế Mỹ - Ấn Độ vẫn tồn tại một số hạn chế như: hợp tác chủ yếu mang tính một chiều, Mỹ giúp đỡ Ấn Độ là chính. Đôi lúc, do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, sự hỗ trợ của Mỹ đối với Ấn Độ chưa thực sự kịp thời. Và các lĩnh vực hợp tác y tế chưa mở rộng hết để xứng đáng với tiềm năng của hai nước. Mức độ hợp tác cũng chưa đủ lớn để mang lại những hiệu quả cao hơn.

4.2.3 Hợp tác trong công tác xóa đói giảm nghèo

Đối với Ấn Độ, thành công trong phát triển kinh tế - chính trị sẽ quyết định Ấn Độ là quốc gia mạnh hay yếu, an toàn hay dễ bị xâm hại, bị ảnh hưởng bởi xu hướng toàn cầu hay là quốc gia có khả năng gây ảnh hưởng trên phạm vi toàn cầu. Mặc dù năm 2019, Ấn Độ trở thành nền kinh tế lớn thứ 5 thế giới nhưng nghèo đói vẫn là một thách thức lớn đối với nước này. Khó khăn lớn nhất của Ấn Độ là chuyển những gì đạt được về kinh tế trong suốt 31 năm cải cách (1991-2022) để đưa hàng triệu người dân Ấn Độ thoát khỏi nghèo đói, mang lại sức sống cho vùng nông thôn và tạo ra tương lai tươi đẹp cho nhiều người dân Ấn Độ. Tính đến năm 2019, dân số Ấn Độ vượt qua mốc 1,36 tỷ người nhưng có đến khoảng 22% dân số Ấn Độ sống dưới mức nghèo khổ - Ấn Độ có nhiều người nghèo hơn cả Châu Phi và Mỹ La Tinh cộng lại và hơn nửa trẻ em bị suy dinh dưỡng. Tình hình thậm chí còn trở nên tồi tệ hơn ở các vùng nông thôn ở hai bang là Chhattisgarh và Jharkhand của Ấn Độ, nơi có tới 45% dân số sống dưới mức nghèo khổ. Điều này không những ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực, sự tiến bộ về xã hội và còn kìm hãm sự phát triển kinh tế của Ấn Độ [201]. Bên cạnh đó, năm 2021, Ấn Độ có 2,7 triệu người nhiễm HIV, thuộc loại cao nhất thế giới, trong đó có khoảng 220.000 người là trẻ em và con số này đang có xu hướng tăng lên ở các khu ổ chuột của các thành phố đang phát triển ở Ấn Độ [193]. Gần 40% người dân thành thị Ấn Độ sống mà không có nước sạch và các dịch vụ vệ sinh.

Tình trạng này đang tạo gánh nặng lên công tác giảm nghèo đói của Ấn Độ. Do đó, Mỹ và Ấn Độ đã nỗ lực tìm kiếm giải pháp, thiết lập các sáng kiến hợp tác song phương để tăng cường hợp tác xóa đói giảm nghèo. Cho đến năm 2022, Ấn Độ đã nhận được một trong những phần viện trợ nước ngoài lớn nhất từ Mỹ, đạt 85,12

triệu USD cho hỗ trợ phát triển thông qua Cơ quan Mỹ về phát triển quốc tế (USAID) [236]. USAID là một tổ chức thuộc chính phủ Mỹ được giao việc điều hành viện trợ dân sự cho nước ngoài. Một trong những thành tựu chính mà Mỹ - Ấn Độ đạt được thông qua USAID chính là Đối tác cải tiến nông nghiệp (AIP). AIP nhằm mục đích xóa đói giảm nghèo tại Ấn Độ và những quốc gia đang phát triển khác bằng cách phát triển sự hiểu biết của nông dân về nông nghiệp nhằm gia tăng sản xuất và an ninh lương thực. Mỹ hỗ trợ các trường đại học về nông nghiệp ở Ấn Độ hiện đại hóa phương pháp giảng dạy nông nghiệp và mở rộng các dịch vụ, giúp các sinh viên tốt nghiệp có thể tiếp cận các công nghệ tiên tiến dành cho nông nghiệp và các hoạt động quản lý nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất lương thực ngày càng cao trong thế kỷ XXI.

Để hỗ trợ cho việc xóa đói giảm nghèo, từ năm 2014, Đối thoại Nông nghiệp Mỹ - Ấn Độ và Sáng kiến Kiến thức Đào tạo Nông nghiệp Mỹ - Ấn Độ (AKI), thường xuyên được tổ chức. Những chương trình này nhằm hỗ trợ và thúc đẩy mối liên kết giữa Ấn Độ và các nguồn tài trợ của Mỹ trong lĩnh vực nông nghiệp để phục vụ cho nghiên cứu, đào tạo và khuyến nông [122] nhằm nâng cao sản xuất nông nghiệp. Viện Nông nghiệp và Thực phẩm Quốc gia Mỹ (NIFA), thuộc Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) cũng hỗ trợ dự án Tái cấu trúc Hệ thống Tiếp thị Nông nghiệp ở Ấn Độ thông qua sự hợp tác với Viện Tiếp thị Nông nghiệp Quốc gia Ấn Độ (NIAM), chịu trách nhiệm về xúc tiến và đào tạo liên quan đến tiếp thị nông nghiệp [121]. Hợp tác với Dịch vụ Tiếp thị Nông nghiệp và Dịch vụ Nông nghiệp Nước ngoài của USDA, NIFA đã cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho NIAM và các cơ quan thuộc chính phủ Ấn Độ trong việc phát triển các Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP), kỹ thuật xử lý sau thu hoạch và mở rộng tiếp thị. Hệ thống thông tin tiếp thị và thông tin tiếp thị hiện có của Ấn Độ cũng được nâng cấp để phục vụ nông dân tốt hơn. Điều này được thực hiện thông qua việc phát triển và tổ chức các hội thảo đào tạo cho NIAM và các nhân viên chính phủ Ấn Độ do các chuyên gia từ một số trường đại học nông nghiệp của Mỹ thực hiện [219].

4.2.4 Hợp tác trong lĩnh vực Khoa học - Công nghệ

Hợp tác khoa học công nghệ Mỹ - Ấn Độ đã và đang phát triển ổn định trên cơ

sở Hiệp định Hợp tác Khoa học và Công nghệ Mỹ - Ấn Độ (ASTC) được ký vào tháng 10/2005. Hai bên đã thiết lập, mở rộng nhiều cơ chế hợp tác khoa học công nghệ song phương như: Hội nghị thượng đỉnh công nghệ, Diễn đàn Khoa học và Công nghệ Mỹ - Ấn Độ, Ủy ban hỗn hợp Khoa học và Công nghệ, do Cố vấn Khoa học của Tổng thống Mỹ đồng chủ trì và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Ấn Độ. Mỹ tham dự với tư cách là quốc gia đối tác tại Hội nghị thượng đỉnh công nghệ 2014 tại New Delhi. Diễn đàn Khoa học và Công nghệ Mỹ - Ấn Độ (IUSSTF) nhằm tạo điều kiện cho hợp tác song phương cùng có lợi trong khoa học, kỹ thuật và y tế. IUSSTF đã tạo điều kiện cho sự tương tác của hơn 12.000 người Ấn Độ và các nhà khoa học Mỹ, đã hỗ trợ hơn 250 hội thảo song phương và thành lập hơn 30 nghiên cứu chung các trung tâm [150].

Hợp tác khoa học công nghệ Mỹ - Ấn Độ đã đạt nhiều thành tựu đáng khích lệ, đặc biệt trong nhiều lĩnh vực như: IT, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng nguyên tử vào mục đích hòa bình và nông nghiệp. Hai bên đã cùng nghiên cứu chung nhiều dự án và có ứng dụng khá hiệu quả vào thực tiễn của từng nước. Ấn Độ cũng tiếp thu được một số kinh nghiệm và khoa học kỹ thuật của Mỹ để phục vụ sản xuất và đời sống. Giai đoạn 2014 - 2022 do nhu cầu phát triển, nội dung hợp tác mở rộng ra một số lĩnh vực mới như khoa học công nghệ phục vụ thu thập thông tin về thời tiết, năng lượng mới, năng lượng sạch,

Về hạn chế, hợp tác khoa học công nghệ hai nước vẫn còn một số hạn chế chưa thể giải quyết. Cụ thể là: Hợp tác khoa học công nghệ chủ yếu Mỹ giúp đỡ, chuyển giao công nghệ cho Ấn Độ là chính; lĩnh vực hợp tác về công nghệ mới còn hạn chế (việc áp dụng công nghệ sinh học mới chủ yếu trong một số dự án ở lĩnh vực nông nghiệp không đòi trình độ khoa học công nghệ cao). Thêm vào đó, các dự án nghiên cứu chung còn ở quy mô nhỏ, kinh phí dành cho các dự án nghiên cứu khoa học công nghệ nhìn chung còn thấp và chủ yếu do Mỹ hỗ trợ; chưa có sự nhiều tham gia đầu tư của tư nhân nên thiếu kinh phí cần thiết và thiết sự gắn kết giữa nội dung và nghiên cứu khoa học với nhu cầu thị trường. Bên cạnh đó, kinh phí của hai nước dành cho hợp tác khoa học công nghệ còn hạn chế và thủ tục hành chính triển khai các dự án từ phía Ấn Độ còn phức tạp.

4.2.5 Hợp tác về năng lượng

Hợp tác năng lượng là lĩnh vực quan trọng trong quan hệ Đối tác chiến lược toàn cầu toàn diện Mỹ - Ấn Độ nhằm đảm bảo an ninh năng lượng của hai nước trước những thách thức của thế kỷ XXI.

Dầu khí

Dầu mỏ đã trở thành nền tảng của quan hệ năng lượng song phương Mỹ - Ấn Độ. Theo dữ liệu của Bộ Thương mại Mỹ, thương mại dầu thô và các sản phẩm dầu mỏ tinh chế hiện chiếm khoảng 15% thương mại hàng hóa Ấn Độ - Mỹ [143]. Mỹ dỡ bỏ lệnh cấm xuất khẩu dầu thô vào năm 2015 và Ấn Độ chỉ bắt đầu nhập khẩu dầu thô của Mỹ vào tháng 10/2017, trong nỗ lực giảm bớt sự phụ thuộc quá nhiều vào một số quốc gia như Iran và Venezuela. Trong tương lai gần, dầu mỏ sẽ thay thế vũ khí là mặt hàng nhập khẩu chính của Ấn Độ từ Mỹ [131] vì nền kinh tế Ấn Độ đang rất phát triển, nhu cầu về năng lượng cũng tăng theo cấp số nhân. Sự gia tăng thương mại dầu mỏ này sẽ bổ sung lĩnh vực hợp tác mới - an ninh năng lượng cho mối quan hệ Ấn Độ và Mỹ vốn đã rất quan trọng và chiến lược, đặc biệt là hợp tác quốc phòng, hạt nhân và công nghệ.

Năng lượng tái tạo

Trong hội nghị thượng đỉnh song phương đầu tiên vào tháng 9/2014, Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi và Tổng thống Mỹ Barack Obama đã cam kết tăng cường và mở rộng việc thành lập Quỹ Đối tác Mỹ - Ấn Độ về phát triển năng lượng sạch - PACE thông qua một loạt sáng kiến ưu tiên. Trong cuộc gặp vào tháng 1/2015, hai nước đã công bố một số hoạt động mới trong khuôn khổ thành lập quỹ này. Ngày 30/6/2015, Ấn Độ và Mỹ đã ký Bản ghi nhớ Thành lập quỹ Đối tác Mỹ - Ấn Độ về phát triển năng lượng sạch (PACE), trị giá 7,9 triệu USD. Quỹ PACE là một sáng kiến của hai Chính phủ, cung cấp các khoản cho vay để hỗ trợ phát triển và thử nghiệm các sản phẩm sáng tạo, các hệ thống và mô hình kinh doanh nhằm cải tiến, khuyến khích hoạt động kinh doanh năng lượng tái tạo, đưa năng lượng sạch tới cho từng cá nhân và cộng đồng. Đối tượng cho vay là các công ty kinh doanh hệ thống năng lượng sạch quy mô nhỏ mà không cần kết nối qua mạng lưới

điện hoặc chỉ thông qua mạng lưới điện tạm thời và ở mức hạn chế. Ngoài ra, PACE còn có mục tiêu phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng cho các mạng lưới điện nhỏ và hỗ trợ hệ thống tiếp cận năng lượng sạch. Theo kế hoạch, các hoạt động trong tương lai của lĩnh vực này sẽ bao gồm cả sáng kiến đầu tư của tư nhân và tập trung vào những thiết bị siêu hiệu quả [185].

Tháng 6/2015, Bộ Điện lực, Năng lượng mới và Năng lượng tái tạo thuộc Chính phủ Ấn Độ và Đại sứ quán Mỹ tại Ấn Độ đã thành lập Quỹ PACE setter, trị giá 7,9 triệu USD. Diễn đàn Khoa học và Công nghệ Mỹ - Ấn Độ (IUSSTF) là cơ quan quản lý của Quỹ PACEsetter. Mục tiêu của Quỹ PACEsetter là hỗ trợ sáng kiến Hòa bình bằng cách cung cấp tài trợ giai đoạn đầu để đẩy nhanh việc thương mại hóa các sản phẩm, hệ thống và mô hình kinh doanh năng lượng sạch. Mục đích chính của Quỹ là cải thiện khả năng tồn tại của các doanh nghiệp năng lượng tái tạo, bán các hệ thống năng lượng sạch quy mô nhỏ (dưới 1 megawatt) cho các cá nhân và cộng đồng không có nguồn điện lưới hoặc với khả năng tiếp cận hạn chế/gián đoạn (dưới 8 giờ/ngày). Dựa trên các khuyến nghị của Chỉ đạo Ủy ban, IUSSTF đã triệu tập cuộc họp Đánh giá dự án. Một nhóm bao gồm các chuyên gia đại diện từ Bộ Năng lượng Mới và Tái tạo Ấn Độ (MNRE) và Đại sứ quán Mỹ đã xem xét các dự án năng lượng sạch tiếp theo vào tháng 11/2019, tháng 1 - 2/2020 [225].

Năm 2019 chứng kiến bốn giải thưởng được công bố theo PACEsetter: Sáng kiến để đẩy nhanh việc thương mại hóa các sản phẩm năng lượng sạch và các mô hình kinh doanh. Quỹ được hỗ trợ bởi Bộ Năng lượng Tái tạo mới và Đại sứ quán Mỹ tại Ấn Độ. Sáng kiến Nghiên cứu về Giám sát Chất lượng Nước sông và Không khí (WAQM). Sáng kiến này được tài trợ bởi Bộ Khoa học và Công nghệ Ấn Độ (DST) và Tập đoàn Intel của Mỹ đã đạt được bốn giải thưởng để hỗ trợ sự phát triển của nước từ đầu đến cuối và hệ thống giám sát chất lượng không khí sử dụng thông minh, kết nối mạng, chi phí thấp và cảm biến năng lượng thấp. Cuối cùng, Diễn đàn khoa học và công nghệ Mỹ - Ấn Độ - IUSSTF quản lý một số Lướt truy cập Các chương trình nền tảng được hỗ trợ bởi các cơ quan liên bang khác nhau. Các chương trình này cung cấp cơ hội cho sinh viên sau đại học và giảng viên cơ hội để tiếp xúc và thực hiện nghiên cứu tại các tổ chức hàng đầu ở Mỹ và Ấn Độ, giúp xây

dựng năng lực nghiên cứu ở lĩnh vực khoa học và công nghệ và thúc đẩy sự hợp tác lâu dài. Đây là những giải thưởng danh giá, được phản ánh trong số lượng và chất lượng các ứng dụng nhận được [225].

Năm 2020, Ấn Độ đã điều chỉnh mục tiêu năng lượng tái tạo như một phần của nỗ lực giảm nhẹ biến đổi khí hậu, Ấn Độ đặt mục tiêu lắp đặt 450 GW năng lượng tái tạo đến năm 2030. Các hoạt động của sáng kiến PACE được liên kết để hỗ trợ các mục tiêu năng lượng sạch đầy tham vọng của Ấn Độ. Để theo dõi tiến trình của các mức độ tham gia song phương khác nhau về năng lượng, Đối thoại Năng lượng Mỹ - Ấn Độ được tổ chức hàng năm và được tổ chức lần cuối bởi Bộ Năng lượng tại Washington, DC. Ngoài ra, Mỹ cũng lôi kéo Ấn Độ tham gia hợp tác đa phương trong Diễn đàn Bộ trưởng Năng lượng Sạch [185].

Tháng 4/2021, tại Hội nghị thượng đỉnh trực tuyến về biến đổi khí hậu, Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi và Tổng thống Joe Biden công bố Chương trình Đối tác về Khí hậu và Năng lượng Sạch Mỹ - Ấn Độ. Trong tuyên bố chung được đăng trên các trang web của Bộ Ngoại giao hai nước, Ấn Độ và Mỹ đã nhất trí sẽ khởi động quan hệ đối tác về khí hậu và năng lượng sạch Mỹ - Ấn Độ năm 2030, cũng như đề ra các mục tiêu đầy tham vọng về hành động khí hậu và năng lượng sạch cho đến năm 2030. Thông qua quan hệ đối tác này, Ấn Độ và Mỹ cam kết hợp tác chặt chẽ để đạt được các mục tiêu đầy tham vọng về năng lượng sạch, cũng như tăng cường hợp tác song phương trong các lĩnh vực này. Hai nước cũng hướng đến mục tiêu huy động tài chính và đẩy nhanh tốc độ triển khai năng lượng sạch; giới thiệu và mở rộng quy mô các công nghệ sạch sáng tạo cần thiết để khử carbon trong các lĩnh vực bao gồm công nghiệp, giao thông vận tải, điện lực và các tòa nhà; xây dựng năng lực để xác định mức độ, quản lý và thích ứng với các rủi ro. Hai nước cũng triển khai quan hệ đối tác này theo hai nội dung đối tác năng lượng sạch chiến lược để phát triển kinh tế toàn diện và bền vững.

Tháng 9/2021, cuộc họp trực tuyến cấp bộ trưởng về Quan hệ Đối tác Năng lượng Sạch Chiến lược Mỹ - Ấn Độ - SCEP được tổ chức với sự tham gia giữa các chính phủ trên năm trụ cột hợp tác: Năng lượng và Hiệu quả năng lượng; Dầu khí có trách nhiệm; Năng lượng tái tạo; Tăng trưởng bền vững và Nhiên liệu mới nổi.

Bộ trưởng Dầu khí và Khí đốt tự nhiên và Bộ trưởng Bộ Nhà ở và Đô thị Ấn Độ Hardeep Singh Puri và Bộ trưởng Năng lượng Mỹ. Tại đây, bà Jennifer Granholm đã xem xét tiến độ, những thành tựu chính và ưu tiên các lĩnh vực hợp tác mới theo các trụ cột khác nhau. Bộ trưởng HS. Puri nhấn mạnh quan hệ đối tác năng lượng sạch được cải tiến sẽ tăng cường nỗ lực của cả hai bên nhằm tận dụng những điểm bổ sung tồn tại giữa Mỹ và Ấn Độ - các công nghệ tiên tiến của Mỹ và thị trường năng lượng đang phát triển nhanh chóng của Ấn Độ, vì hai bên cùng có lợi thông qua con đường năng lượng sạch hơn để khử carbon trong các lĩnh vực bao gồm công nghiệp, giao thông vận tải, điện lực và các tòa nhà. Hai bên đã công bố bổ sung trụ cột thứ năm về Nhiên liệu mới nổi, báo hiệu quyết tâm chung để thúc đẩy nhiên liệu năng lượng sạch hơn [176]. Các Ủy ban hỗn hợp đã được thành lập để thảo luận về Quản lý Dữ liệu Năng lượng, Công nghệ Các bon thấp và Quá trình Chuyển đổi Chỉ trong Ngành Than. Dựa trên thành công của giai đoạn đầu, hai bên nhất trí mở rộng phạm vi công việc bao gồm lưới điện thông minh và lưu trữ lưới điện như một phần của giai đoạn hai của sáng kiến Đối tác để Tiến tới Năng lượng Sạch (PACE)-R do Sở Khoa học và Công nghệ Ấn Độ thực hiện. Cuộc họp cũng xem xét tiến độ hợp tác Năng lượng Hạt nhân Dân sự Mỹ - Ấn Độ [176].

Như vậy, hợp tác năng lượng Mỹ - Ấn Độ mang lại lợi ích cho cả hai bên. Đối với Mỹ, tăng cường mối quan hệ năng lượng chặt chẽ với Ấn Độ là sự phát triển tự nhiên trong chính sách mở rộng dân chủ trên toàn thế giới và cũng là để thúc đẩy các mối quan hệ với các nước đồng lòng trong nỗ lực không phổ biến vũ khí hạt nhân của Mỹ. Đối với Ấn Độ, hợp tác năng lượng với Mỹ rất quan trọng vì Ấn Độ cần phát triển lĩnh vực năng lượng và rất cần công nghệ của nước ngoài đặc biệt là công nghệ hiện đại như tại Mỹ.

4.2.6 Hợp tác về chống biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường

Sự phát triển của Ấn Độ đã đem đến những thách thức mới về môi trường cho nước này như ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước, nhu cầu năng lượng gia tăng, áp lực lên các nguồn tài nguyên và biến đổi khí hậu.

Về hợp tác chống biến đổi khí hậu

Tháng 4/2021, tại Hội nghị thượng đỉnh trực tuyến về biến đổi khí hậu, Ấn Độ và Mỹ đã khởi động quan hệ hợp tác theo “Chương trình nghị sự 2030” về hợp tác xanh với các hành động cụ thể, mạnh mẽ trên toàn cầu để đáp ứng các mục tiêu của Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu. Theo cam kết, Mỹ phấn đấu đến năm 2030 cắt giảm 50-52% lượng khí thải nhà kính ròng xuống dưới ngưỡng của năm 2005. Trong khi đó, như một phần của nỗ lực giảm nhẹ biến đổi khí hậu, Ấn Độ đặt mục tiêu lắp đặt 450 GW năng lượng tái tạo đến năm 2030 [226]. Thông qua quan hệ đối tác này, Ấn Độ và Mỹ cam kết hợp tác chặt chẽ để đạt được các mục tiêu đầy tham vọng về khí hậu và năng lượng sạch, cũng như tăng cường hợp tác song phương trong các lĩnh vực này. Hai nước cũng nhắm đến mục tiêu huy động tài chính và đẩy nhanh tốc độ triển khai năng lượng sạch; giới thiệu và mở rộng quy mô các công nghệ sạch sáng tạo cần thiết để khử carbon trong các lĩnh vực bao gồm công nghiệp, giao thông vận tải, điện lực và các tòa nhà; xây dựng năng lực để xác định mức độ, quản lý và thích ứng với các rủi ro bắt nguồn từ những tác động liên quan đến khí hậu. Hai nước cũng triển khai quan hệ đối tác này theo hai nội dung chính gồm đối tác năng lượng sạch chiến lược và đối thoại hành động khí hậu và huy động tài chính, vốn sẽ phát huy và bổ sung một loạt các quy trình hiện có. Thông qua sự hợp tác nêu trên, Ấn Độ và Mỹ muốn chứng minh cách thức thế giới có thể kết hợp hành động khí hậu mau lẹ với phát triển kinh tế toàn diện và bền vững, tùy theo hoàn cảnh quốc gia và các ưu tiên về phát triển bền vững [226].

Về hợp tác bảo vệ môi trường

Cơ quan USAID của Mỹ cũng hợp tác bảo vệ môi trường với Chính phủ Ấn Độ, khu vực tư nhân và các tổ chức khác nhằm tiếp tục phát triển ngành năng lượng tái tạo sạch, đảm bảo định hướng thị trường; bảo tồn rừng và đa dạng sinh học; chống tội phạm về bảo tồn; tăng cường khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và giải quyết những thách thức phức tạp đối với hệ sinh thái đồng bằng sông Ấn - Hằng [122]. USAID và Ấn Độ có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện phát triển ngày càng toàn diện và hợp tác nhằm đảm bảo rằng Ấn Độ có thể giải quyết một cách hiệu quả và bao trùm đối với các thách thức phát

triển của quốc gia. Thông qua huy động sự tham gia của người dân, bao gồm cả các nhóm dễ bị tổn thương, và thông qua quan hệ hợp tác chiến lược toàn cầu toàn diện với Chính phủ Ấn Độ, khu vực tư nhân và xã hội dân sự, USAID hỗ trợ nâng cao năng lực lãnh đạo địa phương, song song đó là nâng cao năng lực cạnh tranh kinh tế, hiện đại hóa giáo dục đại học, phòng chống các bệnh truyền nhiễm, bảo tồn rừng, đa dạng sinh học và thúc đẩy năng lượng tái tạo.

Việc hợp tác của USAID và Chính phủ Ấn Độ tập trung vào công tác quản lý chất lượng không khí; quản lý tổng hợp tài nguyên nước và an ninh nguồn nước; bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học; quản lý và tái chế chất thải rắn và rác thải nhựa đại dương và giảm phát thải gây biến đổi khí hậu. Trong giai đoạn 2014 - 2022, USAID đã phối hợp với Chính phủ Ấn Độ thúc đẩy hành động của các cơ quan thuộc Chính phủ, khu vực tư nhân, các tổ chức xã hội và người dân nhằm nâng cao nhận thức về nguyên nhân và tác động của các thách thức ô nhiễm môi trường, đồng thời nâng cao kiến thức về các chiến lược hiệu quả về giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Các mục tiêu chính của của USAID trong năm 2022 bao gồm: phát triển kinh tế, ổn định gia tăng dân số, củng cố an ninh lương thực và dinh dưỡng, bảo vệ môi trường, giảm lây lan AIDS/HIV và các bệnh truyền nhiễm khác như dịch Covid-19, cũng như đẩy mạnh công tác nâng cao nhận thức và tạo ra thay đổi về môi trường cho người dân và nền kinh tế Ấn Độ.....[122].

TIÊU KẾT CHƯƠNG 4

Nhìn chung, quan hệ kinh tế và một số lĩnh vực khác giữa Mỹ và Ấn Độ tiến triển theo chiều hướng tích cực, nhất là từ đầu năm 2020 khi Mỹ và Ấn Độ nâng cấp quan hệ lên thành Đối tác Chiến lược Toàn cầu Toàn diện. Về kinh tế, khác với giai đoạn mờ nhạt trước khi thủ tướng N. Modi lên nắm quyền, quan hệ thương mại và dịch vụ giữa hai nước Mỹ và Ấn Độ (2014-2022) đạt được nhiều thành tựu. Trên cơ sở hợp tác hai bên cùng có lợi, Mỹ và Ấn Độ đã thúc đẩy quan hệ thương mại và trở thành đối tác cũng như thị trường lớn của nhau. Về thương mại – dịch vụ, Ấn Độ là đối tác thương mại lớn thứ 9 của Mỹ, còn Mỹ là đối tác thương mại lớn thứ 2 của Ấn Độ chỉ sau Trung Quốc. Tổng kim ngạch thương mại hai chiều nhìn chung hàng năm đều tăng, đặc biệt tăng mạnh dưới thời Tổng thống Donald Trump. Tuy nhiên, thặng dư thương mại của Ấn Độ so với Mỹ trong giai đoạn này thấp hơn so với thời kỳ của Tổng thống B. Obama và Tổng thống J. Biden. Nguyên nhân chính là do Tổng thống Trump theo đuổi chính sách cân bằng thương mại đối với các nước, trong đó có Ấn Độ. Về đầu tư, cán cân đầu tư trực tiếp nước ngoài vẫn chủ yếu nghiêng về Ấn Độ. Để thúc đẩy hơn nữa quan hệ đầu tư giữa hai nước cần tăng cường hoạt động xúc tiến đầu tư của Ấn Độ vào Mỹ trong các lĩnh vực mà Ấn Độ có thế mạnh, nhất là các lĩnh vực công nghệ cao, công nghiệp phần mềm, công nghiệp điện, điện tử. Hai nước cũng tiến hành hợp tác tài chính nhằm mở rộng và thúc đẩy quan hệ kinh tế toàn diện hơn.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được thì quan hệ kinh tế hai nước vẫn đang gặp một số trở ngại về thuế quan, chính sách bảo hộ thương mại, hạn chế cấp thị thực cho lao động phổ thông H-1B, quyền sở hữu trí tuệ khiến cho lợi ích kinh tế trong hợp tác song phương chưa thực sự tương xứng với tiềm năng của hai nước. Bên cạnh đó, khả năng tìm tiếng nói chung của hai nước trên các diễn đàn kinh tế đa phương còn khá xa vời khi hai nước đều vắng mặt trong các hiệp định thương mại lớn ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và thường có quan điểm đối lập trong một số diễn đàn đa phương.

Bên cạnh quan hệ kinh tế, Mỹ - Ấn Độ cũng đạt được một số thành công trên các lĩnh vực hợp tác khác như văn hóa - giáo dục, khoa học – công nghệ, y tế, năng

lượng, xóa đói giảm nghèo và các vấn đề môi trường. Kết quả này trước hết nhờ vào những nỗ lực từ hai phía, cả Ấn Độ và Mỹ ngày càng nhận thức được sự cần thiết của việc phát triển mối quan hệ trên tất cả các lĩnh vực trong khuôn khổ quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn cầu Toàn diện. Thêm vào đó, Mỹ và Ấn Độ là hai nước lớn, hai nền dân chủ và hai nền văn hoá lớn trên thế giới, có nhiều điểm tương đồng về tư tưởng chính trị và có nhiều điều kiện để phát triển giao lưu nhân dân. Tuy nhiên, quan hệ hợp tác Mỹ - Ấn Độ trên các lĩnh vực này vẫn mang tính một chiều, không cân bằng, chủ yếu là Mỹ hỗ trợ cho Ấn Độ.

**Chương 5. ĐÁNH GIÁ QUAN HỆ MỸ - AN ĐỘ GIAI ĐOẠN 2014 – 2022,
DỰ BÁO XU HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030
VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM**

Chương này đánh giá chung về quan hệ Mỹ - Ấn Độ giai đoạn 2014 – 2022, rút ra đặc điểm, bản chất của mối quan hệ này. Trên cơ sở đó, dự báo các kịch bản có thể xảy ra trong sự vận động của quan hệ Mỹ - Ấn Độ đến năm 2030 và đưa ra các kiến nghị chính sách đối ngoại cho Việt Nam.

5.1 Đánh giá chung về quan hệ Mỹ - Ấn Độ giai đoạn 2014 - 2022

5.1.1. Thành tựu và hạn chế trong quan hệ Mỹ - Ấn Độ

5.1.1.1 Về chính trị - ngoại giao

-Về thành tựu

Thứ nhất, tần suất các chuyến thăm, các cuộc tiếp xúc và điện đàm qua các hình thức trực tiếp và trực tuyến ngày càng tăng phản ánh mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ đang tiến triển tích cực. Đây là cơ sở tăng cường niềm tin chính trị giữa Mỹ và Ấn Độ, thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau giữa hai nước, hai dân tộc, góp phần tăng cường quan hệ chính trị - ngoại giao Mỹ - Ấn Độ ngày càng chặt chẽ, mở rộng và đi vào thực chất hơn.

Thứ hai, thông qua các hoạt động đối ngoại này, lãnh đạo hai nước tích cực trao đổi nhiều vấn đề quan trọng, từng bước định hình, củng cố và nâng cao quan hệ song phương Mỹ - Ấn Độ. Dấu ấn chính trị - ngoại giao lớn nhất là hai nước nâng cấp quan hệ lên thành Đối tác Chiến lược Toàn cầu Toàn diện năm 2020. Quan hệ chính trị - ngoại giao trở thành cầu nối thúc đẩy hợp tác an ninh - quốc phòng, kinh tế và nhiều lĩnh vực khác. Thành tựu này phản ánh sự hội tụ về quan điểm, sự chia sẻ về lợi ích và sự đồng thuận về tầm nhìn trong quan hệ Mỹ - Ấn Độ.

Thứ ba, hai nước đã ký nhiều Thỏa thuận, Tuyên bố chung, các Hiệp định và văn bản hợp tác trên nhiều lĩnh vực, tạo cơ sở pháp lý vững chắc thúc đẩy mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ phát triển. Hiện nay, Ấn Độ và Mỹ có hơn 15 cơ chế đối thoại song phương, nổi bật trong đó là cơ chế Đối thoại Chiến lược và Thương mại 2+2 cấp Bộ trưởng Ngoại giao và Bộ trưởng Thương mại, Cơ chế Tham vấn Chính sách về

Đông Á, Tây Á, Trung Á, châu Phi và Ấn Độ Dương, Cơ chế đối thoại Ngoại giao - Quốc phòng cấp Bộ trưởng. Các cơ chế hợp tác này giúp triển khai nhiều thỏa thuận hợp tác quan trọng hai nước về quốc phòng, an ninh, y tế, thương mại, kinh tế, khoa học công nghệ, năng lượng và ngoại giao nhân dân. Hai nước cũng từng bước thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược thông qua các kênh đối thoại mang tính xây dựng và trao đổi, chia sẻ về các vấn đề chính trị quốc tế, nhất là những vấn đề nhạy cảm.

Thứ tư, so với giai đoạn trước năm 2014, quan hệ chính trị - ngoại giao Mỹ - Ấn Độ tiến triển vượt bậc. Từ thời kì Chiến tranh Lạnh đến năm 2013, quan hệ chính trị - Ngoại giao Mỹ - Ấn Độ có sự chuyển biến tích cực nhưng chưa đạt được hiệu quả xứng tầm với tiềm năng của hai nước. Từ năm 2014 đến nay, sau rất nhiều những nỗ lực của lãnh đạo chính quyền hai nước, quan hệ Mỹ - Ấn Độ đã phát triển thành “quan hệ Đối tác chiến lược toàn cầu toàn diện”, dựa trên các giá trị dân chủ được chia sẻ và sự hội tụ ngày càng tăng về lợi ích giữa hai nước ở khu vực và toàn cầu. Từ năm 2014 đến nay, quy mô của mối quan hệ ngày càng được mở rộng, nâng cấp cả về chiều rộng và chiều sâu đã góp phần quan trọng đưa quan hệ song phương Mỹ - Ấn Độ nói chung bước sang một giai đoạn mới, từ “đối tác tự nhiên” trở thành “Đối tác chiến lược toàn cầu toàn diện”. Có thể khẳng định, mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ thực sự được củng cố, mở rộng, tăng cường và hiệu quả từ năm 2014 đến nay.

Có thể khẳng định quan hệ chính trị - ngoại giao Mỹ - Ấn Độ trong giai đoạn 2014 – 2022 phát triển vượt bậc nhờ vào hội tụ quan điểm, sự chia sẻ tầm nhìn và lợi ích chung.

-Về hạn chế:

Một là, Ấn Độ và Mỹ vẫn thiếu lòng tin chính trị để phát triển mối quan hệ lên mức quan hệ đồng minh. Sự gặp gỡ và song trùng Mỹ - Ấn Độ chỉ diễn ra ở một số lợi ích nhất định chứ không phải ở lợi ích cốt lõi. Với Mỹ, chính quyền Mỹ mong muốn thúc đẩy Ấn Độ phát triển để chia sẻ trách nhiệm và gánh nặng với Mỹ đặc biệt là Mỹ muốn đảm bảo lợi ích của mình ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và cùng Ấn Độ kiểm soát ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc. Nhưng mục tiêu lớn nhất của Mỹ trong quan hệ quốc tế là duy trì vị trí siêu cường số 1 thế giới của mình, do đó, Mỹ không

muốn Ấn Độ phát triển vượt ngoài tầm kiểm soát của Mỹ, trở thành mối đe dọa đối với vị thế lãnh đạo thế giới của Mỹ giống như Trung Quốc. Với Ấn Độ, mặc dù thúc đẩy quan hệ mạnh mẽ với Mỹ nhưng Ấn Độ vẫn không xa rời đường lối đối ngoại độc lập, theo nguyên tắc tự chủ chiến lược, đa liên kết nhưng không liên minh. Ấn Độ hợp tác nhưng vẫn rất chừng mực với Mỹ mong muốn được đối xử là một đối tác bình đẳng và không chấp nhận trở thành “quân bài” chống “Trung Quốc” của Mỹ. Ấn Độ ủng hộ trật tự thế giới đa cực, tham gia nhóm BRICS, Tổ chức Hợp tác Thượng Hải, QUAD để tăng cường và bảo vệ lợi ích quốc gia cốt lõi thông qua đa phương hoá các quan hệ trong quan hệ quốc tế, đặc biệt Ấn Độ vẫn duy trì quan hệ với Nga - đối thủ của Mỹ.

Hai là, quan hệ chính trị - ngoại giao chủ yếu thúc đẩy hợp tác an ninh - quốc phòng và các vấn đề khu vực, quốc tế, dẫn đến hợp tác song phương Mỹ - Ấn Độ phát triển không đồng đều trên tất cả các lĩnh vực. Nguyên nhân của tình trạng này xuất phát từ sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa một cường quốc mới nổi và một siêu cường và sự thay đổi trong nội bộ chính quyền Mỹ nhất là những thay đổi trong chính sách qua mỗi thời kỳ tổng thống. Thời kỳ ông Obama, Mỹ chưa triển khai các chính sách rõ ràng và thực chất với Ấn Độ. Dưới thời chính quyền D. Trump, mặc dù quan hệ chính trị - an ninh phát triển vượt trội nhưng lập trường bảo hộ của D. Trump về các vấn đề thương mại, hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) và nhập cư đã đặt ra những thách thức nghiêm trọng đến mối quan hệ hai nước bất chấp vị trí quan trọng của Ấn Độ trong tính toán an ninh của Mỹ ở khu vực Ấn Độ - Thái Bình Dương.

Thứ ba, Mỹ và Ấn Độ cũng có quan điểm khác biệt về vấn đề tự do, nhân quyền của người dân ở khu vực Kashmir và quan hệ với Pakistan

Về vấn đề nhân quyền tại Kashmir, Hạ nghị sĩ Andy Levin - thành viên của Ủy ban Đối ngoại và Tiểu ban về Châu Á, Thái Bình Dương và Không phổ biến vũ khí hạt nhân, bày tỏ những quan ngại và mong đợi nền dân chủ tốt hơn cho người dân khu vực Kashmir. Hạ nghị sĩ nhấn mạnh sự quan tâm của Mỹ đối với những vi phạm nhân quyền của Ấn Độ xảy ra ở Kashmir và mong muốn Ấn Độ điều chỉnh những vấn đề này để có nền dân chủ tốt hơn. Về phần mình, Ấn Độ đã nhiều lần bác bỏ những lời chỉ trích của các chính phủ nước ngoài, các nhà lập pháp và các

nhóm nhân quyền về những cáo buộc rằng quyền tự do dân sự đã bị xói mòn ở nước này. Ấn Độ khẳng định đã thiết lập tốt các thực hành dân chủ và các thể chế mạnh mẽ để bảo vệ quyền của tất cả mọi người. Chính phủ nước này còn nhấn mạnh rằng Hiến pháp Ấn Độ quy định các biện pháp bảo vệ đầy đủ theo các đạo luật khác nhau để đảm bảo bảo vệ quyền con người [132]. Những bất đồng chưa thể giải quyết giữa Ấn Độ và láng giềng Pakistan cũng tạo ra khoảng cách trong quan hệ Mỹ. Ấn Độ mong muốn Mỹ chọn bên giữa Ấn Độ và Pakistan nhưng đó là một bài toán khó cho chính quyền J. Biden vì Mỹ còn cần tới Pakistan trong các vấn đề tại Afghanistan và không muốn Pakistan trở thành đồng minh của Trung Quốc.

Thứ tư, quan hệ Mỹ - Ấn Độ chủ yếu diễn ra trên phương diện song phương, quan hệ đa phương chưa đạt được những thành tựu rõ rệt. Tại các diễn đàn đa phương, nhất là tại Liên Hợp quốc cũng tồn tại một số bất đồng do thiếu sự liên kết giữa các lợi ích của hai bên thể hiện một cách có hệ thống thông qua hành động của hai nước và hành vi biểu quyết tại Liên Hợp quốc. Xét từ khía cạnh này, khó có thể miêu tả quan hệ Mỹ - Ấn Độ là quan hệ đối tác chiến lược thân thiết. Các quan chức Mỹ từ lâu đã bày tỏ sự thất vọng vì những bất đồng thường xuyên hơn của hai nước tại Liên hợp quốc và các tổ chức đa phương khác về các thách thức lớn là biến đổi khí hậu, vấn đề Iran và gần đây nhất là chiến tranh Nga - Ukraine. Phía Mỹ nhận thấy, Ấn Độ vẫn thiên về chủ trương không liên kết và có xu hướng chống lại những gì mà họ coi là áp lực khi phải thuận theo các chính sách của Mỹ [88; tr.11-12].

5.1.1.2 Về an ninh - quốc phòng

- Thành tựu

Thứ nhất, cơ sở pháp lý không ngừng được củng cố, tăng cường, tạo nền tảng thúc đẩy hợp tác an ninh Mỹ - Ấn Độ. Hai nước tiến hành cập nhật và gia hạn thêm 10 năm cho “Hiệp định khung hợp tác Quốc phòng Mỹ - Ấn” ký 2005. Mỹ và Ấn Độ đã ký văn bản, hiệp định quan trọng như Thỏa thuận hỗ trợ hậu cần quân sự - LEMOA vào tháng 08/2016; Thỏa thuận Bảo mật và Tương thích Truyền thông - COMCASA năm 2018; Hiệp định trao đổi và hợp tác liên quan đến lĩnh vực không gian - BECA năm 2020 và Thỏa thuận Chia sẻ Kỹ thuật Thông tin Hàng hải -

MISTA. Việc ký kết ba thoả thuận COMCASA, BECA, LEMOA tạo thuận lợi cho Ấn Độ tiếp cận các công nghệ quân sự hiện đại của Mỹ, giúp nâng cao khả năng đối phó với Pakistan và Trung Quốc dọc theo tuyến đường kiểm soát thực tế, đồng thời giúp Ấn Độ mở rộng khả năng tác chiến viễn chinh, mở rộng phạm vi ảnh hưởng, cạnh tranh với Trung Quốc; hiện đại hoá quân đội và nâng cao năng lực ngành công nghiệp quốc phòng của Ấn Độ nhờ công nghệ Mỹ. Mỹ còn cấp quy chế Quyền thương mại chiến lược (STA-1) cho Ấn Độ (2018) nhằm tạo cơ hội cho nước này được tiếp cận bình đẳng các sản phẩm công nghệ cao của Mỹ như các nước NATO, Australia, Nhật Bản và Hàn Quốc.

Thứ hai, hợp tác an ninh được mở rộng và phát triển trên nhiều lĩnh vực. Dựa trên sự tương đồng lợi ích ngày càng lớn trong khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, hợp tác an ninh hàng hải giữa Ấn Độ và Mỹ được hai nước quan tâm, thúc đẩy và đạt được nhiều thành tựu và đem lại lợi ích cho cả hai bên. Hợp tác chống khủng bố cũng là lĩnh vực đạt được thành tựu quan trọng của hợp tác giữa hai nước. Rõ nhất là sự hội tụ quan điểm của hai nước trong vấn đề chống khủng bố ở Pakistan. Mua bán vũ khí/thương mại quốc phòng cũng đạt được nhiều thành tựu thể hiện qua kim ngạch thương mại giữa Mỹ và Ấn Độ theo chiều hướng tăng. Hợp tác sản xuất vũ khí là lĩnh vực đạt được nhiều tiến bộ trong quan hệ song phương giữa Mỹ và Ấn Độ. Về các hoạt động huấn luyện đào tạo quân nhân, hai nước đã tích cực phối hợp trong các hoạt động huấn luyện, trao đổi quân nhân, qua đó giúp Mỹ và Ấn Độ tăng cường học hỏi kinh nghiệm của nhau.

Thứ ba, cơ chế hợp tác đa phương an ninh – quốc phòng Mỹ - Ấn Độ được quan tâm trở lại và chủ yếu diễn ra trong khuôn khổ QUAD. So với giai đoạn trước năm 2014, nhận thức của Mỹ về vai trò của Ấn Độ nhóm Bộ tứ trong cấu trúc an ninh khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đã thay đổi. Bộ Tứ được khởi động năm 2007 nhưng hầu như không phát triển và nhanh chóng tan rã. Tuy nhiên, Bộ tứ đã được hồi sinh vào cuối năm 2017 và hướng tới việc mở rộng Nhóm Bộ tứ (Quad Plus). Ấn Độ và Mỹ có sự hội tụ lợi ích chiến lược trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Hai cường quốc đồng quan điểm về các vấn đề đảm bảo an ninh

chiến lược cho khu vực này và đều xem các hoạt động bành trướng của Trung Quốc ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Mỹ ủng hộ Ấn Độ sớm gia nhập Nhóm các nhà cung cấp hạt nhân - NSG.

Thứ tư, xét một cách tổng thể so với quan hệ an ninh – quốc phòng Mỹ - Ấn Độ giai đoạn 2014 – 2022 so với giai đoạn trước năm 2014 cho đã có sự phát triển vượt bậc từ cấp độ bất đồng, lạnh nhạt và e ngại trong quá khứ tiến dần tới hiểu nhau, cùng nhau giải quyết những vấn đề bức xúc, đồng quan điểm và mục tiêu chiến lược và hiện nay là Đối tác toàn cầu toàn diện. Nếu như trước năm 2014, hợp tác quân sự giữa hai nước chủ yếu là trong lĩnh vực mua bán vũ khí, nhưng giờ đây hợp tác an ninh – quốc phòng Mỹ - Ấn Độ đã mở rộng trên nhiều lĩnh vực khác như an ninh hàng hải, chống khủng bố, mua bán và sản xuất vũ khí,, nhất là việc chia sẻ thông tin tình báo quân sự và hỗ trợ hậu cần. Với những thành tựu đã đạt được, có thể nói, hợp tác an ninh - quốc phòng Mỹ - Ấn Độ giai đoạn 2014 - 2022 đã thay đổi cả về lượng và chất so với trước năm 2014.

Như vậy, quan hệ an ninh - quốc phòng giữa Mỹ và Ấn Độ ngày càng chặt chẽ và hứa hẹn nhiều triển vọng tốt đẹp, tuy là lĩnh vực nhạy cảm nhất nhưng lại đạt được nhiều thành tựu nhất.

- Hạn chế

Một là, quan hệ an ninh - quốc phòng cũng có một số rào cản chưa xứng với khuôn khổ quan hệ Đối tác chiến lược toàn cầu toàn diện. Mặc dù muốn làm sâu sắc hơn mối quan hệ với Ấn Độ, nhưng Mỹ đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của các đồng minh hiệp ước của Mỹ. Đối với các đối tác phi đồng minh như Ấn Độ được cho là chỉ hữu ích trong việc chia sẻ gánh nặng và mở rộng “vòng tròn hợp tác” không xác định. Mối quan hệ hợp tác thương mại quốc phòng Ấn Độ - Nga cũng gây ra những rạn nứt trong quan hệ Ấn Độ với Mỹ. Cách Mỹ giải quyết cuộc chiến chống khủng bố và việc Mỹ công nhận Pakistan là đồng minh chủ chốt ngoài NATO ngay sau khi Mỹ có các cuộc thảo luận với Ấn Độ được coi là sự vi phạm lòng tin. Thêm vào đó, trong các dự án cùng phát triển và cùng sản xuất vũ khí với đồng minh NATO trước đây, Mỹ đều phải đối mặt với sự chỉ trích từ một số thành

viên trong chính quyền cũng như công chúng Mỹ bởi đây có thể là mối đe dọa đối với tính vượt trội cả về quân sự và kinh tế của Mỹ. Từ chính những bài học này, Mỹ còn có những lo ngại trong hợp tác sản xuất vũ khí với Ấn Độ.

Hai là, Mỹ và Ấn Độ có sự khác biệt trong kỳ vọng chiến lược về đối tác của mình. Trong khi Mỹ mong muốn Ấn Độ có thể trực tiếp phát huy vai trò kiềm chế Trung Quốc thì Ấn Độ lại không “muốn” trở thành quân cờ để Mỹ điều khiển thông qua nguyên tắc đối ngoại tự chủ chiến lược, mặt khác Ấn Độ cũng luôn mong muốn thể hiện sự độc lập và vai trò cường quốc của mình. Sự khác biệt này khiến Mỹ tỏ ra hoài nghi khi triển khai chính sách đối với Ấn Độ, không muốn tùy tiện thúc đẩy chính sách thân thiện của mình với Ấn Độ. Mâu thuẫn này trước đây đã tồn tại giữa hai nước, còn ngày nay với một người tính toán như Donald Trump cộng với một người không mấy kiên quyết như J. Biden và cứng rắn kiên định như Thủ tướng Ấn Độ Modi thì khả năng giải quyết sự khác biệt trong quan điểm chiến lược giữa hai nước là không cao [25; tr.4].

Ba là, Mỹ - Ấn Độ tồn tại sự khác biệt về quan điểm trong các vấn đề an ninh khu vực nhất là trong vấn đề Nga – Ukraina, Iran, Afganishtan và Pakistan. Ấn Độ trung lập giữa Mỹ và Nga trong khi Mỹ mong muốn Ấn Độ thể hiện quan điểm rõ ràng, cụ thể là ủng hộ Mỹ trong vấn đề chiến tranh tại Ukraine. Nhưng trong quan hệ với Iran, Mỹ lại quá cứng rắn khi muốn Ấn Độ từ bỏ mối quan hệ thương mại năng lượng đang tốt đẹp với nước này. Cùng với đó là Mỹ cũng không mấy hài hoà với Ấn Độ trước mối quan hệ kinh tế tương đối tốt giữa Ấn Độ và Afghanistan. Tình huống tương tự khi Ấn Độ muốn Mỹ đứng về phía mình trong các vấn đề va chạm giữa nước này và Pakistan nhưng Mỹ còn e dè vì những lợi ích của Mỹ chưa thể tách hoàn toàn khỏi Pakistan nhất là khi nước này đang có những động thái xích lại gần Trung Quốc.

Bốn là, quan hệ Mỹ, Ấn Độ, Nhật Bản và Úc trong QUAD cũng dẫn tới nguy cơ gây mất ổn định khu vực. Việc Ấn Độ trở thành đối tác quốc phòng chính với Mỹ năm 2016 và Mỹ - Ấn Độ nâng tầm quan hệ lên thành Đối tác chiến lược toàn cầu toàn diện đã trở thành một trong các nguyên nhân dẫn đến bùng nổ các cuộc tranh

chấp biên giới với Trung Quốc năm 2017, 2020 và với Pakistan năm 2019. Trung Quốc ngày càng cảnh giác trước mối quan hệ Ấn Độ - Mỹ và tìm cách ngăn cản Ấn Độ trở thành thành viên chính thức của Hội đồng bảo an Liên Hợp quốc. Trong mối quan hệ phức tạp này, nước láng giềng Pakistan của Ấn Độ là đồng minh thân cận với Mỹ cũng xích lại gần hơn với Trung Quốc để chống lại Ấn Độ làm Ấn Độ lo ngại về cuộc chiến tranh ở cả hai mặt trận chiến đấu với Trung Quốc và Pakistan.

5.1.1.3 Về Quan hệ kinh tế

Quan hệ kinh tế Mỹ - Ấn Độ đang phải đối mặt với một số thách thức nhưng cần khẳng định rằng đây là một trong những trụ cột của quan hệ Mỹ - Ấn Độ.

- Về Thành tựu

Quan hệ thương mại – dịch vụ giữa Mỹ - Ấn Độ tăng trưởng dương trong giai đoạn 2014 – 2022 là minh chứng cho sự phát triển hợp tác giữa hai nước. Kim ngạch thương mại hai chiều tăng hàng năm, đã tạo cơ sở vững chắc cho quan hệ hai nước phát triển toàn diện và mang lại lợi ích cho cả hai bên. Mỹ vẫn là đối tác thương mại hàng đầu của Ấn Độ và ngược lại, Ấn Độ là đối tác quan trọng của Mỹ. Cán cân thương mại trong hai giai đoạn đều nghiêng về Ấn Độ. Hai nước cũng đã mở rộng hơn các mặt hàng xuất nhập khẩu. Ấn Độ chủ yếu xuất khẩu các mặt hàng thô có giá trị thấp sang Mỹ và ngược lại Mỹ xuất khẩu các mặt hàng đã qua xử lý có giá trị cao sang Ấn Độ. Điều này ít nhiều thể hiện sự chênh lệch phát triển giữa Mỹ và Ấn Độ, trong đó Ấn Độ khá phụ thuộc vào Mỹ về công nghệ sản xuất. Bên cạnh đó, là hai quốc gia chịu ảnh hưởng sâu sắc từ đại dịch Covid – 19 nên kim ngạch thương mại hai nước trong hai năm 2020 và 2021 giảm xuống nhưng hai bên vẫn duy trì mức độ hợp tác tốt nhất có thể và ngay lập tức nối lại các hoạt động thương mại sau khi đã kiểm soát được đại dịch. Ngoài ra, dịch vụ du lịch là điểm sáng trong quan hệ thương mại và dịch vụ hai nước.

Về đầu tư: Hợp tác đầu tư song phương Mỹ - Ấn Độ trong thời gian qua được xem là mối quan hệ đầu tư hàng đầu thế giới. Năm 2019, Mỹ trở thành nhà đầu tư lớn nhất vào Ấn Độ. Nguyên nhân chính là do với sự tăng trưởng nhanh chóng của nền kinh tế Ấn Độ và các chính sách cắt giảm các rào cản đối với đầu tư nước ngoài

và tiến hành các cải cách kinh tế của thủ tướng Modi. Chính phủ Ấn Độ đã nâng cao nhiệm vụ khuyến khích sản xuất trong nước bằng cách thu hút FDI. Đến năm 2020 Mỹ vẫn là nhà đầu tư lớn nhất vào Ấn Độ. Bên cạnh đó, hai nước cùng tạo ra các cơ chế tài khoá hợp lý, có lợi cho cả hai bên để thúc đẩy lĩnh vực tài chính phát triển, hỗ trợ thúc đẩy quan hệ kinh tế, thương mại Mỹ - Ấn Độ.

- Về Hạn chế

Tuy đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ nhưng nhìn chung những kết quả đó chưa tương xứng với tiềm năng, mong muốn và điều kiện của hai nước. Nguyên nhân chủ yếu của sự hạn chế này là do mức độ kích thích kinh tế của cả hai chính phủ còn thấp, các rào cản về thuế quan tương đối cao, các bất đồng thương mại chưa thể giải quyết ... Thêm vào đó, điều kiện địa lý tương đối xa nhau, doanh nghiệp hai nước chưa làm tốt việc thâm nhập thị trường của nhau. Đó là những khó khăn, trở ngại đã hạn chế việc mở rộng các quan hệ thương mại và đầu tư giữa hai nước. Bên cạnh đó, thương mại Mỹ - Ấn Độ năm 2020 giảm mạnh gần ½ so với năm 2019 nguyên nhân là do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 bùng phát tại Trung Quốc từ cuối năm 2019 rồi lây lan ra khắp thế giới, buộc Ấn Độ và Mỹ phải phong tỏa, đóng cửa nền kinh tế vào năm 2020 và 2021.

Quan hệ đầu tư Mỹ - Ấn Độ vẫn mang tính một chiều, chủ yếu là Mỹ đầu tư sang Ấn Độ. Đầu tư của Ấn Độ vào Mỹ thấp và không ổn định khiến cho cán cân đầu tư không cân bằng. Các lĩnh vực tập trung đầu tư của hai nước cũng không đồng nhất. Đầu tư của Mỹ chủ yếu vào các lĩnh vực sản xuất, thương mại, khoa học và kỹ thuật. Trong khi đó, đầu tư của Ấn Độ vào Mỹ chủ yếu vào lĩnh vực bán lẻ với số lượng khiêm tốn.

5.1.1.4 Một số lĩnh vực khác

Trong khuôn khổ quan hệ Đối tác toàn cầu toàn diện, Mỹ và Ấn Độ phát triển hợp tác trên nhiều lĩnh vực khác. Một số lĩnh vực hợp tác như hợp tác văn hóa - giáo dục, khoa học - công nghệ, y tế, năng lượng, xóa đói giảm nghèo và các vấn đề môi trường tiếp tục cũng đạt được những thành tựu nhất định. Những thành công hai bên có được trên những lĩnh vực này trước hết nhờ vào nhu cầu chung và những

nỗ lực cố gắng từ hai phía nhất sự tương đồng về bản sắc và ý trí chính trị của các nhà cầm quyền hai nước. Mỹ và Ấn Độ là hai nền dân chủ lâu đời và lớn nhất thế giới, là hai nền văn hoá đa màu sắc và trên hết họ cùng là những nước lớn, luôn thường trực nhu cầu tăng cường sức mạnh trong đó có sức mạnh mềm (bao gồm văn hoá, giáo dục, tầm ảnh hưởng ...).

5.1.2 Đặc điểm quan hệ Mỹ - Ấn Độ

Từ những đánh giá nêu trên, có thể thấy mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ giai đoạn này có những đặc điểm sau đây:

Một là, quan hệ Mỹ - Ấn Độ giai đoạn 2014 - 2022 có sự kế thừa từ các giai đoạn trước (nhất là sự nối tiếp những thành tựu của thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh) và là giai đoạn phát triển nhất từ trước đến nay. Hai bên đã vượt qua được những tình trạng lạnh nhạt trong quá khứ, tiến đến những giá trị chung dưới tác động của tình hình thế giới, khu vực và điều kiện nội tại của mỗi nước để xây dựng quan hệ ngày càng nồng ấm hơn. Trong đó, phải kể tới vai trò của các lãnh đạo hai nước thời kỳ này đã rất nỗ lực thúc đẩy quan hệ Mỹ - Ấn Độ phát triển mạnh mẽ hơn. Thủ tướng Modi của Ấn Độ điều chỉnh chính sách từ không tham gia liên minh, liên kết chuyển sang thúc đẩy hợp tác song phương với Mỹ; còn Mỹ, từ nhiệm kỳ thứ hai Tổng thống B. Obama cũng thay đổi từ trạng thái không coi trọng quan hệ với Ấn Độ, sang tăng cường thúc đẩy và ngày càng coi trọng vai trò của Ấn Độ khi tiến hành chính sách “Xoay trục”. Chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và mở rộng” của Tổng thống D. Trump lấy Ấn Độ là trung tâm triển khai chính sách và hiện tại đang được Tổng thống đương nhiệm J. Biden kế thừa và phát triển. Hai nước đã phát triển mối quan hệ từ “Tầm nhìn chiến lược về khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương” cho đến “Đối tác chiến lược toàn cầu toàn diện” vào năm 2020.

Thứ hai, quan hệ Mỹ - Ấn Độ trong giai đoạn 2014 - 2022 là mối quan hệ ổn định, tích cực và bổ sung cho nhau. Quan hệ hai nước thời kỳ này được tăng cường và mở rộng trên nhiều lĩnh vực từ chính trị - ngoại giao, an ninh – quốc phòng, kinh tế và một số lĩnh vực khác. Trong đó, quan hệ chính trị - ngoại giao được thúc đẩy lên tầm cao mới là “Đối tác chiến lược toàn cầu toàn diện”, làm cầu nối cho sự phát triển

của các lĩnh vực khác. Hợp tác an ninh - quốc phòng được xác định là trụ cột trong quan hệ hai nước. Vai trò của Ấn Độ được khẳng định trong chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và mở rộng” và trong cả chiến lược an ninh quốc gia của Mỹ nhằm đối phó với những thách thức an ninh trong và ngoài nước Mỹ nhất là đối phó với Trung Quốc. Đây cũng là lĩnh vực đạt được nhiều thành tựu lớn nhất trong quan hệ Mỹ - Ấn Độ thời kỳ này. Quan hệ kinh tế giữa Mỹ và Ấn Độ tuy còn một số rào cản nhưng đã có bước phát triển mạnh mẽ. Những thành tựu trong ba lĩnh vực quan trọng là chính trị - kinh tế - an ninh Mỹ - Ấn Độ góp phần thúc đẩy hợp tác trên các lĩnh vực khác như khoa học – công nghệ, văn hoá – giáo dục, năng lượng, y tế, con người, xoá đói giảm nghèo, biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, hai nước cùng nhau chia sẻ quan điểm về dân chủ, và lợi ích chung trong bối cảnh Trung Quốc trỗi dậy mạnh mẽ, các vấn đề khu vực và toàn cầu.

Thứ ba, quan hệ Mỹ - Ấn Độ giai đoạn 2014 - 2022 coi trọng song phương hơn đa phương. Quan hệ song phương Mỹ - Ấn Độ trên tất cả các lĩnh vực chủ chốt nhận được sự đồng thuận của cả hai nước nên phát triển ổn định. Tuy nhiên, trên các diễn đàn đa phương, cả Mỹ và Ấn Độ chưa thể hiện xứng tầm với mối quan hệ “Đối tác chiến lược toàn cầu toàn diện” giữa hai nước. Hợp tác đa phương tương đối mờ nhạt, chủ yếu chỉ phát triển trên lĩnh vực an ninh và trong khuôn khổ Bộ tứ. Điều này một phần xuất phát từ việc lợi ích chung của hai nước chưa phải là lợi ích cốt lõi nhất và phần khác có nguồn gốc từ mục tiêu chiến lược thực dụng trong chính sách đối ngoại của hai nước, thúc đẩy hợp tác là để hướng tới đảm bảo an ninh và lợi ích quốc gia – dân tộc, chỉ những gì có lợi chung thì cùng hợp tác. Trong đó, sự hội tụ chiến lược quan trọng nhất là kiềm toả Trung Quốc, tăng cường sức mạnh, lợi ích và nhằm khẳng định tầm ảnh hưởng cũng như vị thế tại khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương và toàn cầu.

Thứ tư, bên cạnh những thành tựu vượt bậc so với giai đoạn trước thì quan hệ Mỹ - Ấn Độ (2014 – 2022) vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định trên các lĩnh vực. Trên các lĩnh vực quan hệ hợp tác, Mỹ và Ấn Độ vẫn vướng mắc nhiều vấn đề nhất là niềm tin chính trị cho thực sự cao, nhiều bất đồng trong chính sách kinh tế còn tồn tại chưa

được giải quyết hay những quan ngại tại các diễn đàn đa phương nhất là Mỹ - Ấn Độ trong mối quan hệ ba bên cùng Nga, Trung Quốc, Ukraine, Iran, Afganisktan Thúc đẩy quan hệ hai nước chủ yếu vẫn chủ động từ phía Mỹ và với chính sách đối ngoại thực dụng như hiện nay của Ấn Độ thì những trở ngại hiện tại trong quan hệ Mỹ - Ấn Độ sẽ không thể giải quyết trong một thời gian ngắn. Đây là những thách thức không hề nhỏ khiến cho hai nước khó trở thành “đồng minh” của nhau.

Thứ năm, quan hệ Mỹ - Ấn Độ mang bản chất hai mặt, một mặt thúc đẩy những mặt khác lại e dè lẫn nhau. Về mặt tích cực, hai nước Mỹ và Ấn Độ tìm thấy những mục tiêu và lợi ích chung trong khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, hai nước hợp lực để cùng phát triển, thúc đẩy quan hệ trên mọi lĩnh vực từ chính trị - ngoại giao đến an ninh - quốc phòng, kinh tế và nhiều lĩnh vực khác. Nhưng trong hợp tác thì Mỹ và Ấn Độ vẫn còn những cạnh tranh. Mặc dù thúc đẩy quan hệ với Ấn Độ, ủng hộ và thúc đẩy vai trò của Ấn Độ trong khu vực và trên toàn cầu nhưng Mỹ vẫn lo ngại Ấn Độ sẽ trở thành cường quốc như Trung Quốc. Do đó, mức độ đầu tư của Mỹ vào Ấn Độ so với các nước đồng minh của Mỹ còn khác khiếm tốn. Về phía Ấn Độ, chính quyền Modi mở rộng quan hệ với Mỹ đồng thời cũng thúc đẩy quan hệ với các đối tác lớn khác như Nga, EU, ASEAN, duy trì đường lối đối ngoại độc lập, chính sách ngoại giao cân bằng. Điều đó cho thấy Mỹ không phải là lựa chọn duy nhất và tốt nhất đối với Ấn Độ. Mặc dù không tham gia vào Sáng kiến Vành đai, Con đường của Trung Quốc nhưng Ấn Độ cũng vẫn cảnh giác trước ý đồ chiến lược của Mỹ ở Nam Á, thể hiện quan ngại trước việc Mỹ viện trợ quân sự cho Pakistan, trong bối cảnh biên giới Ấn Độ - Pakistan tiếp tục căng thẳng.

5.1.3 Tác động của quan hệ Mỹ - Ấn Độ đối với khu vực và Việt Nam

Là một trục quan trọng trong quan hệ quốc tế, quan hệ Mỹ - Ấn Độ hiện nay có tác động đến chính trị, kinh tế, an ninh khu vực, nhất là sự định hình trật tự khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương và các nước có liên quan trong đó có Việt Nam theo cả chiều thuận và chiều nghịch.

5.1.3.1 Tác động đối với khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương

- Ở chiều tác động thuận, quan hệ hợp tác Mỹ - Ấn Độ góp phần duy trì hoà

bình, ổn định và thịnh vượng của khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Thứ nhất, bước sang thế kỷ XXI, khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương trở thành trung tâm triển khai của hàng loạt các chiến lược, chính sách, sáng kiến của các cường quốc, nổi bật là Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương Tự do và Rộng mở của Mỹ, Sáng kiến Vành đai, Con đường của Trung Quốc, chính sách Hành động Hướng Đông của Ấn Độ, Chính sách hướng Nam của Hàn Quốc hay Nhật Bản Bối cảnh này mở ra nhiều cơ hội hơn, cho phép các nước trong khu vực cân nhắc lựa chọn sáng kiến để tham gia, hạn chế phụ thuộc vào một nước nào đó. Theo đó, sự hội tụ chiến lược của Mỹ và Ấn Độ một mặt mở rộng không gian khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, mặt khác tạo thế cân bằng chiến lược giữa các nước lớn, khoả lấp khoảng trống quyền lực ở khu vực, không để bất cứ nước nào dễ dàng thao túng, thống trị khu vực, từ đó góp phần tạo ra trật tự chính trị khu vực ổn định hơn. Thực tế chứng minh, các cuộc tuần tra tự do hàng hải, tập trận chung với các nước nhỏ dưới nhiều hình thức khác nhau, ngăn chặn được các hành động phiêu lưu quân sự của Trung Quốc trên biển, buộc nước này phải điều chỉnh hành động của mình theo chiều hướng giảm bớt hung hăng theo kiểu nước lớn. Điều này góp phần tạo dựng môi trường hoà bình, ổn định cho khu vực, tạo điều kiện các nước khu vực thể hiện độc lập và tự chủ trong quyết định tham gia các cơ chế mới định hình để phát triển đất nước.

Thứ hai, Mỹ và Ấn Độ là hai cường quốc có nguồn lực vượt trội về vốn, khoa học - công nghệ đối với nhiều quốc gia khác trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Mỹ và Ấn Độ cũng có các đồng minh và đối tác chiến lược tại khu vực này. Sự tăng cường hợp tác giữa hai nước vào khu vực thông qua nhiều cơ chế và lĩnh vực khác nhau góp phần thúc đẩy sự hình thành và phát triển khu vực nói chung và tạo điều kiện để giúp từng nước trong khu vực có thể tận dụng nguồn vốn, công nghệ hiện đại để tăng trưởng kinh tế. Với tiềm lực mạnh về chính trị, ngoại giao, kinh tế, quốc phòng, an ninh, Mỹ và Ấn Độ sẽ giúp việc triển khai các chương trình hợp tác trong khuôn khổ các thể chế khu vực thuận lợi hơn, thực chất hơn và hiệu quả hơn.

Ở chiều tác động nghịch: Quan hệ Mỹ - Ấn Độ cũng chính là một trong các

nhân tố gây ra sự bất ổn cho khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương hiện nay, đặc biệt là làm gia tăng sự cạnh tranh nước lớn. Các nước trong khu vực thông qua việc huy động các nguồn lực hỗ trợ từ Mỹ, Ấn Độ sẽ có thêm sức mạnh, tiềm lực để giảm phụ thuộc hoặc tăng năng lực đối phó với Trung Quốc. Để lấy lại vị thế và lợi ích cốt lõi trong khu vực, Trung Quốc có thể sẽ gia tăng xây dựng tiềm lực quốc phòng, thậm chí họ chủ động gây ra xung đột quy mô nhỏ với các nước khu vực và lớn tiếng đe dọa “nấn gân” các đối thủ của mình. Điều này sẽ thôi thúc các nước trong khu vực tăng cường sức mạnh quân sự, mua sắm, phát triển vũ khí trang bị để hiện đại hoá quân đội, bảo vệ đất nước. Đồng thời, tình trạng căng thẳng này cũng khiến cho lòng tin giữa các nước lớn trong khu vực suy giảm, dẫn tới tình hình chính trị, an ninh khu vực ngày càng phức tạp, căng thẳng và khó kiểm soát. Do đó, sự hợp tác Ấn Độ và Mỹ tại khu vực cũng là nhân tố gây nên tình trạng chạy đua vũ trang, đe dọa đến hoà bình, ổn định của khu vực.

5.1.3.2. Tác động đối với khu vực Đông Nam Á

- Tác động tích cực: Sự tham gia hợp tác của các nước lớn như Ấn Độ, Mỹ góp phần làm cho khu vực Đông Nam Á phát triển ổn định hơn.

Thứ nhất, Đông Nam Á là khu vực có sự tương đồng lợi ích lớn nhất của cả Ấn Độ và Mỹ, do đó hai nước đều coi trọng và xác định đây là khu vực cốt lõi trong chính sách đối ngoại nhằm gia tăng ảnh hưởng thông qua vai trò của tổ chức ASEAN. Mỹ và Ấn Độ đều tăng cường quan hệ hợp tác và can dự vào khu vực Đông Nam Á, tham gia vào các cơ chế do ASEAN dẫn dắt. Điều này sẽ góp phần ngăn chặn việc Trung Quốc thao túng các diễn đàn, cơ chế khu vực do ASEAN làm trung tâm. Đồng thời các nước ASEAN có nhiều lựa chọn để hợp tác nhằm phát triển quan hệ chính trị, kinh tế nhưng vẫn đảm bảo an ninh – quốc phòng. Thực tế cho thấy, các nước ASEAN đã thành công trong việc thu hút Ấn Độ, Mỹ và các nước lớn khác tham gia vào các thể chế khu vực, tranh thủ lập trường của Ấn Độ và Mỹ giữ thế cân bằng, ổn định ở khu vực, đồng thời kiềm chế phần nào sự hống hách của Trung Quốc, ngăn chặn nước này thực hiện ý đồ độc chiếm Biển Đông, tiến tới chi phối ảnh hưởng trên toàn khu vực Đông Nam Á.

Thứ hai, Đông Nam Á có vị trí địa chính trị, địa kinh tế đặc biệt quan trọng

đối với chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương của Mỹ, chính sách Hành động phía Đông của Ấn Độ và cả Sáng kiến BRI của Trung Quốc. Do đó, để tranh thủ được sự ủng hộ lớn hơn từ các quốc gia ASEAN, Ấn Độ và Mỹ sẽ phải tỏ rõ thiện chí, đưa ra nhiều lợi ích, hạn chế can thiệp vào vấn đề nội bộ của các nước, đồng thời tìm cách ngăn cản, giảm thiểu nguy cơ bất đồng leo thang giữa các nước ASEAN nhằm duy trì môi trường an ninh, ổn định ở khu vực phục vụ việc triển khai chiến lược của họ. Ấn Độ và Mỹ buộc phải triển khai các chương trình hợp tác thực chất hơn, nhanh hơn, áp dụng các giải pháp công nghệ hiện đại hơn. Ấn Độ cũng đẩy mạnh hợp tác với ASEAN thông qua đầu tư cơ sở hạ tầng kết nối với Đông Nam Á, đặc biệt là Đông Nam Á lục địa. Các dự án như Đường cao tốc Ấn Độ - Myanmar - Thái Lan cùng Hành lang Kinh tế Đông-Tây và Hành lang kinh tế phía Nam sẽ kết nối Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Phnom Pênh, Bangkok với Yangon và New Delhi thúc đẩy thương mại, phát triển kinh tế, văn hóa và quốc phòng trong khu vực. Điều này góp phần tăng cường kết nối khu vực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo ra sự phát triển bền vững cho khu vực Đông Nam Á. Đồng thời Mỹ cũng có những động thái tăng cường sự hiện diện sức mạnh quân sự trên biển Đông để hỗ trợ các nước đảm bảo lợi ích trên biển. ASEAN cũng được quan tâm đầu tư thêm nguồn vốn để xử lý vấn đề an ninh nguồn nước sông Mekong – một trong những vấn đề cấp bách hiện nay của Đông Nam Á nhằm đảm bảo điều kiện phát triển kinh tế khu vực và sự hợp tác của Mỹ và Ấn Độ với Đông Nam Á trong lĩnh vực này.

- Tác động tiêu cực

Một là, Ấn Độ và Mỹ cùng nhau tăng cường và thúc đẩy hợp tác trong khuôn khổ ASEAN đặt ra nhiều thách thức cho khối trong việc xử lý quan hệ với các đối tác đối thoại khác đặc biệt là Trung Quốc. Cả Mỹ, Ấn Độ và Trung Quốc đều đề cao vai trò của ASEAN, muốn sử dụng ASEAN để mở rộng, củng cố ảnh hưởng của mình trong khu vực. Mỹ và Ấn Độ muốn thắt chặt quan hệ với ASEAN để giành ưu thế cạnh tranh ảnh hưởng với Trung Quốc trong khi Trung Quốc không muốn Mỹ can dự nhiều hơn vào các vấn đề của ASEAN, muốn Ấn Độ chỉ duy trì

ảnh hưởng ở khu vực Nam Á. ASEAN sẽ bị đặt vào tình thế khó tiến lui trong quan hệ ba bên hoặc nhiều bên có tính chất đối đầu nhau. Đây thực sự là thách thức không nhỏ đối với ASEAN. Tuy nhiên, ở thời điểm hiện tại, hầu hết các nước ASEAN đều muốn cân bằng quan hệ không muốn mình nghiêng hay phụ thuộc vào hẳn một bên nào.

Hai là, sự can dự của Mỹ, Ấn Độ và các nước lớn khác vào các vấn đề của khu vực đe dọa đến sự đoàn kết, thống nhất trong nội khối ASEAN. Nổi bật là, Mỹ và Ấn Độ muốn tranh thủ ngoại giao đa phương với tổ chức ASEAN để tăng cường tầm ảnh hưởng đồng thời, kiềm chế Trung Quốc. Ngược lại, để bảo vệ lợi ích cốt lõi và thu tóm Đông Nam Á dễ dàng hơn, Trung Quốc tìm cách phân hóa, chia rẽ ASEAN, nhằm “chia để trị” và đẩy Mỹ và Ấn Độ ra khỏi khu vực. Trong tình thế này sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến khối đại đoàn kết trong ASEAN. Vì lợi ích cục bộ, trước mắt, một số nước thành viên ASEAN có thể “đi đêm”, “đi riêng lẻ” với các nước lớn như Mỹ và Trung Quốc. Đây là thách thức không nhỏ đối với ASEAN và khó có thể giải quyết trong thời gian ngắn.

5.1.3.3. Tác động đối với Việt Nam

Việt Nam là thành viên tích cực và có tầm ảnh hưởng trong ASEAN, là quốc gia đang phát triển tại khu vực Đông Nam Á, được dự đoán là “Ngôi sao đang lên, trở thành con hổ mới của châu Á”[180]. Việt Nam có vị trí địa chính trị - kinh tế quốc tế đặc biệt quan trọng và uy tín quốc tế ngày càng lên cao nên Việt Nam được xác định đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, tự do và rộng mở của Mỹ, Sáng kiến Vành đai, Con đường của Trung Quốc, chính sách Hành động hướng Đông của Ấn Độ. Do đó, Việt Nam nhận được cả cơ hội và các thách thức chung trong các tác động của mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ đối với khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương và gần hơn là Đông Nam Á. Bên cạnh đó, quan hệ Mỹ - Ấn Độ hiện nay cũng có những tác động riêng đến Việt Nam ở cả hai chiều tích cực và tiêu cực.

** Quan hệ Mỹ - Ấn Độ được thúc đẩy mang lại cơ hội cho Việt Nam phát triển, từng bước khẳng định vị thế, vai trò ở khu vực và trên trường quốc tế*

Thứ nhất, thúc đẩy đối ngoại đa phương góp phần nâng cao vị thế Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế

Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 1/2021) đã đánh giá về cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín mới của nước ta tạo dựng được từ quá trình hơn 35 năm đổi mới, là nền tảng thuận lợi để Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta hiện thực hóa khát vọng Việt Nam thịnh vượng. Trong đó, đối ngoại đa phương được xác định là một trong những đòn bẩy sắc bén để triển khai đường lối đối ngoại của Việt Nam, góp phần thực hiện một trong các nhiệm vụ đối ngoại quan trọng là nâng cao vị thế quốc tế của đất nước. Từ quan điểm đường lối và chủ trương trên, Việt Nam rất cần môi trường quốc tế thuận lợi và nhiều đối tác lớn thân thiện tạo điều kiện và nguồn lực thúc đẩy đối ngoại đa phương và qua đó khẳng định vị thế khu vực và quốc tế. Trong bối cảnh, quan hệ Mỹ và Ấn Độ ngày càng được vun đắp, xây dựng tốt lên, Việt Nam là được xác định là đối tác quan trọng của hai cường quốc trên hai phương diện song phương và đa phương. Đây là điều kiện thuận lợi cho Việt Nam thúc đẩy chính sách đối ngoại, đa dạng hoá, đa phương hoá, mở rộng, cân bằng quan hệ với các nước lớn trên các lĩnh vực từ chính trị, đối ngoại, kinh tế đến quốc phòng - an ninh.

Thứ hai, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế cho Việt Nam

Việt Nam đang trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nên rất cần nguồn vốn đầu tư và khoa học kỹ thuật phát triển từ các đối tác lớn và tin cậy. Ấn Độ và Mỹ là hai cường quốc đều có vốn đầu tư, khoa học - công nghệ, thị trường lớn, nên tận dụng mọi điều kiện thuận lợi để hợp tác hiệu quả với hai nước này sẽ giúp Việt Nam phát triển thương mại, dịch vụ, đầu tư, tài chính, trở thành điểm đến ưa thích của các nhà đầu tư quốc tế. Đồng thời, quan hệ đối tác phát triển với Mỹ và Ấn Độ sẽ tạo đà cho Việt Nam gia tăng giá trị, sức hút nhất là thu hút nguồn vốn đầu tư và khoa học kỹ thuật từ các nước lớn khác đặc biệt là các đồng minh của Mỹ và các đối tác thân thiện của Ấn Độ trong khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương để phát triển kinh tế sản xuất và mở rộng thị trường cho Việt Nam.

Thứ ba, mở ra cơ hội cho Việt Nam góp phần tạo dựng môi trường khu vực hoà bình, ổn định cùng phát triển thịnh vượng, tạo điều kiện thúc đẩy để thực hiện mục tiêu

“bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa” bằng ngoại giao, trong đó có đối ngoại quốc phòng.

Về tạo dựng và duy trì môi trường khu vực hoà bình ổn định: Một trong các trọng tâm thúc đẩy hợp tác chiến lược Mỹ - Ấn Độ là nhằm đối phó với những thách thức đang nổi lên ở khu vực, trong đó có bảo đảm an ninh và tự do hàng hải, hàng không ở Biển Đông. Đây là vùng biển mà Việt nam có địa phận, đặc quyền, đặc lợi quan trọng để phát triển kinh tế nên rất cần được đảm bảo an ninh. Để nhận được sự đồng thuận từ các nước ở khu vực nói chung và Việt Nam nói riêng, Mỹ và Ấn Độ sẽ cần phải tỏ rõ thiện chí, thể hiện quan điểm tích cực vì nền hòa bình, an ninh và thịnh vượng của khu vực, gia tăng lòng tin chiến lược, giảm bớt các bất đồng trong xử lý quan hệ với từng nước ở khu vực. Điều này rất phù hợp với chủ trương, đường lối, quan điểm của Việt Nam về hợp tác quốc tế là mong muốn duy trì, củng cố nền hòa bình, an ninh ở khu vực trên đất liền và trên biển, mở rộng và tạo môi trường thuận lợi cho các nước khu vực cùng phát triển, thịnh vượng.

Về an ninh – quốc phòng của Việt nam: Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định vị trí, vai trò của an ninh - quốc phòng: *“Củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị và toàn dân”*[55; tr.156] và nhiệm vụ của quốc phòng, an ninh: *“Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, an ninh con người; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa”*; đồng thời, *“có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa. nỗ lực phấn đấu để ngăn ngừa xung đột, chiến tranh và giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, phù hợp với luật pháp quốc tế. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển”*[57; tr.156-156].

Đặt trong bối cảnh quan hệ Mỹ - Ấn Độ và môi trường quan trọng các vấn đề khu vực đang hiện hữu với Trung Quốc, cho thấy: Quan hệ Mỹ, Ấn Độ và các nước thân cận trong khuôn khổ của “Bộ tứ” đang dành ưu tiên gia tăng hợp tác quốc phòng - quân sự với khu vực ASEAN, trong đó có Việt Nam và giảm bớt ảnh

hưởng của Trung Quốc. Khi quan hệ hợp tác Mỹ - Ấn Độ được tăng cường, Mỹ sẽ có điều kiện thuận lợi để áp sát Trung Quốc, dần khép kín vòng bao vây, kiềm chế Trung Quốc trên hướng biên giới Trung - Ấn và biển Đông. Điều này góp phần răn đe đối với Trung Quốc và giảm bớt áp lực cho Việt Nam khi liên tục phải đón nhận những hành động gây hấn trên biển Đông từ Trung Quốc. Thực tế này khiến Trung Quốc sẽ buộc phải tính toán thận trọng, có thể điều chỉnh hành động theo hướng gia tăng quan hệ hữu hảo với Việt Nam nhằm ngăn chặn từ sớm nguy cơ Mỹ trực tiếp và thông qua Ấn Độ (vốn duy trì được mối quan hệ truyền thống hữu hảo với Việt Nam) để tiếp cận, thúc đẩy, mở rộng quan hệ hợp tác với Việt Nam trên các lĩnh vực nhất là an ninh – quốc phòng. Hơn nữa, trong giải quyết vấn đề Biển Đông với Việt Nam và các nước ASEAN, Trung Quốc cũng sẽ phải cân nhắc cẩn trọng hơn, tính toán kỹ càng hơn trước mỗi hành động nhằm không để cho Mỹ, Ấn Độ và đồng minh có cơ gia tăng can dự, quốc tế hóa vấn đề Biển Đông, cũng như không để Việt Nam buộc phải chọn bên - quay sang Mỹ để tìm kiếm sự ủng hộ, hỗ trợ nhằm bảo vệ chủ quyền biển đảo và lợi ích cốt lõi của quốc gia - dân tộc. Mặt khác, khi quan hệ hợp tác quốc phòng - quân sự Mỹ - Ấn Độ và các bên liên quan được phát triển, nhiều cơ chế, diễn đàn sẽ được mở ra để tạo điều kiện trao đổi, đàm phán, thống nhất cách thức xử lý, dàn xếp các vấn đề nảy sinh. Đây sẽ là cơ hội công khai để Việt Nam thể hiện và phát huy được tối đa ngoại giao “cây tre Việt Nam” trong bảo vệ lợi ích quốc gia, trong đó có vấn đề Biển Đông và sông Mekong.

Như vậy, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam từ sớm, từ xa được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng và Nhân dân Việt Nam. Trong bối cảnh, tình hình khu vực hợp tác đang xen cạnh tranh, Việt Nam cần phải nhận diện và nắm bắt cơ hội, hoá giải nguy cơ mới có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ này. Để thực hiện tốt nhiệm vụ trên công tác đối ngoại nói chung cần kết hợp chặt chẽ với quốc phòng, an ninh, giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân, tạo thế chân kiềng vững chắc, kiên quyết, kiên trì bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, chủ động phòng ngừa và hóa giải các nguy cơ an ninh thông qua thúc đẩy đối thoại, xây dựng lòng tin, ngoại giao phòng ngừa và thượng tôn pháp luật.

*** Quan hệ Mỹ - Ấn Độ cũng khiến Việt Nam đối diện với một số thách thức*

Bên cạnh những thách thức chung từ khu vực, quan hệ Mỹ - Ấn Độ được thúc đẩy mạnh đặt Việt Nam vào thế tiến thoái lưỡng nan trong quan hệ quốc tế, và nhiều trở ngại được đặt ra cho Việt Nam nhất là về chiến lược cân bằng nước lớn.

Trung Quốc là một trong những nhân tố quan trọng thúc đẩy quan hệ Mỹ - Ấn Độ ngày càng mạnh lên. Nói cách khác, mục tiêu chính khiến Mỹ và Ấn Độ tăng cường hợp tác chính là để đối phó với Trung Quốc để bảo vệ lợi ích của mình trong khu vực. Mặt trận cạnh tranh lớn nhất của Mỹ, Trung Quốc và Ấn Độ là tranh giành vị thế vượt trội trong khu vực và lợi ích thương mại hàng hải trên Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương bao la. Việt Nam với vị trí địa chính trị - an ninh và các nguồn lực nội sinh hiện có rất phù hợp cho các nước lớn tăng cường hợp tác để đạt được mục tiêu lớn này. Đây vừa là điều kiện tốt nhưng cũng là điểm nghẽn khiến Việt Nam gặp khó trong quan hệ với các đối tác quan trọng là Ấn Độ, Trung Quốc và Mỹ khi các nước này đang có quan hệ đối đầu nhau. Cụ thể là:

Thứ nhất, sức ép từ quan hệ với Mỹ và Ấn Độ sẽ làm ảnh hưởng đến quan hệ Việt Nam và Trung Quốc

Việt Nam và Trung Quốc có quan hệ lịch sử và gắn bó đã hơn 70 năm (18/01/1950 – 18/01/2022). Từ khi bình thường hóa năm 1991, hai nước liên tục thúc đẩy quan hệ phát triển sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực theo phương châm “*láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai*” (năm 1999) và tinh thần “*láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt*” (năm 2005). Năm 2008, hai bên nhất trí thiết lập khuôn khổ quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Trung Quốc, khung hợp tác cao nhất, nội hàm sâu rộng nhất trong quan hệ của Việt Nam với các nước trên thế giới. Trung Quốc cũng là quốc gia đầu tiên cùng Việt Nam xây dựng khuôn khổ hợp tác này. Về kinh tế, Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam, là thị trường nhập khẩu lớn nhất và thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của Việt Nam, trong khi Việt Nam là đối tác thương mại lớn nhất của Trung Quốc trong ASEAN, đối tác thương mại lớn thứ tám, thị trường xuất khẩu lớn thứ năm và là thị trường nhập khẩu lớn thứ 9 của Trung Quốc trên thế giới [194]. Như vậy, Trung

Quốc không chỉ là láng giềng “núi liền núi, sông liền sông” và là đối tác cực kỳ quan trọng của Việt Nam trên tất cả các bình diện.

Trong quan hệ với Mỹ và Ấn Độ trên cả hai phương diện song phương và đa phương, các cơ hội hợp tác với hai đối tác này của Việt Nam càng nhiều, càng lớn thì Việt Nam sẽ có thêm sự lựa chọn tối ưu hơn. Điều đó cũng có nghĩa các cơ hội từ Trung Quốc không phải là duy nhất, cũng chưa chắc là tốt nhất. Tuy nhiên, điều này cũng tác động làm giảm mối quan hệ thân thiết trong quan hệ hợp tác Việt Nam - Trung Quốc. Nếu các cơ chế hợp tác phát triển nhất là kinh tế, thương mại, đầu tư, tài chính không được duy trì đều đặn thường xuyên từ Mỹ hoặc Ấn Độ hoặc cả hai thì sẽ rất bất lợi cho Việt Nam khi phải điều chỉnh lại quan hệ hợp tác với Trung Quốc để lấp khoảng trống nếu có. Và dù trong cả hai trường hợp trên thì chắc chắn phía Trung Quốc không mấy hài lòng khi Việt Nam lựa chọn một trong hai đối thủ thay vì mình. Điều này, sẽ phương hại đến quan hệ chính trị - ngoại giao và hợp tác kinh tế giữa hai nước láng giềng thân thiết Việt – Trung.

Hai là, Việt Nam gặp thách thức trong đấu tranh, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và xây dựng thế trận quốc phòng, an ninh

Trong quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam – Trung Quốc, hai nước còn tồn tại một số bất đồng và nhận thức khác nhau về việc duy trì hòa bình, ổn định ở Biển Đông. Đối với những vấn đề này, Việt Nam bày tỏ quan điểm kiên quyết bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình, mặt khác kiên trì thông qua đối thoại để giải quyết bất đồng trên cơ sở quan hệ hữu nghị giữa hai nước, tôn trọng quyền và lợi ích chính đáng của nhau, phù hợp luật pháp quốc tế, nhất là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) ký giữa ASEAN và Trung Quốc.

Biển Đông cũng chính là địa bàn cạnh tranh tầm ảnh hưởng gay gắt nhất của Mỹ, Ấn Độ và Trung Quốc. Ở góc độ này, quan hệ chính trị - an ninh – quốc phòng Mỹ - Ấn nhằm mục tiêu chính là kiềm chế Trung Quốc ở khu vực. Việt Nam là ưu tiên hàng đầu mà hai nước sẽ tìm mọi cách lôi kéo để đạt được mục đích này. Do đó, cả Ấn Độ và Mỹ sẽ triển khai các biện pháp, dưới nhiều hình thức, ở nhiều cấp

độ nhằm thuyết phục, lôi kéo, thậm chí là gây sức ép, buộc Việt Nam phải tham gia hoặc ít nhất là thể hiện sự ủng hộ. Đáp lại, Trung Quốc cũng tăng cường thực hiện các hành động tương tự để bảo vệ lợi ích của mình, răn đe Việt Nam. Những động thái tăng cường quan hệ quốc phòng - an ninh của Việt Nam với các nước đồng minh của Mỹ, như Australia, Nhật Bản... đều có thể khiến Trung Quốc nghi ngờ Việt Nam đang phối hợp với đồng minh của Mỹ để “bài Trung”, thậm chí có thể tham gia liên minh chống Trung Quốc, từ đó lấy cơ để gây khó cho Việt Nam. Ngược lại, Việt Nam cũng không thể do lo ngại phản ứng của Trung Quốc mà bỏ qua cơ hội mở rộng quan hệ hợp tác với bên ngoài, nhằm phát huy sức mạnh thời đại, cả nội lực lẫn ngoại lực, trong việc bảo vệ chủ quyền và phát triển đất nước. Điều này đặt ra thách thức cho Việt Nam trong cân bằng quan hệ, hài hòa lợi ích giữa các nước lớn, nhất là giữa Mỹ và Trung Quốc theo hướng vừa có thể bảo vệ đất nước, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, vừa khai thác các thế mạnh của các nước này để duy trì, phát triển quan hệ đối ngoại tốt đẹp bảo đảm lợi ích cao nhất cho quốc gia, dân tộc và phát triển đất nước thịnh vượng.

5.2 Dự báo xu hướng quan hệ Mỹ - Ấn Độ đến năm 2030

5.2.1 Cơ sở dự báo

Từ nay đến năm 2030, tình hình thế giới, khu vực sẽ có những biến động mới, nhanh chóng và khó lường. Tình hình nội tại Mỹ và Ấn Độ cũng sẽ có những thay đổi từ chính quyền đến sức mạnh nội tại quốc gia. Tất cả những yếu tố này sẽ tác động lớn đến quan hệ Mỹ - Ấn Độ ở các cấp độ khác nhau:

Ở cấp độ toàn cầu, cục diện thế giới sẽ tiếp tục biến động phức tạp. Trung Quốc, Nga tiếp tục trỗi dậy mạnh mẽ trong khi Mỹ, Nhật Bản và Liên minh Châu Âu - EU đang biểu hiện chững lại và thậm chí là suy yếu. Dù Mỹ vẫn đang duy trì được vị trí siêu cường số 1 thế giới nhưng sức mạnh tổng hợp quốc gia vẫn đang có những biểu hiện suy yếu nhất là bất ổn chính trị nội bộ. Do đó, Mỹ đã, đang và sẽ buộc phải điều chỉnh theo hướng chấp nhận chia sẻ lợi ích với các nước lớn khác dù muốn hay không. Cùng với đó, các nước lớn như Nga, Ấn Độ, Nhật Bản, nhất là Trung Quốc sẽ không ngừng tăng cường sức mạnh nội lực trên nhiều mặt trận khác

nhau, điều chỉnh chính sách theo hướng “quyết đoán” hơn để khẳng định ưu thế cạnh tranh trong khu vực và quốc tế. Bối cảnh này sẽ làm thay đổi tương quan sức mạnh, tầm ảnh hưởng của các quốc gia trong “cuộc đua” trở thành siêu cường trên thế giới. Cục diện “nhất siêu”, “đa cường” với sức mạnh vượt trội của Mỹ khó bị quốc gia khác thách thức có thể sẽ có sự chuyển biến. Thay vào đó, trật tự thế giới có thể chuyển từ trạng thái “nhất siêu” (Mỹ), “đa cường” sang cục diện “hai siêu” (Mỹ và Trung Quốc), “đa cường”, “đa trung tâm”. Trong bối cảnh đó, quan hệ giữa các nước lớn sẽ có nhiều thay đổi, ranh giới giữa hợp tác và cạnh tranh khó phân định hơn hoặc thậm chí là các quốc gia có xu thế thỏa hiệp nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia và vị thế của nước lớn của mình.

Trong trật tự thế giới mới đang hình thành, cạnh tranh giữa các nước lớn - những chủ thể chi phối chính vẫn tiếp tục gia tăng có thể còn căng thẳng hơn, trong đó không thể không điểm danh sự cạnh tranh và hợp tác giữa Mỹ, Nga, Trung Quốc và Ấn Độ. Các nước sẽ tiếp tục điều chỉnh thậm chí hành động quyết liệt hơn nhằm tối ưu hóa lợi ích quốc gia và ưu thế tham gia xây dựng luật chơi trong trật tự thế giới mới. Mỹ là siêu cường duy nhất đang tại vị, ra sức bảo vệ trật tự thế giới do mình chi phối, lãnh đạo; Trung Quốc sẽ quyết liệt để hiện thực hoá Giác mộng Trung Hoa”; Nga khao khát “trở lại vĩ đại” như xưa và Ấn Độ sẽ tiếp tục vươn lên mạnh mẽ để khẳng định vị trí tối ưu nhất trên toàn cầu. Trong quan hệ cạnh tranh này, cuộc đối đầu Mỹ - Trung vẫn sẽ là gay gắt, quyết liệt nhất. Hiện nay, cạnh tranh Mỹ - Trung không chỉ giới hạn ở lĩnh vực thương mại, khoa học - công nghệ, mà đã chuyển sang hầu hết các lĩnh vực, như: Truyền thông, dân chủ - nhân quyền, trách nhiệm, vai trò quốc tế và quốc phòng - quân sự..... Xu hướng cạnh tranh Mỹ - Trung sẽ còn kéo dài và Ấn Độ đang là quốc gia mà Mỹ lôi kéo để đối phó với Trung Quốc; đồng thời Trung Quốc cũng không dấu diếm quan điểm thân Nga. Trong hiện tại và tương lai gần, cặp quan hệ đối Mỹ và Ấn với Trung và Nga sẽ tiếp tục có những biến động khôn lường, tác động đến cục diện thế giới đang hình thành.

Ở cấp độ khu vực, Ấn Độ Dương – Bình Dương vẫn sẽ tiếp tục là đại bàn cạnh tranh ảnh hưởng lớn nhất toàn cầu. Thế kỷ XXI được gọi là thế kỷ của biển, mọi quốc

gia muốn phát triển mạnh đều phải hướng ra biển, do đó, Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương giai đoạn 2022 - 2030 sẽ tiếp tục khẳng định vai trò là động lực của tăng trưởng, liên kết kinh tế toàn cầu, trở thành một trung tâm quyền lực mới của thế giới. Với sự trỗi dậy ngày càng mạnh mẽ của Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc và sự khẳng định vai trò trung tâm ngày càng rõ rệt của ASEAN sẽ khiến cho khu vực này sẽ tiếp tục thu hút sự quan tâm của các nước lớn, các tổ chức quốc tế.

Theo đó, Mỹ cùng các đồng minh và Ấn Độ sẽ đẩy mạnh triển khai Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương Tự do và Rộng mở, gia tăng sự hiện diện quân sự ở khu vực, thúc đẩy hình thành liên minh do Mỹ lãnh đạo để ngăn chặn, kiềm chế Trung Quốc. Ấn Độ đẩy mạnh triển khai Chính sách Hành động hướng Đông, mở rộng quan hệ với các nước, nhất là ASEAN và từng nước Đông Nam Á, thực hiện ngăn chặn từ xa ảnh hưởng của Trung Quốc ở Nam Á và châu Á - Ấn Độ Dương. Trung Quốc cũng sẽ thúc đẩy thực hiện Sáng kiến Vành đai và Con đường để lôi kéo các nước tham gia và thắt chặt quan hệ thông qua chia sẻ lợi ích. Mặt khác, Trung Quốc cũng sẽ hành động quyết liệt thông qua việc chủ động tham gia vào quá trình cải cách quản trị toàn cầu và gia tăng khẳng định chủ quyền ở Biển Đông để giành giật ảnh hưởng với các nước lớn khác ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Các vấn đề an ninh phức tạp mới trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương sẽ tiếp tục gia tăng nhất là các điểm nóng an ninh khu vực có nguy cơ bùng phát thành các cuộc khủng hoảng phức tạp. Hiện nay, khu vực này đang tồn tại rất nhiều điểm nóng chính trị điển hình như vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, vấn đề chủ quyền tại eo biển Đài Loan, tranh chấp trên biển Hoa Đông, Biển Đông, tranh chấp lãnh thổ Trung - Ấn, vấn đề chính quyền mới Taliban tại Afghanistan, Sri Lanka, và Lào vỡ nợ Trung Quốc hay chính sự Myanmar Trong đó, việc Đài Loan đẩy mạnh xu hướng đòi độc lập với sự hỗ trợ ngầm của Mỹ có nguy cơ dẫn đến xung đột giữa hai bờ eo biển. Vấn đề này gần đây càng trở nên căng thẳng hơn sau chuyến thăm Đài Loan của Chủ tịch Hạ viện Mỹ Nancy Pelosi. Bà Pelosi là nhân vật xếp thứ hai trong hệ thống chính trị Mỹ, (sau phó tổng thống) và có khả năng thay thế tổng thống nếu tổng thống không làm hết nhiệm kỳ. Trung Quốc đại

lục xem hành động này của Mỹ là một động thái khiêu khích ngoại giao vì nước này coi Đài Loan là một phần lãnh thổ không thể tách rời. Bắc Kinh đã có những phản ứng trên cả truyền thông và quân sự để thể hiện quan điểm của mình trong đó có việc yêu cầu cộng đồng quốc tế phải tôn trọng chính sách “một Trung Quốc” này.

Vấn đề hạt nhân và quan hệ giữa hai miền Triều Tiên cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ xung đột. Vấn đề hạt nhân của Triều Tiên từ khi cuộc khủng hoảng hạt nhân đầu tiên diễn ra vào năm 1993 đến nay đã và đang trở thành một trong những thách thức an ninh nan giải đối với khu vực và toàn cầu. Năng lực hạt nhân của nước này ngày càng đạt được nhiều bước tiến và điều này ngày càng tác động đến lợi ích của các bên liên quan theo những chiều hướng hoàn toàn khác nhau. Đối với khu vực Đông Á, trước hết là Trung Quốc với đường biên giới giữa hai nước dài hơn 1.300km với Triều Tiên. Bất kỳ một sự hỗn loạn nào xảy ra ở Triều Tiên đều có thể ảnh hưởng đến an ninh của Trung Quốc, duy trì sự ổn định trên bán đảo Triều Tiên có ý nghĩa chiến lược về an ninh đối với nước này. Năng lực hạt nhân của Triều Tiên có thể sẽ là nhân tố phá vỡ cục diện hạt nhân hiện tại, khiến các nước trong khu vực là Hàn Quốc và Nhật Bản cũng tìm cách bảo đảm an ninh thông qua con đường phát triển vũ khí hạt nhân. “Hiệu ứng domino” này nếu xảy ra sẽ đi ngược lại với chiến lược hạt nhân của Mỹ kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, ảnh hưởng đến khả năng răn đe và kiểm soát của Mỹ đối với an ninh khu vực và thế giới.

Bên cạnh đó, vấn đề tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển đảo sẽ diễn biến phức tạp hơn. Với những mâu thuẫn, tranh chấp lãnh thổ vốn có giữa các nước, như tranh chấp biên giới giữa Ấn Độ với Trung Quốc năm 2017 và năm 2020, giữa Trung Quốc với Nhật Bản trên biển Hoa Đông và Trung Quốc với một số các nước ASEAN ở Biển Đông xảy ra nhiều lần trong các năm qua, thì sự hiện diện và giành giật lợi ích giữa các nước lớn trở thành ngòi nổ làm bùng phát vấn đề tranh chấp chủ quyền lãnh thổ ở khu vực. Trong cục diện này, các nước chia phe, thay đổi chiến lược, thúc đẩy hành động mạnh mẽ hơn để đạt mục tiêu. Từ đó, dẫn đến nguy cơ va chạm, xung đột giữa các nước, đe dọa đến sự ổn định, hòa bình và phát triển của khu vực.

Ở cấp độ liên quốc gia

- Về quan hệ chính trị - ngoại giao: Trong thời gian tới, Chính sách Hành động hướng Đông của Thủ tướng Ấn Độ Modi sẽ có xu hướng kết nối chặt chẽ với Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương Tự do và Rộng mở trên cơ sở lợi ích của mỗi nước. Theo đó, hai nước sẽ tiếp tục duy trì, tăng cường các chuyến thăm cấp cao và các cấp, đối thoại chiến lược, nhất là giữa Bộ trưởng Ngoại giao và Bộ trưởng Quốc phòng. Quan hệ Đối tác Toàn cầu Toàn diện Mỹ - Ấn Độ tiếp tục được củng cố và phát triển, nhưng khả năng hình thành quan hệ liên minh chiến lược mới khó có thể xảy ra. Bởi vì, Ấn Độ vẫn sẽ duy trì đường lối đối ngoại độc lập, không muốn trở thành công cụ để Mỹ sử dụng kiềm chế Trung Quốc. Mặc dù quan hệ Ấn - Trung có nhiều tồn tại liên quan đến mâu thuẫn tranh chấp chủ quyền biên giới trên bộ, nhưng hợp tác thương mại và đầu tư vẫn là trụ cột trong quan hệ Đối tác chiến lược Ấn - Trung. Hiện Trung Quốc tiếp tục là đối tác thương mại lớn nhất của Ấn Độ. Trong khi đó, quan hệ Mỹ - Ấn Độ vẫn tồn tại một số thách thức chưa thể giải quyết, nhất là niềm tin chưa thực cao, hai nước chưa xác định được lợi ích cốt lõi, Ấn Độ còn cảnh giác trước ý đồ chiến lược của Mỹ ở Nam Á, thể hiện quan ngại trước việc Mỹ viện trợ quân sự cho Pakistan.

- Về quan hệ kinh tế: Hợp tác thương mại và đầu tư sẽ tiếp tục được thúc đẩy mạnh mẽ, là một trong những trụ cột chính trong quan hệ Đối tác Toàn cầu Toàn diện Mỹ - Ấn Độ. Hai nước sẽ tăng cường đối thoại nhằm giải quyết các bất đồng thương mại, đầu tư, dịch vụ nhất là vấn đề thuế và thị thực nhằm hiện thực hóa mục tiêu trao đổi thương mại song phương đã đặt ra.

- Về an ninh - quốc phòng: Trên cơ sở Hiệp định khung về hợp tác quốc phòng 2015 - 2025, quan hệ hợp tác quốc phòng - an ninh Mỹ - Ấn Độ tiếp tục được thúc đẩy trên các lĩnh vực, nhất là triển khai thực hiện các hợp đồng mua bán vũ khí trang bị và hợp tác công nghiệp quốc phòng, diễn tập quân sự. Mỹ sẽ tiếp tục giúp Ấn Độ nâng cao năng lực tác chiến cho lực lượng hải quân, cho phép Ấn Độ tiếp cận bình đẳng các sản phẩm quân sự công nghệ cao của Mỹ như các nước đồng minh NATO, thúc đẩy các cơ chế hợp tác an ninh tại khu vực, trong đó có sự tham gia của Ấn Độ...

Tuy nhiên, hai bên vẫn sẽ tồn tại những điểm khác biệt trong tầm nhìn chiến lược và mục tiêu cốt lõi. Trong khi Mỹ luôn coi Đông Á đứng đầu trong thứ tự ưu tiên chiến lược và đánh giá Iran không phải là một nhân tố quan trọng ảnh hưởng tới an ninh khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, thì Ấn Độ lại ưu tiên khu vực Nam Á/Ấn Độ Dương và Nam Thái Bình Dương và thừa nhận vai trò ảnh hưởng của Iran tại khu vực. Hai bên tồn tại sự khác biệt trong xây dựng kết cấu thể chế khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Đặc biệt quan trọng là, sự không thống nhất trong một số vấn đề chiến lược cũng như chênh lệch năng lực quân sự giữa Ấn Độ và Mỹ tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương sẽ tác động, ảnh hưởng đến hợp tác Mỹ - Ấn Độ. Mỹ luôn ủng hộ, khuyến khích Ấn Độ đóng một vai trò quân sự lớn hơn tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Tuy nhiên, Ấn Độ với năng lực quân sự chưa thật sự mạnh, tỏ ra thận trọng trong việc thách thức “lợi ích cốt lõi” của Trung Quốc, đặc biệt là ở Biển Đông. Bởi vì, Ấn Độ nhận thức rằng, lợi ích của Ấn Độ khác với lợi ích của Mỹ hay Nhật Bản trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương; Ấn Độ tập trung vào thúc đẩy hòa bình, kết nối khu vực nhằm phát triển nền kinh tế, trong khi Mỹ, Nhật Bản và Australia lại nhấn mạnh vào “trật tự dựa trên luật pháp”. Do đó, Ấn Độ chủ trương tránh nguy cơ trở thành công cụ của Mỹ nhằm chống lại Trung Quốc. Theo đó, Ấn Độ khó mà sẵn sàng đáp ứng tất cả những biện pháp kiềm chế Trung Quốc trong Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương Tự do và Rộng mở” do Mỹ dẫn dắt.

Ở cấp độ quốc gia: Đối với Mỹ, chính quyền Mỹ vẫn triển khai nhiều chính sách đối ngoại để lấy lại hình ảnh siêu cường số 1 trong đó mục tiêu chính vẫn là ngăn chặn, kiềm chế Trung Quốc, cạnh tranh với Nga và tăng cường ảnh hưởng ở khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương. Để thực hiện mục tiêu này, Mỹ vẫn xác định Ấn Độ có vai trò then chốt. Do đó, dù người của đảng nào ở Mỹ lên làm Tổng thì Mỹ vẫn cần Ấn Độ và đều coi trọng việc thúc đẩy quan hệ với Ấn Độ.

Đối với Ấn Độ, nhằm thúc đẩy lợi ích quốc gia, khẳng định vai trò và vị thế cường quốc khu vực và thế giới, thời gian tới chính phủ Ấn Độ tiếp tục triển khai chính sách ngoại giao đa phương, thực dụng, cân bằng nước lớn. Ấn Độ sẽ tận dụng

sự ủng hộ của Mỹ để nâng cao vị thế của mình trên trường quốc tế, khôi phục kinh tế sau đại dịch Covid - 19 và phát triển kinh tế, nâng cao tiềm lực quốc phòng an ninh, đồng thời sử dụng mối quan hệ với Mỹ để mặc cả với Nga và Trung Quốc.

5.2.2 Một số kịch bản có thể xảy ra cho quan hệ Mỹ - Ấn Độ

Dự báo đến năm 2030, quan hệ Mỹ - Ấn Độ sẽ vận động, phát triển theo một trong ba kịch bản sau đây:

5.2.2.1 Kịch bản thứ nhất: Quan hệ Mỹ - Ấn Độ ngày càng phát triển

Kịch bản này sẽ xảy ra khi cả Ấn Độ và Mỹ có sự ổn định nội bộ trong nước, Đảng BJP của Thủ tướng Modi giành thế áp đảo trong cuộc Tổng tuyển cử 2024 nhờ thành tích phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid và giành nhiều thắng lợi trong chính sách đối ngoại trên thế giới và khu vực. Trong khi đó, tại Mỹ, Đảng mới lên cầm quyền tiếp tục theo đuổi Chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở” trong đó ưu tiên thúc đẩy quan hệ với Ấn Độ theo hướng thực chất hơn, chú trọng nâng cao vai trò của Ấn Độ trong “Bộ tứ” và trong các sáng kiến khu vực, coi trọng ASEAN. Ở kịch bản này, các mối đe dọa phi truyền thống tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương phát triển mạnh đòi hỏi một lực lượng hải quân đủ mạnh để bảo vệ tuyến đường vận tải trên biển. Trong bối cảnh đó, Ấn Độ được Mỹ xác định và ủng hộ đóng vai trò quan trọng trong các thể chế an ninh khu vực. Chắc chắn hợp tác Mỹ - Ấn Độ sẽ được đẩy mạnh trên tất cả các lĩnh vực.

Cũng trong kịch bản này, Trung Quốc phải đối mặt với một loạt các thách thức nghiêm trọng như tình trạng dân số già, xuống cấp về môi trường, khát tài nguyên, thất bại trong Chiến lược Zero Covid, nền kinh tế bị ảnh hưởng nghiêm trọng, phân hóa giàu nghèo, tình hình chính trị nội bộ Trung Quốc có nhiều bất ổn, Đài Loan, Hồng Kông, Tây Tạng, Tân Cương xuất hiện các phong trào ly khai, môi trường. Để đánh lạc hướng dư luận tạo thuận lợi xử lý vấn đề trong nước, Trung Quốc sử dụng sức mạnh quân sự gây xung đột quy mô nhỏ tại khu vực đường kiểm soát thực tế giữa Ấn Độ và Trung Quốc và Biển Đông. Các hành động của Trung Quốc đe dọa đến lợi ích của Ấn Độ, Mỹ và các đồng minh của Mỹ. Điều này thôi thúc hai nước xích lại gần nhau để đối phó với Trung Quốc. Để lôi kéo Ấn Độ tham

gia vào chiến lược bao vây, chống Trung Quốc, Mỹ giành cho Ấn Độ nhiều ưu ái như mở cửa cho hàng hoá của Ấn Độ và Mỹ, cấp visa-H1B cho lao động phổ thông Ấn Độ. Mặt khác, trong lúc, Trung Quốc đang gặp khó khăn, Ấn Độ hợp tác với Mỹ, Nhật Bản, châu Âu, Australia để can dự các dự án BRI của Trung Quốc tại Nam Á và Đông Nam Á.

Ở bối cảnh khác, Nga tiếp tục sa lầy trong cuộc chiến tại Ukraine, nền kinh tế gặp khó do bị Mỹ và phương Tây cấm vận và trừng phạt. Để đối phó với khó khăn này, Nga bán nhiều vũ khí trang bị hiện đại cho Trung Quốc. Trong khi đó, do gặp khó khăn khi tiếp cận nguồn dầu khí và vũ khí, trang bị và công nghệ quân sự của Nga, buộc Ấn Độ phải chuyển hướng sang Mỹ và phương Tây. Sự hợp tác về công nghệ quốc phòng sẽ làm cho quan hệ hai nước gắn bó với nhau hơn. Với các hiệp định quan trọng đã ký kết, Ấn Độ và Mỹ cho phép quân đội hai nước sử dụng căn cứ quân sự của nhau để phối hợp các nỗ lực quân sự chung đối phó với Trung Quốc cả ở Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương.

Khu vực Trung Đông, đồng minh của Mỹ gặp khó trong việc đối phó với các nhóm khủng bố thân Iran. Để ổn định Trung Đông, Chính phủ cầm quyền tại Mỹ buộc thay đổi lập trường muốn bình thường hoá với Iran giống như Tổng thống Trump đã từng làm với Bắc Triều Tiên. Trong bối cảnh đó, Ấn Độ được Mỹ nhìn nhận là quốc gia có thể giúp Mỹ tiếp cận Iran, làm trung gian hoà giải quan hệ hai nước. Trong bối cảnh đó, quan hệ Ấn-Mỹ sẽ được đẩy mạnh, vai trò của Ấn Độ sẽ tăng thêm, thậm chí hơn các đồng minh khu vực của Mỹ.

Đông Nam Á sẽ là khu vực Ấn Độ và Mỹ sẽ đẩy mạnh hợp tác, chương trình nghị sự của ASEAN sẽ bị Ấn Độ, Mỹ và các đồng minh thân cận Mỹ chi phối hướng lái theo hướng loại bỏ ảnh hưởng của Trung Quốc, Nga ra khỏi khu vực. Lúc này, vai trò của ASEAN bị suy yếu, nội bộ ASEAN bị chia rẽ sâu sắc ảnh hưởng không nhỏ đến an ninh của Việt Nam. Trong khi đó, tình hình Biển Đông sẽ diễn biến phức tạp, Ấn Độ và Mỹ sẽ nhân cơ hội này để lôi kéo các nước có tranh chấp với Trung Quốc tại Biển Đông vào vòng ảnh hưởng của Mỹ và Ấn Độ, đồng thời làm cho Trung Quốc lún sâu vào xung đột khu vực, tiến tới bị cô lập giống như Nga tại Ukraine.

5.2.2.2 Kịch bản thứ hai: Quan hệ Mỹ - Ấn Độ theo chiều hướng đi xuống

Kịch bản này ngược lại với kịch bản 1 và xảy ra khi cả Ấn Độ và Mỹ thay đổi chính phủ trong cuộc Tổng tuyển cử tại Ấn Độ năm và bầu cử Tổng thống tại Mỹ năm 2024. Tại Ấn Độ, Đảng Quốc Đại I lên cầm quyền điều chỉnh chính sách đối ngoại tập trung đẩy mạnh xu hướng không liên kết, khôi phục lại quan hệ với các đối tác truyền thống như Nga và các nước thuộc Phong trào Không liên kết. Trong khi đó, Đảng Cộng hoà lên cầm quyền tại Mỹ, tiếp tục theo đuổi chính sách “nước Mỹ trên hết” của Tổng thống Donald Trump gây ra một số xung đột lợi ích với Ấn Độ nhất là trong lĩnh vực thương mại, đầu tư. Mỹ tiếp tục thực hiện các chính sách cứng rắn với Nga, Trung Quốc và Iran, sẵn sàng trừng phạt các nước có quan hệ làm ăn với các nước trên. Điều này gây cản trở quan hệ Mỹ - Ấn Độ, làm cho quan hệ hai nước xấu đi.

Trong kịch bản này, Trung Quốc thành công với Chiến lược Zero Covid và trở thành đầu tàu thúc đẩy kinh tế khu vực tăng trưởng. Trong khi đó, vai trò của Mỹ tại khu vực tiếp tục suy giảm, đồng minh khu vực như Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, Thái Lan, Philippines mâu thuẫn với chính sách “nước Mỹ trên hết” của Mỹ, buộc phải điều chỉnh chính sách cải thiện quan hệ với Trung Quốc. Mặt khác, Nga thành công trong cuộc chiến Ukraine, dần lấy lại vị thế cường quốc, buộc phương Tây phải xem xét lại quan hệ với Nga. Trong bối cảnh đó, chính quyền Ấn Độ thay vì hợp tác với Mỹ để đối phó với Trung Quốc, chủ động cải thiện quan hệ với Trung Quốc, tiếp tục tham gia Tổ chức Hợp tác Thượng Hải, tăng cường hợp tác với Nhóm BRICS, vấn đề biến đổi khí hậu, hợp tác tái thiết Afghanistan. Lúc đó, quan hệ Ấn -Trung được cải thiện theo xu hướng vừa hợp tác vừa cạnh tranh, tránh đối đầu. Điều này sẽ làm cho quan hệ Mỹ - Ấn Độ xấu đi, bên cạnh lĩnh vực thương mại đầu tư, hợp tác quốc phòng, an ninh sẽ giảm. Mỹ sẽ viện cớ nhiều lý do để dừng các chương trình hợp tác vũ khí công nghệ cao với Ấn Độ.

Cũng trong kịch bản này, Chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở” của Mỹ không tạo ra cơ chế hợp tác hiệu quả, trong khi đó Sáng kiến “Vành đai, Con đường” được thúc đẩy mạnh mẽ cả Đông Nam Á và Nam Á. Tuy

vậy, để mặc cả với Trung Quốc trong các vấn đề liên quan đến Trung Quốc tại Ấn Độ Dương và Nam Á, Ấn Độ sẽ hợp tác với Nhật Bản, Australia và Mỹ làm đối trọng với Trung Quốc, không để Trung Quốc khống chế hai khu vực quan trọng này. Sáng kiến “Hành lang tăng trưởng Á - Phi” do Ấn Độ và Nhật Bản khởi xướng trước đây sẽ được đẩy mạnh để cạnh tranh và đối phó với BRI của Trung Quốc tại Nam Á và Đông Nam Á. Vấn đề Biển Đông, sông Mekong sẽ là chương trình nghị sự được “Bộ tứ” quan tâm nhất và có nhiều điểm chung nhất. Đây là lĩnh vực được Ấn Độ, Nhật Bản, Australia và Mỹ quan tâm, thúc đẩy hợp tác, tìm cách không để Trung Quốc kiểm soát khu vực này ảnh hưởng đến lợi ích của bốn nước. Tuy nhiên, trong vấn đề Biển Đông, Mỹ chỉ dừng lại ở mức tự do hàng hải, hàng không, diễn tập quân sự để trấn an đồng minh khu vực. Sự can dự của các nước lớn vào vấn đề Biển Đông sẽ làm cho tình hình tại khu vực này diễn biến phức tạp.

Hợp tác với ASEAN sẽ được Ấn Độ, Nhật Bản, Australia chú trọng, vai trò của ASEAN tiếp tục tăng lên, đóng vai trò trung tâm trong giải quyết các vấn đề nội cộng của khu vực và thúc đẩy hợp tác, kết nối khu vực. Bên cạnh đó, Hiệp định RCEP và CPTPP sẽ được thúc đẩy mạnh mẽ nhưng theo hướng không để Trung Quốc thao túng, tạo dựng luận chơi. Điều này thúc đẩy kinh tế khu vực phát triển.

5.2.2.3. *Kịch bản thứ ba: Quan hệ Mỹ - Ấn Độ được duy trì như hiện nay*

Kịch bản này dựa trên giả định rằng: vai trò của Mỹ vẫn có thể duy trì hiện trạng tại khu vực, Trung Quốc đạt tăng trưởng trở lại sau khi giành được thành công nhất định đối với chiến lược Zero Covid. Nước này sẽ tiếp tục thúc đẩy chính sách cải cách với mức độ đủ để nước này tránh được những rủi ro có thể đem lại bởi yếu kém và tồn tại của khu vực tài chính, quá trình đô thị hóa, cách biệt giàu nghèo, thất nghiệp và sự già đi của dân số. Tuy nhiên, họ vẫn chưa đủ khả năng để vượt qua Mỹ. Sau thời gian ngưng trệ, Trung Quốc tiếp tục thực hiện các dự án BRI để thực hiện tham vọng trở thành siêu cường thế giới. Trong khi đó, Thủ tướng Modi và Tổng thống Joe Biden tiếp tục giành thắng lợi trong cuộc bầu cử tại Ấn Độ và tại Mỹ năm 2024 và theo đuổi mục tiêu đối ngoại của mình.

Trong kịch bản này, Ấn Độ dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng Modi vẫn theo

đuổi đường lối đối ngoại độc lập tự chủ nhưng thực dụng hơn đề cao lợi ích quốc gia, thực thi các chính sách bảo hộ trong nước để khôi phục và duy trì đà tăng trưởng kinh tế. Trong quan hệ với các nước lớn, Ấn Độ đa dạng hoá quan hệ trên cơ sở tôn trọng lợi ích của nhau, bình đẳng, trọng tâm là củng cố quan hệ với Mỹ, Nhật Bản, Australia ở cả góc độ song phương và đa phương, tăng cường quan hệ với Nga và Trung Quốc. Để nâng cao vị thế của mình, Ấn Độ sẽ ưu tiên thúc đẩy quan hệ với Nam Á, Đông Á và Nam Thái Bình Dương.

Trong khi đó, các chính quyền kế nhiệm của Mỹ tiếp tục đẩy mạnh sự hiện diện và can dự ở khu vực này trên mọi lĩnh vực, nhất là trên lĩnh vực kinh tế và an ninh, xây dựng trật tự thế giới với Mỹ là siêu cường duy nhất, duy trì tăng cường củng cố quan hệ với đồng minh và đối tác quan trọng tại khu vực, đánh giá cao sự hỗ trợ từ đồng minh trong các nỗ lực quốc tế. Bên cạnh đó, Mỹ sẽ tiếp tục các cam kết an ninh của mình với các đồng minh, duy trì các căn cứ quân sự hiện có ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia và tìm kiếm những hợp tác quân sự với các đối tác mới. Trong quan hệ với Trung Quốc, Mỹ theo đuổi xu hướng vừa hợp tác, vừa cạnh tranh trên các lĩnh vực, tăng cường đối thoại để loại bỏ sự đối đầu. Trong khi đó, để buộc Mỹ và đồng minh phải phân tán lực lượng đối phó, Nga và Trung Quốc sẽ hỗ trợ Bắc Triều Tiên thử tên lửa gây căng thẳng trên bán đảo Triều Tiên. Tình hình Đài Loan cũng sẽ là điểm nóng khiến quan hệ Mỹ -Trung căng thẳng hơn.

Trong kịch bản này, quan hệ Ấn Độ tiếp tục được củng cố và duy trì ở mức hợp tác gần gũi. Trao đổi đoàn cấp cao được đẩy mạnh, hợp tác chính trị, ngoại giao, quốc phòng an ninh được triển khai mạnh. Trên cơ sở 3 thoả thuận quan trọng được ký kết gồm LEMOA, COMCASA và BECA, các nội dung hợp tác về sử dụng căn cứ hậu cần của nhau phục vụ tác chiến, tập trận chung, chia sẻ thông tin, đặc biệt cho phép Ấn Độ tiếp cận công nghệ quân sự hiện đại của Mỹ để nâng cao tiềm lực quốc phòng của mình. Hợp tác giữa hai nước để đối phó với các hành động quyết liệt của Trung Quốc tại Biển Đông và Nam Á sẽ được chú trọng cả ở cấp độ song phương và đa phương trong khuôn khổ “Bộ tứ”. Lĩnh vực thương mại, đầu tư sẽ cải thiện hơn so với thời Tổng thống Trump. Thặng dư thương mại và đầu tư sẽ nghiêng về phía Ấn Độ do

chính sách bảo hộ mậu dịch từ Ấn Độ. Đầu tư của Mỹ và Ấn Độ sẽ được đẩy mạnh nhờ chính sách cởi mở hơn của Chính quyền Modi, nhằm thu hút nguồn vốn, công nghệ khi Mỹ và đồng minh rút khỏi Trung Quốc để khắc phục sự đứt gãy của chuỗi cung ứng toàn cầu. Với nhu cầu phát triển trong nước, Mỹ sẽ nới lỏng cấp visa-H1B cho lao động Ấn Độ, điều này sẽ góp phần thúc đẩy quan hệ hai nước.

Tuy vậy, quan hệ hai nước sẽ có những cản trở cần phải nỗ lực vượt qua. Mỹ sẽ ít nhiều o ép Ấn Độ hơn trong quan hệ với Iran, điều này tạo điều kiện để Ấn Độ tiếp cận nguồn dầu khí rẻ từ Iran, tuy nhiên, trong quan hệ với Nga, Mỹ sẽ tiếp tục gây sức ép đối với Ấn Độ ở nhiều góc độ. Với lượng lớn vũ khí, trang bị của Ấn Độ có nguồn gốc từ Nga, Ấn Độ khó từ bỏ đối tác thương mại quân sự quan trọng này trước sức ép của Mỹ. Bản thân Ấn Độ trong hợp tác với Nga là nhằm giảm việc Nga cung cấp các loại vũ khí hiện đại cho Trung Quốc đe dọa đối với an ninh quốc gia của Ấn Độ, đồng thời tăng cường quan hệ mọi mặt với Nga để chia rẽ quan hệ hai nước này. Lấy lý do quan ngại về hợp tác quân sự Ấn - Nga, Mỹ sẽ gây khó khăn cho Ấn Độ tiếp cận công nghệ hiện đại của Mỹ. Dưới thời Chính quyền Tổng thống Biden, Mỹ quay lại vấn đề chống biến đổi khí hậu. Mặc dù thời gian qua Mỹ đã cam kết hỗ trợ Ấn Độ sử dụng công nghệ tái tạo của Mỹ để giải thiếu khí thải nhưng cho đến nay, cam kết của Ấn Độ chưa đạt được. Nguyên nhân chính là Ấn Độ chưa muốn hi sinh tăng trưởng kinh tế thông qua cắt giảm khí thải. Đây sẽ là nội dung gây cản trở cho quan hệ hai nước. Mặc dù Ấn Độ và Mỹ thường xuyên ca ngợi mình là nền dân chủ lớn nhất thế giới nhưng các tổ chức dân chủ của Mỹ vẫn không hài lòng với chính sách phân biệt đối xử của chính phủ Modi đối với một số dân tộc thiểu số. Vấn đề này sẽ được chính quyền tiếp theo của Mỹ quan tâm.

Các kịch bản dự báo trên đều có khả năng xảy ra trong sự vận động của mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ và kịch bản nào thì phụ thuộc nhiều vào sự vận động chung của tình hình khu vực và thế giới từ nay đến năm 2030. Trong ba kịch bản này, khả năng mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ vẫn được tốt đẹp như hiện nay nhưng sẽ được thúc đẩy theo chiều hướng tốt lên sẽ có khả năng xảy ra cao nhất vì: Tuy Trung Quốc đã mạnh lên rất nhiều nhưng chưa thể soái ngôi Mỹ trong thời gian ngắn và tình hình

nội tại Trung Quốc vẫn đang tồn tại rất nhiều thách thức. Với Mỹ, dù chính quyền có thay đổi nhân sự nhưng lợi ích cốt lõi của Mỹ tại Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương là không đổi. Nên mọi vấn đề của khu vực này vẫn sẽ là mối quan tâm lớn của Mỹ và Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương Tự do và Rộng mở sẽ được thúc đẩy đi vào thực chất hơn. Chính sự Ấn Độ dưới thời thủ tướng N. Modi tương đối ổn định và kinh tế phát triển, với uy tín hiện tại khả năng đặc cử của Ông N. Modi là khá cao. Về phần mình, Nga dù có chiến thắng tại Ukraine cũng chưa thể can thiệp nhiều vào quan hệ Mỹ - Trung hoặc Mỹ - Ấn Độ hoặc đánh bại Mỹ. Do đó, khả năng quan hệ Mỹ - Ấn Độ vẫn duy trì như hiện tại và hai bên sẽ cùng nhau nỗ lực thúc đẩy hơn nữa, tìm ra những tương đồng lợi ích cốt lõi, những mục tiêu chiến lược sống còn, từ đó đưa ra những giải pháp hoá giải thách thức, tận dụng cơ hội cùng đạt được các mục tiêu chung. Thúc đẩy hợp tác đa phương đi kèm với song phương để đạt được những hiệu quả lớn hơn và phản ứng nhạy bén hơn trước tình hình khu vực và toàn cầu có biến động mới.

5.3. Một số khuyến nghị chính sách cho Việt Nam

Thực tiễn lịch sử chứng minh Việt Nam sớm tham gia vào môi trường quốc tế và luôn thể hiện tinh thần đối ngoại hoà bình hữu nghị. Tại Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 1-2021), chủ trương, đường lối đối ngoại đã được đề cập trong quan điểm phát triển đất nước nói chung: (1) *Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia – dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước;* (2) *Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc;* (3) *Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất* [57; tr110-111].

Về mục tiêu: (1) “Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu

rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam”. (2) Đẩy mạnh đối ngoại song phương và nâng tầm đối ngoại đa phương. Chủ động tham gia và phát huy vai trò của Việt Nam tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN, Liên hợp quốc, APEC, hợp tác tiểu vùng Mê Công và các khuôn khổ hợp tác khu vực và quốc tế, trong những vấn đề và các cơ chế quan trọng có tầm chiến lược, phù hợp với yêu cầu, khả năng và điều kiện cụ thể...; chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước ASEAN xây dựng Cộng đồng đoàn kết.... (3) Chủ động, tích cực tham gia các cơ chế đa phương về quốc phòng, an ninh theo tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc” [57; tr162-163].

Về định hướng triển khai: Đối ngoại đa phương được xem như là công cụ và phương thức để triển khai hiệu quả hội nhập quốc tế sâu rộng, góp phần thực hiện một trong các nhiệm vụ đối ngoại quan trọng là nâng cao vị thế quốc tế của đất nước: *Thứ nhất*, đối ngoại đa phương song hành và kết hợp chặt chẽ với đối ngoại song phương, bổ trợ và thúc đẩy lẫn nhau. *Thứ hai*, đối ngoại đa phương của Việt Nam trong thời gian tới được triển khai theo thứ tự ưu tiên nhất định, trong đó ưu tiên hàng đầu là ASEAN và Liên hợp quốc. *Thứ ba*, đối ngoại đa phương của Việt Nam trong thời gian tới hướng đến tinh thần chủ động tham gia xây dựng luật chơi, không chỉ bó hẹp trong khuôn khổ thụ động chấp nhận luật chơi tại một số diễn đàn, tổ chức đa phương khu vực và quốc tế.

Từ chủ trương, đường lối, mục tiêu và định hướng triển khai công tác đối ngoại của Đảng như trên, có thể gợi mở một số khuyến nghị chính sách đối ngoại cho Việt Nam trong tương quan mỗi quan hệ Mỹ - Ấn Độ như sau:

Một là, kiến nghị nhằm thúc đẩy quan hệ của Việt Nam với Mỹ và Ấn Độ ngày càng phát triển thực chất và toàn diện

- Trong quan hệ đối ngoại chung với Mỹ và Ấn Độ, Việt Nam cần: (1) kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ gắn với đảm bảo cao nhất lợi ích quốc gia dân tộc; (2) Tăng cường thống nhất, đồng thuận về nhận thức và biện pháp triển khai chính sách đối ngoại với các nước lớn; phát huy mặt tích cực, hạn chế tiêu cực, tận dụng nguồn lực ngoại sinh để bổ sung cho nguồn lực nội sinh phát triển đất nước (3) Tích cực, chủ động, mở rộng quan hệ hợp tác và cân bằng giữa các đối tác (4) Cân nhắc kỹ lưỡng để

triển khai chính sách đối ngoại đồng bộ, nhất quán đảm bảo mục tiêu chung, khắc phục tình trạng chông chéo chính sách gây ảnh hưởng không tốt đến quan hệ (5) Công tác đối ngoại cần đi đúng hướng, đón đầu được xu thế, không để bị động, bất ngờ, xác định đối tác - đối tượng, bạn – thù trong quan hệ.

- Đối với Mỹ

(i) Xác định cụ thể về định hướng, quy mô, phạm vi, mức độ hợp tác để thống nhất và triển khai đồng bộ các chính sách, hoạt động đối ngoại với Mỹ, tránh các nguy cơ như để Mỹ lợi dụng can dự và hiện diện sâu ở Việt Nam, hạn chế tối đa tình trạng bị kẹt giữa sự va chạm của các nước nhất là Mỹ - Trung, tác động tiêu cực tới cân bằng quan hệ của Việt Nam với các nước.

(ii) Xem xét kỹ lưỡng trước yêu cầu nâng cấp quan hệ Đối tác chiến lược với Mỹ trong thời điểm hiện nay, nhưng nên ghi nhận thiện chí của Mỹ, bày tỏ mong muốn tiếp tục thúc đẩy quan hệ ngày càng phát triển, hướng tới việc nâng cấp quan hệ ở thời điểm phù hợp.

(iii) Các biện pháp cụ thể trên từng lĩnh vực:

- Về chính trị - ngoại giao: Tiếp tục triển khai thực hiện các biện pháp nhằm đưa quan hệ Việt - Mỹ phát triển theo hướng thực chất, hiệu quả hơn. Trong quan hệ song phương, Việt Nam cần giữ vững vị thế ngoại giao và tinh thần luôn cảnh giác, cần chủ động tính toán những bước đi cả chiến lược và cụ thể nhằm gia tăng mặt đối tác và giảm mặt đối tượng của Mỹ, không để Mỹ lợi dụng lôi kéo Việt Nam vào chống Trung Quốc. Theo đó, nên:

(+) Tiếp tục duy trì trao đổi, tiếp xúc ngoại giao ở các cấp, nhất là cấp cao giữa hai nước Việt Nam và Mỹ ở các cơ chế song phương và đa phương trong khu vực và toàn cầu nhằm tạo nền tảng mở rộng, thúc đẩy hợp tác phát triển.

(+) Thúc đẩy ngoại giao Việt - Mỹ trên cả ba trụ cột Đối ngoại Đảng, Đối ngoại Nhà nước và Đối ngoại Nhân dân. Chú trọng hơn quan hệ kênh Đảng và Quốc hội nhằm tạo kênh trao đổi về chính sách và ưu tiên của mỗi nước.

(+) Duy trì, mở rộng, đa dạng hóa nội dung, hình thức các cơ chế tham vấn, đối thoại thường niên, chủ động thúc đẩy tiến tới thiết lập Cơ chế đối thoại thường

niên cấp bộ trưởng giữa hai Bộ Ngoại giao để thảo luận các nội dung hợp tác giữa hai nước, qua đó tăng cường xây dựng lòng tin chính trị và kịp thời nhận diện, giải quyết những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quan hệ chính trị - ngoại giao giữa hai nước;

(+) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan quan đại diện ngoại giao Việt Nam tại Mỹ; làm cầu nối để cải thúc đẩy hợp tác hai nước.

- Về kinh tế: Việt Nam cần trở thành môi trường thu hút sự quan tâm hơn và gia tăng đầu tư của Mỹ vào thị trường. Do đó, Việt Nam cần:

(+) Tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho quan hệ kinh tế Việt - Mỹ, trong đó ưu tiên tập trung thúc đẩy ký kết thỏa thuận tăng cường hợp tác kinh tế song phương gắn với khuôn khổ đối thoại của Hội đồng Thương mại và Đầu tư và đàm phán về Hiệp định Đầu tư song phương nhằm tạo điều kiện thúc đẩy FDI giữa hai nước. Bên cạnh đó, thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính, chính sách thuế, và các chính sách thương mại, dịch vụ, đầu tư, cũng như tăng cường quảng bá, vận động hành lang về nền kinh tế, môi trường đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam nhằm thu hút nhiều hơn các nhà đầu tư Mỹ tham gia vào thị trường Việt Nam. Đối với những cơ chế được Mỹ đề xuất như đàm phán nâng cấp Hiệp định Thương mại (BTA) và thúc đẩy đàm phán Hiệp định Tự do Thương mại (FTA) với Mỹ, Việt Nam cần nghiên cứu, xem xét cẩn trọng trước khi ký kết để tránh bị rơi vào nhiều rủi ro, thách thức cho Việt Nam.

(+) Chủ động, tích cực đề xuất các chương trình hợp tác với Mỹ, lựa chọn quan tâm các dự án quan trọng có lợi cho cả hai bên như kết nối cảng biển, phát triển cơ sở hạ tầng chất lượng cao, an ninh năng lượng, phát triển năng lượng sạch... trong đó thúc đẩy Mỹ cụ thể hóa các dự án về kinh tế, năng lượng và cơ sở hạ tầng trong Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương Tự do và Rộng mở, để Việt Nam có thể tham gia vào những dự án phù hợp với khả năng, nhu cầu của Việt Nam nhằm thúc đẩy hiệu quả hợp tác phát triển giữa hai nước. Tuy nhiên, Việt Nam cũng cần xem xét, thẩm định chặt chẽ các dự án đầu tư, nhất là các dự án liên quan đến quốc phòng - an ninh, tôn giáo, dân tộc, cải cách hành chính, pháp luật.

(+) Tích cực chủ động đề nghị Mỹ mở rộng hỗ trợ Việt Nam nhất là về khoa học công nghệ trong các lĩnh vực sản xuất. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ủy ban hỗn hợp tác về khoa học - công nghệ; hợp tác xây dựng các khu công nghệ mới tại Việt Nam, vận động các doanh nghiệp công nghệ của Mỹ đầu tư vào các khu công nghệ cao hiện có tại Việt Nam; tăng cường hợp tác khoa học công nghệ trong lĩnh vực, như sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, vũ trụ, môi trường, biến đổi khí hậu, nghiên cứu biển, số hoá nền kinh tế, quản trị xã hội số, quản trị dịch vụ công, đổi mới sáng tạo, giáo dục, y tế, ...Đề nghị Mỹ hỗ trợ đào tạo nhân lực về khoa học công nghệ cao, thúc đẩy ứng dụng khoa học - công nghệ để nâng cao năng lực sản xuất, năng suất lao động; tăng cường hợp tác thông qua việc mở rộng các sáng kiến trao đổi song phương; vận động Mỹ chuyển giao công nghệ, trang thiết bị hiện đại và duy trì viện trợ hỗ trợ thúc đẩy giáo dục tại Việt Nam.....

(+) Tăng cường trao đổi dưới nhiều hình thức nhằm cùng nhau nhận diện, giải quyết các vướng mắc trong hợp tác thương mại, dịch vụ và đầu tư; đề nghị Mỹ gỡ bỏ các rào cản thương mại, các vụ kiện chống phá giá, trợ giá; mở rộng thị trường hơn nữa cho hàng hóa Việt Nam xuất khẩu; thuyết phục, đề nghị Mỹ sớm công nhận quy chế kinh tế thị trường của Việt Nam.

-Về quốc phòng - quân sự: Kiên trì, nhất quán chính sách quốc phòng độc lập, tự chủ, cân bằng và nguyên tắc “4 không”; coi trọng và tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh, mở rộng phát triển hợp tác quốc phòng Việt - Mỹ theo phương châm thận trọng, phù hợp, không chạy theo các yêu cầu, đòi hỏi của Mỹ nhằm đảm bảo lợi ích hai bên, đáp ứng nhu cầu của Quân đội Việt Nam và giữ thế cân bằng chiến lược trong quan hệ của Việt Nam với các nước lớn theo tinh thần Đại hội XIII. Theo đó:

(+) Xác định rõ mục tiêu và đánh giá đúng tiềm năng, nhu cầu, thuận lợi và khó khăn của Việt Nam trong hợp tác quốc phòng với Mỹ; chủ động trao đổi, tìm kiếm và lập kế hoạch chi tiết, cụ thể các nội dung, biện pháp hợp tác mới trên cơ sở các thỏa thuận hợp tác quốc phòng mà hai bên đã ký (MoU về hợp tác quốc phòng ký năm 2011, Tuyên bố Tầm nhìn chung 2015 và Kế hoạch hành động 2018 - 2020).

(+) Duy trì các hoạt động trao đổi đoàn, các cuộc tiếp xúc cấp cao, đối thoại song phương, đa phương, các hoạt động trao đổi thông tin, kinh nghiệm trong những vấn đề an ninh, quốc phòng, quân sự mà hai bên cùng quan tâm; thúc đẩy hợp tác an ninh Việt Nam-Mỹ tại các cơ chế, diễn đàn an ninh đa phương như ARF, ADMM+, Shangri-La...; ưu tiên thúc đẩy các hoạt động hợp tác phi quân sự, coi đây là nền tảng hợp tác quốc phòng Việt Nam - Mỹ.

(+) Tận dụng các gói viện trợ từ Mỹ như Quỹ Tài chính Quân sự nước ngoài, Chương trình viện trợ, chuyển giao vũ khí, trang bị dư thừa để nâng cao năng lực cho Quân đội Việt Nam; chủ động lựa chọn và đề nghị Mỹ cung cấp các trang thiết bị quân sự phù hợp với nhu cầu của Việt Nam; thống nhất với phía Mỹ về các tiêu chuẩn, điều kiện mức độ chuyển giao và sử dụng cụ thể cho từng trang thiết bị, không để Mỹ lợi dụng việc chuyển giao trang bị, vũ khí để can dự quá sâu vào quá trình vận hành khai thác; thúc đẩy hợp tác công nghiệp quốc phòng.

(+) Vận động chính phủ đương nhiệm Mỹ ưu tiên và có trách nhiệm hơn trong hợp tác khắc phục hậu quả chiến tranh nhất là vấn đề tháo gỡ bom mìn và khắc phục hậu quả cho các nạn nhân bị chất độc màu da cam, triển khai hiệu quả, thực chất kế dự án tẩy độc sân bay Biên Hòa

(+) Hạn chế tham gia vào các sáng kiến an ninh của Mỹ liên quan đến Biển Đông, cũng như không tham gia vào các hoạt động diễn tập, huấn luyện quân song phương với Mỹ trên Biển Đông để tranh gây hiểu lầm và căng thẳng với Trung Quốc. Đối với đề xuất của Mỹ về nâng cấp đối thoại quốc phòng lên cấp Bộ trưởng; đưa hoạt động cập cảng Việt Nam của tàu sân bay Mỹ thành thường niên, Việt Nam chưa nên xem xét kỹ lưỡng về mục tiêu của Mỹ trong vấn đề này. Việc Mỹ chủ động thúc đẩy, nâng cấp hợp tác quốc phòng với Việt Nam là nhằm hiện thực hóa mục tiêu thúc đẩy thương mại quân sự; xâm nhập, lôi kéo và chuyên hóa Quân đội Việt Nam ngả theo Mỹ, từng bước thiết lập sự hiện diện quân sự tại Việt Nam; biến Việt Nam thành tiền đồn chống Trung Quốc, chia rẽ quan hệ Việt Nam - Trung.

Đối với Ấn Độ

(i) Trên nền tảng quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Ấn Độ, Việt

Nam cần xác định Ấn Độ là một trong những ưu tiên chiến lược trong chính sách đối ngoại và tăng cường hợp tác trên tất cả các bình diện vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình, ổn định, phát triển thịnh vượng của khu vực.

(ii) Việt Nam xác định mối quan hệ tốt đẹp Việt Nam - Ấn là cầu nối thúc đẩy quan hệ với các nước lớn khác để tận dụng thời cơ phát triển. Nhưng cần cẩn trọng không để rơi vào thế bị cô lập hoặc bị lôi kéo, tránh để các nước lớn thỏa hiệp gây tổn hại tới lợi ích quốc gia.

(iii) Các biện pháp cụ thể:

- Về chính trị - ngoại giao: tiếp tục cụ thể hóa nội dung hợp tác trong quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa hai nước, làm sâu sắc quan hệ chính trị, ngoại giao; tăng cường phối hợp, tranh thủ sự ủng hộ của Ấn Độ trong xử lý các vấn đề quốc tế, khu vực. Theo đó:

(+) Tiếp tục duy trì và tăng cường các chuyến thăm các cấp nhất là cấp cao giữa hai nước Việt Nam - Ấn Độ. Thúc đẩy các hoạt động đối ngoại trên tất cả các kênh Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội, địa phương, hội đoàn và giao lưu nhân dân; thúc đẩy quan hệ giữa Đảng Cộng sản Việt Nam với các đảng chính trị ở Ấn Độ, trong đó có Đảng Nhân dân Ấn Độ.

(+) Tiếp tục mở rộng, tăng cường và thiết lập mới các cơ chế, khuôn khổ hợp tác, nhưng cần linh hoạt, chú trọng trao đổi thẳng thắn, thực chất và hiệu quả, tránh hình thức, làm cơ sở thúc đẩy quan hệ trên các lĩnh vực khác.

(+) Tăng cường mở rộng cơ chế nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm về cải cách, đổi mới thông qua hợp tác, giao lưu giữa các tổ chức, cơ quan chức năng, các viện nghiên cứu, nhà khoa học, chuyên gia của hai nước, nhất là thông qua Trung tâm Nghiên cứu Ấn Độ tại Việt Nam và Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam tại Ấn Độ. Tăng cường giao lưu nhân dân để phát huy sức mạnh văn hóa, tín ngưỡng (Phật giáo) làm cầu nối kết nối nhân dân, văn hoá hai dân tộc, từ đó kết nối các cơ chế, lĩnh vực hợp tác khác.

(+) Về phương diện đa phương, thể hiện ủng hộ của Việt Nam đối với vai trò lớn hơn của Ấn Độ tại các diễn đàn đa phương khu vực và quốc tế, nhất là tại Liên

hợp quốc và ASEAN; ủng hộ chính sách đối ngoại của Ấn Độ đặc biệt là chính sách “Hành động Hướng Đông; tăng cường phối hợp, ủng hộ lẫn nhau trong việc giải quyết các vấn đề khu vực và quốc tế cùng quan tâm, cũng như những vấn đề quan trọng có liên quan tới lợi ích cốt lõi của hai nước; ủng hộ tự do hàng hải, hàng không tại Biển Đông, tôn trọng luật pháp quốc tế, giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hoà bình.

- *Về thương mại và đầu tư*: Thúc đẩy hợp tác thương mại, dịch vụ và đầu tư tương xứng với quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện của hai nước, khai thác tốt thị trường và những lĩnh vực tiềm năng, giảm thâm hụt thương mại hai nước; tận dụng những thế mạnh của Ấn Độ và lĩnh vực tiềm năng của hai nước để thúc đẩy hợp tác đi vào thực chất và đạt hiệu quả tối đa:

(+) Về cơ chế chính sách: Xác định cụ thể mục tiêu, kế hoạch, lộ trình và các cơ chế chính sách cụ thể nhằm thúc đẩy hiệu quả thương mại và dịch vụ hai nước; đẩy mạnh đàm phán các hiệp định về đầu tư, dịch vụ, hướng đến hợp tác kinh tế toàn diện và phát huy tiềm năng của hai bên; nghiên cứu ký kết Hiệp định miễn thị thực cho công dân hai nước và cấp thị thực dài hơn cho doanh nghiệp Ấn Độ; thông qua ưu đãi về thuế đối với doanh nghiệp Ấn Độ; tăng cường hợp tác giữa các Phòng Thương mại và Công nghiệp, để hỗ trợ các đơn vị kinh tế, các khu vực tư nhân, thành lập các đầu mối liên hệ cho doanh nghiệp; tổ chức kinh tế, các hội chợ thương mại và hội thảo hàng năm để trao đổi kinh nghiệm, cơ hội thương mại, môi trường kinh doanh và đầu tư.

Việt Nam cần có các chính sách ưu đãi hợp lý để khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam sang thị trường Ấn Độ. Đồng thời, đề nghị phía Ấn Độ tạo thuận lợi hơn nữa về thủ tục, ưu đãi thuế quan, cắt giảm rào cản thương mại để tạo điều kiện, khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận, đầu tư vào thị trường Ấn Độ. Mặt khác, cần cải thiện môi trường đầu tư trong nước minh bạch và thống nhất từ Trung ương đến địa phương trong thực hiện, nâng cao chất lượng lao động... để thu hút và tranh thủ ưu đãi từ các chính sách kinh tế, thu hút đầu tư từ Ấn Độ. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, dịch vụ, mở rộng hợp tác trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và tín dụng

để giúp doanh nghiệp hai nước tìm hiểu rõ hơn về thị trường của nhau, tìm kiếm cơ hội và đối tác đầu tư; xác định được thế mạnh, các lĩnh vực tiềm năng và nhu cầu hai bên để xây dựng chiến lược kinh doanh, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của ngành, các lĩnh vực, sản phẩm thương mại, dịch vụ mới.

(+) Về lĩnh vực đầu tư và hợp tác: Kêu gọi Ấn Độ đầu tư vào lĩnh vực cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất cả đường bộ, đường thủy và hàng không để tạo nền tảng thúc đẩy hợp tác thương mại giữa hai nước. Đề xuất các dự án mới mang tính biểu tượng cho quan hệ hợp tác giữa và là thế mạnh hợp tác giữa hai nước như các dự án dân sinh, khởi nghiệp cho thanh niên vùng nông thôn, hay các dự án gắn với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, Tập trung đầu tư vào các lĩnh vực có tiềm năng phát triển giữa hai nước như công nghệ cao, công nghệ tin học, công nghệ sinh học, đào tạo nguồn nhân lực, nông - lâm - ngư nghiệp, khai khoáng, năng lượng, xây dựng, y dược, giáo dục,..... Tập trung phát triển sản xuất các ngành là thế mạnh xuất nhập khẩu giữa hai nước như gạo, hạt tiêu, chè, cà phê, hạt điều, cao su tự nhiên, giấy dếp, hàng dệt may, dược liệu... đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng chủ lực, như dầu thô, than đá để tăng kim ngạch xuất khẩu, làm giảm nhập siêu của Việt Nam đồng thời từng bước chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo các mặt hàng có giá trị tăng cao.

(+) Thúc đẩy hợp tác khoa học công nghệ trong phát triển kinh tế và sản xuất đặc biệt là chuyển giao công nghệ của Ấn Độ cho Việt Nam. Khai thác tốt các Trung tâm công nghệ cao sẵn có, ủng hộ các tập đoàn lớn của Ấn Độ xây dựng Trung tâm công nghệ cao mới của Ấn Độ tại Việt Nam; đầu tư ngành công nghiệp, khu chế xuất; khai thác. Thúc đẩy hợp tác khoa học và công nghệ với Ấn Độ đi vào chiều sâu, tập trung vào các lĩnh vực như công nghệ sinh học phục vụ phân tích gen, giải mã ADN, công nghệ sử dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình, công nghệ vũ trụ, công nghệ vệ tinh áp dụng trong giáo dục và y tế, công nghệ na-nô. Ưu tiên các lĩnh vực công nghệ đặc biệt quan trọng như tự động hóa phục vụ ngành công nghiệp, công nghiệp tin học hóa quản lý hành chính, công nghệ sản xuất siêu máy tính, công nghệ nghiên cứu và phát triển phần mềm, công nghệ cảnh báo động đất và sóng thần, công nghệ thăm dò địa chất dưới đại dương.

(+) Thống nhất về nhận thức và tăng cường trao đổi thẳng thắn, đề xuất và thống nhất biện pháp, hình thức giải quyết những tồn tại, vướng mắc trong triển khai các dự án hợp tác, nhất là các dự án lớn, có hiệu quả kinh tế hay mang tính biểu tượng. Doanh nghiệp Việt Nam cần xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp và linh hoạt với môi trường đầu tư, tránh gây mất uy tín tại thị trường Ấn Độ dưới bất kỳ hình thức và mức độ nào; hạn chế tối đa việc Ấn Độ áp lệnh trừng phạt bán phá giá đối với hàng Việt Nam xuất khẩu sang Ấn Độ. Đối với các dự án hợp tác thăm dò, khai thác dầu khí, Việt Nam cần có sự linh hoạt, thậm chí có thể nhượng bộ một số lợi ích kinh tế để tạo sự gắn kết chiến lược, tranh thủ sự ủng hộ của Ấn Độ trên thực địa ở Biển Đông.

- Về quốc phòng, an ninh: Tăng cường hợp tác toàn diện Ấn Độ - Việt Nam trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng

(+) Về cơ chế, chính sách: Duy trì và nâng cao hiệu quả chuyến thăm các cấp, các cơ chế hợp tác hiện có giữa hai Bộ Quốc phòng để tạo nền tảng cho hợp tác cũng như tìm kiếm cơ hội mới; triển khai hiệu quả các thỏa thuận đã ký kết như: Bản ghi nhớ về hợp tác quốc phòng, Tuyên bố Tầm nhìn chung về hợp tác quốc phòng giai đoạn 2015 - 2020.... Đẩy mạnh trao đổi chính sách và nghiên cứu các vấn đề chiến lược, quốc phòng, an ninh khu vực, thế giới liên quan đến hai nước thông qua cơ chế trao đổi và hợp tác giữa các cơ quan, tổ chức an ninh, đặc biệt là Viện Nghiên cứu và phân tích quốc phòng Ấn Độ với Học viện Quốc phòng, Viện Chiến lược Quốc phòng và Viện Quan hệ Quốc tế về Quốc phòng của Việt Nam; hai bên cần phối hợp chặt chẽ và tăng cường hợp tác trong các diễn đàn đa phương, nhất là ARF và ADMM+, đồng thời tăng cường tham vấn, ủng hộ lẫn nhau trong các cơ chế hợp tác của Liên hợp quốc và ASEAN, nhằm tăng cường vai trò của Ấn Độ và Việt Nam trong các cơ chế diễn đàn đa phương về an ninh - quốc phòng. Tận dụng các gói tín dụng của Ấn Độ cho Việt Nam để phát triển tiềm lực quốc phòng; sớm triển khai và phát huy hiệu quả, ý nghĩa của gói tín dụng mà hai bên đã ký kết. Ưu tiên thống nhất giải quyết những vướng mắc trong hợp tác quốc phòng - an ninh để thông suốt về chính sách, tạo môi trường hợp tác thuận lợi cho cả hai bên.

(+) Về lĩnh vực hợp tác: Mở rộng hợp tác về huấn luyện, đào tạo nhất là đào tạo nguồn nhân lực quân sự chất lượng cao về các ngành khoa học kỹ thuật, chỉ huy tham mưu, không quân, hải quân, an ninh mạng.... đào tạo huấn luyện các chuyên ngành kỹ thuật hải quân và sỹ quan chỉ huy tham mưu hải quân; Tích cực tranh thủ sự giúp đỡ của Ấn Độ về huấn luyện đào tạo lực lượng gìn giữ hòa bình, rà phá bom mìn và quân y, xây dựng giáo trình huấn luyện công binh và quân y; đào tạo tiếng Anh và cung cấp học bổng cho sỹ quan Việt Nam sang đào tạo tại Trung tâm huấn luyện gìn giữ hòa bình của Ấn Độ; cung cấp cho Việt Nam các trang bị, vật chất chuyên dụng. Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác giữa hải quân hai nước theo các nội dung đã ký kết; tạo điều kiện cho các chuyến thăm Việt Nam của các tàu Hải quân Ấn Độ; chào đón các doanh nghiệp đóng tàu của Ấn Độ, kể cả khu vực tư nhân tham gia hợp tác xây dựng cơ sở hậu cần hải quân lưỡng dụng cho Hải quân Việt Nam.

(+) Về thương mại quốc phòng, cần định hướng, lựa chọn lĩnh vực, quy mô hợp tác phù hợp và hiệu quả căn cứ vào chiến lược tổng thể tăng cường tiềm lực quốc phòng của Việt Nam và trên cơ sở nghiên cứu thế mạnh, khả năng đáp ứng của Ấn Độ. Đáng chú ý, ngành công nghiệp quốc phòng của Ấn Độ đang trong giai đoạn phát triển, nên có sự đan xen công nghệ của nhiều nước như Nga, Mỹ, Trung Quốc ... nhiều loại vũ khí, trang bị cần thanh loại. Do đó, trong hợp tác thương mại quốc phòng với Ấn Độ, cần xác định rõ nhu cầu và khả năng của Việt Nam; ưu tiên mua sắm những loại vũ khí, trang bị có công nghệ hiện đại, tính năng phù hợp với điều kiện tác chiến, bảo quản của Việt Nam. Cần chú trọng hợp tác cùng nghiên cứu, sản xuất hoặc chuyển giao công nghệ sản xuất phù hợp của Ấn Độ cho Việt Nam.

Thứ hai, kiến nghị chính sách đối ngoại cho Việt Nam trong việc cân bằng quan hệ với các nước lớn

Mối quan hệ Mỹ, Ấn Độ và Trung Quốc hết sức phức tạp, Mỹ và Ấn Độ có cái bắt tay thân thiện nhằm đối phó Trung Quốc. Trong khi đó, đây là ba đối tác rất quan trọng của Việt Nam. Mỹ là đối tác toàn diện, Ấn Độ và Trung Quốc có quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện với Việt Nam trong đó quan hệ Việt Nam – Trung là quan hệ đặc biệt quan trọng từ lịch sử lâu đời, núi liền núi, sông liền sông với Việt Nam. Ngoài ra,

yếu tố Nga trong quan hệ Trung, Mỹ, Ấn Độ cũng là Đối tác chiến lược toàn diện của Việt Nam. Do đó, vấn đề cân bằng nước lớn nhất là cân bằng mối quan hệ phức tạp với các đối tác hàng đầu Ấn Độ, Trung, Mỹ, Nga đối với Việt Nam đang gặp nhiều thách thức. Do đó, trong quan hệ với các nước lớn Việt Nam cần:

(+) Kiên định mục tiêu độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ trong quan hệ với các nước lớn, nhất là trong quan hệ với Mỹ và Trung Quốc và các đồng minh của hai nước này; đảm bảo cao nhất lợi ích quốc gia dân tộc, nhấn mạnh yêu cầu không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không ảnh hưởng đến nước thứ ba.

(+) Cần chủ động, tích cực trong đối ngoại nhưng phải tránh quá tự đề cao mình, nhằm giải quyết đúng đắn mối quan hệ của Việt Nam với các nước, đối tác quan trọng. Xác định rõ tính chất đối tác - đối tượng trong quan hệ với từng nước lớn, trong đối tác có đối tượng, trong đối tượng có đối tác; đặt sự phát triển quan hệ của Việt Nam với mỗi nước trong quan hệ tổng thể với các nước có liên quan như phát triển quan hệ Việt Nam với Mỹ, Ấn Độ cần đặt trong sự phát triển quan hệ với các nước lớn khác đặc biệt là với Trung Quốc để hài hoà lợi ích các bên, tránh gây hiểu lầm của bên này về sự chọn bên đối với bên kia khi các đối tác có quan hệ đối đầu nhau.

(+) Xử lý thỏa đáng những vướng mắc, mâu thuẫn với từng đối tác lớn để tránh chông chéo những thách thức trong quan hệ song phương khi quan hệ với đối tác thứ ba, khiến vấn đề càng phức tạp, khó giải quyết. Cụ thể là: Với Mỹ, Việt Nam cần kiên trì xử lý những khác biệt trong vấn đề “dân chủ, nhân quyền” trên tinh thần đối thoại thẳng thắn, tôn trọng lẫn nhau, hợp tác cùng có lợi. Cương quyết đấu tranh chống lại âm mưu của các thế lực do Mỹ chống lưng đang sử dụng chiêu bài “tự do ngôn luận”, “tự do tôn giáo”, “dân chủ, nhân quyền” để thực hiện âm mưu “Diễn biến hòa bình”, chống phá Việt Nam; kiên quyết đấu tranh phản bác các quan điểm, sai trái, thù địch của một số thế lực tại Mỹ đối với Việt Nam; kiên quyết đề nghị Mỹ tôn trọng vấn đề nội bộ, không ủng hộ, dung túng lực lượng phản động, chống đối người Việt Nam. Với Trung Quốc: Tham vọng bá chủ toàn cầu nhất là tham vọng ở Biển Đông của nước này đang và sẽ tiếp tục đe dọa chủ quyền biển đảo và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Đây cũng chính là vướng mắc lớn nhất

trong quan hệ Việt – Trung. Việt Nam cần tiếp tục kiên định với mục tiêu độc lập dân tộc, toàn vẹn lãnh thổ, kiên quyết đấu tranh bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc, đảm bảo an ninh quốc phòng.

(+) Cần đánh giá đúng vai trò, vị thế của Mỹ, Ấn Độ, Trung Quốc, Nga và các nước lớn khác trong sách lược đối ngoại của Việt Nam, qua đó định vị Việt Nam trong quan hệ với từng nước lớn để có sách lược linh hoạt, mềm dẻo trong quan hệ tổng hoà với các nước. Xác định Trung Quốc là ưu tiên số 1 và là trụ cột trong quan hệ đối ngoại của ta hiện nay vì Trung Quốc là nước lớn có quan hệ truyền thống lâu đời, là láng giềng, chung thể chế chính trị và là đối tác kinh tế quan trọng hàng đầu của Việt Nam. Duy trì mối quan hệ tốt đẹp với Trung Quốc không chỉ đảm bảo an ninh và phát triển kinh tế cho Việt Nam mà còn góp phần thúc đẩy quan hệ giữa Việt Nam với Lào, Campuchia và khẳng định vị thế trong khu vực. Xác định quan hệ với Mỹ là một ưu tiên rất quan trọng, nhưng dưới mức so với Trung Quốc vì Mỹ là siêu cường thế giới có nhiều thế mạnh, nhất là kinh tế và khoa học - công nghệ. Quan hệ tốt với Mỹ sẽ tạo điều kiện thuận lợi để Việt Nam thúc đẩy hợp tác với các nước phát triển khác, đồng thời tạo thêm thế và lực cho Việt Nam trong quan hệ với Trung Quốc. Trong quan hệ với Mỹ và Trung Quốc, Việt Nam cần khéo léo sử dụng yếu tố Mỹ để kiềm chế, điều tiết yếu tố Trung Quốc và ngược lại; Bên cạnh đó, cần tính tế tránh hiểu lầm, không chọn bên. Hết sức cảnh giác về âm mưu “Diễn biến hòa bình”, đẩy Việt Nam lên tuyến đầu chống Trung Quốc.

Về thực tiễn, nghiên cứu xem xét khả năng tham gia chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương Tự do và Mở rộng (FOIP) của Mỹ và Sáng kiến Vành đai, Con đường của Trung Quốc, nếu có thể tốt nhất là dưới danh nghĩa ASEAN. Cần chủ động tính toán lựa chọn những lĩnh vực phù hợp để tham gia, cần tích cực phối hợp với các nước ASEAN để triển khai lộ trình thực hiện “Tầm nhìn ASEAN về Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương”. Nếu như Việt Nam tham gia chiến lược FOIP dưới danh nghĩa ASEAN vừa đảm bảo Mỹ thấy được thiện chí, vừa đảm bảo không bị Trung Quốc phản ứng tiêu cực; đồng thời tạo thế cho Việt Nam trong quan hệ với đồng minh, đối tác khác của Mỹ.

(+) Về vấn đề Biển Đông, Việt Nam cần hết sức tỉnh táo để tránh bị bất cứ bên nào lôi kéo vào hoạt động quân sự để chống lại bên kia, cần tránh các nguy cơ thỏa hiệp Mỹ - Trung gây bất lợi cho Việt Nam. Theo đó, Việt Nam cần: Tiếp tục đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo theo phương châm kiên trì, kiên quyết, thông qua giải pháp hòa bình và dựa trên luật pháp quốc tế nhất là Công ước của Liên Hợp quốc về luật biển. Cần tranh thủ, khai thác triệt để vai trò, vị thế tại các diễn đàn đa phương, cũng như những quan điểm tương đồng, lợi ích chung với Mỹ và cộng đồng quốc tế để đấu tranh với Trung Quốc; tham gia các hoạt động quân sự chung mang tính đa phương với Mỹ ở Biển Đông dưới danh nghĩa nhân đạo, cứu hộ, cứu nạn để tránh gây hiểu nhầm từ phía Trung Quốc và tạo thế trong đàm phán với Trung Quốc.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 5

Từ năm 2014 – 2022 là giai đoạn phát triển rực rỡ nhất trong quan hệ Mỹ - Ấn Độ và có sự kế thừa từ các giai đoạn trước. Quan hệ Mỹ - Ấn Độ được phát triển theo hướng thực chất nhờ sự hội tụ lợi ích chiến lược giữa hai nước và là giai đoạn các lĩnh vực hợp tác hỗ trợ lẫn nhau, cùng đưa quan hệ hai nước phát triển, có sự ổn định và coi trọng song phương hơn đa phương. Tuy vậy, một số bất đồng thương mại và đặc biệt là sự toan tính chiến lược giữa hai nước chính là rào cản đối với việc phát triển thành quan hệ đồng minh. Ấn Độ theo đuổi đường lối đối ngoại độc lập, tự cường, cân bằng quan hệ với các nước lớn. Trong khi Mỹ muốn lôi kéo Ấn Độ tham gia bao vây, kiềm chế Trung Quốc.

Quan hệ Mỹ - Ấn Độ là một trong những trục quan trọng trong quan hệ quốc tế hiện nay và có tác động lớn đến khu vực và Việt Nam ở cả hai chiều thuận và nghịch. Ở chiều thuận, sự tăng cường hợp tác của hai cường quốc thúc đẩy sự phát triển thịnh vượng cho toàn khu vực và mở ra nhiều cơ hội phát triển cho các nước, trong đó có Việt Nam. Bên cạnh đó, sự hiện diện của Mỹ - Ấn Độ cũng góp phần củng cố, tăng cường môi trường hoà bình, ổn định trong khu vực, hạn chế giao tranh, tạo thế cân bằng chiến lược, tránh nguy cơ một chủ thể nổi lên độc chiếm và thôn tính toàn khu vực. Ở chiều tác động nghịch, sự gia tăng hợp tác Mỹ - Ấn Độ vì mục tiêu chung cũng làm ảnh hưởng đến lợi ích của các đối thủ khác đặc biệt là Trung Quốc dẫn đến mâu thuẫn trong khu vực cũng có xu hướng gia tăng nhất là lĩnh vực quân sự và an ninh trên biển. Điều này ảnh hưởng tiêu cực tới hoà bình, ổn định khu vực và đặc biệt là an ninh trên biển khi xu hướng chạy đua vũ trang ngày càng tăng nhằm bảo vệ lợi ích cốt lõi. Các nước trong khu vực cũng gặp khó trong câu chuyện cân bằng nước lớn khi phải lựa chọn đối tác, hạn chế tác động tiêu cực từ đối tượng. Việt Nam có quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện với Ấn Độ và Đối tác toàn diện với Mỹ. Do đó, những thay đổi trong quan hệ hai nước Mỹ - Ấn Độ và những tác động từ mỗi quan hệ này dù ít, dù nhiều, trực tiếp hoặc gián tiếp đều tác động đến hoà bình, ổn định, phát triển của khu vực và Việt Nam.

Luận án đưa ra 3 kịch bản khác nhau để dự báo quan hệ Mỹ - Ấn Độ từ nay đến năm 2030. Các kịch bản này có thể xuất hiện khi những biến động của tình hình

thế giới, các nhân tố có liên quan tác động, ảnh hưởng đến quan hệ hai nước. Trên cơ sở đó, Luận án cũng gợi mở một số hàm ý chính sách cho Việt Nam nhằm đẩy mạnh công tác đối ngoại, phát huy sức mạnh nội lực quốc gia và xây dựng đất nước trong bối cảnh mới. Việt Nam đã và đang thực hiện đường lối đối ngoại mở rộng, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, nhằm tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài để phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Một số đề xuất được đưa ra nhằm phát huy những mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực trong quan hệ với Ấn Độ và Mỹ có thể áp dụng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, tạo cho Việt Nam trở thành hình ảnh của một nước là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế.

KẾT LUẬN

Từ kết quả nghiên cứu quan hệ Mỹ - Ấn Độ giai đoạn 2014 – 2022 cho phép đưa ra một số nhận xét như sau:

Một là, quan hệ Mỹ - Ấn Độ giai đoạn 2014 - 2022 có sự kế thừa và có những bước phát triển vượt bậc so với các giai đoạn trước trên tất cả các bình diện, là giai đoạn quan hệ hai nước ổn định nhất, mang tính tích cực và các lĩnh vực hợp tác hỗ trợ cho nhau. Trong bối cảnh thế giới, khu vực và điều kiện nội sinh của mỗi nước đang biến đổi và đặt ra nhiều thách thức mới đối với cả Mỹ và Ấn Độ, hai nước đã vượt qua những khác biệt và bất đồng còn tồn tại để tìm ra nhiều điểm tương đồng về lợi ích và chiến lược. Mỹ và Ấn Độ đã phát triển quan hệ từ “Tầm nhìn chiến lược về khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương” cho đến “Đối tác chiến lược toàn cầu toàn diện” như hiện nay vì lợi ích chung của cả hai bên cũng như lợi ích riêng của mỗi nước. Hợp tác Ấn Độ - Mỹ giai đoạn 2014 – 2020 diễn ra đa ngành và đa lĩnh vực từ chính trị và ngoại giao, quốc phòng - an ninh, thương mại và đầu tư, giao lưu nhân dân, văn hoá, giáo dục, y tế, khoa học và công nghệ, năng lượng, xoá đói giảm nghèo, môi trường, và ngày càng thực chất nhờ những nỗ lực cố gắng từ hai phía, trong đó có vai trò của lãnh đạo hai nước. Các nhà lãnh đạo giai đoạn này của cả Mỹ và Ấn Độ ngày càng nhận thức được sự cần thiết của việc phát triển mối quan hệ song phương và sự hội tụ chiến lược trong các vấn đề khu vực và toàn cầu. Hai bên có những mối quan tâm chung, cùng chia sẻ nhiều lợi ích và thách thức về những vấn đề quốc tế. Đây là những cơ sở nền tảng quan trọng cho việc xây dựng mối quan hệ cùng có lợi. Ngoài ra, sự thay đổi của bối cảnh quốc tế và khu vực, tạo ra những yếu tố thuận lợi khách quan thúc đẩy mối quan hệ hợp tác Mỹ - Ấn Độ. Đây là giai đoạn phát triển ổn định và rục rờ nhất của hai nước. Các lĩnh vực hợp tác đều có tịnh tiến theo chiều hướng đi lên và có sự hỗ trợ lẫn nhau trong đó chính trị - ngoại giao phát triển làm cầu nối cho các lĩnh vực khác, an ninh - quốc phòng là trụ cột lớn nhất và đạt được nhiều thành tựu nhất, kinh tế và một số lĩnh vực khác cũng vượt qua được những rào cản và đạt được những bước tiến đáng kể.

Hai là, trong gần một thập kỷ qua, bên cạnh những thành tựu đáng kể, quan hệ Mỹ - Ấn Độ vẫn tồn tại một số vướng mắc khiến hai nước chưa thể tiến đến quan hệ đồng minh. Một trong số các thách thức lớn nhất là niềm tin chính trị chưa cao, lợi ích chung giữa hai nước chưa phải là lợi ích cốt lõi và những cản trở trong thương mại hai nước. Bên cạnh đó, quan hệ hợp tác song phương trên một số lĩnh vực vẫn chủ yếu mang tính một chiều (Mỹ hỗ trợ Ấn Độ) và nhiều hạn chế tồn tại giữa hai nước trên phương diện đa phương nhất là trong quan hệ với nước thứ ba đặc biệt là quan hệ tam giác Mỹ - Ấn Độ - Nga. Hai nước vẫn tồn tại những quan điểm trái chiều trong chính sách đối ngoại nhất là vấn đề Ấn Độ coi trọng cơ chế đối ngoại đa phương, cân bằng nước lớn trong khi Mỹ chỉ chú trọng quan hệ song phương và muốn điều chỉnh Ấn Độ theo ý chí “bài Trung” của mình. Tuy nhiên, hai nước vẫn có chung một thách thức lớn nhất là mối đe dọa từ Trung Quốc và để phản ứng trước những biến động của bàn cờ chính trị thế giới, khu vực luôn biến đổi, quan hệ Mỹ và Ấn Độ vẫn sẽ gắn kết và tiếp tục được thúc đẩy trong thời gian tới.

Ba là, là “tháp đôi dân chủ” của thế giới và là quan hệ giữa một siêu cường số một và một cường quốc khu vực có vị thế ngày càng lớn trên trường quốc tế, quan hệ Mỹ - Ấn Độ có tác động ở cả hai chiều tích cực và tiêu cực đối với khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, nhất là Đông Nam Á – nơi hội tụ nhiều lợi ích chung nhất của Mỹ và Ấn Độ. Một mặt, sự hiện diện của Mỹ và Ấn Độ thúc đẩy sự phát triển ngày càng thịnh vượng của khu vực và góp phần xây dựng môi trường hoà bình, ổn định cho khu vực. Ở chiều ngược lại, quan hệ ngày càng gắn kết và mục tiêu cốt lõi là kiềm toả Trung Quốc của Mỹ và Ấn Độ cũng đẩy mức độ mâu thuẫn và cạnh tranh ảnh hưởng giữa Mỹ - Trung - Ấn Độ ngày càng căng thẳng hơn, tác động tiêu cực đến hoà bình, ổn định, nhất là gây ra nguy cơ chạy đua vũ trang trong khu vực. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh giữa các nước lớn cũng khiến cho các nước trong khu vực dễ bị rơi vào tình trạng bế tắc trong quan hệ với nước lớn. Việt Nam cũng không nằm ngoài vòng xoáy này và chịu sự tác động chung của mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ đối với khu vực. Ngoài ra, Việt Nam nhận được cả cơ hội và thách thức từ mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ mang lại do Mỹ, Trung Quốc và Ấn Độ là

những đối tác quan trọng với Việt Nam. Với thế và lực hiện tại đặc biệt là vị trí địa chính trị, địa kinh tế đặc biệt quan trọng, Việt Nam nhận được sự quan tâm trong chiến lược đối ngoại của cả ba nước lớn này. Điều này vừa tạo vị thế và cơ hội cho Việt Nam hợp tác phát triển và thúc đẩy quan hệ với các đối tác lớn. Song, mỗi quan hệ đối đầu giữa Mỹ - Ấn Độ đối với Trung Quốc cũng khiến Việt Nam gặp phải thách thức trong ứng xử với nước lớn nhằm đảm bảo lợi ích quốc gia – dân tộc mình nhất là bảo vệ nền độc lập dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ Quốc.

Bốn là, trên cơ sở là những yếu tố tác động từ môi trường quốc tế, khu vực và nội bộ hai nước Mỹ, Ấn Độ trong thời gian tới và lịch sử, thực trạng của quá trình hợp tác Mỹ - Ấn Độ đến năm 2022 cho phép dự đoán xu hướng vận động chủ đạo của quan hệ đối tác toàn cầu toàn diện Mỹ - Ấn Độ đến năm 2030. Luận án dự báo ba kịch bản có thể xảy ra cho mỗi quan hệ này: quan hệ Mỹ - Ấn Độ theo chiều hướng tốt lên, quan hệ Mỹ - Ấn Độ theo chiều hướng xấu đi và quan hệ Mỹ - Ấn Độ như hiện tại. Theo đó, rất có thể quan hệ Mỹ - Ấn Độ sẽ tiếp tục được thúc đẩy; hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư giữa Mỹ và Ấn Độ có bước phát triển mạnh mẽ; hai nước cùng nhau chia sẻ quan điểm về dân chủ và lợi ích chung trong bối cảnh Trung Quốc trỗi dậy mạnh mẽ, đe dọa trực tiếp đến lợi ích cốt lõi của Ấn Độ và Mỹ ở khu vực. Đặc biệt, hợp tác lĩnh vực quốc phòng - an ninh được lãnh đạo hai nước tiếp tục xác định là trụ cột quan trọng trong quan hệ song phương, bởi trong chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và mở rộng” của Mỹ, hợp tác quốc phòng - an ninh là chủ yếu nhằm đối phó với những thách thức an ninh. Cùng với đó, kim ngạch thương mại quân sự song phương không những tăng, thể hiện sự coi trọng của hai nước trong thúc đẩy hợp tác quốc phòng - an ninh. Quan hệ của hai nước vẫn dựa trên những lợi ích song trùng song mâu thuẫn vẫn còn tồn tại, do đó sẽ còn nhiều diễn biến phức tạp, tùy thuộc vào những biến chuyển trong nội bộ nước Ấn Độ, Mỹ và bối cảnh khu vực cũng như trên thế giới. Vì Ấn Độ và Mỹ là hai cường quốc trên thế giới, nên mỗi quan hệ này sẽ tác động đến tình hình thế giới nói chung, đặc biệt là tình hình khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và góp phần định hình cục diện thế giới đang hình thành.

Năm là, luận án đưa ra một số khuyến nghị chính sách cho Việt Nam. Trong đó, gợi mở những hàm ý thúc đẩy quan hệ Việt Nam với Mỹ và Ấn Độ, tận dụng những điều kiện thuận lợi từ hai đối tác lớn để phát triển toàn diện đất nước và hạn chế những nguy cơ ảnh hưởng quan hệ song phương và lợi ích quốc gia dân tộc. Luận án cũng khuyến nghị những giải pháp cân bằng cho Việt Nam trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn gia tăng. Đặc biệt quan tâm đến thứ hạng ưu tiên của đối tác trong quan hệ đối ngoại, đảm bảo cao nhất lợi ích quốc gia dân tộc, nhất là độc lập dân tộc và chủ quyền lãnh thổ.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Quách Thị Huệ (2020), “Chính sách của chính quyền Donald Trump đối với Ấn Độ trong bối cảnh Ấn Độ - Thái Bình dương tự do và rộng mở”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (4), tr.127-132.
2. Quach Thi Hue (03/3/2021), “India – The US Promote National Defense – Security Cooperation”, link: <https://moderndiplomacy.eu/2021/03/03/india-the-us-promote-national-defense-security-cooperation/?fbclid=IwAR1fla5g2gcef15VpmTybtDeUdGkjQvaZJ9YkR5jInpYgrn4yYz4MEShRPg>.
3. Quách Thị Huệ (2021), “Những bước tiến mới trong hợp tác công nghệ quân sự Ấn Độ - Mỹ”, *Tạp chí Lý luận Chính trị Công an nhân dân* (65), tr.76-80.
4. Quách Thị Huệ (2021), “Những ưu tiên trong chính sách an ninh của Tổng thống Mỹ Joe Biden”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (8), tr.127-132.
5. Nguyễn Thị Oanh, Quách Thị Huệ (2021), “Vai trò của Mỹ trong tranh chấp lãnh thổ Ấn Độ - Pakistan”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (526), tr.140-146.
6. Quach Thi Hue (2021), “Future of ASEAN and India–ASEAN Relations”, *ASEAN and India–ASEAN Relations: Navigating Shifting Geopolitics*, Routledge Publications, Taylor & Francis Group. pp.243-259.
7. Quách Thị Huệ (2021), “Sự tương đồng lợi ích chiến lược của Ấn Độ và Mỹ ở khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương”, *Quan hệ quốc tế ở khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương Tự do và Rộng mở*, NXB Thế giới, Hà Nội. tr. 223-239.
8. Pankaj Jha, Quach thi Hue (2022), “India’s maritime diplomacy in Southeast Asia: Exploring synergies”, *Maritime Affairs: Journal of the National Maritime Foundation of India*, Routledge Publications, Taylor & Francis Group Vol. 17(2), pp.78-90, published online 11 January 2022. <https://www.tandfonline.com/eprint/VKUWXHBOFHTGHICITINYQ/full?target=10.1080/09733159.2021.2018827>.

9. Quách Thị Huệ, Lê Huy Tuấn, (2022), “Sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Ấn Độ và những tác động đối với Việt Nam”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 3/2022, ISSN 0936-8477, tr. 77-82.

10. Quach thi Hue, (2022), “India’s foreign policy towards Southeast Asia before Prime Minister Narendra Modi”, *Jindal Journal of International Affairs* Vol.1(6), 6/2022, ISSN 2249-8095, pp. 20-34.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Ngô Thị Lan Anh (2016), “Sự phát triển quan hệ Mỹ-Ấn Độ trong thời gian gần đây”, *Tạp chí nghiên cứu Ấn Độ và châu Á* (12), tr. 10-16.
2. Lại Thái Bình (2019), “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Cơ hội và thách thức”, *Tạp chí Cộng sản* (919), tr. 104-110.
3. Ngô Xuân Bình (2017), *Điều chỉnh chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N.Modi*, Đề tài thuộc Viện nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á.
4. Phạm Cao Cường (2021), *Chính sách biển Đông của Hoa Kỳ trong bối cảnh mới*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, tr. 49.
5. Trần Xuân Hiệp, Trần Như Bắc (2016), “Ấn Độ trong chính sách tái cân bằng của Mỹ”, *Tạp chí nghiên cứu Ấn Độ và châu Á* (06), tr. 10-16.
6. Vũ Đăng Hình (2009), *Quan hệ Hoa Kỳ - Ấn Độ giai đoạn 2010 – 2020*, Đề tài thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà Nội.
7. Vũ Dương Huân (chủ biên) (2004), *Quan hệ của Mỹ với các nước lớn ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Quách Thị Huệ (2021), “Những ưu tiên trong chính sách an ninh của Tổng thống Mỹ Joe Biden”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (8), tr.127-132.
9. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2003), *Giáo trình Quan hệ quốc tế*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Trần Hoàng Long (2021), “Sức mạnh tổng hợp quốc gia của Ấn Độ: Hiện trạng và Triển vọng”, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, tr. 209.
11. Nguyễn Việt Lâm (2020), “Sức mạnh mềm của Mỹ thời kỳ Tổng thống Donald Trump: Thực trạng, tác động và kiến nghị chính sách cho Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (2), tr. 114-120.
12. Nguyễn Văn Lịch, Nguyễn Duy Việt (2016), “Quan hệ Mỹ-Ấn Độ trong năm 2015”, *Tạp chí châu Mỹ ngày nay* (3), tr. 25-29.
13. Trần Thị Lý (2002), *Sự điều chỉnh chính sách của Cộng hòa Ấn Độ từ 1991 đến năm 2000*, NXB. Khoa học Xã Hội, Hà Nội.

14. Nguyễn Thanh Minh (2018), “Quan điểm của Ấn Độ đối với vấn đề Biển Đông trong bối cảnh Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương”, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “*Hợp tác phát triển Việt Nam - Ấn Độ trên lĩnh vực kinh tế, quốc phòng, an ninh trong bối cảnh Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tự do và Rộng mở*”, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
15. Phạm Quang Minh, Nguyễn Thị Thùy Trang (2019), *Quan hệ quốc tế trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở*, NXB Thế giới, Hà Nội.
16. Hoàng Khắc Nam (2017), *Lý thuyết Quan hệ quốc tế*, NXB Thế giới, Hà Nội.
17. Lê Thị Hằng Nga, Hà Lê Huyền (2020), “Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi: nhà lãnh đạo có sức lôi cuốn”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á* (8), tr. 81-87.
18. Nguyễn Thị Oanh (2016), “Ấn Độ trong sự cạnh tranh chiến lược ở Ấn Độ Dương hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á* 12 (49), tr. 9-16.
19. Nguyễn Thị Oanh (2020), “Kiến trúc an ninh khu vực Nam Á hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu phi và Trung Đông* 03(175), tr. 27-37.
20. Trần Thùy Phương (2022), “Saudi Arabia: Phát huy “sức mạnh mềm” để gia tăng vị thế ở khu vực và trên thế giới”, *Tạp chí Cộng sản* (4), tr. 32-36.
21. Trần Hoa Phương (2018), “Những thuận lợi và khó khăn trong phát triển quan hệ kinh tế Việt Nam - Ấn Độ trong bối cảnh Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tự do và Rộng mở”, Kỷ yếu hội thảo Quốc tế *Hợp tác Việt Nam - Ấn Độ trên lĩnh vực kinh tế, quốc phòng, an ninh trong bối cảnh Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tự do và Rộng mở*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
22. Triệu Hồng Quang, Lê Thị Hằng Nga (2016), “Hợp tác an ninh quốc phòng Ấn Độ và Hoa Kỳ từ năm 1991 đến nay”, *Tạp chí nghiên cứu Ấn Độ và châu Á* (9), tr. 12-17.
23. Đặng Đình Quý (chủ biên) (2011), *Biển Đông: Hướng tới một khu vực hòa bình, an ninh và hợp tác*, NXB Thế giới, Hà Nội.
24. Nguyễn Trần Xuân Sơn (2020), Quan hệ đối tác Mỹ - Ấn Độ: Hướng tới sự đồng thuận chiến lược, *Tạp chí Cộng sản* (10), tr. 2-3.
25. Mao Khắc Tật (2017), “Mỹ - Ấn Độ trong bối cảnh Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương”, *Tạp chí Tri thức thế giới* (23), tr. 1-5.

26. Nguyễn Đắc Tùng (2021), “Hợp tác quốc phòng Ấn Độ-Hoa Kỳ từ năm 1991 đến năm 2013”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á* (10), tr. 17-21.
27. Thông tấn xã Việt Nam (2017), *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 13/11/2017.
28. Thông tấn xã Việt Nam (2017), *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 27/06/2020.
29. Thông tấn xã Việt Nam (2020), *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 12/11/2020.
30. Thông tấn xã Việt Nam (2020), *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 13/2/2020, tr.2- 5
31. Thông tấn xã Việt Nam (2020), *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 28/10/2020.
32. Thông tấn xã Việt Nam (2020), *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 12/11/2020, tr.1-3.
33. Thông tấn xã Việt Nam (2017), *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 10/9/2017.
34. Thông tấn xã Việt Nam (2014), *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 9/2014, tr.4-8.
35. Thông tấn xã Việt Nam (2019), *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 7/12/2019, tr. 2-9.
36. Thông tấn xã Việt Nam (2017), *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 15/11/2017.
37. Thông Tấn Xã Việt Nam (2016), *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 28/10/2016.
38. Thông tấn xã Việt Nam (2018), *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 29/8/2018.
39. Thông tấn xã Việt Nam (2017), *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 10/9/2017.
40. Thông tấn xã Việt Nam (2014), *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 10/9/2011.
41. Thông tấn xã Việt Nam (2020), *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 28/10/2020.
42. Thông Tấn xã Việt Nam (2014), *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 18/11/2014, tr. 6-7.
43. Thông Tấn xã Việt Nam (2014), *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 18/1/2014, tr. 6-7.
44. Thông Tấn xã Việt Nam (2018), *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 5/8/2018.
45. Thông Tấn xã Việt Nam (2020), *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 13/2/2020, tr. 3, 5-6.
46. Thông Tấn xã Việt Nam (2020), *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 12/11/2020, tr. 3-5.
47. Thông tấn xã Việt Nam (2015), “Quan hệ Ấn Độ - Nga trong bối cảnh thế giới mới”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt* (17).
48. Thông tấn xã Việt Nam (2015), “Ấn Độ Dương: điểm nóng trong tranh giành ảnh hưởng Trung - Ấn”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt* (9).
49. Thông Tấn Xã Việt Nam (2016), “Mỹ-Ấn mong chờ gì ở vị tổng thống mới của Mỹ”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, tháng 10/2016.
50. Tôn Sinh Thành (2020), “Quan hệ Ấn - Mỹ: thực trạng và triển vọng”, *Tạp chí*

Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á (10), tr. 20-18.

51. Nguyễn Lê Thy Thương (2021), “Ấn Độ trong chính sách của chính quyền Tổng thống Joe Biden”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á*, tr. 7-11.

52. Nguyễn Lê Thy Thương (2021), “Sự tham gia của Ấn Độ vào Tứ giác đối thoại (Quad): những vấn đề cơ bản”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á*, tr. 6-11.

53. Lê Thị Thu (2016), “Triển vọng quan hệ Hoa Kỳ - Ấn Độ”, *Tạp chí châu Mỹ ngày nay* (9), tr. 10-16.

54. Nguyễn Xuân Trung (2020), Báo cáo đề dẫn Hội thảo “Cạnh tranh chiến lược Ấn Độ - Trung Quốc và tác động đến các nước”, Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á.

55. Nguyễn Khánh Vân (2013), “Quan hệ đối tác chiến lược Mỹ - Ấn Độ”, *Tạp chí châu Mỹ ngày nay* (11), tr. 17-21.

56. Võ Xuân Vinh (2009), “Một số nội dung cơ bản trong Chính sách hướng Đông của Ấn Độ”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á* (10), tr. 15-22.

57. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, t. I, tr. 110-111, 156, 157, 162-163.

Tiếng Anh

58. Aparna Pande (2018), “Natural Allies? The India-US relations from the Clinton Administration to the Trump Era”, *Asie.Visions*, No. 104, pp. 10-34

59. Amitendu Palit (2015), “Economics in Narendra Modi’s Foreign Policy”, *Asie.Visions* (77), pp. 120-131.

60. Ashlyn Anderson, Amy Nelson (2016), How to Build Military Cooperation for the US Alliance - India, *Journal of Foreign Affairs* Vol. 6(2), pp. 1-2.

61. Arijit Mazumdar (2011), “India's Search for a Post-Cold War Foreign Policy: Domestic Constraints and Obstacles”, *India Quarterly* Vol. 67(2), pp. 165-182.

62. Arun, P. (2011), “China’s Maritime Challenge in the Indian Ocean”, *Maritime Affairs: Journal of the National Maritime Foundation of India* Vol.7(1), pp. 120-131.

63. Bhasin A. S. (2009), *India’s foreign Relations-2008*, Geetika Publishers, New Delhi, India.

64. Balwinder Singh (2018), “Indo-US Strategic Relations in the 21st Century”,

Journal of Political Studies Vol. 25 (1), pp. 243- 253.

65. B.M. Jain (2016), *India-US Relations in the Age of Uncertainty: An Uneasy Courship*, Routledge Publications, Taylor & Francis Group.

66. Burns, R. N. (2005), “The U.S. and India: An Emerging Entente?”, *Remarks as Prepared for the House International Relations Committee*, Washington, D.C.

67. Canada and the Indo-Pacific: “DIVERSE AND INCLUSIVE, NOT FREE AND OPEN (2020), *Asia Pacific Foundation of Canada* Vol 5(3), pp. 36-46.

68. Christine M. Leah (2014), *Policy Report U.S. Military Assistance to India: Building Partner Capacity*, pp. 2-3.

69. Chintamani Mahapatra (2020), “Indo-US Relations under the Biden Administration: Predictable Difficulties Ahead”, *Indian Foreign Affairs Journal* Vol. 15(4), pp. 280 –285.

70. Congressional Research Service (2014), *India - U.S. Economic Relations: In Brief*, pp. 3-7.

71. Congressional Research Service (2022), *U.S.-India Trade Relations*.

72. Congressional Research Service (2014), *India-U.S. Relations*, July 19, 2021, pp. 119-129.

73. Das, A. (2016), “India’s Neighbourhood Policy: Challenges and Prospects”, *Jindal Journal of International Affairs* Vol.4 (1), pp. 145-160.

74. Donald J. Trump (2017), *National Security Strategy of the United States of America*, Washington, DC: White House, December 2017.

75. Francine R. Frankel (2020), “When Nehru Looked East: Origins of India-US Suspicion and India-China Rivalry”, *Oxford University Press*.

76. Grare, F. (2017), *India Turns East: International Engagement and US-China Rivalry*, New York: Oxford University Press.

77. GJ. Schmitt (2020), *A Hard Look at Hard Power: Assessing the Defense Capabilities of Key US Allies and Security Partners-Second Edition*.

78. Harsh V. Pant (2014), “Modi’s Unexpected Boost to India-US Relations”, *The Washington Quarterly*, Vol. 37(3), pp. 93-112.

79. Hyo-Sung Park (2016), *China's RMB Internationalization Strategy: Its Rationales, State of Play, Prospects and Implications*.
80. India Tourism Statistics at a Glance (2021), pp. 6-12.
81. Indian Ministry of Tourism (2021), "India Tourism Statistics at a Glance – 2021", Annual Report.
82. Jon Gambrell, David Rising (2022), *China's newest, most advanced aircraft carrier is nearing completion, satellite photos show*, 17/6/2022.
83. Joshua T. White (2021), *After the Foundational Agreements: An Agenda For US-INDIA Defense and Security Cooperation*.
84. K. Alan Kronstadt, Sonia Pinto (2012), *India - U.S. Security Relations: Current Engagement*; CRS November 13, 2012.
85. Knorr Klaus (1973), *Power and Wealth: The Political Economy of International Power*, Basic Book.
86. Liu Peng (2016), "An evaluation of military security cooperation within the context of the US-India Global Strategic Partnership", *South Asian Studies* Vol. 4, pp. 29-50.
87. Lisa Curtis (2010), *Enhancing India's role in the global nonproliferation regime*, CSIS.
88. Nicholas Burns (2014), "India – US relations", *Journal of Foreign Affairs*, September – October Vol. 4(2), pp. 1-12.
89. NSS (2017), "*National Security Strategy of the United States of America*", The White House – The Donald J. Trump Administration.
90. Nye Joseph (2004), *Soft Power*, Public Affairs, New York, pp. 53-71.
91. Nye Joseph (1991), *Bound to lead: The Changing Nature of American Power*, Public Affairs, New York.
92. Pieter D. Wezeman, Alexandra Kuimova and Siemon T. Wezeman (2021), *Trends in International Arms Transfers*, 2020/SIPRI, pp. 6-15.
93. Rajeswari Pillai Rajagopalan (2020), "Towards a Quad-Plus Arrangement?", *Perth USAsia Centre*.
94. Richard Weitz Dr (2017), *Promoting U.S.-Indian Defense Cooperation*:

- Opportunities and Obstacles*, US Army War College USAWC Press, pp. 32-32.
95. Robert E. Lighthizer (2019), Office of the United States, *Trade Representative*.
96. Sabrina Siddiqui (2022), *Biden Holds Call on Ukraine with Leaders of Australia, India, Japan*.
97. Saleem Ahmad (2020), *Shift in India's MENA Policy during the Modi Government: Challenges and Opportunities*, HEMISPHERES No. 35, pp. 23-30.
98. Satu Limaye (2016), "US - India Relations: Progress on Defense while Economic Issues Lag," *Comparative Connections a Triannual E-Journal on East Asian Bilateral Relations* Vol. 18 (2), pp. 159-160.
99. Scott, D. (2009), "India's 'Extended Neighborhood' Concept: Power Projection for a Rising Power", *India Review* Vol. 8 (2), pp. 107-143.
100. Stokes, M., Patel, N. (2012), *BIT and Beyond: Advancing the US-India economic relationship, A report of CSIS Wadhvani chair in US- India policy studies*, Washington, D.C: Center for strategic & International Studies, pp.100-120.
101. Sumit Ganguly, M. Chris Mason (2019), *An Unnatural Partnership? The Future of U.S.-India Strategic Cooperation*, pp.7, 9-14, 39, 40, 50.
102. Subhadeep Bhattacharya (2019), *India, ASEAN Indo-Pacific geopolitics*, *Revista UNISCI/UNISCI Journal*, N° 49, Enero/January, pp.243-245.
103. Thomas R. Graham (1978), *The American Journal of International Law*, Vol. 72 (3), pp. 523-533.
104. The U.S. State Department (2019), *U.S. Travel Association International Visitations to the U.S. from international inbound travel market profile*, pp. 2-10.
105. The U.S. State Department (2020), *INDO - U.S. SCIENCE AND TECHNOLOGY FORUM CATALYZING INDO - U.S. SCIENCE & TECHNOLOGY COOPERATION*, Annual Report 2019-2020, pp. 5, 48.
106. The U.S. Department of Defense (2020), "*Framework for the US-India Defense Relationship*," pp.1-6
107. The U.S. Department of Defense (2020), "Report to Congress on U.S.-India Security Cooperation," *Annual Report 2019-2020*, pp.1-56.

108. The US - India Business Council (2015), "Proceedings of the Session on Indo-US Industry Co-operation in Defence Production", February 10, 2015. Bangalore, India.
109. The U.S. State Department (2020), "Indo – US Science and Technology Forum Catalyng", *Annual Report 2019-2020*, pp. 48-59.
110. Richard Rahul Verma (2020), *Overcoming the Hesitations of History: An Analysis of U.S.-India Ties*, *Georgetown University ProQuest Dissertations Publishing*.
111. Vinay Kaura (2018), "India-US Relations: From Distant Partners to an Alliance", *Parameters 48 Vol. 3*, pp. 37 - 38.
112. World Bank Group (2021), "Global Economic Prospects", June 2021, pp. 3-4.

Tiếng Trung

113. 高尚涛 (2018), 印度对“一带一路”倡议的看法及中国之应对. 对外传播期:008 页码: 35-37.
114. 李家胜 (2017), 印度洋相遇-印度应对中国进入印度洋的行为逻辑. 世界经济与政治. 期: 9, 页码: 37-61.
115. 陈水胜, 席桂桂 (2015), "一带一路"倡议的战略对接问题: 以中国与印度的合作为例. 南亚研究季刊 (4), 页码: 72-79.
116. 田丰 (2015), 中国企业如何投资印度? 中国外资》2014 年第3 期 42-44 页.
117. 徐华 (2018), 中国与印度贸易关系的测度和分析. 现代商贸工业 期:001 页码: 42-45.
118. 李小军 (2019), 印度与中国关系中的"核因素"及其影响. 南亚东南亚研究, 2019, (2), 页码.
119. 杨思灵 (2020), 加勒万河谷流冲突: 印度的危险游戏及其对中印关系的影响. 《云梦学刊》2020 年第 5 期 1-10 页

Website

120. Trần Thị Vân Anh (22/5/2013), Mỹ và bài toán nợ công, Tạp chí Tài chính, <https://tapchitaichinh.vn/my-va-bai-toan-no-cong.html>.
121. About CCS NIAM (2022), <https://ccsniam.gov.in/>, accessed on April 3, 2022.
122. Afeena Ashfaque (2021), U.S.-India Agricultural Cooperation, <https://www.csis.org/blogs/adapt-advance-refreshed-agenda-us-india-relations/us-india-agricultural-cooperation>, accessed on April 7, 2022.
123. Alam, A. (2017), “India’s Strategic Vision About West Asia and its Limitations”, <http://www.mei.edu/content/map/india-s-strategic-vision-about-west-asia-and-its-limitations>, accessed on April 7, 2022.
124. A massive rally with Modi and a tour of the ‘truly incredible’ Taj Mahal (2020), <https://www.washingtonpost.com/world/2020/02/24/trump-india-live-updates/>, accessed on March 7, 2022.
125. An Huy (2015), “Thông điệp từ chuyến thăm Ấn Độ của Obama”, [vneconomy.vn](https://vneconomy.vn/thong-diep-tu-chuyen-tham-an-do-cua-obama.htm), <https://vneconomy.vn/thong-diep-tu-chuyen-tham-an-do-cua-obama.htm>, truy cập ngày 16/11/2021.
126. Anit Mukherjee (2021), *U.S.- India Healthcare Cooperation*, <https://www.csis.org/blogs/adapt-advance-refreshed-agenda-us-india-relations/us-india-healthcare-cooperation>, accessed on April 7, 2022.
127. Antoine Levesques (2020), *India–US relations in the age of Modi and Trump*, <https://www.iiss.org/blogs/analysis/2020/03/sasia---us-india-relations-trump-and-modi>, accessed on February 27, 2022.
128. An Nhiên (2018), “Thành tựu kinh tế Trung Quốc sau 40 năm cải cách và mở cửa”, *Tạp chí Công sản*, <http://dulieu.tapchicongsan.org.vn/Home/The-gioi-van-de-su-kien/2018/53528/Thanh-tuu-kinh-te-Trung-Quoc-sau-40-nam-cai-cach-va.aspx>.
129. Nhân Dân (2005), “Ấn Độ và Mỹ ký thỏa thuận hợp tác quân sự (2005)”, <https://nhandan.vn/tin-tuc-the-gioi/an-do-va-my-ky-thoa-thuan-hop-tac-quan-su-403730/>, ngày truy cập 20/1/2022

130. “Ấn Độ-Hoa Kỳ ký hợp đồng cung cấp trực thăng quân sự giá 3 tỷ USD (2020)”, <https://sputniknews.vn/20200224/an-do-hoa-ky-ky-hop-dong-cung-cap-truc-thang-quan-su-gia-3-ty-usd-8734029.html>, ngày truy cập 10/11/2022.
131. Biswajit Dhar (2020), “Opinion With pacts on defence, oil and LNG, new chapter begins in India-US relations”, <https://www.livemint.com/opinion/columns/with-pacts-on-defence-oil-and-lng-new-chapter-begins-in-india-us-relations-11582654336553.html>, accessed on February 10, 2022.
132. Business-standard (2022), “US Congressman expresses concern over human rights situation in Kashmir”, https://www.business-standard.com/article/international/us-congressman-expresses-concern-over-human-rights-situation-in-kashmir-122042200300_1.html, accessed on August 22, 2022.
133. “Chiến lược hợp tác của EU tại Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương” (2021), https://www.eeas.europa.eu/eeas/chi%E1%BA%BFn-1%C6%B0%E1%BB%A3c-h%E1%BB%A3p-t%C3%A1c-c%E1%BB%A7a-eu-t%E1%BA%A1i-%E1%BA%A5n-%C4%91%E1%BB%99-d%C6%B0%C6%A1ng-th%C3%A1i-b%3%ACnh-d%C6%B0%C6%A1ng-0_vi, truy cập ngày 24/11/ 2022.
134. “China becomes single largest contributor of Africa's FDI” - Report (2017), <https://www.africanews.com/2017/05/04/china-becomes-single-largest-contributor-of-africa-s-fdi-report/>, accessed on June 17, 2022.
135. “China becomes the world's second largest economic power (by GDP, in current dollar terms)” (2010), <https://www.citeco.fr/10000-years-history-economics/contemporary-world/china-becomes-the-world-s-second-largest-economic-power-by-gdp-in-current-dollar-terms>, accessed on June 17, 2022.
136. “China's Defense Budget” (2022), <https://www.globalsecurity.org/military/world/china/budget.htm>, accessed on June 15, 2022.
137. Daneils, J. (2016), “Expanding US-Japan-India Cooperation in the India Ocean”, *The Diplomat*, <https://thediplomat.com/2016/04/expanding-us-japan-india->

cooperation-in-the-india-ocean, accessed on June 18, 2022.

138. Deep Pal (2021), *China's Influence in South Asia: Vulnerabilities and Resilience in Four Countries*, <https://carnegieendowment.org/2021/10/13/china-s-influence-in-south-asia-vulnerabilities-and-resilience-in-four-countries-pub-85552>,

accessed on June 17, 2022.

139. Dipanjan Roy Chaudhury (2020), "India wins 184 out 192 votes to enter UN Security Council", <https://economictimes.indiatimes.com/news/politics-and-nation/india-mexico-norway-ireland-elected-to-un-security-council/articleshow/76435650.cms>, accessed on March 13, 2022.

140. Embassy of India (2007), "A Vision for India - US relations for the 21st century", www.indiaembassy.org/indusrel/trade.htm, accessed on June 16, 2022.

141. "FDI Inflow to India Fell To \$74.01 Billion In 2021" (2022), <https://www.ndtv.com/business/fdi-inflow-to-india-declines-to-74-01-billion-in-2021-2838965>, accessed on April 4, 2022.

142. Foreign Trade Barrier, China (2015), <https://ustr.gov/sites/default/files/files/reports/2015/NTE/2015%20NTE%20China.pdf>, 69, accessed on January 29, 2022.

143. Hari Seshasayee (2022), "Oil: A New Chapter in U.S.-India Relations", <https://www.wilsoncenter.org/blog-post/oil-new-chapter-us-india-relations>, accessed on February 16, 2022.

144. "Hoa Kỳ và ASEAN - Quan hệ đối tác bền vững" (2019), <https://vn.usembassy.gov/vi/hoa-ky-va-asean-quan-he-doi-tac-ben-vung/>, truy cập ngày 17/07/2022.

145. H I Sutton (2022), "China Launches First Aircraft Carrier Which Rivals U.S. Navy's", <https://www.navalnews.com/naval-news/2022/06/china-launches-first-aircraft-carrier-which-rivals-u-s-navys/>, accessed on June 16, 2022.

146. India Americans household income average USD 120,000 annually: Report (2021), <https://economictimes.indiatimes.com/nri/migrate/indian-americans-household-income-average-usd-120000-annually-report/articleshow/80573809.cms>,

accessed on 13/4/2022.

147. Indrani Bagchi (2021), ‘Americans first’: US cites domestic priorities to reject India’s vaccine plea, <https://timesofindia.indiatimes.com/world/us/first-obligation-is-to-americans-says-us-on-indias-request-for-vaccine-raw-materials/articleshow/82219263.cms>, accessed on February 28, 2022.

148. “India’s COVID cases spiral as health system staggers” (2021), <https://www.aljazeera.com/news/2021/4/23/fire-kills-13-covid-patients-in-india-hospital-live-updates>, accessed on April 10, 2022.

149. “India has high hopes ties with US will deepen under Biden” (2021), <https://www.yahoo.com/news/india-high-hopes-ties-us-052954162.html>, accessed on January 28, 2022.

150. Indian Ministry of Foreign Affairs (2017), “Brief on India-U.S. Relations”, https://www.mea.gov.in/Portal/ForeignRelation/India_US_brief.pdf, accessed on January 15, 2022.

151. Indian Ministry of Foreign Affairs (2022), “Investment Incentive Agreement between the Government of India and the Government of United States of America”, <https://mea.gov.in/press-releases.htm?dtl/35347/Investment+Incentive+Agreement+between+the+Government+of+India+and+the+Government+of+United+States+of+America>, accessed on May 25, 2022.

152. Indian Ministry of Tourism (2021), India Tourism Statistics at a Glance - 2021.

153. “India Pharma Exports And Advantage India” (2020), <https://www.ibef.org/exports/pharmaceutical-exports-from-india#:~:text=India%20has%20exported%20US%24%203.89,US%24%201.97%20in%20August%202020>, accessed on April 3, 2022.

154. India: Pact in Works for U.S. Defense Technology Transfers (2020), <https://ipdefenseforum.com/2020/03/india-pact-in-works-for-u-s-defense-technology-transfers/>, accessed on February 28, 2022.

155. India/United States (2020), <https://oec.world/en/profile/bilateral-country/ind/partner/usa>, accessed on March 7, 2022.
156. India-US Economic relations (2022), <http://www.economywatch.com/foreign-direct-investment/india-united-states.html>, accessed on January 20, 2022.
157. Indo - U.S. PACEsetter Fund (2022), <https://iusstf.org/indo-u-s-pacesetter-fund>, accessed on May 13, 2022.
158. “India-US to Further Strengthen Cooperation in the Field of Education and Skill Development (2022)”, <https://www.news18.com/news/education-career/india-us-to-further-strengthen-cooperation-in-the-field-of-education-and-skill-development-4973413.html>, accessed on 13/4/2022.
159. India/United States (2020), <https://oec.world/en/profile/bilateral-country/ind/partner/usa>, accessed on March 24, 2022.
160. “India-US sign key pact on sharing info on terror (2018)”, <https://economictimes.indiatimes.com/news/defence/india-us-sign-key-pact-on-sharing-info-on-terror/articleshow/52555612.cms>, accessed on February 28, 2022.
161. “India receives US \$ 64 billion FDI in 2020, fifth largest recipient of inflows: UN” (2020), <https://www.ibef.org/news/india-receives-us-64-billion-fdi-in-2020-fifth-largest-recipient-of-inflows-un>, accessed on March 30, 2022.
162. Internal Monetary Fund (8/8/2018), India's Strong Economy Continues to Lead Global Growth, <https://www.imf.org/en/News/Articles/2018/08/07/NA080818-India-Strong-Economy-Continues-to-Lead-Global-Growth>, truy cập ngày 30/2/2023.
163. Investopedia (01/9/2019), The Top 25 Economies in the World, <https://www.investopedia.com/insights/worlds-top-economies/#toc-6-india>, truy cập ngày 30/2/2023.
164. James Griffiths (2020), “A border dispute with China may push India closer to some of Beijing’s top rivals”, <https://edition.cnn.com/2020/06/18/asia/china-india-border-dispute-quad-us-intl-hnk/index.html>, accessed on July 30, 2022.
165. Jeremy Diamond (2017), “5 things to know about Trump's national security strategy”, <http://edition.cnn.com/2017/12/18/politics/5-things-to-know-about->

- [trumps-national-security-strategy/index.html](#), accessed on February 7, 2022.
166. Joint Statement on the third India-U.S. 2+2 Ministerial Dialogue (2020), https://www.mea.gov.in/bilateral-documents.htm?dtl/33145/Joint_Statement_on_the_third_IndiaUS_2432_Ministerial_Dialogue, accessed on February 16, 2022.
167. Joint Statement on U.S. - India Counter Terrorism Joint Working Group and Designations Dialogue (2020), <https://in.usembassy.gov/joint-statement-on-u-s-india-counter-terrorism-joint-working-group-and-designations-dialogue/>, accessed on February 22, 2022.
168. Justin Mccarthy (2020), Iran, North Korea Liked Least by Americans, <https://news.gallup.com/poll/287153/iran-north-korea-liked-least-americans.aspx>, accessed on February 17, 2022.
169. Ken Roberts (2022), Another 2021 First: Top 10 U.S. Trade Partners Top \$100 Billion, <https://www.forbes.com/sites/kenroberts/2022/02/08/another-2021-first-top-10-us-trade-partners-top-100-billion/?sh=222b8178468f>, accessed on March 7, 2022.
170. Lan Anh (2014), “Ấn Độ công bố chiến lược Make in India”, *tienphong.vn*, <https://tienphong.vn/an-do-cong-bo-chien-luoc-make-in-india-post723348.tpo>, truy cập ngày 23/10/2020.
171. Lê Anh (16/11/2021), “Vượt Mỹ, Trung Quốc trở thành nước giàu nhất thế giới”, <https://www.qdnd.vn/quoc-te/tin-tuc/vuot-my-trung-quoc-tro-thanh-nuoc-giau-nhat-the-gioi-677619>, truy cập ngày 17/6/2022.
172. Lê Thế Mẫu (2014), “Đôi nét về quan hệ nước lớn kiểu mới trong cục diện chính trị thế giới hiện nay”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, <http://tapchiquocphong.vn/vi/quoc-phong-quan-su-nuoc-ngoai/doi-net-ve-quan-he-nuoc-lon-kieu-moi-trong-cuc-dien-chinh-tri-the-gioi-hien-nay/5018.html>, truy cập ngày 16/11/2020.
173. Lockheed Martin to make F-16 wing in India with Tata (2018), <https://www.livemint.com/Companies/Zzr9gj2GkvlvQqDV1WtEMJ/Lockheed->

[Martin-to-produce-F16-fighter-jet-wings-in-India.html](#), accessed on February 16, 2022.

174. Minh Phương (2017), “Vì sao Tổng thống Trump liên tục nhắc cụm từ Ấn Độ-Thái Bình Dương”, *danchi.com*, <https://dantri.com.vn/apec-viet-nam-2017/vi-sao-tong-thong-trump-lien-tuc-nhac-cum-tu-an-do-thai-binh-duong-2017111414285608.htm>, truy cập ngày 16/11/2020.

175. Minh Việt (2019), “Mỹ chấm dứt thương mại ưu đãi với Ấn Độ từ ngày 5/6/2019”, *Tạp chí Tài chính*, <https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-quoc-te/my-cham-dut-thuong-mai-uu-dai-voi-an-do-tu-ngay-562019-307992.html>, truy cập ngày 15/11/2020.

176. Ministry of Petroleum & Natural Gas (2021), Ministerial meeting of the U.S.-India Strategic Clean Energy Partnership (SCEP), <https://pib.gov.in/PressReleasePage.aspx?PRID=1753699>, accessed on February 18, 2022.

177. Mohan, R. (2011), “India’s new role in the Indian Ocean”, *India Seminar*, http://www.indiaseminar.com/2011/617/617_c_raja_mohan.htm, accessed on February 28, 2022.

178. Monish Tourangbam, Priyanjali Simon (2021), “Biden’s First 100 Days and India-U.S. Relations”, <https://thediplomat.com/2021/05/bidens-first-100-days-and-india-u-s-relations/>, accessed on March 23, 2022.

179. “Namaste Trump”: India welcomes US president at Modi rally (2020), <https://www.theguardian.com/world/2020/feb/24/namaste-donald-trump-india-welcomes-us-president-narendra-modi-rally>, accessed on January 28, 2022.

180. National Security Strategy (2017), <https://www.whitehouse.gov/wp-content/uploads/2017/12/NSS-Final-12-18-2017-0905.pdf>, accessed on June 2, 2022.

181. Ngọc Lan (2020), “Nước Nga với chính sách hướng Đông”, *antg.cand.com.vn*, <http://antg.cand.com.vn/Kinh-te-Van-hoa-The-Thao/Nuoc-Nga-voi-chinh-sach-huong-Dong-619348/>, truy cập ngày 16/11/2020.

182. “Ngôi sao đang lên” - Việt Nam thành con hổ mới của châu Á? (2022),

<https://sputniknews.vn/20220804/ngoi-sao-dang-len---viet-nam-thanh-con-ho-moi-cua-chau-a-16831331.html>, ngày truy cập 13/8/2022.

183. Number of visitors to the United States from India from 2011 to 2021 (in millions) (2022), <https://www.statista.com/statistics/214815/number-of-visitors-to-the-us-from-india/>, accessed on March 27, 2022.

184. Odisha Expo (2020), *India, U.S. looking at training South East Asian nations in U.N. peacekeeping*, <https://odishaexpo.com/india-u-s-looking-at-training-south-east-asian-nations-in-u-n-peacekeeping/>, ngày truy cập 17/3/2022

185. Office of International Affairs (2021), *U.S.-India Energy Cooperation*, <https://www.energy.gov/ia/initiatives/us-india-energy-cooperation>, accessed on February 18, 2022.

186. Office of United State Trade Representative (2020), “India, “U.S.-India Trade Facts”, <https://ustr.gov/countries-regions/south-central-asia/india>, accessed on March 30, 2022.

187. Pavithra K M (2021), Data: 44% of the Indian students in the US were on OPT in 2020-21, the highest ever, <https://factly.in/data-44-of-the-indian-students-in-the-us-were-on-opt-in-2020-21-the-highest-ever/>, accessed on March 20, 2022.

188. Pavithra (2021), “Number of Indians studying in US drops by nearly 13%: Open Doors”, *Report 2021*, <https://www.indiatoday.in/education-today/news/story/number-of-indians-studying-in-us-drops-by-nearly-13-2021-open-doors-report-1877338-2021-11-16>, ngày truy cập 20/3/2022.

189. Parijat Jain (2022), *Innovation in India’s Rural Economy*, <https://www.bain.com/insights/innovation-in-indias-rural-economy/>, accessed on February 7, 2022.

190. Passage of USS John Paul Jones through India's EEZ (2021), https://mea.gov.in/press-releases.htm?dtl/33787/Passage_of_USS_John_Paul_Jones_through_Indias_EEZ, accessed on January 29, 2022.

191. Peden Doma Bhutia (2019), “In 2019, Indian travellers to the US ranked 10th

in arrivals but fifth in spending”,

<https://travel.economicstimes.indiatimes.com/news/destination/international/in-2019-indian-travellers-to-the-us-ranked-10th-in-arrivals-but-fifth-in-spending/85391164#:~:text=Talking%20specifically%20about%20the%20India,arri vals%20but%20fifth%20in%20spending>, ngày truy cập 22/3/2022

192. Pentagon defends US Navy ship asserting navigational rights inside India's EEZ (2021), <https://www.hindustantimes.com/india-news/pentagon-defends-us-navy-ship-asserting-navigational-rights-inside-india-s-eez-101618028140454.html>, accessed on January 29, 2022.

193. Poverty in India: Facts and Figures on the Daily Struggle for Survival (2018), <https://www.soschildrensvillages.ca/news/poverty-in-india-602>, accessed on April 24, 2022.

194. Phạm Bình Minh (2020), 70 năm quan hệ Việt Nam - Trung Quốc: Hữu nghị, hợp tác là dòng chảy chính, <https://nhandan.vn/70-nam-quan-he-viet-nam---trung-quoc-huu-nghi-hop-tac-la-dong-chay-chinh-post447409.html>, truy cập ngày 16/8/2022.

195. Phạm Huân, Vũ Hợp (2018), “Nước Mỹ trên hết là điểm nhấn của chính quyền Tổng thống Trump 2018”, *dantri.com.vn*, <https://dantri.com.vn/the-gioi/nuoc-my-tren-het-la-diem-nhan-cua-chinh-quyen-tong-thong-trump-2018-20181226114151013.htm>, truy cập ngày 16/11/2020.

196. Phản ứng của Liên Xô với cuộc chiến tranh Ấn Độ – Trung Quốc năm 1962 (2019), <https://nghiencuulichsu.com/2019/07/12/phan-ung-cua-lien-xo-voi-cuoc-chien-tranh-an-do-trung-quoc-nam-1962/>, truy cập ngày 20/1/2022.

197. Rajat Pandit (2020), *India, US gear up to share maritime military intel*, <https://timesofindia.indiatimes.com/india/india-us-gear-up-to-share-maritime-military-intel/articleshow/79599263.cms>, accessed on May 29, 2022.

198. Rajeswari Pillai Rajagopalan (2021), “Assessing the trajectory of India-US ties under Biden”, <https://www.orfonline.org/research/assessing-the-trajectory-of-india-us-ties-under-biden/>, accessed on January 31, 2022.

199. Rupam Jain, Shilpa Jamkhandikar, Sanjeev Miglani (2021), “Vital medical supplies reach India as COVID deaths near 200,000”, <https://www.reuters.com/world/india/india-posts-323144-new-covid-19-cases-2021-04-27/>, accessed on April 29, 2022.
200. Sabrina Siddiqui (2022), “Biden Holds Call on Ukraine With Leaders of Australia, India, Japan”, <https://www.wsj.com/livecoverage/russia-ukraine-latest-news-2022-03-03/card/biden-holds-call-on-ukraine-with-leaders-of-australia-india-japan-wXpZeQ8Ev6l4HSAICVhV>, accessed on March 16, 2022.
201. Samrat Sharma (2019), “Around 22% Indians live below poverty line; Chhattisgarh, Jharkhand fare worst”, <https://www.financialexpress.com/economy/around-22-indians-live-below-poverty-line-chattisgarh-jharkhand-fare-worst/1713365/>, accessed on April 27, 2022.
202. Seema Sirohi (2015), “India-U.S.: technology transfer tussle”, <https://www.gatewayhouse.in/india-u-s-technology-transfer-tussle/>, accessed on February 2, 2022.
203. “Secretary Pompeo travels to India to Advance U.S. - India Comprehensive Global Strategic Partnership (2021)”, <https://2017-2021.state.gov/secretary-pompeo-travels-to-india-to-advance-u-s-india-comprehensive-global-strategic-partnership/index.html>, accessed on March 13, 2022.
204. Speeches and Remarks (2021), *Remarks by President Biden Before a Discussion with Researchers and Patients on Advanced Research Project Agency for Health (ARPA-H)*, <https://www.whitehouse.gov/briefing-room/speeches-remarks/2021/09/24/remarks-by-president-biden-and-prime-minister-modi-of-the-republic-of-india-before-bilateral-meeting/>, accessed on February 27, 2022.
205. Sheila A. Smith (2021), “What’s Next for the Quad?” <https://www.cfr.org/in-brief/quad-leaders-summit-indo-pacific-whats-next>, accessed on April 3, 2022.
206. Tạp chí Công sản (2012), “Thực trạng mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ”, <http://www.dangcongsan.vn/su-kien-binh-luan/thuc-trang-moi-quan-he-my--an-do>

[112565.html](#), truy cập ngày 19/02/2020.

207. Tạp chí Nghiên cứu Biển Đông (2019), “Ấn Độ - Hy vọng lớn nhất của Mỹ ở châu Á”, <http://nghiencuubiendong.vn/quan-h-quoc-t/7349-an-do-hi-vong-lon-nhat-cua-my-o-chau-a>, ngày truy cập 27/09/2019.

208. Tạp chí Nghiên cứu Biển Đông (2020), “Thành công của quan hệ đối tác Mỹ - Ấn”, <http://nghiencuubiendong.vn/quan-h-quoc-t/7401-thanh-cong-ca-quan-h-i-tac-m-n>, ngày truy cập 02/03/2020.

209. Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế (2013), “Ngoại giao dầu mỏ của Bắc Kinh”, nghiencuuquocte.org, <http://nghiencuuquocte.org/2013/05/10/ngoi-giao-dau-mo-cua-bac-kinh/>, truy cập ngày 15/11/2020.

210. Taj Mahal (2020), A massive rally with Modi and a tour of the ‘truly incredible’, <https://www.washingtonpost.com/world/2020/02/24/trump-india-live-updates/>, accessed on April 27, 2022.

211. Thanh Bình (2010), “Trung Quốc trở thành nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới”, vnexpress.net, <https://vnexpress.net/trung-quoc-tro-thanh-nen-kinh-te-lon-thu-2-the-gioi-2706663.html>, truy cập ngày 23/10/2020.

212. Thanh Hào (2020), “Điểm lại những lần Trung - Ấn đụng độ biên giới”, vietnamnet.vn, <https://vietnamnet.vn/vn/the-gioi/ho-so/diem-lai-nhung-lan-trung-an-dung-do-bien-gioi-649658.html>, truy cập ngày 23/10/2020.

213. Thạch Vũ (2017), “Những mảng màu nổi bật ở châu Á - Thái Bình Dương”, nhandan.vn, <https://nhandan.vn/tin-tuc-the-gioi/nhung-mang-mau-noi-bat-o-chau-a-thai-binh-duong-312702>, truy cập ngày 15/11/2020.

214. Thông tấn xã Việt Nam (2022), “Mỹ, Ấn Độ ký thỏa thuận nâng tầm Đối thoại 2+2”, thaibinh.tv, <http://thaibinh.tv/news/39/74455/my-an-do-ky-thoa-thuan-nang-tam-doi-thoai-2-2>, truy cập ngày 20/8/2022.

215. Thông điệp từ chuyên thăm Ấn Độ của Obama (2015), vneconomy.vn, <https://vneconomy.vn/thong-diep-tu-chuyen-tham-an-do-cua-obama.htm>, truy cập ngày 20/1/2022

216. The Latest: Biden says US set on helping India with pandemic (2021),

- <https://apnews.com/article/travel-coronavirus-vaccine-tokyo-osaka-coronavirus-pandemic-eed2b8c9c6d0e69d400a1a8bac9895e4>, accessed on January 28, 2022.
217. The United States and India Launch Tourism Partnership Year (2017), <https://www.thebrandusa.com/media/newsletters/article/united-states-and-india-launch-tourism-partnership-year#:~:text=Brand%20USA%20Federal%20Partner%20Newsletter%20%2D%20March%202017&text=The%20%E2%80%9CPartnership%20Year%E2%80%9D%20effort%20is,Travel%20and%20Tourism%20Working%20Group>, accessed on March 21, 2022.
218. The US Council on Foreign Relations (2021), “U.S.-India Relations 1947 – 2020”, <https://www.cfr.org/timeline/us-india-relations>, accessed on January 15, 2022
219. The US Department of Agriculture (2022), “The U.S.-India Agricultural Knowledge Initiative (AKI)”, <https://www.nifa.usda.gov/us-india-agricultural-knowledge-initiative-aki>, accessed on April 7, 2022.
220. The U.S. State Department (2022), “U.S. - India Travel & Tourism Working Group (2022)”, <https://amchamindia.com/u-s-india-travel-tourism-working-group-2/>, accessed on March 17, 2022.
221. The U.S. State Department (2021), “U.S. Security Cooperation With India”, <https://www.state.gov/u-s-security-cooperation-with-india/>, accessed on March 8, 2022.
222. The U.S. State Department (2022), U.S. Relations With India, <https://www.state.gov/u-s-relations-with-india/>, accessed on February 17, 2022.
223. The US Department of Commerce (2022), India, <https://ustr.gov/countries-regions/south-central-asia/india>, accessed on March 30, 2022.
224. The U.S. State Department (2020), Secretary Pompeo Travels to India to Advance U.S.-India Comprehensive Global Strategic Partnership <https://2017-2021.state.gov/secretary-pompeo-travels-to-india-to-advance-u-s-india->

[comprehensive-global-strategic-partnership/index.html](#), accessed on March 17, 2022.

225. The U.S. State Department (2022), “Indo - U.S. PACEsetter Fund”, <https://iusstf.org/indo-u-s-pacesetter-fund>, accessed on April 3, 2022.

226. The U.S. Government (2021), FACT SHEET: President Biden’s Leaders Summit on Climate, <https://www.whitehouse.gov/briefing-room/statements-releases/2021/04/23/fact-sheet-president-bidens-leaders-summit-on-climate/>, accessed on June 16, 2022.

227. The U.S. State Department (2019), U.S. Travel Association International Visitations to the U.S. from international inbound travel market profile, pp.2-10.

228. The US Treasury Department (2021), Joint Statement on the Eighth U.S.-India Economic and Financial Partnership, <https://home.treasury.gov/news/press-releases/jy0409>, ngày truy cập 27/5/2022.

229. The U.S. Security Cooperation with India (2021), <https://www.state.gov/u-s-security-cooperation-with-india/>, accessed on March 8, 2022.

230. US - India relations (2022), <https://www.investindia.gov.in/country/united-states>, accessed on 14/4/2022.

231. U.S. Relations With India (2022), <https://www.state.gov/u-s-relations-with-india/>, accessed on December 13, 2022.

232. Value of Indian drugs and pharmaceuticals exports from financial year 2017 to 2019 (in billion U.S. dollars) (2021), <https://www.statista.com/statistics/999187/india-drug-and-pharmaceuticals-export-value-to-united-states/#:~:text=In%20fiscal%20year%202019%2C%20India,to%20around%2018%20billion%20dollars>, accessed on April 29, 2022.

233. Vi Trân (2021), “Dù xung đột, Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất của Ấn Độ”, *thanhnien.vn*, <https://thanhnien.vn/the-gioi/du-xung-dot-trung-quoc-la-doi-tac-thuong-mai-lon-nhat-cua-an-do-1345370.html>, truy cập ngày 25/02/2021.

234. Vital medical supplies reach India as Covid deaths near 200,000 (2021),

<https://www.reuters.com/world/india/india-posts-323144-new-covid-19-cases-2021-04-27/>, accessed on January 21, 2022.

235. Văn phòng Phát ngôn viên (2019), “Hoa kỳ - ASEAN quan hệ đối tác bền vững”, <https://vn.usembassy.gov/vi/hoa-ky-va-asean-quan-he-doi-tac-ben-vung/>, accessed on March 24, 2022.

236. World Population Review (2022), “US Foreign Aid by Country” <https://worldpopulationreview.com/country-rankings/us-foreign-aid-by-country>, accessed on April 13, 2022.

PHỤ LỤC I
CÁC CHUYẾN THĂM, TIẾP XÚC CẤP CAO GIỮA MỸ VÀ ẤN ĐỘ
TỪ NĂM 2014 ĐẾN NĂM 2022

| STT | Thời gian | Sự kiện | Nội dung trao đổi |
|------------|---------------------|--|--|
| 01 | Từ 30/07 - 01/08/14 | Ngoại trưởng Mỹ Kery thăm Ấn Độ và dự Đối thoại chiến lược Mỹ - Ấn lần thứ 5 | Đưa ra Tuyên bố chung, nhất trí tăng cường hợp tác chống khủng bố, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, chủ nghĩa khủng bố băng, tội phạm xuyên biên giới; hợp tác chặt chẽ hơn trong việc đảm bảo an ninh mạng và chống tội phạm công nghệ cao... |
| 02 | Từ 07 - 09/08/14 | Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Chuck Hagel thăm Ấn Độ | Nhất trí thúc đẩy hơn nữa hợp tác quốc phòng Mỹ - Ấn Độ, Mỹ nhấn mạnh thúc đẩy hợp tác với Ấn Độ trong sản xuất vũ khí mới, bao gồm kế hoạch thí điểm phát triển tên lửa chống tăng phiên bản mới. |
| 03 | Từ 26 - 30/09/14 | Thủ tướng Ấn Độ N. Modi thăm Mỹ | Đưa ra Tuyên bố chung “Tầm nhìn về quan hệ Đối tác Chiến lược” để định hướng hợp tác giữa hai nước trong 10 năm tới: (1) nhất trí mở rộng và thắt chặt quan hệ Đối tác chiến lược; (2) cam kết xây dựng quan hệ liên minh chiến lược mới; (3) tiếp tục tăng cường hợp tác quốc phòng - an ninh; (4) gia hạn thỏa thuận hợp tác quốc phòng Mỹ - Ấn Độ thêm 10 năm; (5) xoá bỏ những khu vực được coi là nơi trú ẩn của lực lượng khủng bố; (6) nâng kim ngạch thương mại lên 500 tỷ USD; (7) Mỹ cam kết ngăn chặn các hoạt động tài trợ cho các nhóm khủng bố Hồi giáo ở Kashmir/Ấn Độ; (8) Ấn Độ |

| STT | Thời gian | Sự kiện | Nội dung trao đổi |
|-----|------------------|---|---|
| | | | cam kết chia sẻ thông tin tình báo với Mỹ trong chiến dịch chống tổ chức “Nhà nước Hồi giáo” (IS) tự xưng. |
| 04 | Từ 25 - 27/01/15 | Tổng thống Mỹ Barack Obama thăm Ấn Độ | Thông cáo báo chí về “Tầm nhìn Chiến lược chung Mỹ - Ấn Độ tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương” và Tuyên bố chung Mỹ - Ấn Độ: (1) nhấn mạnh tầm quan trọng của việc bảo vệ an ninh hàng hải và bảo đảm tự do hàng hải, hàng không trong khu vực, đặc biệt là ở Biển Đông; (2) kêu gọi giải quyết tranh chấp lãnh thổ và hàng hải thông qua các biện pháp hòa bình; (3) tăng cường quan hệ đối tác rộng rãi thông qua hợp tác thương mại, công nghệ và đầu tư...; (4) nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tăng cường các thể chế tài chính quốc tế, trong đó có IMF. |
| | 7/2015 | Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Ashton Carter và Bộ trưởng Quốc phòng Ấn Độ, Manohar Parrikar | Ký các văn bản gia hạn Hiệp định Khung về Quốc phòng Mỹ - Ấn Độ kéo dài thêm 10 năm (đến năm 2025) |
| | 23-28/9/2015 | Thủ tướng N. Modi thăm Mỹ | Thủ tướng Ấn Độ gặp Tổng thống B. Obama, giao lưu với các nhà lãnh đạo doanh nghiệp, truyền thông, học viện, các nhà lãnh đạo bang và cộng đồng người Ấn Độ. |

| STT | Thời gian | Sự kiện | Nội dung trao đổi |
|-----|------------------|--|---|
| 05 | Từ 07 - 10/12/15 | Bộ trưởng Quốc phòng Ấn Độ thăm Mỹ | Đưa ra Tuyên bố chung về thúc đẩy tăng cường hợp tác quốc phòng Mỹ - Ấn Độ: nhất trí: (1) duy trì mối quan hệ quốc phòng cho tương xứng với mối quan hệ Đối tác chiến lược, trong đó tập trung vào các cơ chế hợp tác, chuyển giao công nghệ Quốc phòng và Sáng kiến Thương mại và Công nghệ Quốc phòng; (2) Tiếp tục triển khai các sáng kiến, trong đó sẽ đổi mới phương thức để mở đường cho các công ty của Mỹ tham gia nhiều hơn vào các dự án; (3) Tiếp tục kiểm soát IS và tổ chức khủng bố khác; (4) Thống nhất nâng tầm chiến lược trong quan hệ quốc phòng và các ưu tiên trong quan hệ đối tác song phương; (5) Hoàn thành MoU giữa lực lượng hải quân hai nước trong lĩnh vực chia sẻ thông tin tình báo, tiếp tế hậu cần, nhiên liệu trên biển; (5) Thúc đẩy Ấn Độ tiếp tục tham gia các hoạt động quân sự của Mỹ ở khu vực. |
| | 31/3 - 1/4/2016 | Thủ tướng Ấn Độ đã đến Mỹ | Thủ tướng N. Modi dự Hội nghị thượng đỉnh an ninh hạt nhân đa phương tại Washington D.C |
| 06 | Từ 10- 12/04/16 | Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Ashton Carter thăm Ấn Độ | Nhất trí: (1) Thống nhất về nguyên tắc để tiến tới ký MoU về Thỏa thuận hỗ trợ hậu cần (LSA); (2) Hướng tới ký các thỏa thuận khác để tạo điều kiện tăng cường hợp tác quân sự và chuyển giao công nghệ; (3) |

| STT | Thời gian | Sự kiện | Nội dung trao đổi |
|-----|-----------------------------|-------------------------------------|--|
| | | | <p>Khuyến khích các ngành công nghiệp quốc phòng hai nước phát triển; (4) Mỹ khẳng định tầm quan trọng của việc bảo vệ an ninh hàng hải, tự do hàng hải và các chuyến bay trên khắp khu vực châu Á - Thái Bình Dương; (5) cam kết tăng cường hợp tác với các quốc gia khác để đảm bảo an ninh và sự ổn định cho khu vực; (6) đề nghị giúp đỡ Ấn Độ sản xuất, cải tiến máy bay chiến đấu</p> |
| 07 | <p>Từ 06 - 08/06/16</p> | <p>Thủ tướng Ấn Độ Modi thăm Mỹ</p> | <p>Ra Tuyên bố chung: (1) Ấn Độ và Mỹ là Đối tác toàn cầu lâu dài trong thế kỷ XXI; (2) cam kết tăng cường hợp tác trong lĩnh vực nghiên cứu không gian; (3) Cam kết hợp tác ứng phó với các sự cố an ninh mạng quốc tế, hỗ trợ lẫn nhau trong việc giảm thiểu tác động từ các hoạt động không gian mạng độc hại; (4) Cam kết tăng cường hợp tác chống lại các mối đe dọa khủng bố; (5) Cam kết tìm kiếm cơ hội phá vỡ các rào cản đối với lưu thông hàng hóa và dịch vụ, hỗ trợ hội nhập sâu rộng vào chuỗi cung ứng toàn cầu, tạo công ăn việc làm và sự thịnh vượng của hai nền kinh tế; (6) Ấn Độ hoan nghênh sự tham gia của các công ty tư nhân Mỹ trong Chương trình Thành phố thông minh của Ấn Độ; (7) Mỹ cam kết hỗ trợ Sáng kiến “Sản xuất tại Ấn Độ” và mở rộng hợp tác phát triển công nghệ trên cơ</p> |

| STT | Thời gian | Sự kiện | Nội dung trao đổi |
|-----|------------------|------------------------------------|---|
| | | | sở Sáng kiến Thương mại và Công nghệ Quốc phòng; (8) Mỹ ủng hộ Ấn Độ gia nhập Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC); (9) Ký 08 MoU về hợp tác trên lĩnh vực quốc phòng, năng lượng và chống khủng bố. |
| 08 | Từ 29 - 31/08/16 | Bộ trưởng Quốc phòng Ấn Độ thăm Mỹ | Nhất trí: (1) Tăng cường thực hiện đề xuất “Đối tác quốc phòng chính” giữa Mỹ và Ấn Độ của Thủ tướng Modi (06.2016); (2) Tiếp tục tham vấn chặt chẽ về đề xuất Sáng kiến “Sản xuất tại Ấn Độ”; (3) Hoan nghênh những nỗ lực của quân đội hai nước trong việc tăng cường hợp tác song phương và mở rộng các cơ hội hợp tác khác; (4) Nhất trí làm sâu sắc thêm sự hiểu biết giữa quân đội hai nước, thúc đẩy hợp tác chống khủng bố, an ninh hàng hải, hoạt động đặc biệt, hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thảm họa; (5) Mỹ nhất trí tăng cường trao đổi thương mại quốc phòng và chia sẻ công nghệ với Ấn Độ lên ngang tầm với các đồng minh và đối tác thân cận của Mỹ; hoan nghênh việc Ấn Độ gia nhập Chế độ kiểm soát công nghệ tên lửa; (6) Mỹ tái khẳng định sự ủng hộ đối với sự tham gia của Ấn Độ trong Nhóm các nhà cung cấp hạt nhân; (7) Mỹ nhất trí phối hợp chia sẻ dữ liệu thông tin về các hoạt động giao thông hàng hải; tăng |

| STT | Thời gian | Sự kiện | Nội dung trao đổi |
|-----|-------------------------|---|---|
| | | | <p>cường hợp tác và nâng cao năng lực nhận thức biên (MDA) cho Ấn Độ; (8) Ký các thỏa thuận hợp tác gồm: MoU về hợp tác hậu cần song phương; hợp tác thông tin liên lạc tin tình báo giữa hai nước; chia sẻ dữ liệu thông tin về các hoạt động giao thông hàng hải.</p> |
| 09 | <p>Từ 07 - 09/12/16</p> | <p>Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Carter thăm Ấn Độ</p> | <p>Thảo luận về phương hướng phát triển quan hệ ngang hàng đồng minh; nhấn mạnh mối quan hệ Đối tác chiến lược; trao đổi quan điểm về các vấn đề an ninh khu vực như cam kết tiếp tục tăng cường hợp tác để chống khủng bố, lực lượng cực đoan...</p> |
| 10 | <p>Từ 25 - 26/06/17</p> | <p>Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi thăm chính thức Mỹ</p> | <p>Tái khẳng định cam kết về quan hệ “Đối tác chiến lược bền vững trong thế kỷ XXI”. Trong đó, nhất trí: (1) đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững, thúc đẩy hòa bình, ổn định và an ninh trên phạm vi toàn cầu, nâng cao năng lực quản lý dân chủ và tôn trọng nhân quyền; (2) Đẩy mạnh các nỗ lực chống phổ biến vũ khí hạt nhân trên toàn cầu; (3) tăng cường hợp tác thương mại - đầu tư hai chiều đi vào chiều sâu, trong đó tập trung vào các lĩnh vực mũi nhọn và thế mạnh của hai bên; (4) Tái khẳng định cam kết về kế hoạch sẽ nâng tổng kim ngạch thương mại hai chiều lên gấp 5 lần (lên 500 tỷ USD) trong 10 năm</p> |

| STT | Thời gian | Sự kiện | Nội dung trao đổi |
|-----|------------------|---|---|
| | | | tới; (5) Thống nhất sơ bộ về kế hoạch Mỹ bán 22 máy bay không người lái cho Hải quân Ấn Độ; (6) Mỹ tiếp tục hợp tác kế hoạch xây dựng 6 lò phản ứng hạt nhân ở Ấn Độ; (7) Ký kết hợp tác quân sự giữa Công ty quốc phòng Lockheed Martin/Mỹ và Tập đoàn đa quốc gia Tata Group/Ấn Độ về thỏa thuận chuyển giao toàn bộ dây chuyền sản xuất máy bay chiến đấu F-16 cho Ấn Độ. |
| 11 | Từ 26 - 27/09/17 | Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Mattis thăm Ấn Độ | Thảo luận về việc mua bán vũ khí - trang bị và chuyển giao công nghệ từ phía Mỹ; khẳng định thực thi các biện pháp thúc đẩy Sáng kiến thương mại và Công nghệ quốc phòng; ký thỏa thuận cung cấp 22 máy bay không người lái Sea Guardian, 90 máy bay không người lái Avenger Predator có vũ trang Ấn Độ, đồng thời chia sẻ công nghệ sản xuất máy bay chiến đấu F-16. |
| 12 | Từ 24 - 26/10/17 | Ngoại trưởng Mỹ Tillerson thăm Ấn Độ | Nhất trí sớm tổ chức Cơ chế đối thoại Ngoại giao và Quốc phòng (2+2) đầu tiên; Ấn Độ cam kết với Mỹ loại bỏ nơi trú ẩn của khủng bố; Mỹ ủng hộ nâng cao năng lực cho Quân đội Ấn Độ bằng các chương trình hợp tác công nghiệp quốc phòng, hỗ trợ công nghệ, chuyển giao các khí tài và công nghệ quân sự tiên tiến cho Ấn Độ; Mỹ kêu gọi sự hợp tác kết nối cơ sở hạ tầng khu vực Ấn Độ |

| STT | Thời gian | Sự kiện | Nội dung trao đổi |
|-----|-----------------------------|--|--|
| | | | <p>Dương - Thái Bình Dương để kích thích phát triển kinh tế toàn châu Á, nhằm đối phó với Sáng kiến Vành Đai và Con Đường.</p> |
| 13 | <p>Ngày 06/09/18</p> | <p>Đối thoại 2+2 cấp bộ trưởng lần đầu tiên giữa Ấn Độ và Mỹ tại Ấn Độ</p> | <p>Nhất trí: (1) Tăng cường quan hệ thương mại và đầu tư giữa hai nước; (2) Sớm thực hiện toàn bộ Thỏa thuận hợp tác về đối tác năng lượng hạt nhân dân sự giữa hai nước (3) Thúc đẩy hơn nữa mối quan hệ giữa nhân dân hai nước; (4) Thiết lập đường dây nóng giữa Ngoại trưởng và Bộ trưởng Quốc phòng hai nước; (5) Cam kết sẽ mở rộng hơn nữa vai trò chiến lược của Ấn Độ với tư cách là một Đối tác Quốc phòng chính (MDP) của Mỹ; (6) Ấn Độ hoan nghênh việc Mỹ đưa Ấn Độ vào danh sách Nhóm các nước được cấp quy chế quyền thương mại chiến lược (STA-1); (7) Hai bên ký Thỏa thuận Hiệp ước An ninh và Tương thích Liên lạc.</p> |
| 14 | <p>Từ 03 - 07/12/18</p> | <p>Bộ trưởng Quốc phòng Ấn Độ Nirmala Sitharaman thăm Mỹ</p> | <p>Nhất trí: (1) Tăng cường trao đổi đoàn, tham vấn để tháo gỡ những vướng mắc nhằm thúc đẩy quan hệ quốc phòng song phương; (2) Tăng cường tổ chức các đoàn tham vấn các cấp để thúc đẩy khai thác, tìm kiếm điểm đồng chiến lược; (3) Triển khai nhiều hơn nữa các hoạt động hợp tác nhằm đảm bảo hòa bình và ổn định tại khu vực, đồng thời phối hợp chặt chẽ hơn đối với</p> |

| STT | Thời gian | Sự kiện | Nội dung trao đổi |
|-----|------------------|--|--|
| | | | <p>các vấn đề liên quan đến Afghanistan, Sri Lanka, Maldives, Pakistan; (4) Thường xuyên tổ chức các cuộc diễn tập hải quân song phương và đa phương giữa Mỹ, Ấn Độ với các nước trong khu vực, đồng thời mở rộng quy mô của diễn tập hải quân Malabar; (5) Ấn Độ đồng ý tổ chức tập trận không quân Ex Cope India-18 giữa không quân hai nước tại Vịnh Bengal; (6) Mỹ đồng ý tiếp nhận đại diện quân sự của Ấn Độ tại một số đơn vị của Mỹ và tại Đơn vị thực nghiệm đổi mới quốc phòng (DIUx) để trao đổi kinh nghiệm phối hợp giữa Bộ Quốc phòng với các công ty tư nhân tham gia vào lĩnh vực công nghiệp quốc phòng phục vụ cho Sáng kiến “Sản xuất tại Ấn Độ”.</p> |
| 15 | Từ 25 - 27/06/19 | Ngoại trưởng Mỹ Mike Pompeo thăm Ấn Độ | <p>Nhấn mạnh sự phát triển quan hệ giữa Ấn Độ và Mỹ; Nhất trí thúc đẩy hợp tác hơn nữa về công nghệ cũng như về nghiên cứu vũ trụ; Mỹ cam kết đảm bảo khả năng quân sự để duy trì toàn vẹn lãnh thổ cho Ấn Độ; Nhấn mạnh việc hoàn tất các thỏa thuận quân sự khác nhau về chia sẻ thiết bị và công nghệ quốc phòng;</p> |
| 16 | Từ 21 - 27/09/19 | Thủ tướng Modi thăm Mỹ và tham dự kỳ họp của Đại | <p>Nhất trí: (1) Thúc đẩy quan hệ Mỹ - Ấn Độ phát triển lên tầm cao mới; (2) Ủng hộ và phối hợp chặt chẽ trong khuôn khổ của Liên</p> |

| STT | Thời gian | Sự kiện | Nội dung trao đổi |
|-----|---------------|---|--|
| | | hội đồng Liên Hợp quốc lần thứ 74 | Hợp quốc, các vấn đề toàn cầu cấp bách; (3) Cam kết giảm căng thẳng thương mại giữa hai nước, thúc đẩy đàm phán và sớm ký kết Hiệp định Thương mại tự do (FTA) Mỹ - Ấn Độ; (4) Nhất trí kế hoạch chuẩn bị diễn tập chung 3 binh chủng lần đầu tiên mang tên Tiger Triumph vào tháng 11/2019. |
| 17 | Ngày 18/12/19 | Tại Washington đã diễn ra Đối thoại 2+2 cấp bộ trưởng Ấn Độ và Mỹ lần 2 | Nhất trí: (1) Tăng cường hợp tác kinh tế, thương mại, quốc phòng, ngoại giao... hướng tới sự thịnh vượng chung của người dân hai nước; (2) Tăng cường hợp tác giải quyết các mối đe dọa ở khu vực và toàn cầu; (3) Thúc đẩy các sáng kiến mới nhằm tăng cường mối quan hệ Đối tác Chiến lược giữa hai nước; (4) Thúc đẩy Sáng kiến Sáng tạo trẻ Ấn Độ - Mỹ; (5) Thúc đẩy các khuôn khổ hợp tác mới trong lĩnh vực quản lý nhà nước, đại dương, không gian; (6) Nhất trí tăng cường và mở rộng hợp tác Ấn Độ - Mỹ trong các lĩnh vực chiến lược và quân sự; (7) Thúc đẩy Thỏa thuận Hiệp ước An ninh và Tương thích Liên lạc mà hai nước đã ký kết ngày 06/09/18; (8) Hai bên đã ký: Thỏa thuận về thăm dò không gian và hợp tác quốc phòng; 03 Thỏa thuận trong lĩnh vực công nghệ quốc phòng và Sáng kiến Thương mại; MoU về hợp tác Quản lý tài nguyên nước; Phụ lục An ninh |

| STT | Thời gian | Sự kiện | Nội dung trao đổi |
|-----|---------------------|---------------------------------------|---|
| | | | Công nghiệp. |
| 18 | Từ 24 - 25/02/20 | Tổng thống Mỹ Donald Trump thăm Ấn Độ | Hai bên ra Tuyên bố chung “Tầm nhìn Quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn cầu Toàn diện”, trong đó nhất trí: (1) Cam kết tăng cường hợp tác quốc phòng - an ninh, đặc biệt là hợp tác trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng, phát triển và sản xuất các trang thiết bị quốc phòng hiện đại; (2) Kết thúc kịp thời các cuộc đàm phán thương mại đang diễn ra và mong muốn đây sẽ là giai đoạn một của hiệp định thương mại song phương toàn diện giữa Mỹ và Ấn Độ; (4) Tăng cường an ninh quốc gia thông qua các hoạt động hợp tác chống tội phạm quốc tế; (5) Cam kết tiếp tục nỗ lực ngăn chặn, sớm phát hiện và nhanh chóng đối phó khi dịch bệnh bùng phát; (6) Ký 04 văn bản hợp tác Mỹ - Ấn, gồm: (1) Bản ghi nhớ về sức khỏe tâm thần; (2) Bản ghi nhớ về an toàn dược phẩm; (3) Thư hợp tác giữa Tập đoàn dầu khí Ấn Độ và Tập đoàn khí hóa lỏng Ấn Độ Exxon Mobil với Tập đoàn Chart Industries của Mỹ; (4) Hợp đồng trị giá 03 tỉ USD về việc Mỹ cung cấp các trang bị quân sự hiện đại cho Ấn Độ. |
| 19 | Từ 26 - 27/10/20 | | Khẳng định tầm quan trọng của quan hệ “Đối tác chiến lược toàn cầu toàn diện” Mỹ - Ấn đối với an ninh, thịnh vượng của hai |

| STT | Thời gian | Sự kiện | Nội dung trao đổi |
|-----|-----------|--|---|
| | | <p>Ngoại trưởng Mike Pompeo và Bộ trưởng Quốc phòng Mark Esper thăm Ấn Độ, tham dự Đối thoại 2+2 lần 3</p> | <p>nước và thế giới; Hai bên ký 05 văn kiện hợp tác, gồm: (1) Thỏa thuận trao đổi và hợp tác cơ bản giữa Bộ Quốc phòng Ấn Độ và Cơ quan Tình báo không gian địa lý Quốc gia/Bộ Quốc phòng Mỹ; (2) MoU về hợp tác kỹ thuật trong quan sát trái đất và khoa học trái đất giữa Bộ Khoa học trái đất Ấn Độ và Cơ quan Khí quyển và Đại dương Quốc gia Mỹ; (3) Thỏa thuận về trao đổi dữ liệu hải quan giữa Bộ Bưu chính Ấn Độ và Bộ Bưu điện Mỹ; (4) Ý định thư về hợp tác trong lĩnh vực nghiên cứu y học cổ truyền và ung thư; (5) Thỏa thuận gia hạn MoU giữa hai Chính phủ về hợp tác với Trung tâm đối tác năng lượng hạt nhân toàn cầu của Ấn Độ.</p> |
| | 11/2020 | <p>Thủ tướng N. Modi điện đàm cho Tổng thống Mỹ J. Biden</p> | <p>Chúc mừng ông Biden đắc cử tổng thống Mỹ</p> |
| | 1/2021 | <p>Thủ tướng N. Modi điện đàm cho Tổng thống Mỹ J. Biden</p> | <p>Hai bên đồng ý thúc đẩy hơn nữa quan hệ Ấn Độ- Mỹ; khẳng định: quan hệ Đối tác chiến lược Toàn diện Toàn cầu được xây dựng dựa trên sự chia sẻ các giá trị và lợi ích chung, chia sẻ tầm nhìn Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở.</p> |
| | 1/2021 | <p>Điện đàm giữa Ngoại trưởng Mỹ</p> | <p>Hai bên nhấn mạnh “tầm quan trọng của việc hợp tác cùng nhau” thông qua các thể</p> |

| STT | Thời gian | Sự kiện | Nội dung trao đổi |
|------------|------------------|---|---|
| | | Antony Blinken và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Ấn Độ, S. Jaishankar, | chế khu vực như QUAD |
| | 9/2021 | Thủ tướng N. Modi gặp Tổng thống J. Biden tại Nhà Trắng | Mỹ khẳng định tính bền vững của mối quan hệ quốc phòng Mỹ-Ấn và cam kết vững chắc của Ấn Độ với tư cách là một đối tác quốc phòng lớn, trong lĩnh vực chia sẻ thông tin, kỹ thuật - hậu cần và tương tác quân sự, tăng cường hợp tác về công nghệ quân sự tiên tiến và tăng cường hành động phối hợp trong các thể chế đa phương. |
| | Ngày 11/4/2022 | Đối thoại 2+2 Mỹ - Ấn Độ lần thứ tư được tổ chức tại Washington, Mỹ | Trao đổi quan điểm về một loạt vấn đề an ninh ở Ấn Độ Dương, Đông Á, Đông Nam Á và châu Âu, trong đó hai bên cam kết sẽ duy trì tham vấn chặt chẽ về khủng hoảng Ukraine và các nỗ lực hỗ trợ nhân đạo cho người dân tại Ukraine; Nhất trí sẽ phối hợp chặt chẽ hơn trong việc thúc đẩy tầm nhìn chung về một khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương tự do và rộng mở. Ký Thỏa thuận “Nhận thức tình hình không gian mới”; Thông báo ý định thành lập một Nhóm Công tác Phát triển Kỹ năng và Giáo dục Ấn Độ- Mỹ mới. |

Tác giả tổng hợp từ các nguồn như: TTXVN, báo VOV, báo Quân đội Nhân dân, báo Nhân dân, báo Tiền phong, báo Nhân dân, Báo quốc tế, báo Vietnamnet, ...

PHỤ LỤC II

| STT | Ngày | Nội dung | Nguồn |
|-----|-------------------|--|---|
| 1 | Ngày 30/9/2014 | Tuyên bố chung Mỹ - Ấn Độ về Tầm nhìn cho Quan hệ Đối tác Chiến lược” đầu tiên | https://obamawhitehouse.archives.gov/the-press-office/2014/09/30/us-India-joint-statement . |
| 2 | Ngày 25/4/2020 | Tuyên bố chung về tầm nhìn và nguyên tắc của Quan hệ Đối tác chiến lược Toàn cầu Toàn diện Mỹ - Ấn Độ | https://trumpwhitehouse.archives.gov/briefings-statements/joint-statement-vision-principles-united-states-india-comprehensive-global-strategic-partnership/?utm_source=link&utm_medium=header . |

1. U.S.-India Joint Statement

The Prime Minister of India Narendra Modi and the President of the United States of America Barack Obama met this morning. Marking their first bilateral summit, the President recognized the Prime Minister’s historic election victory in the largest democratic election ever held.

The two leaders extolled the broad strategic and global partnership between the United States and India, which will continue to generate greater prosperity and security for their citizens and the world. Prime Minister Modi emphasized the priority India accords to its partnership with the United States, a principal partner in the realization of India’s rise as a responsible, influential world power. Given the shared values, people-to-people ties, and pluralistic traditions, President Obama recognized that India’s rise as a friend and partner is in the United States’ interest. They endorsed the first “Vision Statement for the Strategic Partnership” as a guide to strengthen and deepen

cooperation in every sector for the benefit of global stability and people's livelihoods over the next ten years. They committed to a new mantra for the relationship, "Chalein Saath Saath: Forward Together We Go."

The two leaders recognized that the bilateral relationship enjoys strong support in both countries, which has allowed the strategic partnership to flourish even as the governments change. Welcoming the wide range of collaborative activities undertaken to improve their citizens' lives, both leaders agreed to revitalize the existing partnership and find new areas for collaboration and mutual benefit.

Economic Growth

Noting that two-way trade has increased fivefold since 2001 to nearly \$100 billion, President Obama and Prime Minister Modi committed to facilitate the actions necessary to increase trade another fivefold. President Obama and Prime Minister Modi recognized that U.S. and Indian businesses have a critical role to play in sustainable, inclusive, and job-led growth and development.

In order to raise investment by institutional investors and corporate entities, the leaders pledged to establish an Indo-U.S. Investment Initiative led by the Ministry of Finance and the Department of Treasury, with special focus on capital market development and financing of infrastructure. They pledged to establish an Infrastructure Collaboration Platform convened by the Ministry of Finance and the Department of Commerce to enhance participation of U.S. companies in infrastructure projects in India.

In this context, the U.S. government welcomes India's offer for U.S. industry to be the lead partner in developing smart cities in Ajmer (Rajasthan), Vishakhapatnam (Andhra Pradesh) and Allahabad (Uttar Pradesh). The Prime Minister will welcome two trade missions in 2015 focused on meeting India's infrastructure needs with U.S. technology and services.

They also committed to a new partnership to advance the Prime Minister's goal of improved access to clean water and sanitation for all. USAID, through the Urban India Water, Sanitation, and Hygiene (WASH) Alliance, will serve as

knowledge partner to help leverage private and civil society innovation, expertise, and technology, such as with the Bill and Melinda Gates Foundation, to support the Prime Minister's 500 Cities National Urban Development Mission and Clean India Campaign.

The President welcomed the Prime Minister's ambitious plan to extend basic financial services to all its citizens, giving them powerful tools to manage their finances and more fully participate in India's growing economy. The President and Prime Minister underlined the important contribution that U.S. locomotive technology, equipment to monitor rail system assets, and U.S. best practices can play in modernizing India's vast railway network, including accessing programs of U.S. Trade and Development Agency in this work.

The leaders discussed their concerns about the current impasse in the World Trade Organization and its effect on the multilateral trading system, and directed their officials to consult urgently along with other WTO members on the next steps. The leaders committed to work through the Trade Policy Forum to promote a business environment attractive for companies to invest and manufacture in India and in the United States. Agreeing on the need to foster innovation in a manner that promotes economic growth and job creation, the leaders committed to establish an annual high-level Intellectual Property (IP) Working Group with appropriate decision-making and technical-level meetings as part of the Trade Policy Forum. They recognized in particular the contribution of the Indian and U.S. Information Technology (IT) industry and the IT-enabled service industry in strengthening India-U.S. trade and investment relations.

The two leaders committed to hold public-private discussions in early 2015 under the Commercial Dialogue on new areas of cooperation, including innovation in advanced manufacturing. In order to share best practices in manufacturing and work toward greater harmonization of standards, the National Institute of Standards and Technology's Manufacturing Extension Partnership program will start a dialogue with Indian counterparts. The two countries plan to

work expeditiously through several joint initiatives to facilitate greater confidence in cross-border trade and investment.

The President also offered to support the Prime Minister to achieve his goal of preparing young Indians for 21st century jobs through new partnerships to share expertise and global standards for skills development in India, including by reinvigorating the Higher Education Dialogue.

The leaders look forward to the annual U.S.-India Economic and Financial Partnership in early 2015. They also welcomed the expansion of the partnership in oversight of financial institutions, including between Reserve Bank of India and the U.S. Federal Deposit Insurance Corporation, the Board of Governors of the Federal Reserve System and the Office of the Comptroller of Currency. They also agreed to reinvigorate the India-U.S. CEO Forum, and welcomed India's offer to host the Forum for the second time in early 2015.

Energy and Climate Change

The two leaders reaffirmed their commitment to implement fully the U.S.-India civil nuclear cooperation agreement. They established a Contact Group on advancing the implementation of civil nuclear energy cooperation in order to realize early their shared goal of delivering electricity from U.S.-built nuclear power plants in India. They looked forward to advancing the dialogue to discuss all implementation issues, including but not limited to administrative issues, liability, technical issues, and licensing to facilitate the establishment of nuclear parks, including power plants with Westinghouse and GE-Hitachi technology.

Recognizing the critical importance of increasing energy access, reducing greenhouse gas emissions, and improving resilience in the face of climate change, President Obama and Prime Minister Modi agreed to a new and enhanced strategic partnership on energy security, clean energy, and climate change. They agreed to strengthen and expand the highly successful U.S.-India Partnership to Advance Clean Energy (PACE) through a series of priority initiatives, including a new Energy Smart Cities Partnership to promote efficient urban energy infrastructure;

a new program to scale-up renewable energy integration into India's power grid; cooperation to support India's efforts to upgrade its alternative energy institutes and to develop new innovation centers; an expansion of the Promoting Energy Access through Clean Energy (PEACE) program to unlock additional private sector investment and accelerate the deployment of cost-effective, super-efficient appliances; and the formation of a new Clean Energy Finance Forum to promote investment and trade in clean energy projects.

Both leaders are committed to working towards a successful outcome in Paris in 2015 of the conference of the UN Framework Convention on Climate Change (UNFCCC), including the creation of a new global agreement on climate change.

The leaders recalled previous bilateral and multilateral statements on the phase-down of hydrofluorocarbons (HFCs). They recognized the need to use the institutions and expertise of the Montreal Protocol to reduce consumption and production of HFCs, while continuing to report and account for the quantities reduced under the UNFCCC. They pledged to urgently arrange a meeting of their bilateral task force on HFCs prior to the next meeting of the Montreal Protocol to discuss issues such as safety, cost, and commercial access to new or alternative technologies to replace HFCs. The two sides would thereafter cooperate on next steps to tackle the challenge posed by HFCs to global warming.

They launched a new U.S.-India Partnership for Climate Resilience to advance capacity for climate adaptation planning, and a new program of work on air quality aimed at delivering benefits for climate change and human health.

They also launched a new U.S.-India Climate Fellowship Program to build long-term capacity to address climate change-related issues in both countries. The President and Prime Minister instructed their senior officials to work through the U.S.-India Energy Dialogue, U.S.-India Joint Working Group on Combating Climate Change, and other relevant fora to advance these and other initiatives.

The leaders welcomed the conclusion of a Memorandum of Understanding between the Export-Import Bank and the Indian Renewable Energy Development

Agency, which would make up to \$1 billion in financing available to bolster India's efforts to transition to a low-carbon and climate-resilient energy economy, while boosting U.S. renewable energy exports to India. The two leaders reiterated the importance of conserving India's precious biodiversity and agreed to explore opportunities for collaboration on national parks and wildlife conservation.

Defense and Homeland Security Cooperation

The Prime Minister and the President stated their intention to expand defense cooperation to bolster national, regional, and global security. The two leaders reaffirmed that India and the United States would build an enduring partnership in which both sides treat each other at the same level as their closest partners, including defense technology transfers, trade, research, co-production, and co-development.

To facilitate deeper defense cooperation, they welcomed the decision to renew for ten more years the 2005 Framework for the U.S.-India Defense Relationship and directed their defense teams to develop plans for more ambitious programs and activities. The two leaders also agreed to reinvigorate the Political-Military Dialogue and expand its role to serve as a wider dialogue on export licensing, defense cooperation and strategic cooperation.

The leaders welcomed the first meeting under the framework of the Defense Trade and Technology Initiative in September 2014 and endorsed its decision to establish a Task Force to expeditiously evaluate and decide on unique projects and technologies which would have a transformative impact on bilateral defense relations and enhance India's defense industry and military capabilities.

The President and Prime Minister welcomed cooperation in the area of military education and training, and endorsed plans for the United States to cooperate with India's planned National Defence University. They also decided to expand military-to-military partnerships including expert exchanges, dialogues, and joint training and exercises. They also committed to enhancing exchanges of civilian and military intelligence and consultation.

The leaders agreed to intensify cooperation in maritime security to ensure freedom of navigation and unimpeded movement of lawful shipping and commercial activity, in accordance with accepted principles of international law. To achieve this objective, the two sides considered enhancing technology partnerships for India's Navy including assessing possible areas of technology cooperation. They also agreed to upgrade their existing bilateral exercise MALABAR.

The leaders reaffirmed their deep concern over the continued threat posed by terrorism, most recently highlighted by the dangers presented by the ISIL, and underlined the need for continued comprehensive global efforts to combat and defeat terrorism. The leaders stressed the need for joint and concerted efforts, including the dismantling of safe havens for terrorist and criminal networks, to disrupt all financial and tactical support for networks such as Al Qaeda, Lashkar-e-Taiba, Jaish-e-Mohammad, the D-Company, and the Haqqanis. They reiterated their call for Pakistan to bring the perpetrators of the November 2008 terrorist attack in Mumbai to justice.

They pledged to enhance criminal law enforcement, security, and military information exchanges, and strengthen cooperation on extradition and mutual legal assistance. Through operational cooperation through their law enforcement agencies, they aimed to prevent the spread of counterfeit currency and inhibit the use of cyberspace by terrorists, criminals, and those who use the internet for unlawful purposes, and to facilitate investigation of criminal and terrorist activities. The leaders also committed to identify modalities to exchange terrorist watch lists. President Obama pledged to help India counter the threat of improvised explosive devices with information and technology. The leaders committed to pursue provision of U.S.-made mine-resistant ambush-protected vehicles to India.

The President and Prime Minister looked forward to easing travel between their two countries, as India introduces visa-on-arrival for U.S. citizens in 2015

and works toward meeting the requirements to make the United States' Global Entry Program available to Indian citizens.

High Technology, Space and Health Cooperation

Fundamental science and high technology cooperation has been a critical pillar of the strategic partnership, the two leaders confirmed, and they looked forward to renewing the Science and Technology Agreement in order to expand joint activities in innovative technology. The Prime Minister welcomed the United States as a partner country, for the first time, at India's annual Technology Summit in November 2014. In addition, they committed to convene the ninth High Technology Cooperation Group (HTCG). They plan to launch new partnerships to source and scale innovation for the benefit of citizens in both countries and to harness innovation to solve global development challenges.

The President welcomed India's contribution and cooperation on high-energy physics and accelerator research and development with the U.S. Department of Energy. The President thanked the Prime Minister for his offer to have U.S. institutions partner with a new Indian Institute of Technology.

The leaders committed to partner on the Digital India initiative, with the goal of enhancing digital infrastructure, deploying e-governance and e-services, promoting industry collaboration, and digitally empowering India's citizens. The President welcomed India's proposal to establish the Global Initiative of Academic Networks (GIAN, or Knowledge) under which India would invite and host up to 1,000 American academics each year to teach in centrally-recognized Indian Universities, at their convenience.

The two leaders exchanged congratulations on the successful entry into orbit of their respective Mars missions, which occurred two days apart. They welcomed the establishment and planned first meeting of the NASA-ISRO Mars Joint Working Group under the U.S.-India Civil Space Joint Working Group. The leaders also look forward to the successful conclusion of a new agreement to

support the NASA-ISRO Synthetic Aperture Radar (NISAR) mission, to be launched in 2021.

The United and India also intend to start a new dialogue on maintaining long-term security and sustainability of the outer space environment, including space situational awareness and collision avoidance in outer space.

The President and Prime Minister recognized the extensive ongoing cooperation in the health sector which they will put to use in preventing the spread of the Ebola virus. The President welcomed India's contribution to the UN Fund and donation of protective gear to the effort against Ebola, and thanked the Prime Minister for encouraging Indian-owned businesses in West Africa to contribute to the fight against Ebola. The Prime Minister also offered to deploy Indian expertise in the fight against Ebola, including by investing its resources in producing modelling of the spread of the disease, jointly producing rapid deployable diagnostics, and considering joint training of response personnel. The United States stands ready to amplify India's efforts to achieve a further reduction in preventable child and maternal deaths, including replicating India's successful approaches in other countries.

The leaders agreed to launch a new phase of the India-U.S. Vaccine Action Program to develop affordable vaccines for dengue, malaria, and tuberculosis, and the establishment of an adjuvant development center. They also agreed in principle to initiate cooperative activities to increase capacity in cancer research and patient care delivery, including by developing collaborative programs for and with India's upcoming AIIMS-National Cancer Institute. The President welcomed India's offer to take a leading role in the Global Health Security Agenda.

Global Issues and Regional Consultations

Highlighting their shared democratic values, the President and Prime Minister recognized the critical role that women play in India and the United States, as shown by India's "Beti Bachao, Beti Padhao" ("Save Daughters, Celebrate Daughters, Educate Daughters") initiative. They looked forward to

holding a Women Empowerment Dialogue in order to exchange best practices to enhance the role of women in their countries, and they asserted zero tolerance for violence against women.

As a critical step in strengthening global nonproliferation and export control regimes, the President and Prime Minister committed to continue work towards India's phased entry into the Nuclear Suppliers Group (NSG), the Missile Technology Control Regime (MTCR), the Wassenaar Arrangement and the Australia Group. The President affirmed that India meets MTCR requirements and is ready for membership in the NSG. He supported India's early application and eventual membership in all four regimes.

As active participants in the Nuclear Security Summit process, the United States and India welcomed progress toward reducing the risk of terrorists acquiring nuclear weapons or related materials, and noted their shared commitment to improving nuclear security nationally and globally. They reviewed their bilateral dialogue on nuclear security and endorsed working through India's Global Centre for Nuclear Energy Partnership to reinforce safe and secure use of nuclear energy worldwide. They also pledged to strengthen their efforts to forge a partnership to lead global efforts for non-proliferation of WMDs, to reduce the salience of nuclear weapons in international affairs, and to promote universal, verifiable, and non-discriminatory global nuclear disarmament.

Noting India's "Act East" policy and the United States' rebalance to Asia, the leaders committed to work more closely with other Asia Pacific countries through consultations, dialogues, and joint exercises. They underlined the importance of their trilateral dialogue with Japan and decided to explore holding this dialogue among their Foreign Ministers.

The President and Prime Minister emphasized the need to accelerate infrastructure connectivity and economic development corridors for regional economic integration linking South, Southeast, and Central Asia. The President reiterated that the United States, through its New Silk Road and India-Pacific

Economic Corridor, is promoting the linkage of India to its neighbors and the wider region to enable a freer flow of commerce and energy.

The President and Prime Minister noted the success of their countries' collaboration on agricultural innovation in three African countries. They announced a new agreement to expand joint development initiatives in third countries in a range of sectors, including agricultural productivity, clean energy, health, women's empowerment, and disaster preparedness. They also look forward to continuing the productive cooperation in Afghanistan on promoting women's economic empowerment.

The Prime Minister and the President reaffirmed their shared interest in preserving regional peace and stability, which are critical to the Asia Pacific region's continued prosperity. The leaders expressed concern about rising tensions over maritime territorial disputes, and affirmed the importance of safeguarding maritime security and ensuring freedom of navigation and over flight throughout the region, especially in the South China Sea. The Prime Minister and President called on all parties to avoid the use, or threat of use, of force in advancing their claims. The two leaders urged the concerned parties to pursue resolution of their territorial and maritime disputes through all peaceful means, in accordance with universally recognized principles of international law, including the United Nations Convention on the Law of the Sea.

India and the United States pledged to consult closely on global crises, especially unfolding events in Syria and Iraq. The two leaders committed to exchange information about nationals returning from these conflict zones, and to seek cooperation in protecting and responding to the needs of civilians stranded in the middle of these conflicts.

Recognizing the importance of their respective strategic partnerships with Afghanistan, the leaders asserted the importance of a sustainable, inclusive, sovereign, and democratic political order in Afghanistan, and committed to continue close consultations and cooperation in support of Afghanistan's future.

They stressed the need for diplomacy to resolve the serious concerns of the international community regarding Iran's nuclear program, and called on Iran to comply with its UN Security Council-imposed obligations and to cooperate fully with the International Atomic Energy Agency.

The two leaders expressed concerns over the continued development by the Democratic People's Republic of Korea (DPRK) of its nuclear weapons and ballistic missile programs, including its uranium enrichment activities. They urged DPRK to take concrete actions toward denuclearization and other goals, as well as to comply fully with all its international obligations, including all relevant UN Security Council resolutions, and to fulfill its commitments under the 2005 Joint Statement of the Six-Party Talks.

The President expressed appreciation for the contributions of Indian peacekeepers to global peace and stability for the past 60 years, and welcomed the partnership with India to train third country peacekeepers at India's training center in New Delhi. The President reaffirmed his support for a reformed UN Security Council with India as a permanent member, and both leaders committed to ensuring that the Security Council continues to play an effective role in maintaining international peace and security as envisioned in the United Nations Charter.

The President also affirmed his commitment to enhancing India's voice and vote in international financial institutions, and ensuring that resources are made available and are used creatively through multilateral development banks for infrastructure financing.

The President thanked the Prime Minister for the gracious invitation to return to the great nation of India. In conclusion, the two leaders affirmed their long-term vision for a resilient and ambitious partnership through the first "Vision Statement for the Strategic Partnership," which they will hold up as the guiding framework for their governments and people.

2. Joint Statement: Vision and Principles for the United States-India Comprehensive Global Strategic Partnership

The President of the United States of America, the Honorable Donald J.

Trump, paid a State Visit to India on February 24-25, 2020, at the invitation of Prime Minister Shri Narendra Modi.

Comprehensive Global Strategic Partnership

As the leaders of sovereign and vibrant democracies recognizing the importance of freedom, equal treatment of all citizens, human rights, and a commitment to the rule of law, President Trump and Prime Minister Modi vowed to strengthen a United States-India Comprehensive Global Strategic Partnership, anchored in mutual trust, shared interests, goodwill, and robust engagement of their citizens.

President Trump and Prime Minister Modi pledged to deepen defense and security cooperation, especially through greater maritime and space domain awareness and information sharing; joint cooperation; exchange of military liaison personnel; advanced training and expanded exercises between all services and special forces; closer collaboration on co-development and co-production of advanced defense components, equipment, and platforms; and partnership between their defense industries.

Noting that a strong and capable Indian military supports peace, stability, and a rules-based order in the Indo-Pacific, and reaffirming his pledge to support the transfer to India of advanced U.S. military technology, President Trump welcomed India's recent decision to procure MH-60R naval and AH-64E Apache helicopters. These capabilities will advance shared security interests, job growth, and industrial cooperation between both countries. As India works to acquire new defense capabilities, President Trump reaffirmed India's status as a Major Defense Partner, affording it the highest consideration for procurement and technology transfer purposes. The leaders look forward to early conclusions of defense cooperation enabling agreements, including Basic Exchange and Cooperation Agreement.

President Trump and Prime Minister Modi resolved to enhance security of their homelands through cooperation and to jointly fight international crimes like human trafficking, terrorism and violent extremism, drug-trafficking, and crimes in cyberspace. They welcomed the decision by the U.S. Department of Homeland

Security and India's Ministry of Home Affairs to reinvigorate the Homeland Security Dialogue. As a demonstration of their shared commitment to combating the threat that illicit drugs pose to their citizens, the leaders announced their intent to establish a new Counter-Narcotics Working Group between their respective law enforcement agencies.

Prime Minister Modi and President Trump recognized the increasing importance of the trade and investment dimension of the United States-India relationship, and the need for long-term trade stability that will benefit both the American and Indian economies. They agreed to promptly conclude the ongoing negotiations, which they hope can become phase one of a comprehensive bilateral trade agreement that reflects the true ambition and full potential of the bilateral commercial relations, advancing prosperity, investment, and job creation in both countries.

President Trump and Prime Minister Modi welcomed growing links between the United States and India in trade and investment in hydrocarbons. Through their Strategic Energy Partnership, the United States and India are seeking to enhance energy security, expand energy and innovation linkages across respective energy sectors, bolster strategic alignment, and facilitate increased engagement between industry and other stakeholders. President Trump and Prime Minister Modi noted the potential for the United States to meet India's goal to diversify its import base for coking/metallurgical coal and natural gas, welcoming recent commercial arrangements intended to accelerate access to LNG in the Indian market. President Trump and Prime Minister Modi encouraged the Nuclear Power Corporation of India Limited and Westinghouse Electric Company to finalize the techno-commercial offer for the construction of six nuclear reactors in India at the earliest date.

President Trump and Prime Minister Modi expressed satisfaction with their longstanding and practical collaboration in science, technology, and innovation. They welcomed an endeavor by Indian Space Research Organization (ISRO) and the National Aeronautics and Space Administration (NASA) for development and launch in 2022 of a joint mission with the world's first dual-frequency Synthetic

Aperture Radar satellite, and applauded discussions that advance cooperation in Earth observation, Mars and planetary exploration, heliophysics, human spaceflight, and commercial space cooperation.

President Trump and Prime Minister Modi expressed their desire to increase higher education collaboration and educational exchange opportunities, including through the “Young Innovators” internships, and welcomed the recent growth in the number of Indian students in the United States.

In support of global efforts to prevent, detect, and respond to disease outbreaks such as novel COVID-19, President Trump and Prime Minister Modi committed to continuing their successful efforts in the areas of prevention, early detection, and rapid outbreak response. They hailed a bilateral Memorandum of Understanding (MOU) that seeks to promote access to high quality, safe, effective, and affordable medications for U.S. and Indian consumers. They welcomed the conclusion of an MOU, which will help both countries address mental health challenges through innovative approaches.

Strategic Convergence in the Indo-Pacific

A close partnership between the United States and India is central to a free, open, inclusive, peaceful, and prosperous Indo-Pacific region. This cooperation is underpinned by recognition of ASEAN centrality; adherence to international law and good governance; support for safety and freedom of navigation, overflight and other lawful uses of the seas; unimpeded lawful commerce; and advocacy for peaceful resolution of maritime disputes in accordance with international law.

The United States appreciates India’s role as a net provider of security, as well as developmental and humanitarian assistance in the Indian Ocean Region. India and the United States remain committed to sustainable, transparent, quality infrastructure development in the region. President Trump and Prime Minister Modi welcomed the U.S. International Development Finance Corporation (DFC) announcement of a \$600 million financing facility for renewable energy projects in India and the DFC’s decision to establish a permanent presence in India this year.

Taking note of their countries' shared commitment to advancing effective development solutions in the Indo-Pacific and globally, President Trump and Prime Minister Modi look forward to a new partnership between USAID and India's Development Partnership Administration for cooperation in third countries.

The United States and India took note of efforts toward a meaningful Code of Conduct in the South China Sea, and solemnly urged that it not prejudice the legitimate rights and interests of all nations according to international law.

President Trump and Prime Minister Modi decided to strengthen consultation through United States-India-Japan trilateral summits; the 2+2 Ministerial meeting mechanism of the Foreign and Defense Ministers of India and the United States; and the United States-India-Australia-Japan Quadrilateral consultations, among others. President Trump and Prime Minister Modi looked forward to enhanced maritime domain awareness sharing among the United States, India, and other partners.

Partnership for Global Leadership

President Trump and Prime Minister Modi committed to working together to strengthen and reform the United Nations and other international organizations, and to ensure their integrity. President Trump reaffirmed the support of the United States for India's permanent membership on a reformed UN Security Council. He also reaffirmed U.S. support for India's entry into the Nuclear Suppliers Group without any delay.

The United States and India recognize that, to contain the build-up of sovereign debt in developing and low-income countries, it is important to ensure responsible, transparent, and sustainable financing practices for both borrowers and creditors. President Trump and the Prime Minister Modi expressed interest in the concept of the Blue Dot Network, a multi-stakeholder initiative that will bring governments, the private sector, and civil society together to promote high-quality trusted standards for global infrastructure development.

President Trump and Prime Minister Modi noted the importance of advancing education, economic empowerment, and entrepreneurship for women

and girls through finance, training, and mentorship initiatives, as well as measures to promote their full and free participation in the economy, in line with the United States Women's Global Development and Prosperity (W-GDP) initiative and the Government of India's 'Beti Bachao Beti Padhao' program.

The United States and India share interest in a united, sovereign, democratic, inclusive, stable, and prosperous Afghanistan. They support an Afghan-led and Afghan-owned peace and reconciliation process that results in a sustainable peace, cessation of violence, elimination of terrorist safe havens, and preservation of the gains of the last 18 years. President Trump welcomed India's role in continuing to provide development and security assistance to help stabilize and provide connectivity in Afghanistan.

President Trump and Prime Minister Modi denounced any use of terrorist proxies and strongly condemned cross-border terrorism in all its forms. They call on Pakistan to ensure that no territory under its control is used to launch terrorist attacks, and to expeditiously bring to justice the perpetrators of such attacks, including 26/11 Mumbai and Pathankot. They called for concerted action against all terrorist groups, including Al-Qa'ida, ISIS, Jaish-e-Mohammad, Lashkar-e-Tayyiba, Hizb-ul Mujahideen, the Haqqani Network, TTP, D-Company, and all their affiliates.

The United States and India are committed to an open, reliable, and secure Internet that facilitates trade and communication. The United States and India recognize the need for an innovative digital ecosystem that is secure and reliable and that facilitates the flow of information and data. The leaders intend to foster cooperation among their industry and academia for open, secure, and resilient supply of strategic materials and critical infrastructure, and to independently evaluate the risk associated with deployment of emerging technologies.